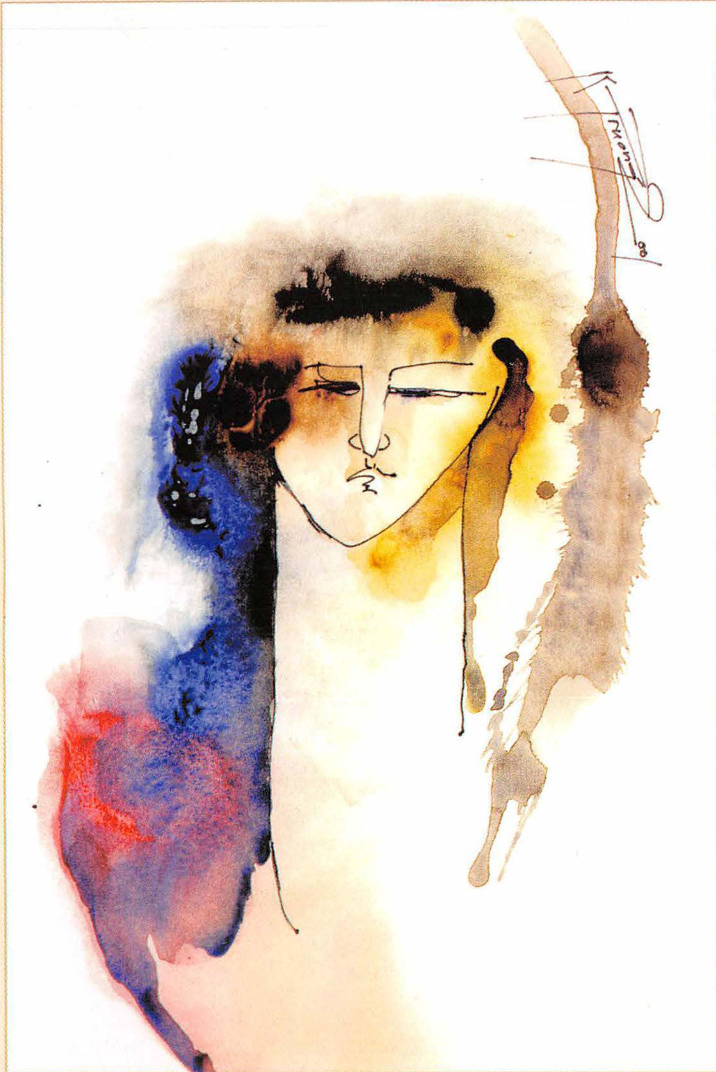
HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

58

THÁNG 4 & 5 NĂM 2001



tranh mầu nước KHÁNH TRƯỜNG

PHẠM BÍCH HỢP CAO XUÂN HẠO ĐỖ THÁI ĐỒNG NGUYỄN HUỆ CHI THỤY KHUÊ HÒA ĐA HOÀNG NGỌC TUẤN NGUYỄN HOÀNG VĂN PHẠM XUÂN NGUYÊN NGUYỄN TUẤN ANH NGUYỄN THANH SƠN HỒ MINH DŨNG MAI NINH LÝ LAN MIÊNG ĐINH LINH PHAN NHIÊN HẠO LÂM THỊ MỸ DẠ HỒ NHƯ HOÀNG XUÂN SƠN PHAN THANH HOÀI LUÂN HOÁN HỒ ĐÌNH NGHIÊM LÊ MINH HÀ TRẦN THỊ NGH....

Khởi đăng truyện dài mới nhất của DƯƠNG THU HƯƠNG: *Chốn vắng*

KIM THI trở lại với *Ngày... Tháng...*



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 265-1394 - Email: tchl@aol.com
http://hopluu.omely.org

Phát hành mỗi 2 tháng • Số 58 tháng 4 & 5 năm 2001

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013 Paris, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Chủ biên
Khánh Trường

Thể lệ gửi bài:

Kèm theo bài xin ghi dịa chỉ, tên thật, số điện thoại, email, fax (nếu có). Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, nhất là ngoại ngữ (tốt nhất dùng chữ IN). Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài), hoặc email. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



HỢP LƯU
Số 58, tháng 3 & 4 / 2001

KHẢO SÁT TÂM LÝ DÂN TỘC



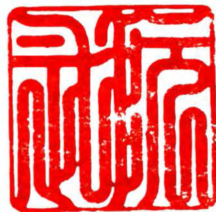
MỤC LỤC

Thư tòa soạn 3 / **Phạm Bích Hợp**: Đồng thuận dân tộc để phát triển đất nước 5 / **Cao Xuân Hạo**: Chứng vĩ cuồng, hiện tượng & căn nguyên 11 / **Đỗ Thái Đồng**: Tâm lý dân tộc với cuộc cải cách hành chánh hiện nay 16 / **Thuận Thiên**: Nói chuyện với TS Phạm Bích Hợp 22 / **Nguyễn Huệ Chi**: Truyền thống dân chủ trong văn hóa Thăng Long - Hà Nội 27 / **Hòa Đa**: Vài cảm nhận về tình tự dân tộc miền Nam & ca dao 32 / **Hoàng Ngọc Tuấn**: "Viết cho ai", một lời tự hỏi, một lời ta thán 47 / **Nguyễn Tuấn Anh**: Những kỳ tích Vewalter Benjamin 59 / **Nguyễn Hoàng Văn**: Giữa... cứt và người 67 /

Mai Ninh: Đi tìm (*tr. ngắn*) 72 / **Trịnh Thanh Thủy**: Mặt trời thơ (*thơ*) 81 / **Lâm Thị Mỹ Dạ**: Những mảng màu nhức nhối (*thơ*) 82 / **Choi Mi-Kyung & Jean-Noel-Juttet** (**Miêng** *dịch*): Bà góa (*tr. ngắn*) 84 / **Hồ Minh Dũng**: Ngọn cỏ (*tr. ngắn*) 94 / **Nguyễn Văn Thọ**: Viết xuôi (*thơ*) 115 / **Hồ Đình Nghiêm**: Vô hậu (*tr. ngắn*) 116 / **Trần Thị NgH.**: Rơi theo tình em (*thơ*) 130 / **Lý Lan**: Đau tim (*tr. ngắn*) 132 / **Hà Nguyên Dũng**: Lập tình (*thơ*) 136 / **Hồ Như**: Lần cuối (*tr. ngắn*) 138 / **Lưu Hy Lạc**: Tỏ tình mùa xuân (*thơ*) 144 / **Lê Minh Hà**: Ới ơi dâu bể (*tr. ngắn*) 145 / **Nguyễn Tôn Nhan**: *Thơ* 149 / **Nguyễn Phước Nguyên**: Nghị lực mùa xuân không phải mặt trời (*thơ*) 150 / **Phan Thanh Hoài**: Ông già và con chó (*tr. ngắn*) 152 / **Nguyễn Duy**: Thơ chép trên lịch treo tường 2001 (*thơ*) 160 / **Hoàng Xuân Sơn**: Collage (*thơ*) 161 / **Lê Minh**: Làng xi-măng (*tr. ngắn*) 162 / **Đỗ Vinh**: Hoài niệm tuổi trẻ (*thơ*) 169 / **Đinh Linh** (**Phan Nhiên Hạo** *dịch*): ! (tr. ngắn) 170 / **Iam Bui**: Phở quê hương / Trống đồng / Đồng trống (*thơ*) 177 / **Thụy Khuê**: Nói chuyện với dịch giả Trần Thiện Đạo 178 / **Thái Viễn Phương**: Bây giờ / Đất (*thơ*) 190 /

Phạm Xuân Nguyên: Thơ Linh (*đọc sách*) 192 / **Nguyễn Thanh Sơn**: Linh ơi (*đọc sách*) 201 / **Vi Thùy Linh**: Giải Nobel văn học, con đường hun hút 205 / **Kim Thi**: Ngày... Tháng... 216 / **Dương Thu Hương**: Chốn vắng (**truyện dài**) 230 / **Nguyễn Thị Giáng Châu**: Giới thiệu sách mới 252 / **Hợp Lưu** với văn hữu và độc giả 253/

Tranh bìa: **Khánh Trường** (*màu nước*)
Minh họa các trang trong: **Đinh Cường - KT**





thư tòa soạn



Thời gian gần đây, vấn đề bản sắc dân tộc, văn hóa dân tộc, tâm lý dân tộc... là những đề tài thời thượng, được chính quyền cũng như báo chí trong nước hết sức lưu tâm. Mỗi «cơ quan» khai thác những đề tài này theo chiều hướng phù hợp với đường lối của họ.

Trong bối cảnh ấy, một trung tâm nghiên cứu tâm lý dân tộc tư nhân, không phụ thuộc vào guồng máy nhà nước, ra đời, do chị Phạm Bích Hợp, tiến sĩ Dân tộc học làm giám đốc sáng lập. Trung tâm đã tổ chức hai buổi hội thảo. Một ở Sàigòn vào ngày 20/4/2000 và một ở Hà Nội ngày 16/12/2000. Sau buổi hội thảo ở Sàigòn, Trung tâm cho in một tuyển tập các bài tham luận đọc trong hội trường, với tựa đề «Tâm lý người Việt Nam nhìn từ nhiều góc độ», trong đó có một số bài rất giá trị mà chúng tôi muốn lần lượt giới thiệu với độc giả Hợp Lưu.

Trước hết là khuôn mặt một trí thức: Chị Phạm Bích Hợp qua hai bài viết (do số trang giới hạn, HL chọn đăng một bài) và một bài phỏng vấn do Thuận Thiên (tức nhà thơ Hoàng Hưng) thực hiện trên báo Lao Động ngày 19/1/2001. Loạt bài này cho thấy những mục tiêu hoạt động của chị: Khảo sát tâm lý để tiến tới đồng thuận dân tộc. Bài viết của Cao Xuân Hạo đưa ra một cái nhìn châm biếm và thâm thúy về chứng bệnh vĩ cuồng (mégalomanie) của người Việt. Bài viết Đỗ Thái Đồng muốn áp dụng việc khảo sát tâm lý dân tộc vào cuộc cải cách

hành chính hiện nay.

Ngoài các tham luận của Trung tâm nghiên cứu tâm lý dân tộc, Hợp Lưu trân trọng giới thiệu thêm hai nhận định khác cũng liên quan đến dân tộc, ở hai diện khác.

Đó là bài viết của Giáo Sư Nguyễn Huệ Chi, đề cập đến *"Truyền thống dân chủ trong văn hóa Thăng Long - Hà Nội."* (GS Nguyễn Huệ Chi vừa đến Hoa Kỳ, do Trung tâm William Joiner thuộc Đại học Massachusetts mời. Dù bận rộn với công việc, ông vẫn không quên đến với Hợp Lưu. Bài viết này được gửi từ Boston.)

Bài thứ hai: *"Tình tự dân tộc miền Nam & ca dao"* của Hòa Đa. nằm trong loạt bài có chủ đề chung: "Tình tự dân tộc" tác giả đã và sẽ cho đăng tải trên tạp chí này.

Ngoài ra, phần lý luận, nhận định còn có thêm các bài viết của:

- Hoàng Ngọc Tuấn: *Viết cho ai, một lời tự hỏi, một lời ta thán.*
- Nguyễn Tuấn Anh: *Những kỳ tích Wewalter Benjamin.*
- Nguyễn Hoàng Văn: *Giữa... cứt và người*

Phần thơ, truyện cũng phong phú không kém qua các sáng tác của Mai Ninh, Miêng, Lý Lan, Hồ Như, Hồ Minh Dũng, Hồ Đình Nghiêm, Trịnh Thanh Thủy, Lê Minh, Phan Thanh Hoài, Trần Thị NgH., Lê Minh Hà, Lâm Thị Mỹ Dạ, Luân Hoán, Hoàng Xuân Sơn, Hà Nguyên Dũng, Nguyễn Tôn Nhan, Nguyễn Duy, Đinh Linh, Đỗ Vinh, Phan Nhiên Hạo, Vi Thùy Linh, Iam Bùi, Lưu Hy Lạc, Nguyễn Phước Nguyên, Thái Viễn Phương...

Phần Phỏng vấn do Thụy Khuê thực hiện với dịch giả Trần Thiện Đạo.

Phần đọc sách do Phạm Xuân Nguyên, Nguyễn Thanh Sơn.

Đặc biệt từ số này, Hợp Lưu khởi đăng truyện dài *Chốn Vắng* của nhà văn Dương Thu Hương.

Đây là cuốn tiểu thuyết mới nhất của một ngòi bút mà tên tuổi đã vượt ra ngoài biên giới quốc gia. *Chốn Vắng* chắc chắn sẽ đem đến cho độc giả nhiều ấn tượng sâu đậm.

Ngoài ra, sau thời gian dài ngưng viết, Kim Thi trở lại với bạn đọc qua mục *Ngày... Tháng...*, góp phần thay đổi diện mạo Hợp Lưu, từ hình thức đến nội dung, như độc giả sẽ nhận thấy, ở những trang sau.

HỢP LƯU





PHẠM BÍCH HỢP
đồng thuận dân tộc để phát triển đất nước

Trước hết xin cho phép tôi bày tỏ niềm vui mừng được đón tiếp ở đây nhiều nhà khoa học từ Bắc đến Nam, từ nhiều lĩnh vực hoạt động khoa học, văn hóa, xã hội khác nhau đã đến dự cuộc tọa đàm của Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý Dân tộc về chủ đề «Tâm lý dân tộc với con đường phát triển hiện đại».

Tháng 4 vừa qua tại Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi cũng đã tổ chức cuộc tọa đàm với chủ đề «Tâm lý người Việt Nam nhìn từ nhiều góc độ», có sự tham dự của nhiều nhà trí thức Bắc Trung Nam. Từ cuộc tọa đàm ấy, một cuốn sách đã được xuất bản với cùng tiêu đề của cuộc tọa đàm. Cuốn sách đã nhận được sự quan tâm rộng rãi trong dư luận xã hội cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Chúng tôi hy vọng sau cuộc tọa đàm này, với các tham luận mà chúng tôi đã nhận được, cùng những ý kiến phát biểu trong cuộc thảo luận tại đây cũng sẽ đưa tới một ấn phẩm mới, đánh dấu một bước tiến nữa trong việc nghiên cứu Tâm lý Dân tộc phục vụ thiết thực cho công cuộc phát triển đất nước.

Trong số 20 bài tham luận gửi về Trung tâm, chúng tôi nhận thấy có ba chủ đề được các tác giả quan tâm nhiều nhất:

1. Những đặc điểm phổ quát của văn hóa Việt Nam, trong đó các yếu tố truyền thống và nhu cầu đổi mới đã thu hút được 7 tác giả. Ở phần nghiên cứu này, có một số phát hiện và kiến nghị rất đáng quan tâm.

2. Các khía cạnh cụ thể trong tâm lý văn hóa Việt Nam cũng đã được 6 tác giả phân tích từ các chiều cạnh triết học, sử học, tâm lý và ngôn ngữ... mang đến cho bạn đọc bức chân dung tương đối rõ nét về trạng thái tinh thần hiện nay của người Việt Nam.

3. Chủ đề cuối cùng: văn hóa và phát triển. Bằng những kiến giải khoa học về mối tương quan giữa Tâm lý dân tộc với việc phát huy nội lực, tự do sáng tạo, hòa giải hòa hợp để hội nhập văn hóa và phát triển ở Việt Nam, đã được các nhà khoa học đề cập tới trong số tham luận còn lại.

Tuy nhiên, nhiều vấn đề đưa ra mới chỉ dừng lại ở các giả thuyết, hy vọng trong buổi tọa đàm, với không khí cởi mở, chân tình, và tinh thần thiện chí, trách nhiệm của người trí thức, chúng ta sẽ làm rõ một số ý tưởng mang tính lý luận cũng như thực tiễn gần gũi với mục đích của cuộc họp hôm nay.

*

Cuộc tọa đàm của chúng ta sẽ xoay quanh chủ đề «Tâm lý Dân tộc và con đường phát triển» với hai khái niệm chủ chốt có quan hệ với nhau: khái niệm Tâm lý Dân tộc và khái niệm phát triển. Nhìn bề ngoài, ta thấy hai khái niệm ấy thuộc về những lĩnh vực hết sức xa nhau: một là lĩnh vực của Tâm lý với những hiện tượng thuộc về đời sống tinh thần, tình cảm, xúc cảm ..., một lĩnh vực khác thuộc về kinh tế, chủ yếu là đời sống kinh tế với những con số thống kê về các quá trình tăng trưởng tổng sản phẩm xã hội, các thước đo bằng tiền tệ về mức sống giàu nghèo so sánh giữa các quốc gia. Khó có gì chung để bắt nối mối liên hệ giữa hai lĩnh vực đó.

Nhưng không phải như vậy. Cái chung là có thật và rất cụ thể mà không phải chỉ là một ý niệm tổng quát rằng cứu cánh là ở con người, lĩnh vực nào cũng thuộc về con người, do con người và vì con người: không phải chỉ nhờ ở mối liên hệ trừu tượng ấy mà sự gắn kết Tâm lý học với khoa học phát triển mới tìm được tính hợp thức.

Các nhà kinh tế học về phát triển đều biết rõ rằng họ không phải và không thể chỉ dừng lại ở các quá trình vật lý của nền kinh tế,

ở khái niệm «cất cánh» của các nền kinh tế được mô tả như chiếc phi cơ lăn trên những đường băng. Họ hiểu rõ rằng giữa thế giới giàu và nghèo, giữa người giàu và người nghèo có biết bao nhiêu là mặc cảm, là ẩn ức, là bất hòa, kể cả thù hận trong chiều sâu của đời sống tâm lý. Phát triển là một kết quả vật thể nhưng nó lại là quá trình ở đó các yếu tố phi vật thể, yếu tố văn hóa, yếu tố tâm lý có vai trò vô cùng quan trọng.

Để minh họa cho ý kiến trên đây về quan hệ giữa tâm lý và kinh tế, tôi xin dẫn ra đây một đoạn văn trong cuốn sách nổi tiếng của 4 nhà kinh tế ở đại học Harvard «Kinh tế học của sự phát triển». Cuốn sách này đã được dịch và xuất bản do Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương từ 10 năm trước đây. Nguyên văn đoạn văn như sau:

«Các chuẩn khác nhau được áp dụng ở các nơi khác nhau cho thấy sự nghèo đói không phải hoàn toàn là vấn đề mức sống tuyệt đối. *Cơ sở thực của nó là tâm lý. Người nghèo là những người cảm thấy bị tước đoạt những cái mà người khác trong xã hội được hưởng thụ, những cái mà họ cho rằng chính họ cũng có phần ... theo ý nghĩa tâm lý ... Trước đây, người nông dân có thể so sánh tình trạng riêng của họ với những tình trạng tốt nhất trong làng xã. Bây giờ họ nhận thức ngày càng tăng thêm về mức sống của phần tốt nhất ở các thành phố của nước họ, và cả những tiêu chuẩn đang thịnh hành ở các nước giàu có. Như vậy, cảm giác bị tước đoạt có thể tăng thêm.*» (tr. 153-154)

Trường phái kinh tế học Mác-xít thực sự đã dựa vào trạng thái tâm lý này để đi đến giải pháp về bất bình đẳng xã hội, căn cứ trên sự tước đoạt giai cấp hữu sản và xóa bỏ tư hữu bằng cách mạng xã hội. Nhưng đó mới chỉ là cái nghèo của cá nhân trong sự so sánh giữa người giàu và kẻ nghèo. Còn có cái nghèo của một dân tộc trong sự so sánh với các quốc gia khác. Và ở đấy có cả những ẩn ức sâu xa trong tâm lý nên ta mới có quyền nói đến «nỗi nhục đói nghèo, nỗi nhục lạc hậu» không kém gì nỗi nhục mất nước.

Chuyện kinh tế trở thành chuyện vinh nhục. Và quả thật nếu người nghèo không có cái cảm giác nhục nhã thì họ khó mà cất đầu lên được. Cũng như vậy, nếu một quốc gia nghèo không có ý thức về sự nhục nhã thì họ chỉ còn có cách ngồi chờ nước ngoài bơm nhiên liệu vào cỗ máy kinh tế của họ mà cất cánh. Nội lực sẽ bằng con số

không. Lòng trả thù và cả sự trả hận đối với chủ nghĩa thực dân rốt cuộc cũng chẳng cho một lối thoát nào dứt khoát ra khỏi sự nghèo khổ.

Nước Việt Nam của chúng ta đang là một trong những nước nghèo nhất thế giới. Nó đã rửa được cái nhục mất nước, ở đó chúng ta có quyền chính đáng để tự hào. Nhưng hầu như trong đời sống tâm lý dân tộc, cái nhục đói nghèo mới chỉ được cảm nhận và cũng chưa đủ là một nhận thức sâu xa ở tất cả mọi người. Có phải vì vậy mà dân tộc ta chưa chuyển mình sang được một tâm thế khác có lợi cho cuộc chấn hưng nền kinh tế, lấy phát triển kinh tế là mục đích ưu tiên. Có phải do đó mà nó đang ở trạng thái ly tâm rất nặng, trạng thái này giải thích cho tình trạng lâu nay người ta phải chịu đựng một quốc nạn tham nhũng tràn lan như một bệnh vô phương cứu chữa? Có phải cũng do đó mà nguồn vốn tiềm tàng còn rất lớn trong nhân dân và những khu vực kinh tế ngoài quốc doanh bị coi là loại «con nuôi», ở bên lề chứ không thể có vị trí ở trung tâm của nền kinh tế?

Nói khác đi, cả kinh tế, chính trị và xã hội ta đang thiếu một môi trường tâm lý thuận lợi của toàn dân tộc để làm một cái gì đó quyết liệt và dứt khoát cho sự phát triển đất nước. Trên ngôn từ, ta vẫn nói đến cuộc cách mạng vĩ đại với vô số các phong trào thi đua ở khắp mọi nơi. Nhưng trong thực tế, cả một xã hội đang ở trạng thái ì. Nền kinh tế mới khởi động chứ chưa cất cánh. Cải cách hành chính vẫn luẩn quẩn không sao gỡ nổi những rối ren về bộ máy và lề lối. Nền giáo dục đang được một số Nghị sĩ kêu gọi phải «cách mạng» chứ không chỉ là cải cách, nhưng rất có thể nó còn sa sút hơn nữa một khi không ai dám nhìn thẳng và nói thẳng phải «cách mạng» từ khâu nào.

Nền kinh tế, Bộ máy, đặc biệt là Con người của chúng ta hầu như chưa sẵn sàng cho sự phát triển. Và ở chiều sâu nhất của đời sống tâm lý, sự phát triển chưa được nhận thức như một mệnh lệnh thôi thúc để nảy nở các nguồn tri thức, trí tưởng tượng, các xúc cảm, các ham muốn và hoài bão của các thế hệ người Việt Nam. Sự phát triển chưa trở thành một Đồng thuận Dân tộc, để có thể giải toả những sức ì tư tưởng, để chấm dứt những do dự, hòa giải những xung đột, để tạo một niềm tin tưởng lẫn nhau trong các quan hệ xã hội và cuối cùng để đồng tâm hiệp lực cho sự phát triển của quốc gia.

*

Khái niệm Đồng thuận (Consensus) mà chúng tôi dùng ở đây vốn được sử dụng rộng rãi trong tâm lý học xã hội, trong chính trị học,

trong các ngành học về truyền thông đại chúng. Khái niệm này chỉ sự chấp thuận của một xã hội, một dân tộc, một quốc gia về những mục tiêu và giá trị chung, từ đó mà xử lý các xung đột làm triệt tiêu những hợp lực của xã hội. Đôi khi người ta còn dùng đến những cụm từ cơ cấu đồng thuận để chỉ sự liên kết, liên ứng giữa các thể chế khác nhau từ kinh tế đến luật pháp, chính trị, giáo dục, trí thức ... để sao cho các thể chế này không đối chọi nhau, cái nọ vô hiệu hóa cái kia, cái nào cũng tự cho mình một lý lẽ để tồn tại nhưng lại dẫn đến sự tan rã của cái tổng thể. Trong tâm lý dân tộc, đồng thuận là một trạng thái tinh thần bao trùm lên mọi khác biệt về chính kiến, tôn giáo, sắc tộc, giai cấp, tầng lớp. Nó không hòa tan những khác biệt ấy, nhưng nó hòa giải những xung đột dù là dai dẳng hay nhất thời để đi đến sự hội tụ mọi nỗ lực cho mục tiêu chung của quốc gia. Người ta cũng có một sự so sánh khá tế nhị trên khái niệm đồng thuận này để thấy rằng có những dân tộc dễ đồng thuận hơn như người Mỹ, người Đức, và có dân tộc khó đồng thuận hơn như người Pháp. Đó là do các cơ cấu xã hội và truyền thống văn hóa khác nhau giữa các quốc gia.

Dân tộc Việt Nam, theo quan điểm của chúng tôi là một dân tộc dễ đồng thuận. Về cơ cấu xã hội, ta không có sự phân hóa giai cấp khốc liệt. Ta cũng không có sự xung đột sắc tộc gay gắt. Xung đột giữa các tôn giáo cũng không. Nhiều thế kỷ ta không có tư tưởng độc tôn và quốc giáo chính thống. Đây là yếu tố dễ cho đồng thuận.

Tuy nhiên, nói dễ không có nghĩa là không có khó khăn. Dễ mặt này nhưng khó về mặt khác. Sức ly tâm là rất lớn và có thật, phần do truyền thống lịch sử để lại cũng có, phần do nhận thức của những người đương đại chúng ta cũng có. Đã khiến cho quốc gia mấy lần bị chia cắt và thường xuyên phải mất sức do chủ nghĩa cục bộ địa phương, do chủ thuyết, do những sai lầm không đáng có của giới chức và do cả trình độ dân trí chưa cao của chúng ta. Ngoài mất sức ta còn mất khá nhiều thời gian để dàn xếp các khác biệt trong khi các dân tộc khác có thể tạm gác lại những khác biệt ấy để ưu tiên cho một mục tiêu chung, một con đường duy nhất ai nấy đều dấn tới.

Để có thể phát triển được, chúng ta cần càng nhanh càng tốt sự đồng thuận của lòng người. Nếu thể chế chính trị một đường, thể chế kinh tế một nẻo thì sức ì tự nó sẽ sản sinh. Nếu sự đồng thuận không được ưu tiên, ít nhất cho một thời kỳ 20 đến 25 năm tới thì đất nước khó mà cất cánh được.

*

Bối cảnh quốc tế đang có nhiều thuận lợi giúp cho dân tộc ta vốn dễ đồng thuận càng có cơ hội đi tới sự đồng thuận để phát triển nhanh hơn, mạnh hơn.

Bởi vì trong thời đại ngày nay, sự phát triển kinh tế là mục tiêu hết sức rõ ràng cả về lý thuyết lẫn trên thực tế. Phát triển hay là tan rã, ta có thể nói như vậy chăng? Sự ưu tiên cho phát triển là cơ sở để đồng thuận dân tộc.

Chính vì thế mà người Trung Hoa đã phát minh ra công thức «Một quốc gia, hai chế độ», về thực chất là một kiểu diễn đạt khác đi của «thuyết hội tụ», theo tinh thần rất thực dụng của truyền thống Trung Quốc. Họ cần có Hồng Kông ở nguyên trạng, Ma Cao ở nguyên trạng và nếu có thể cả Đài Loan nữa hội nhập vào sự phát triển của một nước Trung Quốc hiện đại. Nước Trung Quốc hiện đang ưu tiên cho sự phát triển kinh tế, cho sự làm giàu. Đằng sau sự hòa giải và đồng thuận ấy ta vẫn thấy tinh thần «phi thương bất phú» với những hình ảnh nổi bật trong truyền thống mấy ngàn năm của Trung Quốc như Quản Trọng và Lã Bất Vi.

Gần đây nhất, hai miền Nam Bắc Triều Tiên cũng đã khởi động sự đồng thuận dân tộc theo một cách khác có thể nói là ngoạn mục. Chưa phải là những thỏa hiệp chính trị, quân sự, kinh tế nào to tát, mà là những giọt nước mắt, những nụ cười mừng mừng tủi tủi của các gia đình vốn bị ly tán nay được gặp lại nhau. Một sự đồng thuận dân tộc rõ ràng từ tâm lý, từ nhu cầu bên trong của mỗi con người. Sự đồng thuận ấy cũng hé cho thấy một dân tộc đã bị nửa thế kỷ chia cắt nay đang hợp nhất để tranh thủ thời gian cho mục tiêu phát triển quốc gia.

So với Trung Quốc và Triều Tiên, chúng ta có một lợi thế rất lớn là giang sơn đã quy về một mối. Trắc trở chăng chỉ còn là sự đồng thuận của lòng người. Đó là câu hỏi của chúng ta sẽ cùng trao đổi, cùng nhau trả lời từ cách nhìn của tâm lý học dân tộc và cũng từ khoa học phát triển, trong tương quan chặt chẽ giữa sức sống kinh tế và sức sống tinh thần của một quốc gia, một dân tộc.

Thành phố Hồ Chí Minh, 12-2000

PHẠM BÍCH HỢP





CAO XUÂN HẠO*
chứng vĩ cuồng
hiện tượng & căn nguyên

Có một người bạn làm trong một cơ quan lưu trữ cho tôi biết rằng mỗi năm cơ quan anh phải thanh lý mấy tấn hồ sơ mà nội dung là những sáng kiến phát minh vĩ đại từ khắp nơi trong nước gửi đến ùn ùn, trong đó các tác giả hiến cho nhà nước những biện pháp không tiền khoáng hậu để biến nước ta thành nước tiên tiến trong một thời hạn kỷ lục. Anh bạn nói rằng ông giám đốc rất tiếc các hồ sơ ấy, nhưng mấy tòa nhà của cơ quan không thể nào chứa nổi số phát minh tới tấp đổ xuống như mưa kia, cho nên đành phải thanh lý thật nhanh sau khi gửi đến nhờ các cơ quan có thẩm năng duyệt qua và nhận được từ các cơ quan đó một câu trả lời dứt khoát, thường là «Bất khả thi» hoặc «Tác giả không hiểu chút gì về lĩnh vực đang bàn».

Để minh họa, tôi chỉ xin đơn cử trường hợp của nhà phát minh đề nghị mượn một tên lửa vượt đại châu của Liên Xô để bắn vào Bắc cực ở một góc độ nhất định, làm trục quay của trái đất lệch thêm mươi độ, sao cho Việt Nam thay vĩ độ và trở thành một nước ôn đới (vì tác giả tin rằng chỉ có khí hậu ôn đới mới thích hợp với một tốc độ phát

triển vũ bão, cho phép ta đuổi kịp và vượt xa các nước tiên tiến).

Cái số mấy trăm nghìn hồ sơ phát minh ấy, trong khi cho thấy một tinh thần yêu nước chân thành và thiết tha của các nhà phát minh, đồng thời cũng cho thấy tình hình sức khỏe tâm thần không ổn của họ, và cho phép suy ra con số đáng ngại của những người đang cần đến sự săn sóc của các bệnh viện tâm thần.

Khi tôi nói chuyện này với một người bạn làm bác sĩ tâm thần, bạn ấy bảo tôi là ngay trong các sách vở được xuất bản, hẳn cũng có khối ý tưởng hoang đường không kém mà mọi người coi là bình thường. Bạn ấy lấy ngay một cuốn sách dạy ngoại ngữ và chỉ cho tôi dòng sau đây: «Trong hiệu sách có bán sách, báo, tạp chí và các tiểu thuyết khác» (câu này được viết bằng tiếng Nga). Anh bạn bác sĩ kết luận rằng người viết câu này lẽ ra phải đi bệnh viện từ lâu, nhưng những người như thế quá đông và có uy tín lớn, cho nên khó đưa họ vào bệnh viện lắm.

Tôi bất giác liên hệ tới một nhà ngữ học phân các động từ làm 5 loại: 1) Động từ nội động; 2) Động từ ngoại động; 3) Động từ nửa ngoại động; 4) Động từ trừu tượng;) Động từ nói năng. Không thể nào hiểu nổi làm sao lại có thể có hai loại sau và làm sao lại không thể xếp chúng vào một trong ba loại đầu. Cách phân loại này hoàn toàn giống cách chia sự vật thành mấy loại: 1) sinh vật; 2) vô sinh vật; 3) cá; 4) gió. Thế mà mãi hai mươi năm sau mới có một tác giả trẻ nêu ra tính phi lý (đúng hơn, phải nói: tính điên rồ của cách phân loại động từ nói trên) và bài của anh ta vừa mới in xong đã bị một bậc thầy phê là «đọc chưa hiểu mà đã dám phê phán một tác giả lớn» như thế. Của đáng tội, làm sao anh bạn trẻ kia hiểu được, khi anh ta tư duy theo cái cách tầm thường và hèn hạ của toàn nhân loại, trong khi tác giả lớn kia có cách tư duy riêng, không cần đến lô gích, của bậc vĩ nhân xuất chúng?

Cách đây không lâu có một cuốn sách giáo khoa mà chương nào, mục nào cũng mở đầu bằng câu: «Lâu nay người ta cứ tưởng rằng (...) nhưng thật ra thì (...)». Cái mà «lâu nay người ta tưởng» là những sự thật đã được cả loài người công nhận như «hai với hai là bốn» chẳng hạn, còn mấy chữ «thật ra thì» là những phát minh kiểu «hai với hai là chín» mà chỉ có những thiên tài như tác giả mới hiểu được. Cuốn sách ấy dày hơn 300 trang, mỗi trang đều chứa đựng những phát minh như thế mà không có lấy một lời biện hộ hay chứng minh, vì tác giả tin chắc rằng tư tưởng của mình là chân lý tuyệt đối và hiển nhiên, chỉ có nhân loại tầm thường mới không biết, và các nhà khoa học đi trước ngu dốt đến nỗi một vĩ nhân như tác giả ấy không hơi đâu mà hạ mình xuống tranh luận với họ.

Trên đây là một vài biểu hiện của chứng vĩ cuồng, một chứng bệnh tâm thần có vẻ vô hại vì quá lắm cũng chỉ góp phần làm phong phú thêm vốn chuyện tiếu lâm, nhưng lại có thể trở thành rất nguy hiểm trong những điều kiện nhất định, khi nó nhiễm vào những người làm nghề viết lách hay giảng dạy, nhất là những người có tên tuổi hay có học hàm học vị. Vào tay những người này, nó có thể tăng rất nhanh theo cấp số nhân và biến thành một bệnh dịch quật ngã hàng triệu người.

Một tình hình báo hiệu điềm gở là khi nghe hay đọc những điều quái đản mà chúng tôi vừa dẫn trên đây, phần đông đều thấy là bình thường, hợp lý và lành mạnh, và khi có ai tỏ ý kinh hoàng, thì chính người ấy bị mọi người coi là bệnh hoạn, hay vô đạo đức, vì đã có những lời lẽ bất kính đối với người trên.

Cho nên thiết tưởng cũng không đến nỗi thừa nếu ta thử khảo sát thực trạng và đi tìm căn nguyên của chứng bệnh này.

Vĩ cuồng (mégalomanie) là một bệnh tâm thần mà người ta thường tưởng là chỉ có một số nhân vật lịch sử hãn hữu như Nero hay Hitler. Thật ra, ít nhất ở ta hiện nay, nó khá phổ biến. Vì sao? Căn nguyên là ở đâu?

Trong một cuốn phim của Xưởng phim truyền hình Việt Nam, hai anh bộ đội phục viên đang thất nghiệp, tâm sự với nhau về căn nguyên của cái nghèo. Một anh nói: «Chẳng qua cũng chỉ vì nghèo. Càng nghèo càng dốt, càng dốt lại càng nghèo». Hình như đó cũng là một chân lý. Nhưng xem ra, có lẽ cái chuỗi «DỐT - NGHÈO - DỐT» này còn thiếu một khâu nữa mới thật trọn vẹn: đó là khâu «KIÊU»: *Càng nghèo càng dốt, càng dốt càng kiêu, càng kiêu càng dốt, càng dốt càng nghèo.*

Phàm sinh ra ở đời, ai cũng dốt. Đi học được mươi năm, ta bớt dốt đi chút ít, nhưng người học sinh thông minh và biết điều hiểu rõ rằng những gì mình biết được so với những gì mình chưa biết chỉ là hạt muối bỏ biển, cho nên càng học càng thấy mình dốt. Thành thử có thể định nghĩa người có học thức là người biết mình dốt, hay nói như Khổng tử, «Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri gia»; «biết cái gì thì biết là mình biết cái ấy; không biết thì biết là mình không biết, ấy là biết vậy».

Có lẽ đó chính là cái yêu cầu, cái lý tưởng khó thực hiện nhất đối với người «có học thức». Nó đòi hỏi nhiều đức tính rất khó có ở con người. Là người, ai cũng bị rất nhiều thứ áp lực thúc bách, trong đó áp lực mạnh nhất là áp lực của nhu cầu tự khẳng định. Nhu cầu này là trở ngại lớn nhất cho ý thức «tri chi vi tri chi». Trong những điều kiện

khó khăn như ở nước ta (nhất là trong thời chiến), người ta cần có địa vị, cần có bằng cấp, và cho thật nhanh. Học thì lâu quá, và nhiều người trong thâm tâm cũng biết là mình không đủ sáng dạ để học cho thật nhanh. Phải đi bằng con đường khác. Có những con đường có sức cám dỗ rất lớn - những con đường tắt và những con đường vòng của sự gian trá. Nhưng sự gian trá không phải không nguy hiểm. Nó có thể bị bại lộ. Có những người có lương tâm quá lớn, không thể tự dung túng cho mình sự gian trá. Mặt khác, không thể chọn con đường lao động học tập. Bị khép chặt giữa hai sức mạnh quá lớn, cõi vô thức trong tâm lý của những người ấy chọn một con đường thứ ba: một buổi sáng đẹp trời nào đấy, có một cái gì lóe lên trong trí họ. Họ chợt giác ngộ ra rằng họ là một người không cần học gì hết, vì một lẽ đơn giản là họ đã biết hết rồi, họ là một vĩ nhân, cách xa nhân loại hàng chục năm ánh sáng. Họ chợt hiểu rõ như ánh ban mai rằng những sách vở «kinh điển» mà họ đọc mãi không hiểu và tưởng đâu quá khó đối với mình, chẳng qua là một mớ giấy lộn do những đầu óc ngu đần viết ra - sản phẩm của những con người không đáng là học trò của họ. Trang tử, Mặc tử, Platon, Aristote, Einstein, Marx - một lũ dốt nát mà không hiểu tại sao người ta sùng kính. Sở dĩ mình đọc mãi mà không hiểu là vì những con người đó quá thấp so với tầm cỡ mình. Họ lấy làm lạ là sao ba bốn chục năm trời mình mới phát hiện được một điều đơn giản như vậy.

Cái hạnh phúc ấy quá lớn để họ có thể khước từ. Nó đưa những người như thế từ địa ngục lên thiên đường. Nó biến họ từ con sâu thành thần thánh. Từ nay, họ bước đi trên đường đời, lòng tràn đầy hoan lạc, nhìn xuống đám nhân loại tội nghiệp kia đang chìm trong cõi u tối, giương mắt bé nhìn mình mà không biết là đang nhìn ÁNH SÁNG CỦA CHÂN LÝ TUYỆT ĐỐI.

Cần lưu ý rằng họ đi đến sự thể này không phải do họ muốn. Họ không thể làm khác đi được. Họ chỉ là những nạn nhân, hoàn toàn bị động và vô thức. Họ như những người bị choáng hay bị ngất. Cho nên ta không thể trách họ. Cái giây phút oan nghiệt mà họ đã trải qua khi đột ngột trở thành vĩ nhân trước mắt chính mình, chỉ là kết quả cuối cùng của một quá trình tác động của những nhân tố phức tạp, khách quan có, chủ quan có, có thể kéo dài mấy chục năm.

Chứng vĩ cuồng không có cách gì chữa được. Không có cách gì lôi một con người ra khỏi cõi cực lạc mà họ đã đắm mình vào một cách hoàn toàn vô thức. Chính vì sự giác ngộ về sự vĩ đại của bản thân là hoàn toàn vô thức, cho nên không có cách gì chứng minh cho đương sự thấy rằng đó là một ảo giác.

Phòng bệnh hơn chữa bệnh, nhất là một bệnh nan y như thế.

Cách đề phòng duy nhất là làm sao các thế hệ đang lên không mắc vào cái họa ấy. Và muốn thế, chỉ có một cách là gạt bỏ mọi trở ngại trên con đường học vấn của con em chúng ta, làm sao cho chúng tiến đủ nhanh trên con đường ấy để khỏi bị dồn vào cái thế bí, buộc chúng tự huyễn hoặc mình bằng những ảo ảnh sinh ra từ chứng vĩ cuồng, để chúng luôn luôn nhớ rằng mình còn dốt, rất dốt, nhưng không phải là dốt một cách vô vọng, chỉ cần kiên nhẫn ít lâu là có thể đuổi kịp các bạn cùng lứa trên thế giới, rồi từ đó rất có thể vươn tới những đỉnh cao chân chính của khoa học hay nghệ thuật, chứ không phải những đỉnh cao hư ảo của sự điên rồ.

TP. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2000
CAO XUÂN HẠO
(Tâm lý người Việt Nam nhìn từ nhiều góc độ,
NXB TP Hồ Chí Minh, 2000)

---

*) Giáo sư, dịch giả, nhà nghiên cứu Khoa Học Xã Hội, TP Hồ Chí Minh

CHUC MỪNG

Chúng tôi vừa nhận được hồng thiệp của
nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc báo tin thứ nữ là

cháu LÊ LỤC HÀ
sẽ kết duyên cùng
cháu PHẠM TÍN DŨNG

Hôn lệ cử hành tại Virginia, USA
ngày 28 tháng 4 năm 2001
(Nhằm ngày 6 tháng 4 năm Tân Tỵ)

Thay mặt văn hữu khắp nơi, Hợp Lưu chia vui
cùng nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc
Chúc hai cháu Hà-Dũng hạnh phúc mãi mãi





ĐỖ THÁI ĐỒNG*
tâm lý dân tộc với cuộc cải cách hành chính hiện nay

Trong số những cái mà người phương Đông học ở người phương Tây thì nền Hành chính công quyền (Administration publique) là cái đáng học nhất, sau những cái tân tiến khác về kỹ thuật. Bộ máy hành chính Tây phương cho thấy hai ưu điểm rõ nhất: tinh giản và hữu hiệu. Đó là cái hấp dẫn người Đông phương cũng giống như các máy móc khác, vừa tốn ít người, vừa năng xuất cao.

Nhưng với hai ưu điểm hấp dẫn ấy, phương Đông, kể cả Nhật Bản, cũng không dễ dàng du nhập bộ máy này, bởi còn có những điều khác rất bất tiện khi muốn lắp đặt nó vào một khuôn khổ xã hội cổ lỗ. Ở đó cả sự tinh giản lẫn sự hữu hiệu đều không phải là những giá trị đáng hoan nghênh, thậm chí không đáng được xếp vào các nấc thang giá trị cổ truyền.

1. Phương Đông không có truyền thống viên chức, dù chỉ là một thứ quản gia. Trong quản lý, họ chú trọng quản lý người hơn là quản lý việc. Lấy người trước, đặt việc sau, ở đây những giá trị truyền thống cao hơn là hữu hiệu. Tổ chức không theo nguyên lý của cái máy nên không cần tinh giản để đỡ cồng kềnh. Trái lại, sự châu tuần xung quanh ngôi vị trung tâm, sự đủ mặt bá quan văn võ, sự đông đảo của đám thư lại, sai nha... đấy mới là những giá trị của một tổ chức mạnh.

Tất cả những khuôn mẫu và những giá trị đó suy đến cùng đều có nguồn gốc tâm lý. Tất nhiên, đây vẫn là một tâm lý Đông phương nói chung. Còn muốn đi vào những đường biên giới dân tộc mà xét thêm các đặc tính cụ thể và khác biệt nào đó thì nhà Tâm lý học Dân tộc còn phải gia công hơn nữa.

Trong trường hợp của Việt Nam, sự tìm tòi những yếu tố tâm lý dân tộc nào đó, thuận lợi hay cản ngại cho cuộc cải cách hành chính hiện nay phần nào đã có sẵn trong những cố gắng mổ xẻ các cấu trúc xã hội, cũng như các cấu trúc tinh thần của người Việt ít ra từ các phong trào Đông Du, phong trào Duy Tân đến nay. Và chiều hướng chính trong đó lại là chiều hướng phê phán cái cổ hủ mà ta ôm ấp từ cả ngàn năm trước. Về tâm lý, nó là những cố tật, những căn bệnh lâu đời. Ta không có một Lỗ Tấn từng làm cuộc giải phẫu tâm thần người Trung Quốc, tuy cũng không thiếu những Nam Cao, Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan... để mà phơi bày mặt trái của tâm hồn Việt Nam.

Nhưng dù sao, đó cũng mới chỉ là mô tả. Còn truy nguyên các mặt trái ấy để biết nó có căn rễ từ đâu thì lại rất ít công trình khảo cứu đến nơi đến chốn.

Bế tắc về phương pháp có thể là lý do chính. Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý Dân tộc cần phải vượt qua bế tắc này.

2. Với Xã hội học, người ta xuất phát từ các cấu trúc xã hội khách quan để đi tới các cấu trúc tinh thần chủ quan. Do vậy, trước một vấn đề, phải đặt ra một khung lý thuyết cho phép sắp xếp các dữ kiện theo một cấu trúc nào đó và lý giải các cấu trúc ấy. Với câu hỏi về vấn đề cải cách hành chính hiện nay cũng vậy. Cái thuận và cái nghịch không phải ở những lý lẽ hay mong muốn, không phải ở chỗ người ta có sẵn sàng cải cách hay không và cải cách theo hướng nào. Ngay cả một trạng thái tinh thần làm nền cho cuộc cải cách cũng không chỉ đơn giản là chuyện người ta mang một tâm thế có lợi hay bất lợi cho cải cách. Hơn nữa, một tâm thế nào đó thuộc về một trạng thái tinh thần của cả một dân tộc chỉ một phần thuộc về ý thức, phần khác, có thể là lớn hơn, lại thuộc về những động lực vô thức. Ở đó, nhà Xã hội học quả là phải nhờ ở nhà Tâm lý học, để hiểu được cái gọi là «vô thức xã hội» (như cách nói của Durkheim), hoặc «vô thức tập thể» như cách nói của C.G. Jung. cả hai cách nói ấy đều xác nhận sự tồn tại những động lực sâu kín đằng sau các hành vi xã hội luôn luôn tỏ ra là không hoàn toàn duy lý.

Hành động cải cách hành chính cũng vậy. Cái lý của mô hình phương Tây với hai giá trị Tinh giản và Hữu hiệu chỉ là những động lực trên bề mặt. Còn ở bề sâu thì cả hai kiểu xã hội Tây phương -nơi sản sinh nó, và Đông phương -nơi người ta du nhập nó, mỗi nơi đều có động lực ẩn dấu từ trong các cơ cấu xã hội - văn hóa của nó.

Tính dân tộc có thể có ảnh hưởng đến các hành vi này và trong mỗi trường hợp của mỗi quốc gia dân tộc, người ta phải hiểu các kiểu hành vi này không phải chỉ theo những đường biên giới địa lý,

mà nhiều hơn là trên những đường biên giới tinh thần như cách nói của Benedict. Chính điều đó giải thích vì sao mà trong đời sống công dân, người Mỹ tin nhiều hơn ở giới luật sư, còn người Đức lại tin nhiều hơn ở các viên chức hành chính.

Cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam được xúc tiến mới đây gần như đã đi theo một đường vòng, không nhắm thẳng vào hai mục tiêu tinh giản và hữu hiệu. Bởi vì, nếu nhắm thẳng vào hai mục tiêu ấy, thì trọng tâm của cuộc cải cách sẽ là ở những thay đổi về bộ máy, về guồng máy. Trong khi không đụng tới hoặc là chưa đụng tới bộ máy, cuộc cải cách hành chính thời gian qua lại nhắm vào thủ tục nhiều hơn. Khẩu hiệu «một dấu một cửa» cho thấy sự ưu tiên về thủ tục, cốt là tránh phiền hà thủ tục hơn là sự tinh giản bộ máy và làm cho nó có hiệu quả hơn. Sau biết bao cố gắng giảm biên chế, chúng ta vẫn không nhích lên được bước nào đáng kể để làm cho bộ máy tinh giản hơn. Chính từ đó ta tìm ra một lối rẽ, một con đường vòng mà cái đích sẽ đến sau này lại là cái chưa ai hình dung được.

Động lực nào đã lái chúng ta đi vào con đường vòng ấy? Đó là câu hỏi đáng lưu tâm nhất. Trả lời câu hỏi đó là nhiệm vụ của khoa học xã hội, trong đó có Tâm lý học Dân tộc.

3. Có một giả thuyết lâu nay vẫn được dùng trong giới khoa học xã hội nước ta, mỗi khi nói về bản sắc Việt Nam - Giả thuyết về một «Việt Nam làng xã». Tất nhiên, đây không phải là giả thuyết duy nhất, nhưng có lẽ là thông dụng nhất. Và để theo sát chủ đề cuộc tọa đàm hôm nay, ta có thể nhắc tới cái gọi là «tâm lý làng xã» hay chăng? Ở đó, «phép vua thua lệ làng» là một kiểu hành vi cố hữu có tính dân tộc sâu sắc chăng? Đó là một vật cản làm cho người Việt Nam không đi xa được trong nhiều chuyện, kể cả cải cách hành chính?

Sở dĩ đặt lại nhiều câu hỏi như vậy, vì ở đây, có lẽ có một định kiến hơn là một giả thuyết khoa học cho phép những tìm tòi. Trong khi không thành công về việc tổ chức nền hành chính, từ cấp trung ương với tất cả những chức năng quản lý công quyền, thì người ta lại đổ lỗi cho làng xã - một tổ chức xã hội đảm đương những chức năng hoàn toàn khác trong các cộng đồng nông thôn nhỏ bé mà ở đó hành chính không bao giờ là hành vi thiết yếu của nó. Nhà nước trung ương áp đặt vào làng xã các lề lối hành chính theo quyền lực và mục tiêu của mình. Viên chức đại diện cho nhà nước trung ương ở làng, tùy thời mà có tên gọi khác nhau, nhưng giả dụ một anh Lý trưởng không hề tồn tại trong làng thì chúng ta tin rằng làng vẫn có tất cả những cách thức để thực hiện nền tự quản của nó. Nền tự quản này không cần đến hành chính, hoặc ít ra cũng gần như thế.

Tôi tin chắc ở điều này, qua tất cả những nghiên cứu thực địa của mình từ những năm 1980, trong những cuộc khảo sát vùng đồng bằng Bắc Bộ, hoặc những công trình nghiên cứu ở đồng bằng sông Cửu Long hơn 10 năm qua. Và gần đây nhất, trong công trình tập thể chúng tôi cùng làm với các nhà nghiên cứu Nhật Bản và Thái Lan dưới tiêu đề «Hiện đại hóa ở các xã hội châu Á». Phát hiện chủ yếu của tôi là trong cơ cấu làng có hai kiểu quan hệ: quan hệ nguyên sơ và quan hệ chức năng, cả hai lại dựa trên nền tảng mạng lưới các quan hệ thân thuộc hiểu theo nghĩa rộng nhất.

Chẳng cần đến hành chính, tức là Administration publique, thì các cơ cấu ấy vẫn hoạt động, các quan hệ ấy tự động điều chỉnh mọi chuyện của làng. Tuy nhà nước trung ương có áp đặt vào làng một kiểu nhân vật cầm quyền như Hào Lý chẳng hạn, thì nhóm này cũng chỉ có thể hành động như một cạnh của cái tam giác LÃO-HÀO-MỤC mà ở hai cạnh kia lão và mục luôn luôn là những nhóm phi chính thức, không có chức năng quản lý trực tiếp việc làng.

Làng, theo tôi, là một tổ chức phi chính phủ (NGO) như cách gọi ngày nay, một tổ chức cơ bản của xã hội Dân sự ở Việt Nam, là một phát minh độc đáo của người Việt từ một lịch sử thật riêng biệt của mình.

Tại sao người ta lại đem những bất lực và yếu kém của bộ máy hành chính công quyền, vốn dĩ là chuyện của chính phủ, để đổ lỗi cho một tổ chức xã hội căn bản là phi chính phủ? Tại sao người ta lại không nhắm vào nhà nước trung ương, mà lại nhắm vào các đơn vị xã hội địa phương, để chỉ trích tình trạng suy yếu của nền hành chính? Có phải vì làng xã vốn tự nó chống lại hành chính không? Hoàn toàn không! Trái lại, nhà nước trung ương phải biết ơn các làng rất nhiều, nhờ nó mà guồng máy hành chính ở làng xã luôn luôn là tinh giản nhất, ít tốn kém nhất mà cũng hữu hiệu vào loại nhất. Chẳng thế mà chính phủ chỉ cần bổ nhiệm một anh lý trưởng mà thôi, không cần trả lương anh ta, thậm chí đám quan lại cấp trên còn được anh ta hối lộ để chạy chọt chân lý trưởng ấy. Lâu nay, người ta xóa các làng và bày đặt một bộ máy hành chính khổng lồ ở cấp xã, để rồi khốn khổ vì cả sự cồng kềnh và kém hiệu quả của nó. Đấy có phải là lỗi ở các làng không? Tóm lại, có hai chuyện khác nhau, một chuyện thuộc về nhà nước quan phương, một chuyện về tổ chức NGO và xã hội dân sự. Lẫn lộn hai chuyện đó để rồi cứ ra sức nói xấu về bản tính người Việt là một «giống người làng xã» vô tổ chức, vô kỷ luật, tùy tiện, cục bộ, hủ lậu... thì thật là chuyện tầm phào, nhiều định kiến mà không có chút gì là khoa học.

Tôi không bênh vực làng và coi nó là một tổ chức xã hội vĩnh cửu. Tôi theo dõi và chờ đợi rồi đây làng sẽ giải thể, các cấu trúc của làng dần dần sẽ đi vào quá trình tan rã hoặc đúng hơn là giải cấu trúc (destructuration) cũng là khái niệm tôi đã dùng từ năm 1980 đến nay. Với những điều kiện nào? Với tất cả những điều kiện mới được tạo ra từ công nghiệp hóa. Mà làng thì chỉ là một tổ chức xã hội nông nghiệp, không thể tự nó công nghiệp hóa được. Vậy cần phải trông cậy ở nhà nước trung ương là chủ thể của quá trình công nghiệp hóa. Nhà nước đó có đủ mạnh không để biến quốc gia thành một nước công nghiệp? Và vì thế, nền hành chính là việc cấp thiết, nó phải mạnh. Nếu chưa đủ mạnh hoặc là ốm yếu thì phải tìm căn bệnh ở đâu chứ không phải ở chuyện «phép vua thua lệ làng». Tìm đúng căn bệnh thì mới bốc thuốc được.

4. Đáng lẽ tham luận của tôi chỉ nên dừng ở đó. Các nhà sử học là những người có thẩm quyền nhất để làm các vị y sư tài giỏi trong chuyện định bệnh này. Tuy nhiên, vẫn theo đuổi ý tưởng về cấu trúc xã hội, tôi cũng muốn góp vài nhận xét, hay nói đúng hơn, vài băn khoăn sau đây:

Từ sau nhà Trần, nhất là sau mấy triều vua đầu của nhà Lê, ở Việt Nam không có triều đại nào thật sự có được một nhà nước trung ương tập quyền đủ mạnh. Đủ mạnh trước hết trong lĩnh vực kinh tế, với khả năng tạo dựng được sức mạnh kinh tế của chính nó, và khuyến khích các thế lực kinh tế khác ở trong dân. Và văn hóa, thì từ sau văn hóa Lý-Trần, xét ra các triều đại cũng không đủ mạnh để tạo dựng một nền văn trị nhiều sức thuyết phục, dù rằng thành tựu lẻ tẻ thì cũng không ít.

Tại sao vậy? Nhìn về cơ cấu xã hội, ta thấy Việt Nam suốt 4, 5 thế kỷ qua, hầu như không có 3 nhân vật chính có thể làm chỗ dựa cho một nhà nước trung ương tập quyền mạnh:

- Không có giai cấp quý tộc trong khi có đông đảo đám quan lại «nhất thời».

- Không có tầng lớp trí thức độc lập với nhà nước để có được các trào lưu học thuật, tư tưởng riêng. Rất hiếm thấy cái cốt cách như Lý Bạch «Thiên tử hô lai bất thượng thuyền». Học để làm quan, tuyệt đại đa số kẻ sĩ đều mộng làm quan lớn hơn là giữ vai trò kẻ sĩ.

- Không có lớp doanh nhân tung hoành về thương mại hay công nghệ trong nước cũng như ra ngoài nước.

Với ba cái không đó thì không thể có một nhà nước trung ương tập quyền mạnh được. Cái ta có là một nhà nước quan lại chứ không phải quan liêu. Đám quan lại này vì là «nhất thời» nên không

thể có một truyền thống quản lý nào vững chắc, lâu dài được.

Thiếu quý tộc, vắng thương nhân, không có sĩ phu độc lập - nếu vậy thì trên cái nền căn tính dân tộc có lẽ chỉ còn có tính nông dân là ưu trội. Từ đây người ta lầm tưởng mà đổ lỗi cho làng.

Bởi vì cứ nói nông dân là phải nghĩ tới làng. Thực ra nông dân chỉ là số đông trong làng và ngay cả ở làng, họ cũng không phải là chủ thể. Tôi ngờ rằng, phần lớn các làng thoạt tiên cũng không hẳn đã do nông dân khởi xướng mà lập ra.

Ở phía Nam Thành phố Hồ Chí Minh, có một làng tên là Tân Tạo, nghĩa là mới lập. Làng lưu truyền một câu đối thờ thần như sau:

Vế 1. «Tân vận, hội Tân xuân, Lục ấp Khánh duy Tân chi đức»

Vế 2. «Tạo Nhân, giai Tạo Vật, nhất thôn chiêm đại tạo chi ân»

Khẩu khí rõ ràng là của kẻ sĩ muốn nối tiếp tinh thần lập các «tiểu vũ trụ» như ngoài Trung, ngoài Bắc. Còn lập làng ở trong Nam, hình như đám điền chủ và đám tướng tá quân đội có vai trò rất lớn chăng?

Giờ đây ta chuyển sang thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nếu không có một nhà nước trung ương tập quyền đủ mạnh thì rồi ta sẽ đi theo cách nào. Nhiều nước, nếu không phải là hết thảy nhà nước châu Á đều làm công nghiệp hóa bằng nhà nước trung ương mạnh. Nhà nước làm vô cùng nhiều việc để biến đổi nông thôn. Tài lực của nhà nước không còn phụ thuộc vào sự cống nạp của nông thôn như trước nữa.

Nếu ta cũng tất yếu phải đi theo kiểu một nhà nước mạnh, với nền hành chính công quyền tinh giản và hữu hiệu, thì ta phải làm gì với ba cái thiếu trên kia.

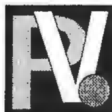
Nếu không, ta phải hình dung một lối đi nào khác chứ không thể loay hoay quanh cuộc cải cách về thủ tục mà né tránh căn bệnh nan y từ trong bộ máy này.

TP. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2000
ĐỖ THÁI ĐỒNG
(Tâm lý người Việt Nam nhìn từ nhiều góc độ,
NXB TP Hồ Chí Minh, 2000)

---

*) Giáo sư Xã hội học, chuyên viên cao cấp, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn, TP. Hồ Chí Minh





THUẬN THIÊN *thực hiện*

Nói chuyện với t.s phạm bích hợp

Nếu buổi ra mắt Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý Dân tộc tiến hành trong một phòng họp lớn của khách sạn Tây loại xịn «Continental» giữa TPHCM thì ngược lại, trụ sở của Trung tâm lại chỉ là căn phố xinh xắn nằm trong một con hẻm đường Nguyễn Thị Minh Khai. Đó cũng là nhà riêng của chị (tôi không muốn dùng chữ «bà» dễ khiến người ta hình dung sai về người nữ giám đốc tuổi quý tỵ này), nơi tôi thực hiện cuộc trao đổi sau nhiều lần thuyết phục chị nhận lời. Người phụ nữ đầy bản lĩnh (dám làm) và tài năng (làm được) đã lập nên một cơ sở nghiên cứu khoa học xã hội tư nhân đầu tiên ở nước ta, vẫn còn «hơi bị ngại» báo chí ở thời điểm tròn một tuổi của đứa con tinh thần (sợ bị «quở quang» chăng?). Vả lại, sang năm là «năm tuổi» của chị...

TT

Thuận Thiên: *Bản sắc dân tộc, văn hóa dân tộc, tâm lý dân tộc, ... các hội thảo ăn theo hai chữ «dân tộc» nở rộ như hoa xuân... Trong chuyện mở ra Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý Dân tộc này có gì là «sản phẩm theo mùa» không, thưa chị?*

Phạm Bích Hợp: Chẳng theo mùa mà cũng chẳng có ý nghĩa gì sâu xa. Chỉ xuất phát từ một say mê hứng thú cá nhân. Từ những năm 1973-1974, lúc còn là cô sinh viên khoa Sử 20, 21 tuổi, tôi đã quan tâm đến những chuyện mà lúc đó mình chưa hiểu bao nhiêu. Chẳng hạn như tại sao ở Trung Quốc người ta phát động «chiến dịch bắt chim sẻ»? Về sau tôi biết rằng những vấn đề tâm lý chính trị như thế, thực chất là vấn đề tâm lý dân tộc. Sau năm 1980, vào TPHCM, tôi học tiếng Pháp và được đọc nhiều sách của người Pháp nghiên cứu về các dân tộc thuộc địa, tôi trở nên mê bộ môn này. Rồi từ trường phái Pháp, tìm hiểu qua trường phái Đức, Mỹ, tôi quyết định chọn con đường nghiên cứu tâm lý dân tộc. Nhưng ở nước ta chưa có chuyên ngành này, tôi phải học Cao học Tâm lý học rồi Cao học Dân tộc học riêng rẽ với nhau. Sau hàng chục năm tích lũy tư liệu và suy nghĩ, tôi công bố công trình mà mình mong muốn trở thành sách dạy ở bậc cử nhân «Tâm lý dân tộc, tính cách và bản sắc». Đợi mãi chưa biết bao giờ đại học của ta mới mở chuyên ngành tâm lý dân tộc, tháng 12 năm 1999, với sự hưởng ứng của nhiều nhà khoa học xã hội, tôi nộp đơn lên Sở Khoa học - Công nghệ - Môi trường TPHCM xin phép mở rộng Trung tâm, và được chấp nhận.

TT: *Cho đến nay nhiều người còn thắc mắc: sao có thể có một cơ sở tư nhân nghiên cứu về lĩnh vực dễ «đau đầu» thế nhỉ? Chắc bà giám đốc có «gốc» lớn lắm về chính trị, kinh tế? Lại có người đoán già, đoán non: tâm lý dân tộc đang là món hàng thời thượng, chắc là ... bán được lắm?*

PBH: Chính tôi lại thắc mắc tại sao nhiều người gặp tôi cứ úp mở hỏi có phải tôi là cơ sở của ... công an, hoặc ngược lại, cơ sở của ... nước ngoài? Tôi xin phép mở trung tâm theo đúng các quy định hiện hành. Tiền thì dựa vào ... túi của bản thân và gia đình, trí lực thì dựa vào bạn bè, các nhà nghiên cứu. Còn bán ư? Dĩ nhiên sản phẩm trí tuệ cũng là hàng hóa, nhưng hiện tại thì chưa bán được. Công trình đầu tiên của trung tâm là cuốn sách tập hợp những bài viết tham dự cuộc tọa đàm «Tâm lý người Việt Nam nhìn từ nhiều góc độ» in có 1.000 cuốn, bán

chưa đủ chi phí. Hai đề tài nghiên cứu đăng ký với TP. Hồ Chí Minh: «Tìm hiểu tâm lý người dân trong chủ trương thực hiện cải cách hành chính của TPHCM», «Nghiên cứu nguồn gốc tâm lý và xã hội của một số thói quen xấu đang gây tổn hại nặng nề đến bộ mặt văn minh đô thị; đề xuất các giải pháp cụ thể và hữu hiệu nhằm từng bước xóa bỏ triệt để các hành vi đó, phục vụ cho công tác quản lý đô thị của thành phố», người xét duyệt khen «hay», nhưng ... không duyệt vì ...»không đúng hướng» (?). Tôi cũng đang đợi trả lời của Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường về đề tài «Khả năng thích ứng tâm lý của người Việt Nam vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa». Song trung tâm của tôi hoàn toàn không bị trói buộc bởi chuyện lý tài vì xuất phát của nó là nhu cầu tinh thần của bản thân, và chừng mực nào đó tôi cũng muốn tham gia làm rõ hơn tâm hồn VN để thấy những gì nên củng cố, những gì phải thay đổi. Tôi đã đi nghiên cứu nhiều vùng, tôi thấy ở nhiều nơi người dân chịu nghèo khổ, bất công một cách vô lý, chính vì không hiểu được chính mình.

TT: *Thời gian qua, để hiểu mình chúng ta có xu hướng gọi là «về nguồn», nhưng trong xu hướng ấy ngày càng có thể thấy rõ sự tôn vinh một chiều quá khứ, sự hạn chế của khẩu hiệu «bảo vệ bản sắc», sự lạm dụng «văn hóa làng». Có người đã nhận xét: Chưa bao giờ bài thơ «Chân quê» của Nguyễn Bính lại thời thượng như bây giờ!*

PBH: Tôi cho đó chỉ là một phản ứng tâm lý hơi có màu sắc hoảng hốt trước những cái mới mà mình chưa mường tượng, định hình được; đó cũng là một nét tâm lý dân tộc, hậu quả của tình trạng khép kín mấy nghìn năm. Tôn trọng quá khứ là đúng đắn, nhưng khư khư ôm lấy quá khứ là khiên cưỡng và duy ý chí. Những cái đang diễn ra cũng góp vào sự hình thành truyền thống và sẽ trở thành truyền thống trong tương lai. Cũng có những tâm lý mang tính tích cực trong hoàn cảnh quá khứ, nhưng có thể trở thành hạn chế cho sự phát triển đất nước hôm nay. Theo tôi, có lẽ thái độ đúng đắn nhất là tôn trọng sự thực khách quan, tự tin để xây dựng và đón chờ cái mới.

TT: *Cuộc hội thảo mới đây mà Trung tâm tổ chức khá thành công ở Hà Nội đã tập trung vào chủ đề «Tâm lý dân tộc và phát triển», những vấn đề tâm lý nào được các nhà nghiên cứu mổ xẻ nhiều nhất?*

PBH: Ba chủ đề được trao đổi nhiều nhất, nhiều ý kiến tranh luận sôi nổi. Tôi chỉ xin tóm lược một số ý kiến nổi bật.

1. Vai trò của cá nhân và mối quan hệ của cá nhân với cộng đồng. Theo Phó giáo sư Tiến sĩ Tâm lý - Viện trưởng Viện Tâm lý Đỗ Long, «tính cá nhân, ý thức cá nhân cần được xem xét như một động lực phát triển, nhưng cái tôi của người Việt Nam chưa được xác định, chưa tách bạch với cộng đồng, chính vì thế cá nhân không có điều kiện phát triển và đóng góp vào sự vận động của xã hội, mà đôi khi còn trở thành cản ngại cho sự phát triển». Luật sư Nguyễn Ngọc Bích cho rằng: «Cơ chế xã hội coi trọng tập thể hơn cá nhân nên đã làm lu mờ cá nhân, xóa nhòa tinh thần trách nhiệm cá nhân... Tóm lại, con người cá nhân chân chính của chúng ta chưa mạnh nên rất khó chiến thắng chính bản thân mình để góp phần phát triển đất nước». Nhưng từ một góc độ khác, đạo diễn Đỗ Minh Tuấn lại cho rằng người Việt Nam có cái tôi rất lớn, chính ý thức về cái tôi đó đã tạo ra hàng loạt các «ông vua» hiện nay!

2. Vai trò của người trí thức. Nhà báo Nguyễn Văn Thành đặt vấn đề đầu tiên với hàng loạt câu hỏi: Việt Nam có giới trí thức hay không? Họ là ai? Họ có vai trò gì trong lịch sử hay chỉ đứng sau các nhà chính trị? Liệu sắp tới, họ có chiến thắng được nỗi ngại ngùng để góp phần giải đáp các vấn nạn của xã hội? Ngay lập tức rất nhiều ý kiến được đưa ra, phần lớn đều thống nhất cho rằng Việt Nam mới chỉ có sĩ phu chứ chưa có trí thức, họ là những viên chức ngày nay, giống như quan lại ngày xưa, họ chưa có vai trò độc lập tự do để thực hiện những ý tưởng, những khát vọng của giới mình. Ngoài ra, các khái niệm về «tự do tư tưởng và liêm khiết trí tuệ», «tháp ngà và dấn thân», tương quan giữa «tri và hành, thiện và ác» ... cũng được đua ra trao đổi sôi nổi. Ý kiến của linh mục Thiện Cẩm rất đáng quan tâm, khi ông cho rằng: «Người trí thức chúng ta cũng như những cây nến nhỏ, vấn đề là chúng ta cần phải biết kết lại để trở thành một ngọn đuốc sáng tỏa đến mọi nơi chứ không phải chỉ là phương tiện cho những ai đó muốn dùng để soi tới những nơi họ cần».

3. Thực và giả. Giáo sư Phan Đình Diệu đã đưa ra lời khái quát rất đúng rằng: «cái giả chẳng những đang là một thói quen mà còn trở thành một đạo lý». Trên diễn đàn, trong hội nghị, ở nhà trường ... lắm khi người ta nói giả hơn là nói thật và hài lòng với việc cùng nhau che đậy những sự thật ai cũng biết nhưng chẳng ai nói ra. Tinh thần tôn

trọng sự thật có lẽ là một giá trị thấp kém nhất trong đời sống tâm lý của không ít người Việt Nam hôm nay, trong khi nó lại là cần thiết để đồng thuận và phát triển. Bởi vì người ta chỉ có thể đồng thuận trên căn bản cùng thừa nhận những sự thật. Và sự phát triển tự nó không thể chấp nhận một tình trạng vờ vịt làm giả vờ và nói dối lẫn nhau. Cũng đã có một vài chính khách tung ra lời kêu gọi «hãy nhìn thẳng vào sự thật», nhưng sau đó sự thật vẫn là cái người ta biết rõ nhưng lại tự thấy nên tránh là hơn. Nếu không vượt qua được nghịch lý này thì không thể nói đến lòng tự tin và tự trọng cho chúng ta và cho con em chúng ta. Bởi vì trọng sự thật là thước đo đầu tiên của lòng tự trọng.

TT: *Từ góc độ tâm lý dân tộc, chị nhìn thế nào về khả năng thích ứng của người Việt Nam trước triển vọng «toàn cầu hóa»?*

PBH: Thì ta cứ coi đó như một hiện tượng tất yếu. Tôi tin là với trí thông minh vốn có của con người Việt Nam, chúng ta sẽ tìm ra cách thức để chung sống với nhiều hiện tượng chứ không chỉ hiện tượng ấy. Ta cứ nhẹ nhàng, chẳng cần quan trọng hóa, ta cứ chủ động chuẩn bị xây dựng đường lối của mình để thích ứng và điều chỉnh những sự quá đà.

TT: *Xin cảm ơn chị giám đốc.*

THUẬN THIÊN *thực hiện*
(Báo Lao Động ngày 19/1/2001)



NGUYỄN HUỆ CHI
truyền thống dân chủ trong văn hóa thăng long - hà nội

LTS: *Giáo sư Nguyễn Huệ Chi vừa từ Việt Nam sang Hoa Kỳ. Hiện ông đang tạm trú tại Boston, cùng với giáo sư Hoàng Ngọc Hiến, tiếp tục công trình nghiên cứu "25 năm Văn Học Hải Ngoại" do Trung tâm William Joiner thuộc Đại học Massachusetts - Boston đề xướng.*

Bài viết dưới đây được gửi từ Boston, HL trân trọng giới thiệu với độc giả.

HỢP LƯU

Văn hóa Thăng Long - Hà Nội là một đóng góp quan trọng vào khu vườn nhiều hương sắc của văn hóa Việt Nam. Trong những ngày đầu xuân của thiên niên kỷ mới, ta hãy cùng nhau tìm hiểu một khía cạnh nói lên sức trẻ, cũng là sức sống dai dẳng của nền văn hóa này – đó là truyền thống dân chủ được bảo lưu và tiếp nối trong thẳm sâu của nền văn hóa đó như một mạch nước ngầm từ rất nhiều thế kỷ.

Nói đến truyền thống dân chủ e không khỏi có người nghi ngờ, vì Thăng Long là nơi đóng đô của nhiều triều đại trong lịch sử, văn hóa Thăng Long ắt hẳn phải nặng tính chính thống quan phương của một dạng thức văn hóa cung đình. Nhưng sự thực là thế, hầu hết mọi vương triều nối tiếp ở Thăng Long, khi chưa đi vào suy thoái, đều không ít thì nhiều, biết đặt cái gốc ở dân. Cho nên, yếu tố dân chủ sơ khai, hiểu theo một nghĩa nào đó, vốn không phải nẩy sinh từ dưới lên mà mới đầu cũng *được manh nha từ trên*, từ các nhà chấp chính, các bậc thức giả của triều đình dội xuống. Khái niệm "dân" được Lý Thường Kiệt nhắc đến trong *Lộ bố văn*, Trần Quốc Tuấn nhắc đến trong *Di chúc*, Trần Minh Tông nhắc đến trong *Nghệ An hành điện*, Trần Nguyên Đán nhắc đến trong *Nhâm dần niên lục nguyệt tác*, Nguyễn Trãi nhắc đến trong *Bình Ngô đại cáo* và trong nhiều bài thơ chữ Hán... đều là kết quả của việc vận dung *lý thuyết* "dân vi quý" của Nho giáo, cộng với sự chiêm nghiệm sâu sắc trong hoạt động thực tiễn của từng người. Dưới thời Lý-Trần, cảm hứng dân chủ sơ khai còn còn nằm trong tiềm thức người lãnh đạo đất nước nhờ họ đều thấm nhuần tư tưởng bình đẳng bác ái của Phật giáo. Lời khuyên của vị quốc sư Phù Vân ở trên núi Yên Tử đối với vua Trần Thái Tông chắc chắn đã trở thành một mục tiêu trị nước của nhà vua trong suốt những năm ông chấp chính.

Lâu về sau, cùng với các bước tiến của lịch sử, một đội ngũ trí thức tương đối tự do sẽ dần dần xuất hiện trong xã hội Thăng Long[1], kế tục phát huy các yếu tố dân chủ buổi đầu thêm một bước, làm cho chúng từ chỗ chỉ mới là vô thức (Phật giáo), hoặc mới như những cái khuôn xa lạ áp đặt vào đời sống người Việt (Nho giáo), bỗng trở thành có đường nét tư tưởng cụ thể và bắt rễ vào đời sống tinh thần như những nhân tố nội sinh. Lời bàn vê *Lẽ hưng vong trị loạn* của Thiền sư Nguyễn Nguyên Ức, *Thất trảm sớ* của Chu Văn An, *Trình Băng Hồ tướng công* của Nguyễn Phi Khanh, *Biểu* dâng 14 điều nói thẳng của Lương Đắc Bằng, *Thư* xin chém 18 lộng thần của Nguyễn Bỉnh Khiêm, *Khải* can gián Trịnh Tông của Phạm Nguyễn Du, *Sớ* điều trần của Nguyễn Văn Siêu, *Văn minh tân học sách* của Đông kinh nghĩa thục (1907), những bài diễn văn nổi tiếng của Hội nghị báo giới Bắc Kỳ (1937)... đều nói lên sức bền của truyền thống ấy. Tất nhiên,

1 Khái niệm "đội ngũ trí thức tự do" chúng tôi dùng ở đây không mang ý nghĩa chính xác của từ ngữ mà chỉ muốn nói dưới xã hội phong kiến cũng đã có một tầng lớp trí thức tụ hội ở Thăng Long, trong sinh hoạt và sáng tác không bị lệ thuộc quá chặt vào chính quyền thống trị.

giữa cái mầm mống dân chủ của thời cổ đại và những tư tưởng dân chủ ở thế kỷ XX đã có một sự đổi thay về chất, nhờ bước chuyển quan trọng từ phạm trù văn hóa phương Đông sang quỹ đạo văn hóa châu Âu . Nhưng trong tinh thần lõi cốt, bước chuyển ấy vẫn không dẫn đến một sự đoạn tuyệt với quá khứ, đúng hơn, sự kế tiếp trước và sau vẫn diễn ra nhuần nhị, hữu cơ, trong đó bản sắc của truyền thống, dưới hình thức này hay hình thức khác, được bảo lưu một cách khá rõ ràng.

Lâu nay ta hay nhắc đến mấy chữ "sĩ phu Bắc Hà" với ý nghĩa đây là những người nhiều chữ nghĩa và giàu khí khái. Nói cho cùng, "sĩ phu Bắc Hà" cũng là sĩ phu Thăng Long vì chỉ có trong môi trường học vấn Thăng Long xưa kia chứ không ở đâu khác, *chữ nghĩa* mới được đào tạo bài bản, và *khí khái,* được ươm mầm từ những truyền thống dân chủ có sẵn, mới trở thành một bản ngã, một sự sành sỏi đến mức lưu danh. Vào năm 1073, dưới triều ông vua Lý Nhân Tông non trẻ, Thái úy Lý Thường Kiệt đã tổ chức thành công một cuộc chính biến động trời, giết Dương Thái hậu và 72 cung nữ, đưa Nguyên phi Ỷ Lan lên nhiếp chính, và giáng chức Tể tướng Lý Đạo Thành vốn đang đầy uy vọng, bắt ông về Nghệ An để mình thay quyền. Tình thế của nhà Lý trở nên bất ổn. Thế nhưng chỉ một năm sau (1074), cũng lại chính Lý Thường Kiệt đã cho mời Lý Đạo Thành ra nhận chức trở lại, để mình được rảnh tay dốc sức vào việc binh bị nhằm đối phó với nhà Tống đang lăm le nhòm ngó Việt Nam. Cùng với quyết định này, triều đình nhà Lý còn ra sắc chỉ cho quan và dân phải tôn trọng những người có học vấn trong cả nước, và cho phép các bậc đại thần kỳ lão vào chầu vua không phải lạy quỳ. Quyết định "trả chức" của Lý Thường Kiệt là một việc làm *kỳ lạ*, chưa từng thấy xưa nay, chứng tỏ ông là một người có tầm thước lớn trong lịch sử. Nhưng chắc chắn quyết định đó cũng chỉ có thể nảy ra từ một con người thấm sâu văn hóa Thăng Long tận trong huyết quản, và từ trong tâm thức, đã tiên cảm được cái yêu cầu dân chủ của nền văn hóa này.

Một câu chuyện khác : vào thế kỷ XIX nhà thi sĩ tài danh Cao Bá Quát có để lại một bài hát nói trong đó có những câu rất đáng kinh ngạc :

Bóng thiều quang thấp thoáng mé Nam san,
Ngoảnh mặt lại cửu hoàn coi cũng nhỏ.
(Chén rượu tiêu sầu)

Dưới con mắt họ Cao, dường như mọi thứ đều bị xem nhẹ, kể cả đấng chí tôn ở chốn cửu trùng. Nói về khí phách thì có thể có nhiều

nhân vật sản sinh ở miền này vùng kia còn có khí phách lẫm liệt hơn Cao Bá Quát, như Nguyễn Hữu Cầu với bài hát *Chim trong lồng* ấp ủ khát vọng tự do :"*Phá vòng vây bạn với kim ô*". Tuy nhiên, phải nói, khát vọng tự do của Nguyễn Hữu Cầu, dẫu là cao cả, cũng không ngoài chuyện "tranh bá đồ vương", trái lại, với Cao Bá Quát, khát vọng thảnh thơi, tự tại, lại là hiện thân của một tinh thần dân chủ. Ông muốn nói rằng không thể có sự cao thấp khác nhau giữa một hàn sĩ như ông và một ông vua địa vị cao sang, xét về thực chất giá trị. Cái ý tưởng bất chợt đó quả là lớn và cũng phải với môi trường văn hóa giàu tiềm năng dân chủ như Thăng Long mới cấp cho Cao Chu Thần cái nhìn vượt thời đại như vậy.

Lại như trường hợp Tản Đà nguyễn Khắc Hiếu ở đầu thế kỷ XX. Một lần có viên Tổng đốc nọ muốn mời ông đến tư dinh uống rượu. Ông thản nhiên trả lời viên Tri huyện sứ giả của Tổng đốc rằng : "Nếu cụ lớn – một ông quan Thủ hiến – muốn đòi tên dân Nguyễn Khắc Hiếu đến công đường thì xin có trát, Hiếu sẽ đi ngay. Còn như nếu quan Thủ hiến là một kẻ nhân đọc thơ tôi mà có bụng liên mến, muốn đàm đạo thơ ca với thi sĩ Nguyễn Khắc Hiếu thì tôi xin mời cụ phải quá bộ đến đây, dẫu một túp nhà cỏ, để Hiếu hầu rượu cụ".[2] Khẩu khí ấy liệu có sức nặng của nó hay không, nếu không tựa trên một truyền thống văn hóa Thăng Long vốn thấm đậm chất dân chủ qua nhiều thời đại ?

Do sự phân hóa, tranh chấp quyền lực trong nội bộ các tập đoàn thống trị nhiều đời, mà bắt đầu là từ dưới thời Lê-Trịnh, tầng lớp "sĩ phu Bắc Hà", với thân phận những bề tôi trực tiếp, gần gũi nhất,không khỏi phải tìm cách đối pho, và do đó cũng chịu nhiều hạn chế trong cung cách ứng xử. Bản tính gọi là cứng cỏi, thẳng thắn của họ đôi khi phải biểu hiện dưới hình thức nước đôi, tránh né, dưới sức ép của cả chúa lẫn vua. Lâu dần, thói quen này thấm sâu vào tính cách, tạo nên một hình ảnh mặt trái về họ : vừa mang cái vẻ ngoài rất "khuôn phép" lại vừa có cái ranh mãnh ngầm, cái phản ứng thâm thúy của lớp người rất giỏi trò chơi chữ. Mặt khác, *cái dân chủ dội từ trên xuống và cái dân chủ nẩy sinh từ trong lòng xã hội trước sau cũng phải tìm thấy một mẫu số chung, phải nhượng bộ lẫn nhau để cùng tồn tại*. Đó là một thực tế phức tạp, có sự đan chéo giữa mặt hay và mặt dở, mặt lưng chừng và mặt cấp tiến, mặt "khuôn phép hóa" và mặt "vùng ra khỏi khuôn phép", mà văn học Thăng Long – Hà Nội thời nào cũng không khó tìm ra dẫn chứng. Ở thế kỷ XVIII, giữa không khí sục sôi

---

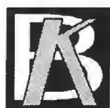
2 Lưu Trọng Lư. *Giờ đây, khi nắp quan tài đã đậy lại*. Tạp chí *Tao đàn*, 1939.

tinh thần nhân văn chủ nghĩa, đã có một tiếng cười làm mất mặt đấng chí tôn của Trạng Quỳnh, một cái lườm nguýt làm xiêu đổ "hiền nhân quân tử" của Hồ Xuân Hương, và cũng đã có không ít những tiếng chửi đổng làm ra vẻ "phản tỉnh" của kẻ mới được giữ địa vị "chăn dân", muốn đoạn tuyệt với cuộc sống được "cởi trói" bấy lâu để lại tự nguyện chui vào cái vòng "kim cô" của giai cấp thống trị kiểu như Chiêu Hổ... Ngay đến thời đương đại, dân chủ từ trên và dân chủ bột phát từ xã hội công dân đi vào văn học vẫn là hai yếu tố song hành, nhiều lúc tưởng có gì "trái cựa", nhưng xét cho cùng, đấy cũng là sự thúc đẩy tất yếu lẫn nhau, có cái này mới có được cái kia. Và đó chính là kết quả khách quan của sự mở rộng cảm hứng dân chủ của đời sống văn chương diễn ra trong vòng một thập niên đổi mới cho đến sát trước khi bước sang thế kỷ XXI - một "vụ mùa" chưa thể gọi là bội thu, cũng chưa hẳn đã như ý muốn của người này hay người kia, nhưng nó là sản phẩm không thể đòi hỏi khác hơn *của một mô hình văn hóa trong đó quá khứ vẫn còn chi phối và ám ảnh đối với hiện tại* – giữa một thời đại thông tin và mở cửa. Một hiện tượng truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, truyện ngắn của Phạm Thị Hoài, và truyện ngắn của nhiều cây bút trẻ khác, một *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, một *Những thiên đường mù* của Dương Thu Hương, hay một *Cát bụi chân ai*, một *Chiều chiều* của Tô Hoài... thoạt kỳ thủy đều gây sửng sốt, tạo nên những "cú sốc", có cảm giác là những hiện tượng "không đi vào quy củ", nhưng rồi dần dần, thời gian đã phán xét, điều chỉnh, xác nhận lại sự hiển nhiên của chúng. Ở đây dường như là có sự tiếp nối cùng lúc vừa cái khôn ngoan, thâm thúy, tưng tửng nước đôi, lại vừa là cái dẫn mặt sỗ sàng, táo tợn, của "sĩ phu Bắc Hà", của những truyền thống văn chương cổ xưa của con người Hà Nội.

Mỗi một truyền thống được giữ lại trong cộng đồng bao giờ cũng có chỗ mạnh và chỗ yếu cố hữu. Khắc phục chỗ yếu, phát huy chỗ mạnh, làm cho truyền thống sống khoẻ hơn và thích ứng với hiện tại, là nhiệm vụ của tất cả chúng ta. Truyền thống dân chủ của văn hóa Thăng Long nếu có mặt nào còn bất cập, hẳn cũng không ra ngoài những điều nói trên. Nhưng nếu có ai đó xem xét các hiện tượng xẩy ra hôm nay với thái độ vội vàng, không nghiên cứu đến tận cội nguồn của chúng, cứ muốn xóa bỏ chúng đi bằng những mệnh lệnh đơn giản, hoặc cứ muốn tạo nên một thứ dư luận "chém đinh chặt sắt" để chống lại, thì nói như Emile Zola trong *J'accuse* :"Sự thực vẫn cứ đang bước tới và không có gì cản ngăn nó được".

NGUYỄN HUỆ CHI





HÒA ĐA

vài cảm nghĩ về tình tự dân tộc miền nam và ca dao

Kính Tặng Má,
tặng Hồng, vợ tôi,
người đã ru con bằng ca dao.

Một trong những thiếu sót trong chương trình học ở Việt Nam từ trước đến nay là sự mất cân đối trong việc giới thiệu đến học sinh những dữ kiện về văn học theo sự phân bố về địa dư. Nói cho rõ hơn, chương trình văn ở bậc trung học nghiêng nặng về những tác giả tác phẩm ở ngoài Bắc và đã bỏ quên những sinh hoạt văn học trong Nam. Không thể chối cãi là ở trung học, chúng ta học quá nhiều về Tự Lực Văn Đoàn, về Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo... mà không hề nói gì về những tác phẩm của Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc...chẳng hạn; chúng ta học quá nhiều về Nam Phong, Đông Dương tạp chí, học Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh... mà không nhắc gì về Gia Định Báo, Phụ Nữ Tân Văn, Phan Khôi... Có thể nói, trong mọi lãnh vực về văn học

ở chương trình trung học, miền Nam đã bị bỏ quên, khiến cho sau bao nhiêu năm, sự lãnh hội về kiến thức trong chúng ta về văn học đã bị thiếu sót.

Ca dao miền Nam cũng chịu chung số phận như thế.

Mặc dù không hề được nhắc đến ở trường học, nhưng ca dao miền Nam vẫn có sức sống của nó. Chẳng những thế nó còn được phát triển mạnh và là một sinh hoạt tiềm tàng trong cuộc sống của người bình dân, cho dù chúng ta không còn thấy những màn hò đối đáp trong công việc hàng ngày ở trên đồng ruộng, sân lúa hay trên sông rạch như tiểu thuyết đã mô tả. Nó nằm ngay trên cửa miệng người bình dân, họ đọc ra như một phản xạ tự nhiên phù hạp với hoàn cảnh đang xảy ra không chê được.

Chẳng hạn, thấy một chàng trai ở rể bị lợi dụng, miệng đời đã có câu đàm tiếu:

Công anh làm rể đốn rào
Tào lao phất ngọn, chớ nào vợ anh?[1]

Câu này làm chúng ta nghĩ ngay đến câu tương tự ở ngoài Bắc:

Công anh làm rể chương đài
Một mình ăn hết mười hai vại cà,
Giếng đâu thì dắt anh ra
Không thì anh chết với cà nhà em.

Hay để trêu chọc sự dan díu ngoài khuôn phép của gia đình và xã hội của một đôi trai gái, chúng ta đã có sẵn câu:

Mùng ba thì có trăng non,
Anh đi lên xuống có con anh bồng

Nó cũng nằm ngay trong câu hát ru con của các mẹ, các chị bình dân, những câu ca dao cứ tuần tự tuôn ra một cách tự nhiên, không gò ép, không sửa soạn, cứ hết câu này đến câu khác, ru trẻ vào giấc ngủ. Nhiều khi họ còn dùng để diễn tả, kể lể tâm trạng của họ:

- Má ơi đừng gả con xa,
Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu.
- Ví dầu cầu ván đóng đinh
Cầu tre lắt lẻo gập ghình khó đi
- Giả đò mua khế bán chanh
Giả đi đòi nợ thăm anh đỡ buồn

.....

Năm 1970, tôi về làm việc tại một tỉnh nhỏ ở đồng bằng Cửu Long nên có dịp tiếp xúc với người bình dân, nông dân. Sau 1975, do chính sách của chính quyền Việt Nam lúc bấy giờ, tôi lại có dịp sống hẳn

ở nông thôn, gần gũi với nếp sống bình dị, làm quen với cách ứng xử, sinh hoạt của họ. Do đó xin nêu lên vài cảm nhận có tính rất chủ quan về ca dao miền Nam. Tôi không có tham vọng trình bày về ca dao miền Nam như một bài khảo cứu, công việc này xin dành cho những nhà biên khảo hay cho những công trình luận văn cao học, tiến sĩ. Cũng xin nói thêm, vì sự thuần nhất (một cách tương đối) về âm sắc trong cách nói, sự tương đồng về sinh hoạt, xin được nới rộng yếu tố địa dư miền Nam ra đến phần đất tam Phan (Phan Rang, Phan Rí, Phan Thiết) mà do sự phân chia hành chánh, vùng này được xếp vào Trung phần. Và cũng xin nhấn mạnh bài viết chỉ nhằm đóng góp, nêu lên một phần di sản văn hóa bị bỏ quên trong văn học sử, tuyệt nhiên không có ý phân biệt địa phương.

I.Vài nét về sự hình thành cư dân Miền Nam

Kể từ sau cuộc hôn nhân Việt -Chiêm giữa Huyền Trân Công Chúa và Chế Mân , nước Việt chúng ta có thêm hai châu Ô, châu Rí (Thế kỷ XIV, XV). Để đối kháng với thế lực thống trị từ phía Bắc, Việt Nam cần phát triển hậu cứ, lập nền tảng kinh tế để phát triển tiềm năng kháng cự với Tàu, nên đã bắt đầu chú ý đến việc phát triển về địa lý vào phương Nam. Nhưng phải chờ đến khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hoá (năm 1558) và tuyên xưng là Chúa Nguyễn (năm 1600), hướng phát triển vào Nam mới được phát triển một cách có qui củ để tạo thành một thế lực ngang ngửa với chúa Trịnh ở miền Bắc. Với chính sách tầm ăn dâu, người Việt cứ bành trướng dần vào Nam. Những người tiền phong là những lính thú khai hoang lập ấp, họ là những người vừa chiến đấu vừa sản xuất. Họ cũng là những lưu dân từ vùng Thanh Nghệ, tìm đến phần đất của chúa Nguyễn để sinh sống, người có tài như Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Cảnh... thì được trọng dụng, người bình dân thì được đưa vào dần trong Nam theo chân các tập đoàn quân sự khai hoang lập ấp. Họ cũng là những tù, hàng binh của Trịnh do Nguyễn bắt được, đưa sâu vào Nam để dễ bề quản thúc, kiểm soát... Cũng có những cuộc tình duyên có tính chính trị nhằm mở rộng lãnh thổ như cuộc tình duyên của công chúa Ngọc Hoan (hay Ngọc Vạn?) với vua Miên Chey Chetty dưới thời Chúa Nguyễn Phúc Nguyên (Chúa Sãi), bà hoàng người Việt này đã mang theo nhiều người Việt vào sinh sống ở vùng đất Chân Lạp. Sang thế kỷ XVII, các di thần nhà Minh không chấp nhận Thanh Triều đã đem bộ hạ và gia quyến vào xin đầu phục Chúa Nguyễn, Chúa Hiền cũng cho vào định cư vùng Đồng Nai, Biên Hòa (Trần Thắng Tài), Mỹ Tho (Dương Ngạn Địch, TrầnThượng Xuyên) và sau đó[2] vùng đất Hà Tiên do Mạc Cửu mộ dân khai thác được dâng cho Chúa Nguyễn.

Khi Gia Long lên ngôi, một trong những chính sách quan trọng ở miền Nam là ổn định đời sống về kinh tế, miễn thuế cho cư dân thuộc vùng đã giúp nhà vua khi còn bôn đào trong thời chiến tranh với Tây Sơn. Sau Gia Long, Minh Mạng và Thiệu Trị đã cho phát triển những đơn vị bán quân sự, cho đào kinh[3] khuyến khích việc mộ dân lập làng, tiếp tục miễn giảm thuế cho những vùng vừa khai thác nên dân số ngày càng đông . Thành phần cư dân hình thành trong vùng gồm phần đông là binh lính, di dân Việt từ Thuận-Quảng chuyên làm ruộng ít học, sau đó là người Miên, sống rải rác trong các sốc (làng Miên) trên những vùng đất cao ráo và người Hoa làm rẫy hay buôn bán, tập trung cạnh các con sông lớn, tạo thành những thị tứ thịnh vượng. Phát triển của vùng này chỉ được chú trọng vào quân sự và kinh tế, còn văn hóa chỉ phát triển có hệ thống về phía tôn giáo ở các miếu, đình, chùa.

Hơn thế kỷ sau, Pháp xâm chiếm Việt Nam, chiếm sáu tỉnh Nam Kỳ, miền Nam gần như mất hẳn ảnh hưởng chính quyền trung ương, văn hóa miền Nam cũng theo trào lưu đó mà biến đổi. Nền học cũ bị bãi bỏ, cái học mới chỉ để phục vụ cho chế độ thực dân. Đại đa số người dân miền Nam thiếu học, lại mất đi nguồn bổ sung nhân lực chính là các binh lính từ các phiên trấn thuộc chính quyền trung ương, sinh hoạt văn hóa thông thường và dễ dãi của người bình dân là hát hò với nhau.

Với sự hình thành về thành phần cư dân cho vùng đất miền Nam như thế, Sự giao lưu về văn hóa giữa ba nhóm cư dân nói trên (Việt, Miên, Hoa) nhất định phải xảy ra và vì vậy, chúng ta không thể không để ý đến tính đa văn hóa sẽ phát triển trên vùng đất này và có thể giải thích được tại sao văn hóa miền Nam không bị gò bó vào khuôn mẫu và có tính cách thuần nhất như ở miền Bắc. Người bình dân, lính thú... thiếu học, đơn giản, sống tương đối rải rác sẽ khó có thể có những sinh hoạt văn hóa dựa trên chữ viết, sân khấu... mà sinh hoạt truyền miệng, phóng khoáng hơn, dễ dãi hơn được phát triển mạnh. Có điều nhận xét khá lý thú là âm sắc trong ngôn ngữ càng vào sâu trong Nam càng nhẹ dần, nhưng vốn từ vựng từ phía nam Hải Vân vẫn còn được duy trì thống nhất và được phát triển thêm, làm giàu thêm trong suốt chiều dài phát triển lãnh thổ về phía namẠ. Tinh thần văn hóa ở phần đất này có những độc đáo, tự nhiên, bình dị và đôi khi đi đến sỗ sàng, trong khi tinh thần văn hóa ở phần đất thuộc Đàng Ngoài (thuộc chúa Trịnh) đã đạt đến mức tinh luyện, khuôn mẫu, nghiêm túc.

Người dân miền Nam chịu ảnh hưởng của luồng văn hóa có tính bình dân của các văn nhân theo vào với Chúa Nguyễn trong giai đoạn đầu đan kết với những luồng văn hóa của Khmer, Hoa, Pháp, cộng với điều kiện sinh hoạt dễ dàng, đất rộng người thưa, sông sâu nước chảy, tài

nguyên thiên nhiên thừa thải. Họ sống bình dị, không muốn bó mình trong những khuôn mẫu có sẵn là điều dễ hiểu. Có khi do điều kiện sinh hoạt riêng rẽ (trong giai đoạn đầu tiên không phải ở làng xã nào cũng có những bậc túc nho hay người biết chữ), nên sự tùy tiện trong giải thích hay trong sinh hoạt văn hóa làm nảy sinh tính dễ dãi, uyển chuyển, sao cũng được, miễn là mọi người vui và hạnh phúc là được rồi. Hơn nữa, đối với những con người tiền phong, sau những lúc phấn đấu với thiên nhiên còn mang tính hoang dã:

Xứ đâu có xứ lạ lùng
Con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng kinh

hay

Cà Mau khỉ khọt trên bưng
Dưới sông sấu lội, trên rừng cọp um

thì trong những lúc có dịp ngồi lại với nhau như sau vụ mùa, buổi chợ, trong những dịp ma chay cưới hỏi, cất nhà... người bình dân còn có nhu cầu giải trí nào khác ngoài những dạng nói thơ, kể chuyện tiếu lâm, hát, hò....? Họ không có khả năng ngâm vịnh, sáng tác.

Ca dao miền Nam đã phát triển trong chiều hướng đó. Chính yếu tố bình dị, nghĩ sao nói vậy, mộc mạc, dễ hiểu đã làm cho ca dao miền Nam có sức sống rất mạnh, được quần chúng chấp nhận dễ dàng và do đó làm ảnh hưởng đến sự sinh hoạt và tư tưởng của quần chúng:

-Hủ qua (khổ qua) xanh, hủ qua trắng
Hủ qua mắc nắng hủ qua đèo
Thương em, thì anh làm giấy giao kèo
Lăn tay điểm chỉ mới thiệt con mèo của em
- Thấy em gò má hồng hồng
Phải chi em đừng mắc cỡ, anh bồng anh hun

thật khó tìm thấy những câu tương tự như vậy ở ca dao miền Bắc.

II. Vài tính chất có tính đặc trưng

Ca dao, ở đâu cũng vậy, là sản phẩm của quần chúng. Chúng ta không biết tác giả hay hoàn cảnh sáng tác, nhưng chúng ta biết chắc một điều: ca dao được người bình dân biết đến, sử dụng và truyền bá. Không có quần chúng, ca dao nói riêng, văn chương bình dân nói chung không thể phát triển và lưu truyền. Qua ca dao, chúng ta có thể mường tượng được nếp sinh hoạt, hoàn cảnh sống và phần nào tâm tư của người bình dân. Do vậy, tuy ca dao có những cái chung nhưng cũng có những cái riêng của vùng. Chúng ta khó có thể tưởng tượng được ca dao miền Nam lại có những câu nói về núi cao, ao cá:

-Núi cao chi lắm núi ơi,
Che khuất mặt trời, không thấy người yêu.
-Tiếc công anh đào ao nuôi cá,
Năm bảy tháng trời, người lạ tới câu.

dù trên thực tế, không phải người dân miền Nam không biết núi, biết ao.

Chúng ta thử lược qua những tính chất đặc sắc của ca dao miền Nam.

1/ Tính uyển chuyển.

Một trong những nét dễ nhận thấy là người miền Nam không chịu bó trong những khuôn mẫu có sẵn, có lẽ do cuộc sống quá được ưu đãi từ thiên nhiên hào phóng, con người cũng trở nên phóng khoáng. Từ một câu có tính nhận xét trong đời sống hàng ngày, mà chúng ta thấy ở đâu cũng đúng:

Chiều chiều quạ nói với diều
Tìm nơi đống trấu có nhiều gà con

vào đến miền Nam chúng ta nghe thấy nó biến thể thành:

Chiều chiều quạ nói với diều
Cù Lao Ông Chưởng[4] có nhiều cá tôm

Người miền Nam có thể chuyển nhóm chữ "Cù Lao Ông Chưởng" thành một nhóm chữ nào đó thích hợp với địa danh họ đang sống, họ chẳng hề bị bó buộc phải rập khuôn theo câu ca có sẵn. Vùng Ô Môn, Bình Thủy (Cần thơ) cũng có câu tương tự, chỉ đổi bốn chữ cù lao Ông Chưởng bằng bốn chữ Ô Môn Bình Thủy. Chúng ta có thể tìm thấy dạng này khắp nơi ở miền Nam, lâu dần chúng ta không còn biết câu nào là nguyên bản, câu nào là sao chép. Ở vùng Cao Lãnh, Đồng Tháp Mười chúng ta có câu:

Nước chảy Láng Linh, chảy ra Vàm Cú
Thấy dáng em chèo, cặp vú muốn hun

Nhưng vùng Trà Cú (Vĩnh Long - Vĩnh Bình), ta lại nghe:

Nước chảy sông xa, chảy qua Trà Cú
Thấy dáng em chèo, cặp vú muốn hun

Một câu khác mà chúng ta ai cũng biết:

Nam Vang đi dễ khó về,
Trai đi có vợ, gái về có con

để chỉ Nam Vang là xứ ở xa, rất xa, đi lại không tiện, ai đi Nam Vang (nghĩa là qua Miên) làm ăn thì thường lập gia đình luôn ở bên ấy. Ở miền Nam, chúng ta nghe không thiếu gì câu hát trên, chỉ đổi chữ Nam Vang thành Long Xuyên, Cần Thơ, Gò Công... và nghe những câu ấy, chúng ta

cảm được cái tình ấm áp của người địa phương làm cho kẻ lãng du phải dừng chân:

Tới đây thì ở lại đây,
Chừng nào bén rễ xanh cây rồi về

Thật ra. tính uyển chuyển vừa nêu không phải là một đặc thù của ca dao miền Nam, nhưng ở miền Bắc và miền Trung, những dị bản của những câu ca dao ít tìm thấy hơn ở trong Nam. Một trong những câu điển hình là câu:

Gió đưa cành trúc la đà
Hồi chuông Trấn Quốc, canh gà Thọ Xương

ở ngoài Bắc, vào đến Huế biến thành:

Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương.

Cũng vì tính chất này mà ở miền Nam, chúng ta thấy ca dao thường ở dạng lục bát biến thể nhiều hơn. Số chữ trong mỗi câu hoàn toàn tùy thuộc vào cách nói, không bị gò cho đủ 6 hay 8 chữ, miễn sao diễn tả đủ ý muốn nói và có vần điệu dễ đọc, dễ nhớ. Phải chăng tính thực tiễn và phóng khoáng của người dân Nam bộ đã làm cho sự uyển chuyển dễ xảy ra hơn? Nhân đây, xin nói thêm về tính uyển chuyển đó: ở trong Nam: Ai đã từng sống ở nông thôn vùng Cửu Long đều biết, khi cúng dựng nhà người nông dân miền Nam thường bày dĩa trái cây trên bàn thờ theo công thức: dừa, đu đủ, xoài; hay mãng cầu, dừa, đu đủ, xoài biểu thị lòng mơ ước của họ: vừa đủ xài hay cầu vừa đủ xài, họ không bao giờ cúng chuối, dù trên bàn thờ của gia đình vào ngày Tết, cho rằng như vậy là chúi nhủi, khác với cư dân từ Nha Trang vào đến Xuân Lộc luôn có chuối trên bàn thờ, bất luận dịp nào - Đó là do cách phát âm trong Nam không phân biệt dừa và vừa, xoài và xài, chuối và chúi. Ở đồng bằng Nam Bộ người ta chỉ bày chuối trên bàn thờ Phật. Cũng do sự dễ dãi trong phát âm, không chàng trai gốc ngoài Bắc hay Trung nào, lần đầu tiên khi vào miền Nam (đặc biệt miệt vườn Cửu Long) không hết hồn khi gặp mấy cô gái ruộng tay cầm vòng hái (lưỡi hái) chấp lại kính cẩn chào xin vái thầy hay bị chới với khi cô gái vườn niềm nở mời hôm nào "quởn" (hưởn), mời anh vô vườn em chơi. Xin nhắc lại là người miền Nam không phân biệt được âm v và âm d, gi .

2/ Tính cường điệu:

` Người bình dân miền Nam nói riêng, và cả nước nói chung ít học, nhưng ở miền Nam, người bình dân lại thường ra vẻ "ta đây" hay chứng tỏ mình ngon lành, thích nói chữ như muốn chứng tỏ mình là người hay chữ, đôi khi không trúng trật vào dâu

-Bước vô trường án, vỗ ván cái rầm
Bủa xua[5] ông Thaın biện, chớ bạc tiền ông để ở đâu?
-Cách một khúc sông, kêu bằng cách thủy (?)
Chợ Sài Gòn xa, chợ Mỹ cũng xa...

Chính vì tính hay phô trương không đúng chỗ, nên chúng ta đừng chờ đợi ở ca dao miền Nam những cách sử dụng đúng từ ngữ, diễn tả đúng cách, đúng chỗ. Cái mà chúng ta thường gặp ở đó là những cách nói vô nghĩa, cốt chỉ có vần, có điệu; nhất là trong các câu hò, chúng ta thấy hình như họ cố ý kéo dài câu hò, nói lan man, cốt để tranh thủ thời gian tìm ý. Họ thường ưa nói quanh co, không đi ngay vào đề tài chính, mà đôi khi lối quanh co này chẳng dính dáng gì đền việc họ muốn nói. Muốn trêu chọc một cô gái, chàng trai nói lan man:

Đầu giồng có bụi chuối
Cuối giồng có cây đa
Ngã ba đường cái có cây tơ hồng
Con gái chưa chồng, cái lòng hực hở,
Con trai chưa vợ, ruột thắt tầm canh

để cuối cùng mới nói :

Ngó lên mây trắng trời xanh,
Ưng đâu cũng vậy, ưng anh cho rồi

hay cô gái muốn từ chối nhẹ nhàng lời tỏ tình của chàng trai vì còn phải lo phụng dưỡng cha mẹ già (không chừng đó chỉ là cái cớ nêu ra để từ chối), cô không nói thẳng vào vấn đề, mà xa xôi bóng gió trước:

Đèn nào cao cho bằng đèn Châu Đốc
Gió nào độc cho bằng gió Nam Vang
Một tiếng anh than, hai hàng lụy nhỏ
Có chút mẹ già, biết bỏ ai nuôi ?

Ta thấy ngay, tính chất này khác hẳn với cách nói có tính cách khuôn mẫu ở ngoài Bắc, người dân miền Bắc thường nghiêm túc hơn, trữ tình một cách khách sáo hơn, mang ít nhiều tính nghệ thuật hơn, và thường "đi thẳng" vào vấn đề hơn:

Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà, hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em có chồng rồi, anh tiếc lắm thay...

hay khen tặng vẻ đẹp của cô gái một cách kín đáo trong:

...Xây dọc rồi lại xây ngang
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân
Có rửa thì rửa chân tay,

Đừng rửa lông mày chết cá ao anh

Kiểu nói dông dài này gặp rất thường trong ca dao miền Nam, nơi mà con người thường ồn ào chứng tỏ sự "thông thái" của mình một cách rất dễ dãi, mà cũng rất dễ thương

Đèn Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ
Đèn Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu
Anh về học lấy chữ nhu
Chín trăng em đợi, mười thu em chờ

hay:

Tàu xúp lê một, còn thương còn nhớ
Tàu xúp lê hai, còn đợi còn chờ
Tàu xúp lê ba, tàu ra biển Bắc,
Tay vịn song sắt, nước mắt ròng ròng
Thương em từ thủa mẹ bồng
Bây giờ em lớn, em lấy chồng bỏ anh!

3/ Tính trữ tình

Trữ tình vốn là một thuộc tính của tình nam nữ, cho dù ở phần nào của đất nước, người bình dân diễn tả tình cảm của mình một cách rất nhẹ nhàng, thoải mái. Quả thật, kho tàng văn chương bình dân cho ta vô vàn những câu tỏ tình bóng gió có, lộ liễu có, và rất đậm tình quê hương. Miền Nam cũng không ra khỏi thông lệ đó. Ca dao miền Nam dùng để tỏ tình có nhiều như bất cứ vùng nào của đất nước. Ta có thể đơn cử vài câu:

-Rồng chầu ngoài Huế,
Ngựa tế Đồng Nai,
Nước sông trong chảy lộn sông ngoài,
Thương người xa xứ lạc loài tới đây.
-Thò tay anh ngắt ngọn ngò
Thương em đứt ruột, giả đò ngó lơ
- Mù u bông trắng, lá thắm, nhị (nhụy) vàng,
Anh đi khắp xứ, tới đây mới gặp nàng thiệt dễ thương
- Mẹ mong gả thiếp về vườn,
Ăn bông bí luộc dưa hường nấu canh
Thương anh cũng muốn theo anh
Ngặt cha với mẹ không đành thì sao?

Cũng như các phần khác của đất nước, ca dao miền Nam thể hiện rõ nét phong cảnh, sinh hoạt, đồng ruộng màu mỡ, sông rạch của miền Nam. Đời sống tình cảm của người dân cũng trải rộng với thiên

nhiên, sông nước:

-Bớ chiếc ghe sau, chèo mau anh đợi
Qua khỏi chỗ này lùm bụi tối tăm.
- Cầu cao ván yếu,
Con ngựa nhỏ xíu nó kiệu tứ linh
Em đi đâu tăm tối một mình
Hay là em có tư tình với ai?
- Tàu Nam Vang chạy ngang cồn cát,
Xuồng câu tôm bơi sát mé nga
Thấy em cha yếu mẹ già
Muốn vô hoạn dưỡng biết là được chăng
-Mười giờ xe lửa nhỏ bỏ chợ Bến Thành,
Xúp lê kia dạo thổi, bộ hành xôn xao.

Đối với những tình cảm nhẹ nhàng khác, tình gia đình chẳng hạn, cách diễn tả ở miền Nam cũng đơn giản và thực tế hơn:

-Râu tôm nấu với ruột bầu,
Chồng chan, vợ húp gật đầu khen ngon
- Chim quyên ăn trái nhãn lồng
Thia thia quen chậu, vợ chồng quen hơi.
- Sông dài cá lội biệt tăm
Phải duyên chồng vợ, mấy năm cũng chờ

khác hẳn với tính sâu sắc, nên thơ như ở miền Bắc:

Hôm qua ra đứng bờ ao
Trông cá, cá lặn, trông sao, sao mờ...
...Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn
Tào khê nước chảy vẫn còn trơ trơ.

hay thâm trầm như ở miền Trung.

Chồng chài, vợ lưới, con câu
Sông Ngô, bể Sở, biết đâu bến bờ?
Khi nên tay kiếm tay cờ
Không nên thì cũng chẳng nhờ cậy ai

Qua ca dao chúng ta có thể tìm thấy nhiều từ rất thông dụng ở miền Nam. Đây là nguồn tài liệu quan trọng cho những ai muốn khảo cứu về ngữ âm miền Nam:

- Nước rong[6] *nước chảy tràn đồng*
Tơ duyên có đó, chỉ hồng chưa xe
- Nước ròng bỏ bãi xa cừ

Mặt em có thẹo, anh trừ đôi bông
- Bậu nói với qua bậu không hái mận bẻ đào
Chớ mận đâu bậu bọc, đào nào bậu cầm tay.
- Mưa lâm thâm, ướt dầm bông sói
Bậu đi lấy chồng, sao không nói anh hay?
...

4/ Tính chớt nhả, cắt cớ:

Tính phóng khoáng trong cuộc sống ở miền Nam thể hiện rất rõ nét trong ca dao miền Nam, tính chất này còn được đẩy xa hơn, trở thành chớt nhả. Hơn đâu hết, chính miền Nam là nơi người ta tìm thấy dễ dàng sự cắt cớ, sống sượng đến độ bất ngờ khiến người trong cuộc (dù có học) chưa chắc thoát ra được. Cô gái đang làm việc dưới ruộng, mình mẩy dầy bùn sình, hỏi chàng trai đang ở trên bờ:

Hai tay em cắm xuống bùn
Mình mẩy lấm hết, chớ anh hun chỗ nào?

chàng trai trả lời tỉnh bơ:

Cầu trời đổ trận mưa rào
Bùn sình trôi hết, chỗ nào anh cũng hun!

Chàng trai, muốn đặt cô gái vào tình trạng khó xử, sống sượng yêu cầu

Đôi mình mới gặp ngày nay
Cho hun một cái em Hai đừng phiền

chàng trai đắc ý, tưởng sẽ nhận được ở cô gái sự e thẹn, hay lời rủa sả hay một cái bộp tai; không dè cô gái không phải tay vừa, đốp chát liền:

Ừ, muốn hun thì hun cho liền
Đừng làm thố lộ xóm giềng cười em

trong trường hợp nếu bạn là chàng trai đó bạn làm sao? không biết bây giờ ai là người bị lúng túng, ở đây chàng trai chẳng những không lúng túng mà còn liều lĩnh sống sượng hơn, lỡ rồi đành tới luôn:

Tui hun mình dẫu có la làng
Thì tui ra đó hai đàng chịu chung
Tui hun mình dẫu có làm hung
Nhơn cùng tắc biến, tui chun xuống sàn

Về tính cắt cớ, muốn đặt đối phương vào trong những tình

huống khó tháo gỡ, chúng ta thường gặp trong những câu hò đố. Nếu ở ngoài Bắc những câu hát đố luôn có tính nghiêm trang, có tính "bác học" đến độ chúng ta phải đặt dấu hỏi liệu đó có phải là sản phẩm của lớp bình dân ít học? xin đơn cử:

...Chùa nào mà lại có hang
Ở đâu lắm gỗ thời chàng biết không?
Ai mà xin được túi đồng
Ở đâu lại có con sông ngân hà
Nước nào dệt gấm thêu hoa...

...Chùa Hương Tích mà lại có hang
Trên rừng lắm gỗ thời nàng biết không?
Ông Nguyễn Minh Không xin được túi đồng
Trên trời lại có con sông ngân hà
Nước Tàu dệt gấm thêu hoa...

hay những câu hát đố đẹp và hay như một bài thơ:

Đố ai biết lúa mấy cây
Biết sông mấy khúc, biết mây mấy từng
Đố ai quét sạch lá rừng
Để tôi khuyên gió, gió đừng rung cây...

ở miền Trung, chúng ta có câu:

Đố anh con rít mấy chưn
Cầu Ô mấy nhịp, chợ Dinh mấy người

thì ở miền Nam, chúng ta khó tìm thấy những câu hò, câu hát đố có tính trữ tình như thế, nhưng chúng ta lại tìm thây khá nhiều những câu có tính buộc thắt, khiến đối phương phải rất nhanh trí để thoát khỏi thế bí, và như chúng ta sẽ thấy, họ "thoát hiểm" rất dễ dàng và gài lại đối phương. Những câu sau đây sưu tập được từ Vĩnh Long

-Thấy anh ăn học có thi
Em đây xin hỏi con chi không đầu
Sao em lại hỏi cơ cầu
Thượng cầm hạ thú, không đầu là con cua
- Thấy anh theo dõi bút nghiên
Em đây xin hỏi, trời nghiêng bên nào
Anh từng đọc sách bên Tàu
Đất nghiêng thì có, trời nào đâu nghiêng
- Thấy anh ăn học làu thông

Em đây xin đố, khăn lông có mấy đường
Em về đếm hết cỏ vườn
Lại đây anh nói mấy đường khăn lông
- Thấy anh ăn nói có tài
Em đây xin đố cây xoài có mấy bông
Em về đếm cá dưới sông
Lại đây anh nói mấy bông cây xoài.

Những câu trên có cùng một dạng thức, điều đó chứng tỏ có thể từ một người làm ra, nhưng trong một đám cưới ở một vùng nông thôn thuộcVĩnh Long, trong đêm nhóm họ ở nhà cô dâu, chính người viết đã nghe ít nhất có hai câu đố trên, tất nhiên không thấy có câu trả lời thích đáng từ đối phương. Cũng có những câu đố mắc mỏ, không mong gì tìm được câu trả lời xác đáng:

Đố ai kiếm được
Cái vảy con cá trê vàng,
Lá gan con tép bạc
Mấy ngàn em cũng mua.

chỉ còn nước trả lời theo kiểu huề vốn:

Kiếm đâu cho được
Cái vảy con cá trê vàng,
Lá gan con tép bạc
Để nàng chịu mua?

III. Vài cảm nghĩ

Trong những phần trên, chúng ta đã lượt qua một vài đặc sắc của ca dao miền Nam. Trong khuôn khổ của bài báo, người viết không thể trình bày hết những nét đặc thù của ca dao miền Nam nói riêng cũng như những dạng văn chương truyền khẩu khác như hò, vè... nói chung. Điều đáng nói là văn hóa miền Nam chưa có chỗ đứng dúng đắn trong văn học sử của Việt Nam, cũng chưa được đề cập một cách đầy đủ trong chương trình học ngày trước (và cả ngay bây giờ). Chúng ta có thể có nhiều cách giải thích. (1) Có lẽ do người viết chương trình của bộ giáo dục trong những năm đầu chuyển tiếp từ chương trình Pháp sang chương trình Việt (và cả những vị về sau, trong các chương trình cải tổ) không có tài liệu nhiều về văn học trong Nam; hay (2) người viết chương trình không biết gì về văn học trong Nam; hay (3) người viết chương trình cho rằng văn học trong Nam quá nôm na, không có vẻ "bác học"; hay (4) đơn

giản hơn hết là văn học trong Nam chưa có đủ chiều dài về thời gian để có chỗ đứng trong văn học sử... Dù vì bất cứ nguyên nhân nào, chúng ta đã không dành một chỗ đứng thích đáng cho văn học trong Nam. Chúng ta đã bỏ quên tính đại chúng trong giáo dục, phần nào, chúng ta đã tự tách rời người có học với quần chúng; và quần chúng này, tuyệt đại đa số là những người có rất ít những liên hệ văn hóa với những phần đã được dạy ở nhà trường. Làm thế nào đại đa số quần chúng ở miền Nam ấy có thể hiểu và thông cảm với những gì mà chính họ, hay con cái của họ đã nhận được từ trường, khi những điều đó không thấy được thể hiện quanh họ? - Mặc dù không thể không nói đến những đóng góp về văn học Việt Nam do những nhà văn, nhà báo tiền phong (mà hầu hết đều xuất thân từ phân nữa trên của đất nước), nhưng sự mất cân đối trong chương trình học đã làm học sinh trở thành xa lạ với môi trường họ đang sống, trở thành vong thân với chính xã hội của họ.

Ngày nay, phần nào văn chương bình dân của miền Nam đã đi vào đời sống qua các bài hát dựa vào các điệu lý, điệu hò. Nếu cách đây ít lâu, ngoại trừ lãnh vực cải lương, cổ nhạc Nam phần, ca sĩ dù người miền Nam, trình bày những bài hát về miền Nam cũng ráng tập phát âm bằng giọng Bắc, càng chuẩn càng tốt, không dám hát bằng giọng Nam sợ bị chê là quê mùa, thì bây giờ nhạc sĩ, ca sĩ (có cả người gốc ngoài Bắc) dùng hẳn giọng Nam để sáng tác, để hát, không có cái "mặc cảm" quê mùa như trước. Thử tưởng tượng Phi Nhung hát bài Lý con Sáo Bạc Liêu (Phan Ni Tấn) bằng giọng Bắc thì nó ra làm sao? Còn những bài khác nữa: Tiếng Hát Chim Đa Đa (Võ Đông Điền), Bài Tình Ca Đất phương Nam (Lư Nhất Vũ - Lê Giang), Chiếc Áo Bà Ba (Trần Thiện Thanh), Còn Thương rau đắng mọc sau hè (Bắc Sơn), Điệu Buồn Phương Nam (Vũ Đức Sao Biển)... làm thế nào để ca sĩ diễn tả tính Nam bộ trong các bài hát đó bằng giọng Bắc. Cũng vậy, ngày xưa lúc ban Hợp Ca Thăng Long hát bài Tiếng Sông Cửu Long (trong trường ca Hội Trùng Dương), nghe Thái Thanh ngâm:

Chẻ tre bện sáo cho dày
Ngăn ngang sông Mỹ, có ngày gặp em

hay thì có hay, nhưng thấy nó vẫn là lạ.

Cũng nhân đây, xin nói thêm về cái thiếu hiểu biết về miền Nam, hay coi nhẹ tinh thần Nam bộ, mà các tác giả về mọi lãnh vực đã không đặt nặng việc sử dụng đúng ngôn ngữ trong Nam cho các công việc của họ. Trong Việt Nam Sử Lược, khi nói về Chưởng Cơ Nguyễn Hữu Cảnh, sử gia Trần Trọng Kim chỉ dùng Nguyễn Hữu Kính, người dân miền Nam không thể nhận ra đó là vị Chưởng Cơ đã có rất nhiều

công trong việc xây dựng và bảo vệ phần đất này trong giai đoạn đầu. Cũng vậy, khi Phạm Duy viết đến miền Nam (trong Con Đường Cái Quan) đã dùng:

Giả ơn cái cối cái chày
Đêm khuya giả gạo có mày có tao
Giả ơn cái nhịp cầu ao
Đêm khuya vo gạo, có tao có mày

Không ai có ý kiến gì về lãnh vực âm nhạc mà nhạc sĩ Phạm Duy đã là bậc thầy, nhưng cách dùng chữ, rõ ràng là ông vẫn còn ảnh hưởng miền Bắc nên không dùng đúng những chữ mà người miền Nam đã dùng. Nghe nó ngọng nghịu và làm giảm ít nhiều giá trị đích thực của bài hát. Người miền Nam không ai nói "giả ơn" mà nói "trả ơn" hay "cám ơn". Chúng ta cũng có thể bỏ qua vì cứ xem người "lữ khách" của Phạm Duy chỉ mới vừa vào miền Nam, chưa đổi được thói quen của mình; nhưng "cầu ao" để vo gạo thì không có. Ở miền Nam chỉ có "cầu nước, cầu nhủi", đơn giản vì miền Nam không có ao (trừ ao Bà Om của Người Miên ở Trà Vinh, một địa điểm để du ngoạn, cắm trại), miền Nam chỉ có hồ, đìa, đầm, vũng, giếng...

Chúng ta phải chấp nhận tính đơn giản mộc mạc... của miền Nam như là một đặc thù của văn chương ở vùng đất non trẻ này của đât nước, chúng ta không có mặc cảm gì về sự nôm na, chất phác của lớp người bình dân ấy. Trả lại cho văn chương và văn hóa miền Nam chỗ đứng đúng đắn trong văn học sử là việc nên làm, phải làm. Công việc đó qui mô và cần công sức của nhiều học giả, nhà nghiên cứu, của nhiều người. Bài viết này xin được là một đóng góp nhỏ cho công việc to lớn ấy.

HÒA ĐA

Tài liệu Tham Khảo:

1. Việt Nam Sử Lược (Quyển II) - Trần Trọng Kim -Trung Tâm học Liệu xb 1971
2. Việt Sử Tân Biên (Quyển 3) - Phạm văn Sơn - Cơ sở xuất bản Đại Nam (in lại)
3. Đồng Bằng Sông Cửu Long hay là Văn Minh Miệt Vườn - Sơn Nam - Nhà xuất bản Xuân Thu (in lại)
4. Lịch Sử Khẩn Hoang Miền Nam - Sơn Nam - Nhà xuất bản Xuân Thu (in lại)
5. Tiến Trình Văn Nghệ Miền Nam - Nguyễn Q. Thắng - Văn Hiến xb 1994
6. Sưu tầm Ca Dao Đồng Bằng Cửu Long - Tài liệu in roneo, trung học Tống Phước Hiệp - Vĩnh Long.





HOÀNG NGỌC TUẤN
"viết cho ai?" một lời tự hỏi, một lời ta thán

to whom it may concern

1. "Viết cho ai?" — một lời tự hỏi

Có lẽ không một người cầm bút nào xem văn chương là một sự nghiệp mà không có lần tự hỏi: "Viết cho ai?" Câu hỏi có thể được đặt ra trước khi viết: người viết muốn xác định một loại độc giả của văn chương mình, trước khi bỏ công sức ra để thực hiện tác phẩm. Câu hỏi có thể nẩy sinh sau khi viết: người viết tự thẩm định tác phẩm đã viết xong, và dự tưởng về một loại độc giả thích hợp với tác phẩm ấy.

Trước hết, hãy bàn về loại nhà văn tự hỏi "tôi viết cho ai?" trước khi viết.

Đây là loại nhà văn có chủ tâm nhắm đến một đối tượng nhất định nào đó. Đối với loại nhà văn này, chữ "cho" rất quan trọng: nó quy định toàn bộ cung cách thực hiện tác phẩm. Thật vậy, khi đã viết để "cho" thì người viết phải biết đối tượng muốn mình "cho" họ điều gì. Cuộc "cho" hoàn toàn thất bại khi đối tượng không muốn nhận điều mình "cho". Vậy, để điều mình "cho" được đối tượng nhận, mình phải "cho" theo nhu cầu của đối tượng. Nói tóm lại, người viết không thể "cho" điều mình muốn "cho", mà phải "cho" điều đối tượng

muốn nhận. Và như thế, cuộc viết để "cho" là cuộc viết của một sự phục vụ.

Nhưng tại sao nhiều người viết lại muốn đóng vai người phục vụ? Để phục vụ thật đúng cách và đúng mức không phải là dễ, nhưng họ muốn thế vì sự phục vụ bao giờ cũng được ban thưởng dưới hình thức này hay hình thức khác (tiền bạc, lòng ái mộ, bằng khen của chính quyền, v.v...). Phục vụ nhiều chừng nào, sự ban thưởng lớn chừng ấy. Viết "cho" một người bạn, thì được ban thưởng ít. Viết "cho" một tập thể, thì được ban thưởng nhiều hơn. Viết "cho" một đại khối độc giả, thì được ban thưởng rất nhiều. Bởi thế, người phục vụ bao giờ cũng mong phục vụ được nhiều nhất.

Trong văn chương của các nước tư bản đương thời, những kẻ phục vụ nhiều nhất và được ban thưởng nhiều nhất là những nhà văn best-seller. Là những tay chuyên nghiệp trong việc viết "cho" đại chúng, họ quan sát đại chúng rất kỹ và nắm rõ những nhu cầu của đại chúng trong việc đọc. Để thấy rõ cách nghĩ và làm của những tay chuyên nghiệp viết "cho" đại chúng, hãy thử nhìn lại công việc viết của Morris West — một trong những nhà văn best-seller thành công nhất của thế kỷ. Trong số những bí quyết của ông, có bí quyết sau đây là quan trọng hàng đầu: hãy viết những điều người ta muốn đọc, và hãy viết kịp thời.(1) Thật vậy, đó là chủ điểm trong công việc của West, và suốt đời ông đã không hề đi lệch ra khỏi chủ điểm đó. Ông không hề bận tâm với một ý đồ nào trong việc xây dựng một hệ thẩm mỹ mới, ông không bỏ công khám phá những kỹ thuật viết mới, ông cũng không màng đến những phát kiến mới trong việc tái định nghĩa văn chương, cũng không hề tự dằn vặt mình với khát vọng của một nhà cách tân văn học. Nhận định về tác phẩm của chính mình, ông thẳng thắn nói:

> Các bạn chỉ cần nhìn vào cái danh sách best-seller, mà tôi đã xuất hiện trong đó, để thấy loại rác rưởi (crap) nào đang được nâng lên hàng đầu của danh sách, tôi nói thực với các bạn như vậy. Và tôi đã ở trong cùng nhóm với những cây bút rất tồi tệ.(2)

Là một nhà văn Úc xuất bản vào loại nhiều nhất (30 tiểu thuyết và 3 kịch bản, và nhiều tác phẩm được dựng thành phim), có số lượng độc giả nhiều nhất, được dịch ra nhiều ngoại ngữ nhất (27 thứ tiếng), và thu được lợi tức cao nhất, nhưng ông không bao giờ nhầm lẫn về loại phần thưởng ông đáng được nhận. Có lần một nhà báo cho rằng ông là "tài sản của quốc gia", ông đáp: "Bullshit!"(3) Tham vọng của ông không phải là khắc một dấu mốc sáng tạo đáng nhớ trong văn

học sử, vì ông tự thấy ông không có biệt tài của một nhà sáng tạo văn chương. Ngược lại, ông có tài năng ngoại hạng của một nhà văn chuyên viết để phục vụ nhu cầu giải trí của độc giả đại chúng, và ông đã sử dụng tài năng của mình đến mức tối đa. Độc giả ông nhắm tới không chỉ là đại chúng ở Úc, mà là đại chúng trên toàn thế giới. Ông đã làm được việc đó, và nhận được sự ban thưởng đúng mức.

Là người tự ý thức được về việc làm của mình, nên suốt đời Morris West đã không hề gây gổ phàn nàn gì về giới nghiên cứu và phê bình văn học chính quy, dù họ đã không bao giờ đề cập gì đến ông, xem ông như không hiện hữu. Không một tiểu thuyết nào của ông được đem vào học đường, không một bài nghiên cứu nghiêm túc nào viết về ông, không một tập san văn học chuyên ngành nào nhắc đến ông, và giờ đây, sau khi ông qua đời, không một tác phẩm nào của ông sẽ trở thành điển phạm. Biết rõ thế, nhưng West không khổ tâm, vì ông đã quyết chọn con đường chuyên nghiệp viết cho đại chúng.

Đến đây, hãy bàn về loại nhà văn tự hỏi "tôi viết cho ai?" sau khi viết.

Đây là loại nhà văn có thái độ làm việc như một nhà thí nghiệm. Trước khi viết, và ngay cả trong khi viết, họ khó có thể hình dung tác phẩm của mình sẽ ra thế nào (bởi thế, câu hỏi " tôi viết cho ai?" là điều vô lý). Họ khởi sự cuộc viết vì sự giục giã của ý muốn khám phá những điều mới lạ, chứ không chủ tâm nhắm đến việc phục vụ cho một đối tượng nào cả. Do đó, phải đến khi tác phẩm được viết xong, họ đọc đi đọc lại, rồi mới bắt đầu tự hỏi: "Mình viết thế này thì ai sẽ đọc?" Họ tự hỏi như thế, và không hề mong mỏi tác phẩm của mình sẽ được nhiều người đọc và tán thưởng ngay, vì đối với họ một tác phẩm vừa ra đời đã được nhiều người tán thưởng ngay là một tác phẩm chưa cách tân triệt để. Từ vị trí của một nhà văn sáng tạo, họ muốn tác phẩm của mình xuất hiện như một sự thách thức trước cảm quan thẩm mỹ của con người đương thời.

Nếu nói cho rốt ráo, loại nhà văn này cũng có thể không nhất thiết phải đợi đến sau khi viết xong tác phẩm rồi mới tự hỏi "tôi viết cho ai?". Họ có thể tự hỏi như thế trước và trong khi viết, nhưng không phải tự hỏi để xác định đối tượng phục vụ, mà tự hỏi theo nghĩa "rồi ai sẽ là độc giả của kết quả của những thí nghiệm mà tôi sẽ/đang theo đuổi đây?" Tự hỏi theo nghĩa đó, nhà văn dự tưởng về một loại độc giả chưa từng quen biết, luôn luôn đòi hỏi những phát kiến mới lạ, những ý niệm nghệ thuật độc đáo, và luôn luôn thách thức nhà văn phải nỗ lực vươn tới, bằng không thì thua cuộc. Italo Calvino thuộc về

loại nhà văn này. Ông nói:

> Văn chương phải dự tưởng một công chúng có văn hoá cao hơn, và *cao hơn chính bản thân người viết.* Một công chúng như thế có hiện hữu hay chăng là điều không quan trọng. Người viết nhắm đến một độc giả mà người này còn biết nhiều về điều đó hơn chính anh ta; anh ta sáng chế ra một hình ảnh của "chính mình" mà nó còn biết nhiều hơn anh ta, để nó nói cho kẻ nào khác mà kẻ đó còn biết nhiều hơn nó nữa. Văn chương không có cách chọn lựa nào ngoài việc tăng tiền đánh cược và giữ cuộc đánh cược kéo dài, theo đuổi cái logic của một tình thế mỗi lúc lại càng có vẻ thua đậm hơn.(4)

Nhiều người cho rằng độc giả của những tác giả loại này chỉ là những tác giả đồng chí hướng với họ. Xét trên hiện tượng, nói như vậy không phải là sai, nhưng những tác giả đồng chí hướng, xét cho cùng, không thể gọi là độc giả. Tôi cho rằng Lý Bạch không phải là độc giả của Đỗ Phủ, và Erza Pound không phải là độc giả của T.S. Eliot (cũng như Pablo Picasso không phải là khán giả của Georges Braque, và Claude Debussy không phải là thính giả của Erik Satie), mà chỉ là những người bạn cùng chuyên ngành (tương tự như trong khoa học, ý kiến của một nhà khoa học này đối với luận văn nghiên cứu của một nhà khoa học khác không phải là ý kiến của một độc giả thuần túy). Có thể nói, khi một tác phẩm cách tân triệt để ra đời, độc giả của nó, nếu có, chỉ là một nhóm ít ỏi của những người có trình độ đọc rất cao, yêu thích sự mới lạ, và sẵn sàng chấp nhận đối diện với sự thách đố về cảm quan thẩm mỹ. Những độc giả có trình độ đọc thấp hơn thường phải qua một quá trình học hỏi và rèn luyện (như sinh viên ngành văn, chẳng hạn), hoặc phải đợi đến khi tác phẩm đã được giảng giải bằng cách này hay cách khác thì mới có thể bắt đầu tiếp cận được. Thật vậy, rất nhiều năm sau khi thi phẩm *The Waste Land* của T.S. Eliot được xuất bản — sau khi những đồng nghiệp đương thời của ông đã cảm nhận được nó, nhiều nhà phê bình đã thẩm định về giá trị của nó, nhiều nhà nghiên cứu văn học đã phân tích và giải thích về một số điều căn bản về kỹ thuật và mỹ học của nó, và Viện Hàn Lâm Thụy Điển trao giải Nobel văn chương cho tác giả — nó mới bắt đầu chậm chạp lan dần vào tầm lưu ý của những độc giả có trình độ phổ thông hơn.

Nói ngắn gọn, nếu nhà văn phổ thông là người áp dụng những gì sẵn có vào tác phẩm để trực tiếp phục vụ cho đại chúng đương thời, thì nhà văn sáng tạo muốn khám phá những gì chưa từng có. Đó là lý do tại sao những thành tựu của họ bao giờ cũng ít nhiều đi trước thời

đại hay mang tính tiên tri (tùy theo tầm cỡ của từng người, họ có thể là nhà tiền phong của văn học thế giới hay văn học địa phương).

Như những nhà thám hiểm tiền phong, loại nhà văn này thường xuyên gặp thất bại, nhưng biết chấp nhận thất bại để làm lại từ đầu. Họ có thể tốn rất nhiều thì giờ và tâm lực để viết, rồi sửa, rồi vất bỏ, rồi lại viết, rồi lại sửa, rồi lại vất bỏ. Họ không lưu tâm đến số lượng tác phẩm, mà lưu tâm đến giá trị độc sáng của tác phẩm. James Joyce thuộc loại nhà văn này, ông bỏ ra 8 năm để viết cuốn *Ulysses* và 17 năm để viết cuốn *Finnegans Wake*. Walt Whitman cũng thế, ông mất 35 năm để chỉ tu chỉnh tập thơ *Leaves of Grass*.

Ngược lại với loại nhà văn phổ thông, loại nhà văn sáng tạo không nhắm đến những tác phẩm đơn giản, dễ hiểu, mà nhắm đến những công trình kỳ vĩ. Italo Calvino tuyên bố:

> Những dự án mang tham vọng quá trớn có thể bị chối từ trong nhiều lĩnh vực, nhưng không thể bị chối từ trong lĩnh vực văn chương. Văn chương chỉ còn sức sống nếu chúng ta tự đặt ra cho chính mình những mục tiêu bất khả lượng đạt, vượt quá tất cả những hy vọng về sự thành tựu. Chỉ chừng nào các nhà thơ và nhà văn tự đề ra cho chính mình những công tác không có bất cứ ai dám tưởng tượng đến, thì chừng ấy văn chương mới đạt được tác dụng của nó.(5)

Loại nhà văn này thường bị đại chúng kết án là viển vông, xa rời thực tế cuộc sống đương thời, nhưng kỳ thực, họ lại là nguồn cung cấp về phong cách, kỹ thuật, và hệ mỹ học cho các nhà văn phổ thông sau này sử dụng.

2. "Viết cho ai?" — một lời ta thán

Như chúng ta thấy ở trên, hai cách tiếp cận khác nhau đối với câu hỏi "viết cho ai?" dẫn đến hai hướng sáng tác khác nhau. Trước đây, tôi đã có bàn về sự phân biệt hai hướng sáng tác văn chương ở các xã hội tiền tiến: *một hướng nhắm đến việc thí nghiệm và khám phá những kỹ thuật và ý niệm thẩm mỹ mới; một hướng nhắm vào sự ứng dụng những phong cách và phương pháp sáng tác sẵn có vào các tác phẩm phục vụ cho sự tiêu khiển hay những nhu cầu xã hội của đại chúng*. Tôi cho rằng *cả hai hướng đều cần thiết, và một xã hội lành mạnh và quân bình phải phát triển đồng thời cả hai, vì thiếu phát minh mới thì văn chương không có tương lai, nhưng thiếu tác phẩm phổ thông thì đời sống đại chúng mất vui thú*. Mỗi người viết, do đó,

phải xác định một hướng hoạt động cho bản thân và dốc hết sức vào đó để đạt thành công cao nhất. Nhờ sự phân biệt rạch ròi đó, ở các xã hội tiền tiến, song song với những tác phẩm best-seller được tung ra dồn dập không ngừng, những thành tựu nghệ thuật mang tính sáng tạo triệt để cũng không ngừng xuất hiện.(6)

Quan sát sự nghiệp của hai nhà văn Úc đương đại Morris West và Gerald Murnane, chúng ta có thể thấy điều đó. Thành công to lớn của Morris West hoàn toàn là sự sử dụng lại lối viết hiện thực chủ nghĩa của thế kỷ trước vào các tác phẩm phổ thông cho đại chúng; và nhờ đó, ông được đại chúng ban thưởng đúng mức bằng tiền bạc và lòng ái mộ. Ngược lại, thành công của Gerald Murnane đến từ những khám phá mới về kỹ thuật và mỹ học, và thành công ấy được công nhận bằng một cách khác. Khi chỉ mới hoàn tất vài cuốn tiểu thuyết ít người đọc, Murnane đã trở thành đề tài nghiên cứu nghiêm túc trên các tập san văn học quốc tế, trên nhiều sách lý luận văn học và trong các viện đại học, và chính phủ Úc đã trao cho ông những trợ cấp xứng đáng để ông có thể tiếp tục sống và sáng tạo.

Ở những xã hội nơi ý thức chuyên nghiệp hoá trong các mặt sinh hoạt đã đạt trình độ cao, loại nhà văn viết cho đại chúng và những người điểm sách phổ thông có thế giới riêng, còn loại nhà văn triệt để sáng tạo và các nhà phê bình chính quy có thế giới riêng. Không hề có chuyện hục hặc lộn sòng. Còn ở những xã hội chậm tiến, nơi ý thức chuyên nghiệp hoá trong các mặt sinh hoạt vẫn còn quá thấp, thì chuyện hục hặc lộn sòng trong văn giới là chuyện khó tránh khỏi.

Thực tế cho thấy, trong sinh hoạt văn chương của chúng ta, đa số những nhà văn phổ thông và những người chuyên viết bài điểm sách phổ thông, kể cả người tài cao lẫn người tài mọn, lại cứ thường xen vào tranh cãi về những vấn đề nằm ngoài công việc của họ. Họ lải nhải hục hặc với những thí nghiệm mới, những phát kiến mới, những lý thuyết phê bình mới của hướng văn chương sáng tạo. Họ muốn câu hỏi "viết cho ai?" không còn là một lời tự hỏi riêng cho mỗi người viết, mà phải là một câu hỏi lớn, chung cho mọi người viết, và câu hỏi này đòi hỏi phải được trả lời *ngay* bằng một châm ngôn sẵn có của họ là "viết cho đại chúng". Không những tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, tuỳ bút... mà ngay cả các tác phẩm nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học cũng phải "viết cho đại chúng", bởi thế chúng ta cứ thấy nhan nhản những tác phẩm "nổi tiếng" xuất hiện dưới lốt phê bình văn học mà thực chất chỉ chứa đựng những điều tán nhảm, những giai thoại vớ vẩn, những chuyện ngồi lê đôi mách, và hoàn toàn thiếu chuyên môn và học thuật.

Như hệ quả của ý thức chuyên nghiệp hoá còn kém cỏi, thái độ này còn được thúc đẩy bởi ba động lực khác.

Động lực thứ nhất, ở nội địa Việt Nam, là những ảnh hưởng dai dẳng của đường lối văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa trong tư duy của người viết. Sau bao nhiêu năm thuộc nằm lòng khẩu hiệu "viết cho đại chúng" (một khẩu hiệu mỵ dân, qua đó, chữ "cho" không có nghĩa là phục vụ, mà có nghĩa là ban phát, giáo dục; "viết cho đại chúng" có nghĩa là viết để dạy dỗ đại chúng theo đường lối của nhà cầm quyền), thì dễ gì chỉ trong một thời gian ngắn chuyển qua kinh tế thị trường mà người viết hoàn toàn tẩy sạch khẩu hiệu đó trong óc mình. Thực tế cho thấy, mãi đến hôm nay, ngay cả trong tác phẩm của một số cây bút đổi mới nhất ở Việt Nam, chúng ta vẫn còn ngửi thấy loáng thoáng cái mùi "viết cho đại chúng" theo kiểu hiện thực xã hội chủ nghĩa. Trong khi chưa trút bỏ được kiểu "cho" với nghĩa dạy dỗ đại chúng, đa số nhà văn trong nước đã bắt đầu chuyển dần sang cái "cho" theo nghĩa phục vụ đại chúng. Thuở trước, họ làm tốt cái "cho" kia thì được nhà nước ban thưởng; bây giờ, họ làm tốt cái "cho" này thì được đại chúng ban thưởng; và nếu họ biết cách làm tốt cả hai cái thì được cả hai ban thưởng. Bởi thế, trong những năm gần đây, hầu như mỗi khi họ muốn hục hặc với những ý tưởng nghệ thuật mới lạ, họ vừa dựa vào "dư luận của đại chúng" vừa dựa vào đường lối do nhà nước đề ra.

Động lực thứ hai, ở hải ngoại và cả ở nội địa Việt Nam, là thứ mặc cảm kỳ quặc của những nhà văn vừa muốn viết để bán chạy hay được nhiều người yêu thích, lại vừa muốn giữ một vị trí khả kính trong lịch sử của hướng văn chương sáng tạo. Cái mặc cảm kỳ quặc ấy khiến họ không bao giờ dám đi đến cùng một con đường nào cả. Họ khao khát viết những cuốn sách bán rất chạy, và có thể họ có dư khả năng làm điều ấy, nhưng họ lại sợ bị xem là quá bình dân hay quá thương mại. Họ cũng mơ ước viết những cuốn sách đầy tính độc sáng, nhưng có thể họ tự biết mình không đủ khả năng, hoặc họ tin mình có ít nhiều khả năng nhưng sợ phải bỏ quá nhiều công sức mà lại không được đại chúng đón nhận. Do đó, họ cứ mải loay hoay khổ sở. Hôm trước, họ chống báng những khám phá mới (họ hỏi vặn: "Mới là cái gì mới? "). Hôm sau, họ lại sung sướng vì có người khen nịnh văn chương của họ là mới. Khi tác phẩm bán chạy chút ít, họ tự hào: "Viết mà ai cũng yêu thích thì mới gọi là hay". Khi tác phẩm bán ế, họ tâm sự: "Quần chúng nông cạn quá, không cảm thụ nổi tác phẩm của tôi". Nhưng đối với văn chương của người khác, thì họ ứng xử ngược lại. Trước một tác phẩm quá phổ thông trong đại chúng, họ chê trách với

giọng ghen tuông: "Văn chương mà bán chạy như đồ hàng chợ thì có ra gì". Trước một tác phẩm thực sự cách tân nên không được nhiều độc giả chiếu cố, họ lại chê trách: "Viết mà chẳng ai thèm đọc thì nên vất đi". Nói tóm lại, họ là những nhà văn chủ tâm viết cho đại chúng, muốn được đại chúng chiếu cố, nhưng không muốn tác phẩm của mình bị xem là một tác phẩm thuần túy phục vụ, mà lại muốn nó mang dáng dấp của một tác phẩm có giá trị nghệ thuật. Những nhà văn mang thứ mặc cảm kỳ quặc này chiếm một tỷ lệ không nhỏ trong văn giới chúng ta, và đó là một trở lực lớn khiến sự phân biệt hai hướng văn chương phổ thông và văn chương sáng tạo theo cung cách chuyên nghiệp hoá khó có thể thực hiện được.

Động lực thứ ba, thịnh hành ở cả hải ngoại lẫn nội địa Việt Nam, là động lực phát ra từ giới độc giả phổ thông. Kỳ thực, động lực này là do hai động lực nêu trên đẻ ra. Ở miền Bắc, độc giả của nền văn chương hiện thực xã hội chủ nghĩa ngày trước nhiều khi cũng biết rằng mình đang bị lừa mỵ, rằng cái thứ văn chương ấy không phải đang phục vụ mình như nó rêu rao, mà thực ra nó đang dạy dỗ mình dưới sự chỉ đạo của nhà nước. Nhưng cái cảm giác bị lừa mỵ ấy lại cứ đi đôi với cái cảm giác sung sướng mơ hồ nào đó. Họ nghĩ: "Vâng, nó muốn dạy dỗ mình thì kệ nó, nhưng rõ ràng là nó chiếu cố đến mình. Được là đối tượng của nó, đề tài của nó, mối bận tâm chủ yếu của nó, là cũng sướng rồi." Đến khi đất nước dần dần chuyển sang kinh tế thị trường, và nền văn chương hiện thực xã hội chủ nghĩa dần dần teo tóp lại, thì chữ "cho" cũng dần dần chuyển từ dạy dỗ sang phục vụ. Và khi giới độc giả phổ thông hiểu rằng họ bắt đầu được phục vụ chút ít, thì họ cũng bắt đầu cảm thấy mình có cái quyền đòi hỏi sự phục vụ tốt hơn. Ở miền Nam, cái quyền đòi hỏi của giới độc giả phổ thông lại được hình thành bằng một con đường khác. Cái quyền đó đã có từ khi nền văn chương thương mại ở miền Nam ra đời, và nó càng lúc càng tăng theo sự trưởng thành của nền văn chương thương mại ấy suốt mấy thập niên trước khi nó bị nền văn chương hiện thực xã hội chủ nghĩa từ miền Bắc xâm lăng và ngự trị. Chữ "cho" theo nghĩa phục vụ bị biến thành chữ "cho" theo nghĩa dạy dỗ, cho đến khi kinh tế thị trường trở lại thì chữ "cho" theo nghĩa phục vụ mới được phục hồi phần nào. Khi ra hải ngoại, giới độc giả phổ thông vác theo họ cái quyền được phục vụ ấy, và rõ ràng họ được phục vụ khá hơn ở trong nước. Trong suốt 26 năm qua ở hải ngoại, mùa nào thức ấy, sở thích của họ được phục vụ đấm bóp khá tận tình (từ văn chương nhớ nhà, đến văn chương chống Cộng, đến văn chương than mây khóc gió, đến văn chương tình ái lăng nhăng...). Cái quyền đòi hỏi được phục vụ của giới độc giả phổ thông

lại càng lúc càng được củng cố khi đa số nhà văn và cả nhà phê bình cứ luôn luôn nghiêm trọng lập đi lập lại những câu đại loại như: "giá trị của tác phẩm này còn chờ độc giả thẩm định", "tác phẩm này có giá trị vì được đa số độc giả tán thưởng", "tác phẩm này gây nên nhiều tranh cãi trong dư luận độc giả", v.v... Khi cái quyền đòi hỏi được phục vụ trở thành cái quyền phát ra sự thẩm định giá trị, thì độc giả phổ thông biến thành những ông chủ đầy quyền uy. Khi đã có những ông chủ đầy quyền uy như thế, thì những cây bút phổ thông — những người phục vụ — cảm thấy họ có chỗ dựa tốt để mặc tình hục hặc lộn sòng vào hoạt động văn chương của những cây bút thuộc hướng văn chương sáng tạo, và vũ khí tốt nhất họ đem ra để gây gổ chính là cái danh của ông chủ của họ: "độc giả". Họ nói: "Các anh chị đừng hòng đánh lừa độc giả. Họ là những người thuộc mọi tầng lớp, mọi trình độ, và có mặt khắp nơi. Các anh chị không thể lường hết tầm hiểu biết của họ về nghệ thuật văn chương đâu. Trò làm dáng giả hình của các anh chị không đáng để họ lên tiếng phê phán đấy. Nên dẹp đi. Họ mà chê trách ra bằng lời thì nát cả đời..."

Tuy nhiên, khối độc giả ấy hầu như vừa vô hình lại vừa vô ngôn, và sức mạnh của họ thường chỉ có thể được nhìn thấy qua số sách báo bán được. Xét trên số sách báo bán được, chúng ta lại thấy rằng đa số trong khối độc giả ấy là những người có trình độ đọc rất kém, chỉ thích giải trí nhẹ, và không lưu tâm đến giá trị văn chương.

Trong đời sống hàng ngày, vài người trong khối độc giả ấy có thể tình cờ gặp nhau và bàn tán lai rai với nhau về một cuốn sách nào đó họ đã mua, nhưng tác giả cuốn sách lại hiếm khi có cơ hội được gặp gỡ và nghe từng câu nói rõ ràng của họ. Được nghe tận tai ý kiến của vài trăm độc giả là chuyện quá hy hữu. Tác giả chỉ thỉnh thoảng đọc được một vài ý kiến của vài độc giả gửi đăng trên báo. Nhưng vài "độc giả" ấy có thật hay không lại là chuyện khác. Để tự khen mình, tác giả cũng có thể núp dưới danh "độc giả". Để tấn công một tác giả nào đó vì những lý do thương mại, chính trị, hay cá nhân, một anh đồng nghiệp xấu tính cũng có thể mạo danh "độc giả" để viết thư đăng báo. Điều khôi hài nằm ở chỗ: thư của một "độc giả" X. nào đó (có thể chỉ là một độc giả dở hơi, hay một anh nhà văn ném đá giấu tay) lại thường được văn giới và đại chúng xem như đại biểu cho tiếng nói của một khối "độc giả" đầy quyền uy và sự công tâm! Trong bài "Tranh luận và đấu tố" (*Hợp Lưu,* số 55, trang 250-253), Nguyễn Hưng Quốc là người đầu tiên đã mạnh mẽ phê phán trò giả mạo "thư độc giả", và vạch ra những động cơ văn hoá, thương mại và chính trị đàng sau trò ấy.

Kiểu sinh hoạt văn chương nhập nhằng, mất quân bình, thiếu lành mạnh và thiếu tính chuyên nghiệp kéo dài dai dẳng suốt nhiều thập niên, trở thành phổ cập trên báo chí, và luôn được hỗ trợ bởi các tổ chức chính trị và văn hoá my dân, dẫn đến một số hậu quả đáng buồn.

Về cảm quan thẩm mỹ, đại đa số người viết và người đọc tin rằng "viết cho đại chúng" là cách thế đúng đắn nhất và lý tưởng cao nhất trong việc sáng tạo văn chương: cái gì càng được nhiều người ưa thích, thì cái ấy càng có giá trị thẩm mỹ. Trong ánh sáng của thứ lý tưởng đó, họ tin rằng việc bỏ thì giờ cho những thí nghiệm và khám phá mới về kỹ thuật và mỹ học, việc thực hiện những tác phẩm giàu tính sáng tạo — những tác phẩm thách đố cảm quan thẩm mỹ của người đọc đương thời — là những thái độ vô bổ, làm dáng, thậm chí là thái độ giả dối và hỗn láo trước đại chúng qua những trò tiểu xảo. Cũng trong ánh sáng đó, họ tin rằng người viết trước hết phải nghĩ đến đại khối độc giả, rồi phải chú tâm vào việc viết thế nào cho đa số độc giả có thể hiểu được, nghĩa là phải biết chiều theo trình độ đọc và cảm quan thẩm mỹ của đại khối độc giả, để qua đó tác phẩm mới trở thành "nhịp cầu giao cảm chân thành" giữa người viết và đại khối độc giả. Bởi thế, đa số chúng ta dường như hoàn toàn lờ mờ hoặc không quan tâm về cái gọi là "mỹ học", và trong các chương trình giảng dạy văn học từ bậc trung học đến đại học ở Việt Nam, mỹ học là một khái niệm dường như hoàn toàn bị bỏ quên.

Về tác phẩm, tuy đa số tin theo thứ lý tưởng nêu trên, chúng ta vẫn thiếu hẳn những tác phẩm có tầm cỡ trong hướng văn chương phổ thông, và tất nhiên trong văn chương sáng tạo. Chúng ta chưa thấy một tác phẩm phổ thông nào xứng đáng vào danh sách best-seller, còn các tác phẩm sáng tạo thì cũng chỉ đạt những bước cách tân rất giới hạn. Lý do là vì, như đã phân tích ở trên, đa số nhà văn chúng ta hoặc không đủ tài, hoặc có dư tài năng mà không thể dứt khoát đi theo một hướng nào đó với thái độ chuyên nghiệp thật sự. Thật vậy, đa số tác phẩm văn chương phổ thông lẫn văn chương sáng tạo của chúng ta đều là những gì lưng chừng, sường sượng. Nếu đa số nhà văn chúng ta có dư tài năng mà viết như vậy thì thật là phí tài.

Trong cái thứ lý tưởng văn học mà độc giả đại chúng giữ địa vị của một ông chủ vô hình khổng lồ có quyền đòi hỏi được phục vụ và quyền thẩm định giá trị, câu hỏi "viết cho ai?", từ ý nghĩa của một lời tự hỏi, càng lúc càng hàm ý một sự đòi hỏi. Khi sự đòi hỏi không được đáp ứng, câu hỏi "viết cho ai?" lại biến thành một lời ta thán. Là một lời ta thán, nó hàm chứa một loạt những điều rất thú vị.

Điều thú vị đầu tiên là dường như nó chỉ được nêu lên vào những lúc có sự xuất hiện của những tác phẩm mới lạ. Thật vậy, trong một bầu khí văn chương ổn định với đội ngũ người viết an phận nằm yên nhấm nháp trong cái khung thẩm mỹ đã lên nước, với hàng loạt những tác phẩm dễ dãi chiều người đọc mọi giới, với những nhà phê bình cặm cụi viết những bài quảng cáo sách đầy mùi thù tạc, chẳng ai lại phải buồn miệng thốt lên câu hỏi "viết cho ai?" Chỉ khi một vài tác phẩm nào đó đột nhiên ra đời như một sự thách thức trước cảm quan thẩm mỹ của văn giới và độc giả đương thời, thì chúng ta mới được nghe câu hỏi ấy rào rạt nổi lên, làm như vài tác phẩm như vậy có khả năng đe dọa làm mất ổn định cả nền văn chương đương thời và tạo nên khủng hoảng nơi người viết và người đọc.

Điều thú vị tiếp theo là câu hỏi ấy, nếu được thốt lên từ miệng của các nhà văn, thường đi kèm với một tâm trạng hết sức ngộ nghĩnh. Khi đọc xong một tác phẩm mới, và thốt lên "viết như thế này thì viết cho ai?", thật ra họ muốn nói "cái này không phải viết cho tôi, vì tôi không cảm thụ nổi". Nhưng nói thẳng như thế thì ngượng quá, vì không lẽ mình lại công khai thú nhận cái giới hạn của mình trong cách cảm thụ, cái óc bảo thủ của mình trước dòng vận động và phát triển của văn chương, cái kiến quan chật hẹp cứng đờ của mình trước những phát kiến mới lạ. Không dám nói thẳng ra như thế, thì hỏi vặn "viết cho ai?", ra vẻ như mình đang lo cho khối độc giả đông đảo của đại chúng bị bỏ rơi, không được văn chương phục vụ, chứ còn đối với bản thân mình thì những cái mới lạ ấy cũng chẳng có gì đáng nói.

Điều thú vị khác là, mỗi lần có một tác phẩm mới lạ xuất hiện khiến người ta lao nhao "viết cho ai?", thì kèm theo với cái lao nhao đó thường là những lời bàn bạc mổ xẻ về "cái tâm" của tác giả, làm như một phát kiến mang tính mỹ học thường là một dấu hiệu rất đáng ngờ về đạo đức. Cái tam đoạn luận là thế này: "viết là để cho người ta hiểu mình viết cái gì, vậy nếu viết mà người ta không hiểu nổi cái gì cả, thì quả là trò lường gạt, trò tiểu xảo". Chẳng những chỉ thẩm định về đạo đức của người viết, lời ta thán "viết cho ai?" còn thường bao hàm cả một sự thẩm định về giá trị mỹ học tác phẩm. Cái cơ sở lý luận của sự thẩm định ấy là như thế này: "Tôi là một người trong đại chúng, vậy cái gì tôi không cảm nổi, thì không ai cảm nổi. Mà nếu không ai cảm nổi, thì nó là một tác phẩm thất bại, nó dở". Thật là một cơ sở lý luận thú vị!

Thú vị nhưng đáng buồn, vì những điều trên biểu hiện lối sinh hoạt văn chương của một xã hội thiếu lành mạnh và mất quân

bình. Chỉ đến chừng nào câu hỏi "viết cho ai?" không còn hàm ý một sự đòi hỏi, không còn là một lời ta thán, mà được trả về cho mỗi người viết, để người ấy tự hỏi hay vất đi, tuỳ theo công việc chuyên môn của mình; chỉ đến chừng nào mỗi người viết có khả năng và can đảm tự xác định cho mình một hướng làm việc và dốc hết sức vào đó để đạt kết quả tốt nhất; chỉ đến chừng nào người đọc tự nhận thức được về khả năng đọc và cảm thụ của mình để tự rèn luyện thêm, hoặc chọn hẳn cho mình một loại văn chương thích hợp, và trút bỏ được ảo tưởng về quyền lực thẩm định nghệ thuật đầy tính cách tuỳ tiện của mình; chừng ấy sinh hoạt văn chương của chúng ta mới có thể đổi khác để làm nẩy sinh những điều thú vị khác, những điều thú vị đáng tự hào.

HOÀNG NGỌC-TUẤN

CHÚ THÍCH:

(1) Tôi có phân tích bốn bí quyết chính của Morris West trong bài "Morris West và những bí quyết của một nhà văn best-seller", *Văn* số 35.

(2) Morris West, "Address to the Multicultural Writers' Weekend", *Writing in Multicultural Australia* (Sydney: Australia Council for the Literature Board, 1985) 10-11.

(3) Tony Stephens, "The Last Chapter," *World Press Review* (May, 1993, Vol.1, No.5) 48.

(4) Xem Italo Calvino, "Chúng ta viết cho ai? Hay chiếc kệ sách giả định", bản dịch Việt ngữ của Hoàng Ngọc-Tuấn, đăng trên *Chủ Đề*, số 1.

(5) Xem Italo Calvino, "Tính cách bội trương trong văn chương tương lai", bản dịch Việt ngữ của Hoàng Ngọc-Tuấn, đăng trên *Việt* số 6.

(6) Xem các bài viết "Đối thoại giả tưởng về việc viết và đọc văn chương" ttên *Hợp Lưu* số 47, và "Morris West và những bí quyết của một nhà văn best-seller" trên *Văn* số 35.



NGUYỄN TUẤN ANH
những kỳ tích
vewalter benjamin



"To great writers, finished works weigh lighter than those fragments on which they work throughout their lives."

("Với những nhà văn lớn, những tác phẩm hoàn tất nhẹ ký hơn, so với những mẩu đoạn mà họ miệt mài suốt đời.")

Walter Benjamin (1892-1940)

1.

Bây giờ, câu chuyện về ông được nhiều người biết cho nên cũng chẳng cần kể lại một cách chi tiết.

Nơi chốn: biên giới Pháp-Tây Ban Nha. Thời gian: 1940. Benjamin chạy trốn một nước Pháp bị chiếm đóng, tới gặp bà vợ một anh chàng Fittko nào đó, mà ông gặp gỡ ở trong trại tù. Theo ông, Bà (Frau) Fittko có thể dẫn ông và những người cùng đi vượt dẫy núi Pyrenees tới xứ Tây Ban Nha trung lập. Dọc đường, thấy ông ì ạch với chiếc cà tạp nặng nề, bà dẫn đường hỏi: cái gì vậy, có cần thiết [mang theo nó]

không? Trong đó là một bản thảo, ông trả lời. "Tôi không thể chịu rủi ro mất nó. Nó... PHẢI được gìn giữ. Nó còn quan trọng hơn cả tôi."

Hôm sau, họ vượt dẫy núi. Đi được mươi phút là Benjamin phải ngưng để thở, do đau tim.

Tới biên giới, họ bị chặn lại. Giấy tờ không hợp lệ, cảnh sát Tây Ban Nha phán, phải trở về Pháp. Nản quá, trong đêm đó, Benjamin làm một liều thuốc phiện thật nặng. Cảnh sát làm biên bản những món đồ của người quá cố. Không có bản thảo nào hết trong biên bản đó.

Trong cà tạp có gì, và nó biến đi đâu, chúng ta chỉ phỏng đoán. Gershom Scholem, bạn của Benjamin, gợi ý: đó là bản sửa chữa lần chót (the last revision) tác phẩm chưa hoàn tất, Passagen-Werk, được biết qua tiếng Anh bằng cái tên "Arcades Project" ("Thương Xá"). ("Với những nhà văn lớn," Benjamin viết, "những tác phẩm hoàn tất nhẹ ký hơn so với những mẩu đoạn mà họ miệt mài suốt đời."). Bằng một cố gắng anh hùng, nhưng vô vọng – làm sao cho lửa Nazi đừng thiêu đốt bản thảo, làm sao mang nó tới một vùng đất an toàn, trước tiên là Tây Ban Nha, sau đó là Mỹ quốc – chỉ với một cố gắng như vậy đủ khẳng định, đây chính là một huyền tượng trong giới học giả của thời đại chúng ta.

Câu chuyện không đến nỗi quá bi đát, với đứa con tinh thần của ông, bởi vì một bản sao của "Arcades Project" không đi theo chủ nhân, ở lại Paris, và được bạn thân của Benjamin là Georges Bataille giấu giếm tại Thư viện Quốc gia. Sau chiến tranh, được xuất bản nguyên xi vào năm 1982, nghĩa là bằng một thứ tiếng Đức xen những mảng lớn tiếng Pháp ở trong.

Bây giờ chúng ta có dịch bản tiếng Anh tác phẩm chính (magnum opus: đại tác phẩm) của Benjamin. Dịch giả là Howard Eiland và Kevin McLaughlin, và bây giờ, sau cùng, chúng ta có thể đặt câu hỏi: Tại sao lại [có người] quan tâm tới mức như thế, về mỗi một chuyện đi mua sắm, ở nước Pháp thế kỷ 19?

Benjamin sinh năm1892, tại Berlin, trong một gia đình Do thái đã hội nhập. Cha ông là một người thành công trong nghề đấu giá những nghệ phẩm, và sau đó tách ra làm ngành đầu tư tài sản; dòng họ Benjamin thịnh vượng, về nhiều mặt. Sau một thời thơ ấu ốm yếu, được đùm bọc, vào lúc mười hai tuổi, Benjamin được gởi tới một trường nội trú có khuynh hướng tiến bộ ở miền quê, và rơi vào ảnh hưởng của một trong những vị giám đốc trường là Gustav Wyneken.

Nhiều năm, sau khi đã rời ngôi trường, Benjamin vẫn hoạt động trong phong trào chống lại tính quyền thế, trở lại với thiên nhiên, của Wyneken; ông chỉ đoạn tuyệt với nó khi Wyneken ra mặt ủng hộ Đệ Nhất Thế Chiến.

Vào năm 1912, Benjamin ghi tên học ngành ngữ văn tại Đại học Freiburg. Nhận thấy không hợp khẩu vị với môi trường trí thức, ông lao vào phong trào vận động cải cách học vấn. Khi chiến tranh bùng nổ, ông trốn tránh quân vụ, lúc đầu giả vờ bệnh, sau dời tới nước Thụy sĩ trung lập. Ông ở đây tới năm 1920, học triết và lo làm luận án tiến sĩ ở Đại học Berne. Bà vợ phàn nàn, họ không có một cuộc sống xã hội.

Bạn của ông là Theodor Adorno nhận xét, Benjamin mệt vì những đại học, như Kafka mệt vì những công ty bảo hiểm. Dù nghi ngại, Benjamin vẫn đi suốt qui trình lấy bằng tiến sĩ thực thụ cho phép ông làm giáo sư, bằng cách đệ trình luận án về Kịch nghệ Đức thời đại Baroque với đại học Frankfurt vào năm 1925. Thật lạ lùng, luận án không được chấp nhận; nó rớt đài vì không chịu nằm gọn trong lãnh vực văn học hoặc triết học, và Benjamin thiếu một vị thầy bảo trợ, bênh vực cho trường hợp của ông.

Những chương trình, kế hoạch khoa bảng kể như hỏng, Benjamin lao vào ngành dịch thuật, phát thanh, và làm ký giả tự do. Trong số những việc làm lấy tiền hoa hồng, có việc dịch "Đi Tìm Thời Gian Đã Mất" của Proust; ba, trong bẩy cuốn, đã được hoàn tất.

Vào năm 1924 Benjamin đến Capri, vào lúc đó, là trung tâm nghỉ mát được giới trí thức Đức ưa thích. Ông gặp Asja Lacis, nữ giám đốc kịch viện ở Latvia, và là một người Cộng Sản. Cuộc gặp gỡ đúng là định mệnh, "mỗi lần tôi đụng vô một mối tình lớn, là mỗi lần hoá thân", ông sửng sốt về mình, khi ngoái lại. "Một tình yêu thứ thiệt biến tôi thành người đàn bà mà tôi yêu". Với người tình này, còn kéo thêm sự thay đổi về đường hướng chính trị. "Với những người tiến bộ, nếu tuân theo cảm quan đúng đắn của mình, con đường suy tưởng của họ sẽ dẫn tới Moscow chứ không phải tới Palestine", nàng nói một cách thật nghiêm nghị với chàng. Thế là mọi dấu vết của chủ nghĩa duy tâm trong tư tưởng của ông, chưa nói tới chuyện láng cháng với chủ nghĩa quốc gia Do Thái (Zionism), phải bị bỏ đi. Ông bạn tâm phúc Scholem đã di cư qua Palestine, mong Benjamin đi theo. Ông nại cớ này cớ nọ, và cứ thế chần chờ cho tới chót.

Vào năm 1926, Benjamin tới Moscow vì có hẹn với nàng. Lacis coi bộ không hoan hỉ đón tiếp (nàng lúc này có bồ khác). Ghi nhận về chuyến đi cho thấy Benjamin không được thoải mái cái đầu cho lắm,

có cả nỗi băn khoăn có nên gia nhập Đảng Cộng Sản, và tự đặt mình vào đường lối của Đảng. Hai năm sau đó, chàng và nàng lại có dịp tái hợp, tuy ngắn ngủi, tại Berlin; họ sống bên nhau, tay trong tay cùng tham dự những cuộc họp của Liên minh những Nhà văn Cách mạng Vô sản. Cuộc tình làm cho vụ li dị với người vợ đầu nhanh chóng thêm.

Benjamin có ghi nhật ký chuyến đi Moscow, và sau đó sửa lại và cho xuất bản. Ông không nói được tiếng Nga, nhưng thay vì nhờ mấy thầy thông, ông cố gắng nhìn thành phố qua bề ngoài của nó [nguyên văn: đọc Moscow từ phía bên ngoài, read Moscow from outside], và ông gọi đây là thuật xem tướng mặt, chắc là theo kiểu người Việt mình nói, "trông mặt mà bắt hình dong, con lợn có béo thì [bộ] lòng mới ngon!". Ông giải thích thêm về phương pháp của mình: khoan trừu tượng hóa, khoan phê phán... hãy trình bầy thành phố [Moscow], theo kiểu như thế này: tất cả tính sự kiện, thì đã là lý thuyết (all factuality is already theory; câu này của Goethe, theo Coetzee).

Những khẳng định của Benjamin về kinh nghiệm "mang tính lịch sử về thế giới", như ông nhìn thấy xẩy ra ở Liên bang Xô viết, bây giờ có vẻ ngây thơ; tuy nhiên con mắt của ông thật là sắc bén. Rất nhiều cư dân mới của Moscow vẫn giữ nguyên bộ vó dân quê, sống cuộc sống làng mạc, theo nhịp sống quê mùa; sự phân biệt giai cấp có thể đã bị bãi bỏ, nhưng bên trong Đảng, một hệ thống đẳng cấp mới đang thành hình. Một cảnh tượng nơi chợ trời cho thấy tình trạng hạ thấp tôn giáo: một thánh tượng được kèm bởi những bức chân dung của Lênin, "như một tù nhân giữa hai tay công an".

Mặc dù sự hiện diện của nàng, Asja Lacis, là cái nền thường trực của những trang nhật ký lần thăm viếng (Moscow Diary), và tuy chàng, như nhận ra, cuộc tình chăn gối của đôi bên không ổn, chúng ta chẳng biết gì về con người nàng. Là nhà văn, nhưng chàng không có tài làm cho những người khác sống dậy, qua những miêu tả của mình. Trái lại, trong những bản viết của riêng Lacis, chúng ta có một hình ảnh sống động hơn, về Benjamin: đôi kính như hai ngọn đèn pha, ôi đôi bàn tay của "ảnh" mới vụng về làm sao!

Trong suốt quãng đời còn lại, Benjamin tự nhận hoặc một tay Cộng sản, hoặc một bạn đồng hành. Chúng ta tự hỏi, cuộc tình giữa ông với chủ nghĩa Cộng sản say đắm, sâu xa tới mức nào?

Nhiều năm sau khi gặp gỡ Lacis, Benjamin có lẽ vẫn lập đi lập lại những 'chân lý' Mác xít, mà chẳng cần đọc Marx, thí dụ như "giai cấp trưởng giả... bị kết án phải suy sụp do những mâu thuẫn nội tại và

nó sẽ tiêu luôn theo với đà phát triển của những mâu thuẫn này". "Trưởng giả" là một từ nguyền rủa đối với ông, và nó có nghĩa là chạy theo vật chất, thờ ơ, ích kỷ, giả hình, và trên tất cả, hoàn toàn tự mãn về mình – và ông tỏ ra rất thù nghịch, do bản năng. Tự coi mình là Cộng sản là một hành động chọn bên, vừa về mặt đạo đức vừa về mặt lịch sử, nhằm chống lại giai cấp trưởng giả và luôn cả dòng dõi trưởng giả của chính ông. "Một điều không thể khá được, đó là quên không chạy trốn cha mẹ", ông viết như vậy trong "Đường Một Chiều", một tuyển tập những mẩu nhật ký, những nghi thức của cõi mơ, những châm ngôn, những tiểu luận bỏ túi (mini-essays), và những nhận xét chì chiết về nước Đức thời cộng hoà Weimar. Với cuốn sách đó, ông tự tuyên bố về mình, vào năm 1928: một trí thức tự do (freelance intellectual). Do chạy trốn cha mẹ không sớm sủa cho lắm, ông bị kết án phải chạy xa [cha mẹ là] Emil và Paula Benjamin trong suốt quãng đời còn lại: trong khi phản ứng ngược lại ý muốn của cha mẹ muốn hội nhập vào giai cấp trung lưu Đức, ông giống nhiều người Do thái nói tiếng Đức cùng thế hệ, kể luôn cả Kafka. Điều gây bối rối, ở nơi bè bạn của ông, về chủ nghĩa Marx của ông: hình như có một điều gì gượng gạo, một điều chi giống như là thù đáp (reactive).

Những bài viết tả khuynh đầu tiên của Benjamin đọc thật nản. Người ta đành phải nói, một "sự ngu xuẩn cố tình", khi đọc những dòng ông "thổi" (rhapsody) Lênin; ("những lá thư của Lênin mới hoành tráng ngọt ngào làm sao", nhưng bài này bị những biên tập viên bản dịch của Harvard loại bỏ); hay là hùa theo lối nói khéo léo, nhưng ẩn tàng mầm tai tương, của Đảng: "Chủ nghĩa Cộng sản không mang tính triệt để. Do đó, nó không có ý định giản dị xoá bỏ mọi liên hệ gia đình. Nó chỉ thử nghiệm những liên hệ này, để kiểm tra khả năng của chúng, trước chuyển đổi. Nó tự hỏi chính nó: Liệu gia đình có thể được tháo gỡ ra, nhờ vậy mà những thành phần của nó có thể được tái phối trí vào xã hội?"

Những dòng trên đây, là từ bài điểm một vở kịch của Bertolt Brecht. Ông gặp nhà soạn kịch người Đức này qua Lacis. "Kiểu suy tư thô, nguyên" – lột bỏ những nhận xét tinh tế trưởng giả – của Brecht, có một dạo, đã quyến rũ Benjamin. "Đường Một Chiều" được đề tặng người tình: "Con đường này mang tên em, vị kỹ sư đã phóng nó qua người anh." [nguyên văn: "Con đường này mang tên Phố Asja Lacis, theo tên nàng, một người mà giống như một vị kỹ sư, đã cắt nó xuyên qua tác giả"]. So sánh đấy, mà là khen ngợi đấy. Kỹ sư là một người, nam hay nữ, của tương lai; một người - bực bội với ba cái trò lắm lời; được trang bị bằng tri thức thực hành - hành động, và quyết tâm hành

động nhằm thay đổi toàn cảnh. (Stalin cũng ái mộ những kỹ sư. Theo quan điểm của ông, nhà văn phải trở thành những vị kỹ sư của tâm hồn, theo nghĩa, họ phải coi đây là chức năng của mình: tái phối trí nhân loại, từ phía bên trong mà ra).

Trong số những bài viết được khá nhiều người biết tới, bài "Tác giả như người sản xuất" ("The Author as Producer", 1934) cho thấy ảnh hưởng của Brecht thật rõ rệt. Trọng tâm của bài viết là một "vấn nạn" cũ rích của mỹ học Mác xít: Cái gì quan trọng, hình thức hay nội dung? Benjamin đề nghị, rằng một tác phẩm văn học sẽ "chỉ đúng về lập trường chính trị nếu nó cũng đúng về lập trường văn học". "Tác giả như người sản xuất" là một bài viết nhằm bảo vệ nhóm khuynh tả thuộc lực lượng tiên-phong hiện đại - với Benjamin, là nhóm Siêu thực - chống lại đường lối của Đảng đối với văn học, vốn chỉ nhắm những gì dễ cảm thông, những câu chuyện hiện thực nặng khuynh hướng tiến bộ. Để bênh vực cho trường hợp của mình, Benjamin, một lần nữa, đành phải kêu gọi tới sức quyến rũ của [vai trò] kỹ sư: nhà văn, như người kỹ sư, là một chuyên viên kỹ thuật và phải có tiếng nói của mình trong những vấn đề kỹ thuật.

Lập luận ở mức thô thiển như thế thật không dễ dàng đối với Benjamin. Liệu lòng trung với Đảng khiến cho ông chẳng hề băn khoăn, vào lúc mà sự bách hại nghệ sĩ của Stalin đang ở đỉnh cao? (Asja Lacins, chính nàng, cũng trở thành một trong những nạn nhân của Stalin, và phải trải qua nhiều năm trong trại lao động cải tạo). Một mẩu viết trong cùng năm đó, 1934, có thể cho chúng ta một chút manh mối. Ở đây, Benjamin chế nhạo đám trí thức "coi đó là niềm hãnh diện, khi toàn thân thể hiện trong mọi vấn đề [mà Đảng vạch ra]," từ chối không chịu hiểu, để thành công, họ phải trình bầy những bộ mặt khác nhau cho những khán thính giả khác nhau. Ông nói, họ giống như một gã đồ tể, không chịu cắt từng mảnh, cứ nài nỉ bán trọn con thịt. Chúng ta phải hiểu câu nói của ông ra sao? Phải chăng Benjamin ca ngợi một cách châm biếm sự liêm khiết trí thức đã lỗi thời? Hay đây là lời thú nhận bóng gió về mình, 'dzậy mà không phải dzậy", theo cách nói của người Việt miền nam (that he, Walter Benjamin, is not what he seems to be)? Hay ông đưa ra một quan điểm thực tế, nếu không muốn nói là chua chát, về cuộc sống của một nhà văn chuyên viết thuê làm mướn. Một lá thư gửi bạn tâm phúc, Scholem (mà không phải Benjamin bao giờ cũng tiết lộ toàn bộ sự thực), cho thấy, cách hiểu chót có lẽ đúng hơn cả: trong thư, Benjamin bảo vệ chủ nghĩa cộng sản của ông như là "một toan tính hiển nhiên, có suy nghĩ, của một người đã hoàn toàn, hoặc hầu như đã hoàn toàn, bị tước đoạt bất cứ một phương

tiện sản xuất, để mà đòi hỏi quyền của mình, về những phương tiện sản xuất." Nói một cách khác, ông theo Đảng với cùng một lý do như bất cứ một tay vô sản nào khác: bởi vì đây là lợi lộc vật chất của mình.

2.

Vào lúc Nazi lên nắm quyền, nhiều người cộng sự với Benjamin, đọc ra cái điềm báo trước của thời đại, đã theo nhau mà bôn tẩu. Benjamin vốn từ lâu cảm thấy không có đất cắm dùi ở Đức, lại hay lai vãng Pháp và Ibiza, bèn theo gót bạn bè. (Ông em trai, Georg, bất cẩn hơn, ở lại, bị bắt vì những hành vi chính trị, và tàn đời tại Mauthausen vào năm 1942).

Định cư tại Paris, cố kiếm cơm bằng cách cộng tác với những nhật báo Đức dưới những bút hiệu đọc lên nghe có tí dòng giống tối thượng Aryan (Detlef Holz, K. A. Stempflinger); lúc quá kẹt, sống bằng của bố thí. Khi chiến tranh bùng nổ, Benjamin thấy mình ở trong trại tù, như là một ngoại nhân thù nghịch. Được thả, nhờ Hội Văn Bút (PEN) Pháp can thiệp; ngay lập tức ông kiếm mối manh, tìm đường đào tẩu qua Mỹ, và sau cùng là chuyến đi định mệnh, kết thúc tại Port-Bou, biên giới Pháp-Tây Ban Nha.

Những chiếu rọi sắc sảo của Benjamin, khi ông nhìn chủ nghĩa phát xít, kẻ thù tước đoạt gia đình, nghề nghiệp (career), và sau cùng đã giết chết ông, là từ những phương tiện mà nó sử dụng để chiêu dụ dân chúng Đức: tự biến thành tuồng hát. Những chiếu rọi thần tình này được diễn tả đầy đủ nhất ở trong (dùng cái tên được Harvard ưa thích) "Nghệ phẩm trong thời đại tái sản xuất bằng kỹ thuật" (The Work of Art in the Age of Its Technological Reproducibility" (1936), nhưng chúng đã thấp thoáng ở trong bài điểm, vào năm 1930, cuốn 'Chiến tranh và những Chiến sĩ', do Ernst Junger biên tập.

Quan niệm thông thường cho rằng, những đại hội diễu hành ở Nuremberg của Hitler đã lấy khuôn mẫu từ những ca nhạc kịch của Wagner ở Bayreuth [một thành phố Đức]: réo rắt hùng hồn, âm thanh hớp hồn, vũ điệu dành cho đám đông, và đột biến bi thảm. Nhưng điều được coi là uyên nguyên, ở Benjamin, đó là ông cho rằng chính trị - như là kịch nghệ hùng vĩ hơn là như tranh luận – không chỉ là những mặt nổi huy hoàng, giầu sang của chủ nghĩa phát xít: nó chính là chủ nghĩa phát xít, tự yếu tính.

Trong những cuốn phim của Leni Riefenstahl cũng như trong những phim thời sự, được trình diễn trong mọi rạp hát nội địa, quần chúng Đức được dâng hiến những hình ảnh của chính họ, như những nhà lãnh đạo kêu gọi: hãy là như vậy. Chủ nghĩa phát xít sử dụng quyền năng nghệ thuật của quá khứ – điều mà Benjamin gọi là nghệ thuật hào quang, cộng thêm quyền năng được nhân lên nhiều lần của phương tiện truyền thông đại chúng mới mẻ thời kỳ hậu-hào quang, trên tất cả là phim ảnh, để tạo ra những công dân phát xít mới của nó. Với những người dân Đức bình thường, căn cước độc nhất đem trình diễn, cái căn cước từ trên màn ảnh chiếu xuống họ, là căn cước phát xít trong bộ đồ phát xít, và những dáng đứng phát xít, hoặc chế ngự hoặc tuân phục.

Phân tích của Benjamin về chủ nghĩa phát xít gây ra nhiều câu hỏi. Phải chăng chính trị như là kịch cảnh (spectacle) thực sự là trái tim của chủ nghĩa phát xít, chứ không phải sự phẫn uất, hay những giấc mơ về sự phục thù lịch sử? Nếu Nuremberg là chính trị được thẩm mỹ hoá, tại sao những cuộc diễu hành ngày 1 tháng 5 và những vụ án phô trương của Stalin, không được coi là chính trị thẩm mỹ hóa? Nếu thiên tài của chủ nghĩa phát xít, là xóa bỏ lằn ranh giữa chính trị và phương tiện truyền thông, đâu là thành tố phát xít của chính trị-lôi kéo-quần chúng của những nền dân chủ Tây phương? Lẽ nào chẳng có những biến điệu khác nhau của chính trị thẩm mỹ?

(còn tiếp một kỳ)

NGUYỄN TUẤN ANH

---

chuyển ngữ bài viết "The Marvels of Walter Benjamin", tác giả J.M. Coetzee, nhà văn hai lần đoạt giải The Booker, trên tờ Điểm sách New York, số đề ngày 11.1.2001)





NGUYỄN HOÀNG VĂN
giữa... cứt và người

Có lẽ sẽ có không ít người cau mặt, đòi gập ngay trang sách, chỗ văn chương mà! Nhưng khoan, hãy kiên nhẫn đã...

Vì, đó đây trong văn chương, cứt cũng đã lai rai xuất hiện đôi lần.

Chẳng hạn cái câu ca dao:

Em như cục cứt trôi sông
Anh như con chó chạy rông trên bờ

Chúng ta tiếc cho câu ca dao sinh bất phùng thời! Không chắc là nó ra đời lúc nào nhưng hẳn nhiên là trước thơ tình Xuân Diệu rất xa, trước Hồn Bướm Mơ Tiên, trước hết thảy các kiểu giấy mực nhủng nhẳng phấn son. Nó mà ra đời trễ, thật trễ, hẳn đã vô cùng... hiện đại, đã đường đường là một lời phản kháng, một thứ tuyên ngôn đả phá nền văn chương ái tình muôn đời ỏng a ỏng ẹo.

Đọc Chiều Chiều, hồi ký của Tô Hoài, lại thấy thương cho những anh Cổ Nhuế đi ăn trộm... cứt. Cổ Nhuế, hay Kẻ Noi, bên lề Hà Nội, là cái làng sống bằng nghề hốt cứt, thờ Thành Hoàng là một kẻ hốt cứt,

thờ cả bộ đồ nghề gồm đôi quang gánh và hai mảnh xương trâu. Món đồ nghề, nghe đâu, từng được vua Lê Thánh Tôn "ví" như hai thước kiếm trong câu đối tặng làng:

Khoác tấm áo bào, giang tay gánh vác thiên hạ
Vung hai thước kiếm, tận thu lòng dạ thế gian

Rồi đọc đến Ngài Đại Tá Chờ Thư của Gabriel Garcia Maquez, Nobel Văn Chương 1982, cũng thấy... cứt. Viên đại tá hết thời chờ tin con đang sống lưu vong. Túi sạch, gia tài, nữ trang bán sạch, sinh lộ ngài đại tá đã đến đường cùng, chỉ biết trông chờ vào độ gà nòi. Độ gà thua, lấy gì mà ăn? Ngài đại tá phải trải qua mấy mươi năm thăng trầm đầy vinh quang cay đắng của cuộc đời mình mới có thể từng phút một, từng phút đi đến cái khoảnh khắc thanh thản lạ lùng khi trả lời người vợ: Cứt!

Như thế, Đông Tây hay kim cổ gì gì, văn chương vẫn tà tà lai rai với... cứt.

Tuy nhiên đó vẫn là thứ mà nhân loại hằng né tránh, ít khi đề cập đến. Cả cái sự thải ra nó, cái sự từng được ca dao nâng lên, trong một khung cảnh riêng, thành một trong những "khoái":

Thứ nhất là đỗ thủ khoa
Thứ hai vợ đẹp, thứ ba ỉa đồng

cũng bị né tránh!

Nhưng nói theo Ralph Lewin - tác giả của thiên khảo cứu về... cứt: Merde: Excursion into Scientific, Cultural and Social Historical Coprology - không thể né tránh, số phận chúng ta gắn chặt với hai điều: sống, vào nhà xí; chết, ra nghĩa trang.

Nó thực và không thể tránh né đến độ, nếu không thật tâm chống lại, thế giới này sẽ bị hũy diệt vì... cứt. Lewin tuyên bố: "Cái toa lét đã trở thành mối đe doạ của nền văn minh này!" Dân số càng gia tăng và trái đất này sẽ phải hứng chịu bao nhiêu "lòng dạ thế gian" nữa? Tuy nhiên, từ trên những phương tiện truyền thông ít ai nhận thấy. Chỉ là những âm mưu địa lý - chính trị, những trò khủng bố, những thị trường trồi sụt v.v... Qua những ngôn ngữ quảng cáo, cuộc chiến đấu chống lại cứt của nhân loại cơ hồ chỉ là độ mềm mại của từng khoanh giấy vệ sinh!

Trong khi Lewin nhìn cứt qua khía cạnh môi sinh thì Dominique Laporte, người Pháp, lại nhìn nó qua lăng kính triết học.

Trong History of Shit - xuất bản năm 1978 bằng tiếng Pháp và mới được Viện Đại Học MIT xuất bản bằng tiếng Anh - Laportes đã xem cứt như một mô hình phát triển của... văn minh. Nó phản ánh sự hình thành của ý thức cá nhân, hay nói cách khác, sự hình thành cái "tôi".

Có nhiều hướng tiếp cận điều này. Nếu Micheal Foucault nhìn ý thức về cái tôi như là sự kết trái của những quan hệ quyền lực, nếu Jacques Derrida diễn dịch nó qua những mô hình ký hiệu học thì Laportes, bên nhiều yếu tố khác, lại nhìn sự hình thành ấy qua... cứt.

Diễn dịch một cách khác: nếu Decarstes dùng khả năng tư duy để nhận chân sự hiện hữu: "Tôi suy nghĩ, do đó tôi tồn tại!" thì ở đây, Laportes muốn nhìn vấn đề qua lăng kính bài tiết: "Tôi đi ỉa, do đó tôi tồn tại!" (I shit, therefore I am!)

Như thế, có nghĩa là, nếu tôi "đi" khác, thì tôi cũng "tồn tại" khác hay sao? Mỗi thời người ta "đi" mỗi cách khác hay sao? Với Laportes, cách thức ở đó con người đương đầu với cứt chính là biểu hiện tâm lý và văn hoá của một xã hội đặc trưng, trong một thời đại đặc trưng.

Thế kỷ 16, thời kỳ Phục Hưng, không thể chối cãi, là một bước ngoặc vĩ đại trong lịch sử. Châu Âu đã vùng dậy trước sự đè nén của giáo quyền và quay về với những giá trị nhân văn của Hy Lạp và La Mã cổ đại.

Laportes nhận xét: Lúc những kiệt tác nghệ thuật bất hủ, mang đầy tính nhân bản chào đời, đó cũng là lúc con người trở nên khe khắt với... cứt.

Laportes nhắc đến sắc lệnh cấm... cứt của hoàng đế Pháp Fancois Đệ Nhất, ban hành năm 1539. Paris thời ấy, có thể nói, tràn ngập cứt. Có những đường phố hay quảng trường mà, để bước qua, ai cũng phải nhăn mặt và bịt mũi, cũng phải cực kỳ cảnh giác đôi chân. Theo Laportes, bản chất triết học của sắc lệnh này có thể tóm gọn trong một câu: cứt của nhà nào (hay kẻ nào), nhà đó (hay kẻ đó) phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Sắc lệnh cấm thải cứt ra đường, cấm phơi bày cái sự thải ấy ở nơi công cộng. Sắc lệnh bắt buộc mỗi nhà phải xây một hầm cầu trong thời hạn ba tháng, bằng không, sẽ... tịch biên gia sản.

Với những thị dân Pháp thời bấy giờ, sống trên những đô thị hoàn toàn vắng bóng hệ thống cống rãnh, đấy quả là một sắc lệnh hãi hùng!

Laportes diễn dịch đấy như một tiến trình... tư hữu hoá cứt! Nó rất đáng chú ý ở khía cạnh lịch sử: Tại sao một Châu Âu Phục Hưng

không... phục hưng cái đã từng tồn tại trong nền văn minh cổ đại - những cống rãnh của La Mã dưới thời Ceasars chẳng hạn - mà chăm chăm trút cứt lên đôi vai của từng cá nhân?

Hậu kỳ Phục Hưng là một cột mốc lớn trong lịch sử nhân loại. Kể từ đây, những nền móng quốc gia hiện đại đã phôi thai qua sự tách rời giữa đời sống công cộng và đời sống cá nhân. Cái sự tách rời đi thẳng vào cả sự bài tiết: cá nhân phải chịu trách nhiệm về những gì mình thải ra, và sự "thải" ra đó, như một vấn đề cá nhân, cần phải kín đáo!

Cũng có những tách rời chung-riêng tương tự. Lấy thí dụ cái giường: khái niệm giường riêng và giường cá nhân cũng ra đời từ đây, con người đã thôi không còn ngủ chung ngủ chạ nữa. Nếu ngủ, bài tiết và... nghĩa trang là những nhu cầu hay số phận không thể trốn chạy của con người, thì chính từ những cái riêng trên giường, trong nhà cầu hay nơi mộ chí như thế, Laportes lý luận, cái tôi hiện đại của thời kỳ Ánh Sánh mới hình thành.

Freud, cha đẻ khoa phân tâm học, đánh giá sự lành mạnh của một xã hội văn minh qua ba tiêu chí: đẹp, trật tự và sạch. Ông tổ của khoa học chuyên về cái tôi đòi hỏi mỗi cá nhân phải xây dựng sự lành mạnh của tâm trí qua con đường loại bỏ những "cứt phẩn tâm lý" (psychic shit). Theo Laportes, ý tưởng của Freud có cái gì đó tương ứng với quan niệm khe khắt về vấn đề vệ sinh của thời đại Victoria; cái quan niệm kiến tạo một xã hội khoẻ mạnh bằng cách trừ khử tuyệt đối những gì mà con người thải ra.

Laportes cũng nhắc đến mối quan hệ giữa cứt và tiền!

Song song với tiến trình tư hữu hóa trên địa hạt bài tiết, còn là tiến trình tư nhân hoá trên lĩnh vực thương mại. Trong thời kỳ Trung Đại, cho dù phải tự chế bằng những lề luật bất thành văn như một thứ đạo đức, ít hay nhiều, ông hoàng hay lãnh chúa nào cũng đích thân bắt tay vào những giao dịch thương mại của lãnh địa mình. Nhưng khi mầm mống của nhà nước hiện đại bắt đầu phôi thai, có vẻ như tiền đã trở thành một thứ... cứt của xã hội (societial shit), và chính lúc này, giai tầng cai trị, để tỏ vẻ cao thượng, cố làm cao, cố tách mình ra khỏi những hoạt động mua đi bán lại.

Có một tương quan đáng để ý ở đây. Dè bĩu thì dè bĩu, xã hội nào cũng cần đến những hoạt động đem lại lợi tức, và do đó, một giai tầng mới phải ra đời để đảm đương cái trách vụ vốn bị giai tầng qúy tộc xem là nhơ bẩn. Cùng lúc đó, để... văn minh, xã hội phải loại bỏ, hay giấu cho khuất mắt, những vật chất tự mình thải ra, và như thế phải có một thành phần nào đó đảm nhiệm cái công việc nhơ bẩn này.

Như thế, cách thức mà con người đương đầu với những gì mình thải ra luôn phản ánh tâm lý văn hóa, phản ánh ý thức về cái tôi của họ, trong những dấu ấn của thời đại mà họ đang sống. Với những xã hội cổ sơ, khi ý thức về cá nhân hãy còn mờ nhạt, chất thải của từng cá nhân không hề là vấn đề riêng của hắn: hắn đùn đẩy ra ngoài như là trách nhiệm chung của cộng đồng và xã hội, như những con đường ứ mũi ở Paris, như cái quan niệm về trò khoái thứ ba nơi đồng không mông quạnh...

Chất thải nào cũng có những rắc rối của nó. Nhà môi sinh lo lắng với biological shit. Freud lo lắng với psychic shit. Còn bao chất thải ở những lĩnh vực khác nữa? Văn chương chẳng hạn.

Xét cho cùng, văn chương thì cũng vậy thôi, cũng I shit, therefore I am: cái cách chúng ta deal với những gì mình thải ra cũng phản ánh ào ào như thế! Thí dụ cái tôi, tức quan niệm ở đó tác giả nhìn về tác giả: nếu như sự "viết" bỗng dưng trở thành sự "thải", đấy chỉ là trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm của riêng tác giả hay nhất định có phần độc giả xía vô?

Nếu câu trả lời là "có" thì sự viết ấy, có khi, và trong một chừng mực nào đó, cũng là một trò khoai khoái, chỉ sau thứ nhất thủ khoa và thứ hai vợ đẹp...

NGUYỄN HOÀNG VĂN
Sydney 9.3.2001





MAI NINH
đi tìm

Thành Phố

Cô vào đến thành phố lúc đêm chưa đi, một đốm sáng rất nhỏ ửng góc trời lộ ra sau những toà cao ốc. Đồng hồ trên tay chưa chỉnh lại sai biệt, cô cũng không thấy cần thiết tìm biết giờ giấc lúc này. Khi chuyến đi quá dài và không gian mây trời sông biển vừa vượt qua đã là mông mênh đến khó lòng ý thức, thì có hề gì lúc này là nửa đêm hay sắp gần về sáng.

Cô dừng lại trước bàn tay đỏ bắt bộ hành chờ đợi ở một ngã tư. Vài chiếc xe chạy qua, lướt rất êm trên mặt đường còn bóng nước. Trời có lẽ vừa tạnh cơn mưa nhỏ. Cô là bộ hành duy nhất, không nghe tiếng giày vang giữa hè phố, chỉ cây rung lá rào rào và những con chim đêm còn lùng xục, xoè cánh chao vút dưới ánh sáng đục của những trụ đèn. Giá cô tìm một pan-nô bản đồ thành phố có thể sẽ biết nên quẹo phải hay trái ở ngã ba sắp tới. Nhưng không, cô nghĩ mình còn thời gian, thứ thời gian thật dài cho định mệnh để tự tìm ra nơi muốn đến bằng chính những dẫn dắt của tâm tưởng, khởi từ hình ảnh và lời nói

vọng rất xa. Phố ấy có hàng cây sầu đau, đi về phiá đại lộ phải gặp một quán cà-phê Ý, vòng sang bên kia là một ngôi nhà thờ mang tên vị thánh – mà có nhà thờ nào không mang tên thánh đâu, như những con đường mọi nơi đều là danh nhân, anh hùng liệt sĩ. Nếu có quyền đặt tên chắc cô sẽ gọi chúng bằng những động từ bởi đời sống là một tập hợp của những hành động, như cô bây giờ, đi tìm. Sống, thở, ăn, ngủ, nhớ, quên, yêu, điên và đi tìm, và đứng ở ngã ba giữa thành phố lạ. Một lúc trong ngày, một khoảnh cuộc đời, người ta sẽ đi đến con đường mang tên điều mình cảm thấy cần hay thích làm không vì thiết yếu mà như một hành trình khám phá. Khám phá để từ đó tìm ra lối trở về. Trở về một quê nhà đã mất hút. Mất hút ngay thuở thiếu thời. Một niên thiếu chỉ khi người gặp được người mới có cơ duyên nhận ra hay tìm lại.

Những hạt nước từ mái lầu với tàn cây cuống quít rơi trong ngọn gió rút qua không gian trống. Đã đến gần một công viên, mới thoáng cô ngạc nhiên về những bông hồng vươn trên cành vương giả long lanh bụi nước tựa đeo toàn đá qúi. Cuộn quanh hương ngất nồng dạ lý. Nơi đây hạ đang khởi đầu, ánh trở màu hồng của hoa thành sắc tím trong đêm. Trăng một vành cong nhìn xuống mấy chiếc băng đá lẩn quẩn lùm cây, một người nào như vừa ngả lưng, đầu úp chiếc mũ rơm. Có lẽ khi rạng ngày trời sẽ đầy nắng. Đêm trên cao bây giờ đổi xanh gần trong vắt. Một lần anh có nói về con rồng bay lượn quấn trời cao, vẫy vùng trên công viên vào ngày hội lớn. Có phải nơi này? nhưng rắn rồng đã biến đi, trở về ngủ yên huyền thoại, chỉ để lại đầy đom đóm trời nhấp nháy sau vạn nghìn ô kính tầng cao.

Qua nhiều con phố lớn hiện đại với cửa hiệu im lìm đợi sáng, cắt ngang vài ngã tư là mấy con đường khuất. Lúc này tất cả đóng kín, nhịp thở trong các căn lầu thiêm thiếp nhẹ đều hay ngất hụt bởi cơn mơ thì chúng cũng thật sâu sau cửa khép. Bên kia những mái nhà ngói nâu xoè xà gỗ với ít nhiều trạm trổ đầu thú thời tiền sử, biết đâu không xuất hiện một giáo đường lẩn trong phố thị. Cô quên hỏi anh, chiếc thập tự có vút cao trên ngọn tháp *gothique* hay chỉ nhú khỏi đỉnh thếp vàng một nóc nhà thờ tròn trĩnh. Liệu có thể nhìn thấy từ xa mấy quả chuông rung lên từng hồi, không để chiêu gọi con chiên mà giản dị là khúc nhạc vui cho lũ chim trốn đông, lạc về từ nửa vòng kia trái đất. Nhưng chẳng sao, cô còn bao nhiêu thời gian trước mặt để tìm ra căn phòng cao hơn ngôi nhà thờ ấy. Chiếc đồng hồ tròn trên mặt tường một cơ quan hành chính bỗng kính coong đổ hồi, chẳng hiểu bao nhiêu tiếng, âm thanh vang như giục giã, hối thúc thành phố mau mở mắt. Nhưng cô không muốn anh thức giấc lúc này, để bước vào

nhìn anh còn thiếp thở giữa nệm giường, co người trong vị trí sơ sinh, cô đơn cùng níu giữ.

Im ỉm mặt nhà cửa đóng, thoắt đâu trờ ra trên bờ hè hai hình người xiêu xiêu, áo sống lênh thênh. Tiếng đàn bà cười ngắc lên lẫn trong giọng nói lè nhè bỡn cợt. Người xô người đổ nhào dưới gốc cây. Vỏ chai loong coong lăn trên gạch đường. Chiếc xe chạy ngang nhoá ánh đèn vào mái tóc sáng kim. Còn vòm tóc đen kia quỵ xuống rúc vào, rồi tiếng kêu bật lên chạy rút đến cuối đường. Nó bất chợt bị chặn đứng trước cánh cửa cao dầy kiên cố, lừng lững giữa một vòng tường rộng sơn phết nhằng nhịt hình ảnh thô bạo và dòng chữ bực đục phản kháng, biểu tượng của những bức xúc thiệt thòi thiểu số. Nhưng trên đầu tường dưới hàng miểng chai xanh chĩa nhọn, chẳng rõ để chận giữ, bảo vệ điều gì bên trong, ai đó đã vẽ một câu thơ ngợi ca linh hồn và màu da đầm thổ bằng một thứ sơn đỏ máu. Vậy ra nơi này chẳng khác gì xứ cô từ đó đến. Cũng thế những tâm linh và cảnh sống bị phân chia nhiều tầng lớp cách biệt, cũng ngần ấy cách bày tỏ sự phẫn nộ thua thiệt. Cột đèn lênh khênh ngả một bóng dài nhợt nhạt, hai hình nhân đằng sau lại rít lên, ngật ngưỡng quấn nhau rạt vào ngõ khuất.

Ngoài vài khu đất trống bao quanh mấy dãy chung cư nước sơn ố từng vệt, các ngôi nhà quanh đây thấp hẳn xuống, cây trĩu cành ngả lá trong ngọn gió cuối đêm. Đèn đường đang nhòa với tia trăng cùng ánh trời sắp ửng phía bên kia mái ngói. Cách chia không mấy con phố mà nơi đây chẳng còn chút gì của thế giới lừng lững nhà cửa tân kỳ và đại lộ rộng thênh phóng mút, tưởng chừng đoàn xe nếu chạy băng tới đầu cùng sẽ đâm thẳng vào bầu trời hay lao chìm trong biển. Hình như anh nói biển không xa thành phố, nơi những vách đá tím mọc nghiêng cắt xẻ nền trời. Trong đêm, nếu ai đó trèo tới đỉnh sẽ bắt gặp mặt trời thao thức. Lúc nó vừa nhoi lên chút vành cam, ửng trên làn lụa biển xanh mướt thì ở vùng phố này, lời kinh cầu râm ran thứ âm ngữ lạ, cất vang từ trong gạch đá rồi bốc bay ra khỏi ngói nhà. Một chốc sau, thần linh mỏi mệt rũ áo về trời để lại con đường hẹp bắt đầu chộn rộn nhiều thứ âm thanh, người, súc vật, bát đĩa nồi niêu va chạm lẫn trong tiếng nước chảy ùa tuôn từ những khung cửa vừa toang mở đón khí trời. Giọng xướng ngôn viên đọc bản tin thời sự thấp thoáng trong điệu nhạc thổ dân dập dềnh giọng kèn râm ru. Rồi chợt bùng bùng nhịp trống thúc hối, thanh la xoèng xoèng như muốn thức tỉnh một bộ lạc còn ngái ngủ trên thân phận chìm uẩn giữa rừng thô. Trong chập choạng trở ngày, mấy cột đèn vụt tắt ngấm, thiếu ánh sáng tỏa, chúng đột trở nên xám ngoắt trơ đuột. Từ dãy chung cư và cả những

ngôi nhà thấp, mấy người đàn bà nước da ngăm bóng bắt đầu lùa ra đường những đứa bé trai quần cụt mắt mật nâu lanh láu và các cô bé gái váy ngắn đeo cặp đùi tròn, tóc bện vắt đuôi. Cặp sách sau lưng, chúng nhảy lưng tưng như sóc trên bờ hè. Người lớn con nít ồn ào thứ tiếng nói líu ríu, từng tràng chữ dính vào nhau. Không ai để ý cô đứng một góc đường giương mắt ngó một phần thành phố của anh mà cô vô tình lạc đến. Cô sẽ còn loanh quanh đi nữa, qua nhiều chốn ngụ cư, nhiều khu vực bày mở ra những nếp đời cùng cảnh quan có thể giống nhau hay vô cùng khác biệt. Nhưng làm sao, trong cuộc đi tìm, cô có thể ngại ngần khi tất cả hỗn tạp về sắc tộc, văn hoá này đã họp thành thế giới mà anh đang sống.

Sớm mai rớt trên mái tóc và vai áo mấy giọt sương mưa cuối cùng của đêm. Cô tiếp tục bước vào những khu phố mở ra rồi khép lại, cố ý và tình cờ. Loay hoay, mắc cửi như các con tàu điện suýt đâm vào nhau trong mạng xe cộ đan giăng mọi ngả. Chúng vừa chuồi lên từ lòng đất sau một đêm chôn sâu trống lặng. Tiếng còi tàu cô đã tưởng phải rền lên một gọi kêu nửa thúc giục nửa âm u mất mát, cuối cùng chỉ là vang âm rèn rẹt, lẫn lộn trong giao khúc bùng rộ từ trăm nhạc khí bất hợp, ồn ào đến đinh tai của buổi mai thành phố. Những con người bất chợt hiện ra khắp nơi, hấp tấp đến đi, chạy về mọi hướng, chỉ có cành lá trên cao bình thản đón nắng trời. Cô dừng lại trước một phòng điện thoại đỏ au au đứng ở góc đường. Mấy ô kính nhỏ viền bốn bên, hơi hướm Âu châu của đầu thế kỷ bỗng đâu giạt đến xứ sở này xa tấp. Chiếc máy bên trong ống tròn đen chờ đợi. Nhưng cô đã bước ngang qua với những con số của anh nối đuôi trước mắt.

Cho đến lúc ngôi nhà thờ ấy hiện ra bên cạnh một khu vườn nhỏ. Nắng mai hắt hàng cây chấp chới những cánh hoa bướm trắng lung linh vào bức tường đá. Ngửng nhìn vút cao, tháp chuông treo nặng những ba chàng gù xòe váy đang đánh đòng đưa. Ba chàng quất quay rung từng gióng, gọi chiêu hồn *Esméralda* đã chết bởi khờ khạo tình si. Nào ngờ ngọn chuông phía ngoài vươn oai xưa cổ nhưng tượng Chúa bên trong giáo đường thanh mảnh khiêm nhường dưới vút trần đá trắng. Những mang kính màu giản dị sáng long lanh, có tia chiếu thẳng vào một khổ người đang nằm rạp trên bực thảm. Tóc dài bù rối, bạc bẩn trên bộ quần áo thùng thình. Người ấy dường say ngủ, chung quanh chẳng còn ai khác. Cô ngồi xuống một băng ghế xa. Nỗi mỏi mệt bấy giờ dần dần ngập hai bàn chân, leo đến đùi rồi bờ vai tới đỉnh đầu. Mi mắt nặng ru thiếp cô, người dựa vào cột đá. Vài âm thanh rồ đục bỗng vọt cao rồi đổ ngược từ vòm trần dội thức cô thảng thốt. Dụi mắt nhìn về chân tượng Chúa, bộ áo và mớ tóc rối bẩn đang ngả

nghiêng bên cha xứ đeo thánh giá đen tuyền che gần hết ngực áo choàng trắng muốt. Cha xứ nghiêm chỉnh tay cầm cuốn kinh, hẳn vậy. Hình người kia không ngừng rún xuống rồi bật lên tựa lò xo, cổ họng rống từng nhịp ngắt quãng. Cô ngẩn ngơ, đó là lời hát thánh?, chắc thế. Vừa lúc ấy, một giọng *ténor* cất đường bay cao nương theo ống tay áo trắng vẫy rộng. Cha xứ và hình nhân tiếp tục bên nhau, mỗi người một bè nhạc, thanh thoát ngân nga và trần tục đứt đoạn. Không ai để tâm và đợi chờ ai, nhưng cô nghe từ đồng ca đó một hòa điệu lạ lùng. Tiếng ngân cuối cùng vừa dứt, gã bạc người chợt hét lên một tiếng chửi đổng, một tiếng rú thì đúng hơn, rồi chạy ào ra cửa, chập choạng đâm vào những hàng ghế. Hắn lướt qua cô, tóc che gần hết gương mặt đen sâu u uất, nhưng có thứ ánh sáng sắc xanh phóng ra từ hai con mắt lém dài tới thái dương. Một sức hút kéo đi, cô chạy theo ra tới ngoài. Nắng như từ cả bầu trời đứng trưa đổ ập tràn loang, choá nhoà hết sân đá trước thềm, xoá bay mọi cảnh vật. Không còn ai, không bóng người. Mãi hồi lâu, khu vườn nhỏ với hàng cây bướm trắng mới thấp thoáng trở hiện dần. Khi cô quay lại, cha xứ đứng lặng ở ngưỡng cửa, mắt nhìn mông lung thật xa, tựa tìm kiếm một điều gì.

Từ đó cảm giác hư thực hoang mang, rời rã đi theo cô trên những con đường dốc lên rồi thả xuống. Ánh mắt nhìn, bàn tay với và đôi môi treo nụ cười của anh vốn chỉ trong trí nhớ đã đến lúc cần thiết trở thành hiện thực. Cô muốn mau về tới căn phòng ấy, chặng cuối của chuyến đi cũng là điểm khai mở cho không gian nhập tìm sâu hút khác. Chân buốt mỏi nhưng cố bước nhanh theo nhịp thở nhọc và gấp. Hình như qua đầu phố hẹp lại kia, cô sắp gặp cái cửa hàng dán che hết tủ kính bằng những tấm bích chương quảng cáo *vidéo*, băng nhạc. Cả tiệm thuốc bắc anh từng ngửi ra nực nồng mùi nhung thục qui sâm. Mấy hiệu gia vị tạp hoá Trung Âu với bảng hiệu kẻ chữ lòng khòng. Vỉa hè sẽ khó bước hẳn bởi bao thứ lặt vặt mà những con người quen cách sống dễ dãi buông thả thích vung vãi sau mình. Có phải thế không, khi cô ra đến góc một đại lộ, song song với con đường nhỏ của căn gác anh, phải thấy quán cà-phê ấy từ xa với tấm bảng tên tận cùng bằng một âm ô kẻ chữ vàng trên nền đỏ. Cửa mở sẵn, cô bước vào, đôi ba khuôn mặt ngước lên cùng tiếng chào gọn trong mắt mở ngạc nhiên. Cô nhẹ cởi áo khoác dầy, cả khăn quàng cổ, ngượng nghịu trước những cái nhìn chăm chú quan sát, họ biết cô là người lạc đến từ mùa đông đang phủ trùm trên tinh cầu nửa bắc. Chiếc thìa bé xíu đẩy vòng trong chất đậm đen chỉ vừa một ngụm. Tách cà-phê nhỏ xiu này đặc biệt thuộc về dòng sống của cô, vô cùng xa cách nơi đây. Chẳng

ngờ nó đang ở trong tay và là điều duy nhất cho được cảm giác gần gũi thân quen.

Những đốm lá rọi qua nắng đong đưa trên mặt bàn. Cây ngoài xanh mướt, nhưng chưa phải hàng sầu đông gần căn phòng anh ở. Chỉ có một con đường nhả sầu lung linh ấy trong thành phố của anh. Dù không khí và hương cà-phê xoá dần lạc lõng thì cô cũng chẳng thể ngồi lâu. Còn phải tìm cho ra hiệu sách lọt dưới vệ đường mà anh kể thường đến đó, cả ngôi lầu đồ sộ từng là nơi đấu xảo quốc tế xưa kia. Bao nhiêu hình ảnh, nơi chốn anh đã nhắc đến mà cô chẳng thể nhớ hết. Nhưng cuộc hành trình nào cuối cùng cũng là một vòng tròn phải khép. Nếu cứ đi mãi, sẽ nhận ra, sẽ gặp tất cả, sẽ vòng trở về. Sẽ gặp những gì ta chưa từng thấy nhưng thật ra đã hiện hữu, khuất chìm yên ngủ từ một sâu thẳm nào, hơn cả ký ức. Tựa khuôn mặt tự nó đã thân yêu đến nỗi nhoà đi tất cả đường nét, chỉ còn lại một điều mà người ta gọi là tưởng nhớ.

Căn Phòng

Cuối cùng cô đã đến nơi. Căn phòng không để tên người nhưng cánh cửa mở ra nhẹ hẫng, ai đó vừa mới đi ra ơ hờ quên khóa hay cố tình khép đó đợi chờ. Chiều sắp tan đi trên mấy tia sáng yếu nghiêng ngang sàn gỗ. Một khoảnh thôi, gần cửa sổ không màn che. Còn góc kia đã mờ mờ mảng tối. Chẳng có mấy đồ vật trong phòng và tất cả cùng im lặng. Chúng đang nhìn ngắm cô từ những sợi tóc quên vén sau tai đến đôi vớ dầy lạ kỳ giữa hạ. Rồi chúng lại nhìn nhau. Chiếc bàn chân qùy đã cũ nhưng vẫn đỏ một màu môi thiếu nữ Trung Quốc xưa, thầm thì với cái ghế mây gần kề. Mấy lát mây nghe gì rúc rích cười, lay lay manh áo sơ-mi mơ màng rũ ngang thành ghế. Cành mai khô trong góc phòng giơ nhánh gầy khều nhẹ cái chụp đèn chưa chịu thức, giục thắp sáng lên cho thấy rõ mặt người. Cô đứng khựng sau cửa vào, lặng nhìn cảnh tượng. Sự thân thuộc bất ngờ ập đến nhói tim, cay mắt. Nghẹn ngào, cô hỏi thật nhỏ :

- Có ai khác từng qua đây?

Lũ đồ vật đồng loạt cất tiếng :

- Không, chẳng có ai. Anh ấy vừa đi khỏi. Chúng tôi đợi suốt từ đêm qua, vì sao cô đến muộn?

- Thế ư, tôi nào có hẹn ngày giờ.

Tấm áo ngóc vuôn hai vai, vặn vẹo thân hình vài cái, xong lại ngả người xuống. Bấy giờ mới nói, ra vẻ trách móc:

- Cô không nhớ sao, trong cái truyện gì, con chồn bảo với hoàng tử bé: ‘‘Giả dụ, nếu anh sẽ đến vào bốn giờ chiều, thì ngay ba giờ tôi

đã bắt đầu hạnh phúc''*

Thế là đủ cho hai giọt nước mấp manh trên mi mắt cô. Chiếc bóng đèn dường như cũng chạnh lòng nên chợp nháy liên hồi. Một cuốn sách lật sẵn trên bàn chênh vênh, nên chỉ chút xúc động, chút rùng mình là đã rơi độp xuống, chồng lên hai ba cuốn khác rải dưới sàn. Mấy cái chân bàn rớm nứt trở mình cựa quậy, cố đứng thẳng lên, như thể muốn đi đến gần cô, nâng đỡ :

- Vào hẳn đây với chúng tôi. Hành trình đã quá dài. Hãy nằm xuống giường nghỉ ngơi, anh ấy đã đợi ở đấy suốt đêm qua.

Chiếc giường chỉ cao hơn mặt sàn một gang tay, cái gối dài trên mặt nệm trũng dấu, vẫn nguyên dáng cong cong như vừa ấp ủ bởi thân người. Tấm chăn mỏng đẩy chùn dưới chân giường, một đầu vắt ngang miệng cái ly để trên sàn, đáy còn đọng chất nâu. Hai bức tường quanh treo tranh anh phác vẽ. Tấm thấp ở đầu giường rõ hơn, ánh sáng còn sót của ngày vuốt trên lưng một thân ngựa đang rúc đầu vào thanh cổ dài của nàng hươu quỵ hai kiềng chân mảnh. Cỏ li ti trải nền, và anh vẽ thêm một cành hoa gì mọc rời vách núi cao. Có thực là núi hay đỉnh tháp nhà thờ? Trên xa, một vành trăng nghiêng, nửa khuất sau đá nửa rọi xuống những đường mực sơn đợt chùng gợi sóng. Chẳng hiểu anh có dấu đâu đó một vì sao.

Đặt túi xách ngay dưới chân, cô đi về phiá cửa sổ. Ngày đang thoi thóp với thứ ánh hoang tím chiếu ra từ nền trời còn ửng vàng cam lẫn xanh hồng một góc. Người thắp đèn của chàng hoàng tử nhỏ sắp bắt đầu châm ngọn đèn đầu tiên trên thành phố này, trên ngôi giáo đường mang tên vị thánh của anh đang sẫm màu trong mắt cô cúi xuống buổi chiều. Rồi sau đó theo trái đất xoay vần, từng người đốt đèn khác sẽ lần lượt thắp sáng xứ sở mình. Sau nơi này sẽ tới nước Nga mênh mông, Ấn-Độ hỗn tạp, qua đến Âu Châu phiền muộn...để muôn trùng ấy, khi đèn đêm bắt đầu rọi trên phố biển của cô thì ngoài cửa sổ phòng anh, mặt trời chớm rạng một ngày mới. Anh và cô sống thở trên một tinh cầu quá bao la, nên hội ngộ là định mệnh khó đến hai lần. Làm sao như cậu hoàng tử bé, cứ chạy quanh trên hành tinh nhỏ xíu của mình và chỉ cần mỗi phút quay theo một hướng là trong một ngày được biết bao lần gặp ngay điều cậu hằng mơ ước, nhìn thấy mặt trời lặn.

Dưới sân sâu, hoàng hôn ấy sắp ngập trên vườn trúc mà mỗi buổi sáng trưa anh nghe gió len, reo vui xào xạc. Mấy con chim màu biển xám không biết từ đâu lạc về lúc cúc trên những mái nhà gần nhất. Cô bỏ giầy cởi áo bước vào phòng tắm. Đèn rọi qua gương khuôn mặt mấy đêm ngày chẳng ngủ và không trang điểm. Lặng nhìn, màng trắng

trần của da thịt, từng vùng nổi chìm của thân thể bây giờ đang hiển hiện bên cạnh những đồ vật vương đầy hơi hướm anh. Sự kề cận như thể chứng thực thêm rằng cuộc đi tìm, sự có mặt, căn phòng này là có thật. Nhưng anh đã đi đâu? Bàn tay, đôi môi và sợi tóc thơ trẻ sao không có đây để chạm vào, cuốn sâu, luồn lách cho tung hoan những đợi chờ khát bỏng. Từng làn nước túa từ vòi sen dần dần hạ cơn nóng hấp người từ khi cô đặt chân xuống thành phố. Hình thù mọi vật trong phòng thoang thoáng mênh mênh. Ngọn đèn vẫn lười biếng im lìm, lờ đi bóng tối trong nhịp thở chậm khó của mấy chân bàn, tiếng cựa mình xô đẩy giữa các lạt mây trên mặt ghế, lời những cuốn sách thì thào. Có lẽ chúng ngậm ngùi với nhau về nỗi cô đơn, sự vắng mặt mà chúng biết cô đang chơi vơi.

Thắp ngọn nến nhỏ để sẵn trên bàn đọng những giọt sáp khô, rồi cô ngồi xuống bệ giường đưa tay vuốt dài lưng chiếc gối, nhẹ nằm nghiêng bên cạnh. Từ gối chăn đưa lên một làn hơi, một mùi nồng hấp mơn man. Chiếc gối vẫn cong hình thù mềm mại. Đêm đang lan dần trên thành phố cùng giọng kèn đồng chẳng hiểu ở ngõ đường hay công viên nào gần đây rút dồn từng hồi thao thức. Tuy thế vẫn chẳng lấp nổi tiếng tàu điện vọng từ xa. Lần này thì cô nghe rõ âm vang gọi kêu, giục giã tha thiết của nó. Có thể anh đang bước lên tàu để trở về, mang theo mùi hương sầu đông rơi trên con đường nhỏ. Cô đã bước qua dưới đó cuối buổi chiều. Anh sẽ đẩy cánh cửa vẫn khép hờ như thế, rồi đến bên giường với se lạnh của đêm. Vầng trăng nửa khuya càng rực đắm thêm các ấm vuốt trên da. Những vũng tối sáng khởi đầu chao lướt để sau đó rực bồng lên với gió tứ phương ùa tới, cuồng táp vào phòng. Anh thầm thì đó là thứ gió hè nao nồng vị muối và rong biển. Nhưng cô nghe dường như có thốc ngựa thúc đạp lá rừng, đuôi ngựa mướt dài quất từng đường vừa mịn vừa xót điếng. Cho đến lúc cô cong người nấc lên rồi rơi xuống, nàng hươu sao xoãi rạp thở hơi dốc cuối. Trước khi mê thiếp, qua bờ vai rịn ướt của anh kề ngang tầm mắt, cô thoáng thấy trên bức tranh chỉ còn lá cỏ dưới trăng nhưng ngọn sao mai vừa mới được ai treo, nhỏ nhoi, xa vời. Ngựa đã bốc hươu bay biến, để thoảng trở về một chút xạ hương.

Âm thanh rào rào, mơ hồ tràn tới từ một cõi nào rồi lớn dần, rồ lên từng đợt. Cô choàng thức dậy giữa một không gian rưng sương trắng. Tấm áo sơ-mi của anh dịu trên da thịt nhưng một cảm giác đau cấn dọc theo lưng. Bàn tay sờ chạm vào một nền giấy, hoá ra toàn là sách. Nghiêng người, cố mở mắt nhưng chỉ nhận ra lờ mờ những cái tựa, những tên nào Borges, Emily, Pasternak...Có phải là bao cuốn sách trong phòng anh? Sao chúng trải nệm cô nằm, sao chúng im lìm, chẳng

còn nói nhỏ với nhau về những câu thơ. Sao không một tiếng động nào ngoài ồ ạt của sóng. Cô thất thanh gọi tên anh và ngồi vụt dậy, chạy về hướng sáng, hình như là cửa sổ. Sững sờ trước khung cảnh hiện ra, dù tất cả thế giới trong mắt cô bây giờ chùng chùng một lớp khói mênh mông. Biển từ phương bắc đã dâng lên, lấp cả một phần thành phố. Từng dãy nhà, cây cối, đường xá, công viên còn lại sẽ biến mất dần dưới màn xám nhờ của nước. Hất tung lên cao bao con sóng trắng. Cô cuống cuồng tìm kiếm những hình ảnh mới vừa nhìn thấy trước đây. Phố thổ dân với các cột đèn lênh khênh và nóc nhà ưu phiền lời kinh cầu buổi sáng. Con đường nực mùi thuốc bắc và gia vị. Khu vườn hoa trung tâm cùng những người nhạc sĩ kéo hồ cầm. Cô chợt nhận ra trên đầu sóng, tháp chuông cao có ba chàng gù quay tít, loạn cuồng chung quanh một dáng áo màu óng ả, lắc lư điệu múa. Thế ra, nàng *gitane* rồi cũng trở về vào phút giây định mệnh. Nhưng biển đã hút hết cả những hồi chuông giải thoát vào lòng sâu trái đất. Chẳng ngờ cạnh đỉnh chuông còn hàng cây bướm trắng ngả nghiêng. Bóng gã hình nhân chấp chới trên đầu ngọn cùng áo choàng trắng phất phơ của cha xứ. Họ vẫn tiếp tục đồng ca bài hát thánh hay đang níu nhau bay khỏi cõi trần?

Biển càng trào sâu, không gian và bầu trời bên trên càng sáng trưng, huyền hoặc. Nước vừa tràn lan vừa dồn dập dâng cao. Sầu đông hai hàng hè phố con đường anh quen thuộc đảo nghiêng. Đồ vật trong phòng đang cuống cuồng gọi anh. Cô quay đi để không phải nhìn chúng bị cuốn băng ra khỏi cửa sổ, tuôn theo giòng nước. Biết sẽ đến phiên mình, cô tuyệt vọng ngoảnh về cánh cửa ra vào. Không có gì ngoài một khung chữ nhật trống câm sắp bị xoá đi trong sương trắng.

Vài tiếng đập cánh xành xạch chớp qua, tiếp theo những tiếng kêu chói rốc, khan khô của loài hải âu khiến cô bàng hoàng bừng tỉnh. Cả một không gian bao la trước mặt. Thủy triều rút biển ra xa, xa mút. Cô đau cóng và ngạc nhiên thấy mình chân lún trong vũng nước, trên người vẫn chiếc áo dạ mùa đông. Đây là đâu? Cô đã đến nơi nào, hay cuộc hành trình chưa bắt đầu, hay đã trở về khởi điểm? Biển cuốn đi để lại thênh thang những đầm cát cuộn, gió buốt chạy lăn tăn trên màn nước đọng. Bầu trời xám đục, không mặt trời lẫn trăng sao, không thể nói sáng hay chiều. Mà đêm hay ngày thì có hề chi giữa mơ tìm ảo thực.

MAI NINH
(tháng cuối 2000)



TRỊNH THANH THỦY
mặt trời thơ

Lúc mặt trời rạng ngày
thơ gương lược
chải tóc em ban mai
thơ son môi con gái
thơ cho thời gian mạ non,
thơ chưa trầm hương khuya
thơ trên
bồng bềnh em

Khi mặt trời đứng ngọ
Thơ dắt em ngang cánh đồng mùa hạ
hoa bắp lay theo gió
những chiếc nhẫn
bằng hạt nhãn đen nhánh
những vòng quay rồng rắn
trò chơi u mọi
tuổi thơ trôi
trên bồng bềnh em

Buổi mặt trời chia bóng hai đứa
em hớp thơ
như đánh lừa vị giác
thứ nước thánh cất bằng men ảo
như dụ ngôn xanh cho tình yêu
như anh, đấng cứu rỗi
ngự chênh vênh nhiệm mầu
trên bồng bềnh em ...

Mặt trời thơ ...

TRỊNH THANH THỦY



LÂM THỊ MỸ DẠ
những mảng màu nhức nhối

Tặng họa sĩ ĐC

Những màu sắc vây bọc anh
Bóng tối, lửa, tuyết, cây cỏ
cát, sóng, bùn, máu và gió
Quay quanh anh
như những hành tinh
Quay quanh mặt trời
Những mảng màu nhức nhối!

Bốn mùa đi qua
Bốn mùa thay lá
Anh không thay được nỗi nhớ quê nhà
Đau đáu
          vời xa

Bao mùa đông
Ông già Tuyết cùng anh đối mặt
Ông già Tuyết như tuổi thơ

tan dần...
Chỉ còn anh
với ngổn ngang màu sắc
màu sắc
Nỗi cô đơn
Không thu nổi vào tranh
Nỗi cô đơn trắng
Chất ngất, điệp trùng
im lặng
Tuyết, tuyết rơi
Hun hun cội nguồn
Tuyết, tuyết rơi
ngàn bông màu sữa mẹ

Đổ hết máu ra ngoài trái tim!
Đổ hết màu lên khung vẽ
Anh vẫn không sao tìm được
Sắc bình yên
Cho khoảnh khắc đời mình

Ngôi nhà trắng, đỏ khóm hồng lặng lẽ
Tâm hồn anh giông bão chẳng nguôi lay.

Washington DC
7/2000
LÂM THỊ MỸ DẠ



CHOI MI-KYUNG & JEAN-NOEL JUTTET

bà góa

«Kwabu», Hwang Sun-Won, 1953.

Bà Hàn rất hãnh diện là trong đời, không một người đàn ông nào sờ được vào thân thể bà, dù chỉ là một lọn tóc.

Hồi mười lăm tuổi - cái tuổi hãy còn vô tư - bà đã được hứa hôn với con trai cả cụ Kim, bậc danh giá trong làng. Trước lễ cưới ít lâu, người con trai té cây chết. Cụ Hàn bố, cứ nhắc nhở là «trung thần bất sự nhị quân», tôi trung không thờ hai chúa, cho nên «tiết phụ bất sự nhị phu», gái trinh không thờ hai chồng: kết luận, cụ ra lệnh con để tang chồng ba năm tròn. Mãn tang, cụ gửi con về nhà chồng dĩ nhiên chẳng còn chồng nữa. Cô gái lớn lên và già ở đó, góa bụa và trinh trắng, đầy phẩm hạnh, mòn nhẵn với thời gian như viên sỏi bị nước mài dũa, cho đến năm vào tuổi bảy mươi.

Từ khi nào chỉ có trời mới biết, bà Hàn coi đàn ông là đồ vật bẩn thỉu. Bây giờ cũng vậy, tuy đã thất tuần, bà rất nhạy cảm trước mùi đàn ông và bày tỏ vẻ ghê tởm bằng cách nhíu mày. Ai mà có mùi mồ

hôi thì được bà mời tránh xa, khỏi phải màu mè.

Bà cũng không thích trẻ con, có lẽ tại thói quen lâu ngày của cuộc đời đơn độc. Từ lâu, bà con trong họ đã vận động thu xếp để bà nuôi một trong những đứa cháu, nhưng bà không nhận.

Trẻ nhỏ - tụi nó đánh hơi thần kỳ - cũng không ưa gì «bà cô» thiếu ngọt ngào này. Một hôm, mấy đứa cháu gái đòi bà kể chuyện...

- "Ngày xưa, có nhiều chuyện ghê gớm xảy ra..."
- "Chuyện gì vậy bà ?"
- "Ban đêm, họ bắt cóc mấy bà goa."
- "Thiệt hả bà ? Mà ai bắt cóc họ vậy ?"
- "Mấy tụi lưu manh..."
- "Mà tại sao chớ ?"
- "Để hiếp ho."
- "Hiếp là gì bà ?"
- "À cái đó, tụi con không cần biết, tụi con... Ban đêm bà rất sợ, bà ru..."
- "Bà ? Mà tại sao lại là bà ?"
- "Bởi vì họ ưa bắt cóc những cô xinh xắn."
- "Nhưng bà là bà cô già mà ?"
- "Thời đó bà rất xinh. Bà phải bôi lọ lên cho thành xấu xí đi."
- "Thiệt hả bà ?"

Bà lại kể cùng câu chuyện này cho các cháu gái trong dịp khác. Mới đầu thì chúng còn hỏi tới hỏi lui vì tò mò. Nhưng rồi cứ nghe hoài một chuyện, thét chúng nản, cảm thấy bị bà dùng làm thính giả bất đắc dĩ, chán ngắt, nên tìm cách tránh.

Bà Hàn than phiền là tụi con gái thời nay đứa nào cũng xảo trá vô dụng, rồi rút về phòng nằm dài. Phòng bà luôn luôn ngăn nắp. Bà thường trực tự lau chùi dẫu tìm ra người làm không khó khăn gì. Vì sống một mình, bà bị ám ảnh về mục vệ sinh ngăn nắp, cho chính bà và người chung quanh.

Toàn thị tộc họ Hàn kính trọng bà, niềm kính trọng lớn theo đối với những người có tuổi. Bà là người lớn tuổi nhất trong họ, lại nữa bà là con cháu của chi phái cả họ Hàn.

Tuy đã già nhưng tuổi tác không đánh dấu mấy trên mặt bà. Tầm vóc bề thế của bà làm người ta không chú ý mấy đến lời bà phàn nàn. Thời son trẻ chắc bà không có cái đẹp tế nhị và mỏng manh. Và thường như ở những người đàn bà không hề sinh nở, lưng bà không còng, mắt không xếp nếp, mũi và tai vẫn giữ được vẻ thanh tú. Vết nhăn trên mặt không sâu lắm và gân bàn tay hãy còn mềm mại.

Khi buồn chán, bà thường đi thăm cô em dâu họ xa ở làng dưới.

Cô «em dâu» này, bà Park, cũng góa nhưng không còn trinh. Hồi mười bảy tuổi bà đã có chồng, là em bà con của bà Hàn. Người chồng mới mười hai tuổi. Hai năm sau, ông chết vì bệnh dịch.

Người đàn bà góa sống với bố mẹ chồng trong gần hai mươi năm trời. Khi ông bố chồng trút hơi thở cuối cùng, bà cất một túp nhà tranh ở làng dưới để canh tác đất đai. Mặc dù trẻ hơn bà Hàn bốn năm tuổi, nhưng trông bà Park lại già hơn chị họ. Nếp nhăn hằn sâu trên khuôn mặt da màu đồng và tay gân guốc như đàn ông.

Khi bà Hàn ở nhà bà Park và bà này muốn cắt trái bí, bà Hàn cầm phụ một tay. Hay khi bà Park ngồi vào xa bắt đầu kéo sợi, bà Hàn giúp quấn chỉ vào trục. Và nếu bà Park mỏi muốn nằm nghỉ thì bà chị họ cũng nằm bên cạnh chốc lát. Bà Hàn chẳng bao giờ quên tự hỏi tại sao cô em dâu họ mặc dầu chỉ có một thân một mình, chẳng phải lo cho ai, lại có thể để căn phòng bừa bộn đến thế.

Một hôm bà Hàn ghé thăm bà Park, nằm lại chơi một lát, và dầu trời không lạnh, bà cũng bị cảm. Gia đình cho người đi hốt thuốc Tàu ở ông lang cách đấy hai cây số.

Khi một trong những người cháu vào phòng bà với ấm thuốc trên tay, bà nói bất ngờ :

- "Khi thím chết, mày chôn thím trên núi của tổ tiên nhé !"

- "Sao thím nói gở vậy ? Uống hết thuốc này là thím khoẻ liền mà."

Anh ta trả lời mà trong đầu thì nghĩ đúng rồi, một người già cỡ đó thì cũng như cái đèn sẽ tắt khi hết dầu thôi. Vậy thì tốt hơn hết là nhân cơ hội thuận tiện này phải hỏi ý kiến bà để giải quyết vấn đề cho xong :

- "Khi thím mất, nếu mai táng thím cùng trong mộ chú con, thím nghĩ sao ? Ai cũng cho là vị trí mộ phần chú rất lý tưởng."

Bà Hàn tức thì chĩa cho thằng cháu cái nhìn nảy lửa :

- "Không bao giờ ! Tao biết đó là chồng tao, nhưng tao không muốn nằm cạnh ông ấy. Tại sao chết rồi tao lại đi gần một thằng đàn ông trong khi tao sống trinh tiết trong gần bảy chục năm trời ? Xương cốt ổng hẳn đã mục rữa rồi, không còn dấu vết gì. Trời đất, mộ của một thằng đàn ông ! Khiếp quá ! Tao không bao giờ muốn nghe nói chuyện đó nữa, mày hiểu chưa ?"

Mặt bà đỏ rực lên như mặt con gái không chỉ vì cơn sốt. Rồi bất chợt giật nảy mình, bà la lên :

- "Cút khỏi đây ngay ! Mày có cái gì hôi rình vậy ? Tụi đàn ông bây giống nhau quá, đứa nào cũng thối ! A cái mùi này ! Thật chịu không nổi !..."

Tay bà làm dấu đuổi anh ta ra, mũi bà nhăn lại. Và không đợi gì thêm, bà quay lưng.

Sau ba ngày, bà Hàn có thể rời khỏi giường bịnh.

Hôm đó là một ngày xuân êm ả. Bà đi thăm cô em dâu. Bà ăn bận ấm áp, khoác áo choàng. Đây là lần ra ngoài đầu tiên từ khi bị cảm.

Đốt lửa trong bếp và quét nền đất xong, bà Park đặt bà Hàn nằm chỗ ấm nhất trong phòng.

- "Dạo sau này hình như chị bị bịnh hả ?"
- "Ừ, bịnh ba ngày. Liền sau lần cuối ghé đây."
- "Thường thì chị mạnh khỏe mà..."
- À không, cũng chẳng còn bao lâu nữa đâu"
- "Để chị coi, chị còn thọ hơn em."
- "Mà sống lâu như vậy làm chi ? Từ đây tới đó còn vui thú gì nữa? Nếu chết thì tôi cũng không có gì tiếc rẻ cả..."
- "Dầu sao, cả đời chị chẳng bao giờ có gì lo âu đau buồn ca."
- "Đúng vậy, cả đời tôi không biết xấu hổ là gì."

Bà Park tiếp tục xe sợi :

- "Một bà góa, mất chồng khi còn trẻ mà sống như chị quả là ngoại lệ".

Bà Park ngừng tay chốc lát, vẻ mơ màng.

- "Nhưng chị biết không, có một trường hợp khác xa của chị."

Bà vừa nói vừa hướng mắt về phía bà Hàn.

Đất dưới gối vừa được quét sạch. Vậy mà bà Hàn khám phá ra có ít bụi, bà thổi đi, có vẻ phật ý. Cái nhìn của bà lướt từ những trái bầu trái bí chất đống trong góc tới đống giẻ rách rải rác trên chỗ đất ít được sưởi ấm. «Làm sao nó có thể để căn phòng trong tình trạng như vậy khi mà nó chỉ một mình ?».

Bà Park ngần ngừ như thể kể câu chuyện này là không phải, nhưng rồi cũng thốt ra :

- "Trong đời này, có một bà goá khác... Bà đã kết hôn với một cậu con trai, thực tế chỉ là một thằng bé con. Cậu chồng bé con của cô còn đi học, học chữ Tàu cổ. Cậu viết chữ rất đẹp. Cô ta thích chữ viết của chồng hơn là chính anh chồng. Đối với cô, niềm vui duy nhất của cuộc hôn nhân là cất giữ cẩn thận những chữ viết của chồng.

Mùa hè sau ngày cưới hai năm, cơn dịch thương hàn làm chết nhiều người ở các làng trong vùng. Người chồng cũng không thoát khỏi. Cậu ta chết sau mười ngày bị sốt. Người vợ cố hết sức để cứu chồng: ngay cả chặt một ngón tay cho chồng uống máu tươi theo lời khuyên của các cụ. Nhưng mọi cố gắng đều vô ích. Cô mang tang

chồng trong ba năm. Thỉnh thoảng đem những chữ chồng viết ra vừa lặng lẽ ngắm nghía vừa chua xót nghĩ tới thân phận mình.

Bố mẹ chồng cô là điền chủ khá giàu. Để giúp họ, cô làm lụng cực nhọc, ở nhà cũng như ngoài đồng.

Một năm trời đại hạn, mọi người trong gia đình đều phải góp hết sức mình để ngày đêm tưới nước cho đám ruộng gần con suối cạnh làng.

Một bữa khuya, người goá phụ trẻ chợt thức giấc. Cô nghe có tiếng động, hình như có người mở cửa phòng. Cô nằm bất động, câm lặng trong bóng tối. Cô cảm nhận rất gần hơi thở khan khản đàn ông. Cô thử ngồi lên : một sức mạnh đè lên ngực cô, sức nặng của hai bàn tay trai tráng. Cô muốn la lên nhưng có cái gì làm cô ngừng ngay lại: đó là mùi nước bùn, đến từ thân thể một người vừa tắm sông. Người goá phụ trẻ cảm thấy không còn sức lực.

Không nghi ngờ gì nữa, đích thị là anh ta rồi ! Từ mùa xuân, nông trại bố mẹ chồng có thêm hai cánh tay giúp sức của một người bà con xa. Mồ côi từ nhỏ, anh ta đi đó đây khắp các vùng xa xôi rồi trở về cố quận. Dù sao nông trại cũng cần người, cậu em trai chồng không thể kham nổi mọi việc một mình. Vậy là họ thuê anh.

Anh có dáng dấp dong dỏng cao, mũi rõ nét. Tánh tình trầm mặc ít lời, không bao giờ dính vào những cuộc trò chuyện tầm phào. Người ta nói anh đã từng làm tá điền ở nông trại nào đó trong một thời gian, nhưng vì không hạp với chủ, anh đã bỏ ông ta giữa ruộng trong một ngày đẹp trời rồi ra đi không thèm nhận tiền, dù là lương của rất nhiều năm.

Thỉnh thoảng cô và anh tình cờ gặp nhau, ví dụ trong sân, cái nhìn của người goá phụ trẻ bắt gặp cái nhìn của người đàn ông. Một cái nhìn rắn rỏi như chưa bao giờ cô có thể nhìn thấy trong mắt cậu chồng quá cố. Con tim goá phụ rộn ràng và mặt cô nóng bừng.

Mấy hôm nay người đàn ông rất bận bịu, cùng làm với ông bố chồng công việc dẫn thủy. Đêm đó cũng vậy, anh ta cũng phải lao dịch.

Dưới thân thể của người đàn ông có mùi nước bùn, cô ráng suy nghĩ ... Nếu cô chết đi, mọi việc sẽ tự dàn xếp trong chốc lát.

Cô sẽ tự tử, ừ, cô muốn làm thế lắm. Trầm mình, hay treo cổ? Tốt hơn hết là nuốt chất sút hóa học dùng để rửa chén.

Sáng hôm sau vào kho chứa đồ, cô dở nắp đậy cái bình vẫn đựng sút ra. Nó trống rỗng. Cô trực nhớ là mẹ chồng đã cho bà hàng xóm mượn hôm qua hôm kia gì đó. Vậy là phải chờ tới lần họp chợ tới.

Đêm sau, cô khoá phòng mình bên trong. Dĩ nhiên là giấc ngủ

không đến. Cô cố vểnh tai nghe từng tiếng động, không đừng được. Và cô giật thót người khi những con chim đêm tới đậu trên mái trước.

Cuối cùng cô giải quyết bằng cách bỏ móc khoá cửa ra. Nếu vạn nhất người ta tới và cửa bị khoá thì tiếng động của cái móc sẽ làm ồn đến tận phòng bố mẹ chồng. Điều đó còn nguy hơn nữa!

Ngày đông chợ, bà hàng xóm trả lại chất sút đã mượn. Cô nấu hết chăn màn trong nhà và giật mình nhận ra là không biết từ bao giờ, cô cứ mang tâm trạng chờ đêm xuống.

Khi nhựa xuân tràn trề trên các cây liễu gần con suối trước nhà, vòng eo của người goá trẻ tròn trịa trông thấy. Cô siết chặt thắt lưng thêm chút nữa.

Một hôm trong bóng đêm, người đàn ông thì thầm :

- "Mình đi khỏi đây đi, đi lập nghiệp chỗ khác. Ở những tỉnh mà hợp tác xã lo việc dẫn thủy, đời sống dễ dãi hơn nhiều. Ở đây khi thì nước nhiều quá, khi lại không đủ."

Cô im lặng, vùi trong bóng tối. Nhưng trong thâm tâm cô đã lấy quyết định rồi. Điều gì tốt cho anh ấy cũng sẽ tốt cho cô, và cái xấu cũng vậy.

Họ chọn đêm cuối cùng của tháng, một đêm không trăng. Người đàn ông đi trước và chờ cô ở chân đê, phía ngoài làng. Cô chờ đến tiếng gà gáy lần thứ hai mới rón rén bước ra khỏi phòng.

Cô bước xuống bực đá ngạch cửa. Rồi với những bước chân chó sói, trong sân, cô hướng về phía cổng. Nhưng thình lình cô khựng lại.

Giọng ông bố chồng trầm trầm và nghiêm khắc từ phòng chính vẳng đến tận chỗ cô:

- "Bà đừng xía vào. Tôi cũng đã nhận thấy ít lâu nay rồi."

Mẹ chồng đáp lại nhưng cô nghe không rõ. Giọng đàn ông nói tiếp :

- "Dù gì đi nữa thì bà cũng im đi ! Nếu không tôi sẽ lấy rìu chẻ vỡ sọ nó ra. Cứ để mặc tôi làm !"

Bỗng chốc người goá trẻ cảm thấy lương tâm thức dậy. Cô tự nhủ cô không có quyền bỏ đi tìm hạnh phúc cho riêng mình. Phải chờ tự bố chồng quyết định lấy. Phải không ?

Cô trở về phòng và cảm thấy chưa bao giờ lòng mình thanh thản đến thế. Anh ấy cứ đi đi. Ừ, trong tận cùng thâm tâm, cô hy vọng là chờ lâu quá, người đàn ông sẽ chán nản bỏ đi một mình.

Nhưng người đàn ông quay về trước khi trời sáng. Anh hổn hển hỏi cô chuyện gì đã xảy ra. Anh tưởng là cô bị ông bố chồng giữ lại. Anh đặt xuống hòn đá to mà anh đã chuẩn bị để chống cự với ông, nếu cần. Vừa sung sướng vì anh trở lại, vừa kinh hoàng, cô khóc gập người,

cố ghìm tiếng nấc.

Ngày hôm sau, lợi dụng lúc nghỉ tay, ông bố chồng dặn cô là từ nay thôi đừng ra giếng lấy nước nữa. Ông nói với giọng hết sức dịu dàng làm cô càng khiếp. Cô thích nghe cái câu mà cô đã tình cờ nghe được đêm trước hơn.

Đầu mùa hè, cô khai hoa nở nhụy. May quá vào nửa đêm, chỉ có vầng trăng lưỡi liềm treo trên trời.

Cô sinh nở không khó khăn gì, trên lớp rơm, và tự mình cắt lấy cuống rốn.

Người đàn ông đi vào. Anh dang tay về phía đứa bé hãy còn dính đầy máu và cựa quậy tứ tung dưới ngọn đèn leo lét. Người goá phụ trẻ bất chợt đưa tay ngăn cản anh. Đứa bé này, nhất định phải vất nó trong góc núi nào đó hoặc bên bờ suối. Họ đã đồng ý với nhau như thế rồi, mặc dầu chưa bao giờ thốt ra tiếng nào. Nhưng cô muốn giữ đứa bé sống, ít nhất cho tới khi bắt buộc phải bỏ rơi nó.

Người đàn ông bắt đầu bọc nó trong rơm, vẻ khó khăn. Cô bèn nảy ra một ý: cô mở tủ lấy ra một đống giấy - những tờ giấy nháp của người chồng quá cố. Cô không tỏ vẻ tiếc rẻ gì, ngược lại còn cảm thấy biết ơn: có giấy này để bọc đứa bé sơ sinh mới may mắn làm sao !

Người đàn ông ra khỏi phòng, đứa bé trên tay.

Người goá phụ trẻ nghe tiếng bước chân ở bực cửa nhà. Ông bố chồng ! Trong chớp mắt, cô thấy lưỡi rìu loé sáng. Chính cô phải nhận nhát rìu đó. Vội vàng xô mạnh cửa, cô lao ra đứng chắn giữa ông bố chồng và người đàn ông.

Với vẻ tự tin tuyệt vời, ông bố chồng đưa cho anh cái thư:

- "Tới địa chỉ này. Hình như là cháu tao vừa mới sinh mà đứa bé chết. Mày gửi đứa bé cho nó."

Giọng ông trầm tĩnh đáng nể, vậy mà tay cầm lá thư run bần bật dưới trăng.

Một ánh sáng sống động trong mắt người đàn ông. Cầm cái thư không nói lời nào, anh quay lưng bỏ đi.

- "Còn mày, vào ngủ đi con."

Lát sau cô nghe tiếng bố chồng tự tay khêu lửa trong lò.

Đêm đó ếch kêu ồm ộp vang rền trong cánh đồng trước nhà không ngớt.

Một tháng sau ông bố chồng nói với cô là ở dưới đó đứa bé mạnh khỏe, không thiếu sữa.

Vào khoảng đứa bé đầy năm, ông báo tin với con dâu là nghe đâu bố thằng bé đã lấy nó lại cách đó mấy hôm. Đêm đó, một vầng

trăng lưỡi liềm lơ lửng trên trời và tiếng ếch vang rền suốt đêm trong đám ruộng trước nhà.

Hai mươi năm trôi qua. Bà mẹ chồng chết, rồi năm sau ông bố chồng chết theo. Mấy ngày trước khi trút hơi thở cuối cùng, ông gọi con dâu đến bên đầu giường :

- "Bố đã phạm tội nặng với con. Hồi đó bố chỉ nghĩ tới việc cứu vãn danh dự gia đình. Tiếp theo là bố ân hận... Nên bố đã nhờ người dò la tin tức cha thằng bé khắp nơi. Nhưng bố tìm không ra... Con sẽ đau khổ suốt đời còn lại"...

Ông cố giữ hai mi khép chặt nhưng vô ích, nước mắt trào ra.

- "Không đâu mà, bố !"

Cô nghĩ là chính cô đã làm khổ ông bố già ghê gớm. Cô cúi xuống vùi đầu vào cạnh sườn ông cụ.

Để cho ông cụ máu, cô chặt đứt ngón nhẫn bàn tay mặt: muốn bố lành bịnh, đáng lẽ cô đã phải hiến hết máu mình.

Sau cái chết của bố chồng, cô để căn nhà rộng rãi cho em chồng, cất một căn nhà tranh ở làng dưới và ở đó.

Hè năm ngoái, một hôm đã trễ lắm rồi, sau khi nhổ hết mấy luống khoai cuối cùng, bà tính chuẩn bị bữa ăn tối thì nghe tiếng gọi của một người lạ mặt. Sau cánh cửa đan mắt cáo, trong bóng râm buổi tối, một người đàn ông đứng tuổi hỏi bà có thể cho anh ta qua đêm không. Vì căn nhà nằm ngay lối vào làng, thỉnh thoảng khách đi đường thường xin vào tá túc.

Ăn tối xong, người khách không quên khen món canh khoai. Anh đốt một điếu thuốc rồi hỏi thăm bà Park nào đó có sống trong làng này không. Bà goá phụ cảm thấy tim mình thót lên. Với bàn tay run rẩy, bà khêu thêm ngọn đèn. A cái mũi, cái sống mũi rõ nét này! Không cố ý, bà thổi tắt đèn đi.

Người khách tưởng là vì tuổi tác, tai bà cụ nghễnh ngãng không nghe nên hỏi lại là bà cụ Park có sống trong làng này không. Giọng bà run run :

- "Bà ấy chết lâu rồi".

- "Cháu cũng nghĩ như vậy."

Anh thổi một hơi khói dài.

Bà goá thấy tiếc là đã tắt đèn nhưng lại không có can đảm thắp lại. Bà cũng thấy tiếc là đã trả lời như vậy. Bà có cảm tưởng mấy tiếng đó đã làm bà mất vĩnh viễn những gì quý báu nhất đối với bà. Nhưng lát sau bà lại nghĩ là thôi, như vậy tốt hơn. Kỷ niệm trong cơn hấp hối của bố chồng trở lại trong trí nhớ : «Bố đã phạm tội nặng với con. Hồi đó bố chỉ nghĩ cứu vãn danh dự gia đình. Con sẽ đau khổ suốt

đời còn lại...». «Không đâu mà, bố !».

Bà goá bước ra ngoài. Trăng lưỡi liềm sáng trên trời. Tiếng ếch ồm ộp vang rền vẳng lên từ các thửa ruộng.

Người khách theo bà ra sân như thể anh ta cũng vậy, cũng không muốn ngủ. Anh ngồi bên cạnh bà goá rất lâu, không nói gì.

- "Khi ngồi như vầy, kỷ niệm với cha cháu lại trở về. Cha cháu có thói quen ngồi trong sân những đêm mà ếch kêu rền như đêm nay, tới nỗi khuya cũng không biết. Cháu cũng vậy, cháu cũng có thói quen đó hồi nào không hay".

- "Cha cậu mất từ bao giờ ?"

- "Hôm nay là bảy ngày rồi. Trước khi mất, cha cháu cho biết là cháu có một người mẹ. Trước giờ cháu cứ tưởng cháu mất mẹ từ nhỏ. Cha cháu nói tên làng mẹ cháu ở, và tên mẹ cháu. Khi cái lễ thứ ba làm xong, cháu chạy thẳng tới đây. Mà mẹ cháu lại không còn trên đời nữa... Còn bác, bác biết rõ mẹ cháu chớ ?"

- "Dĩ nhiên... tôi nghĩ..., bây giờ... trong làng này chắc còn tôi là người duy nhất biết bà cụ. Bốn chục năm rồi đấy ! Khi tôi nghĩ tới ngày đó... ngay cả hôm nay"...

- ... "Ngay cả hôm nay ?"

Bà goá phải cố gắng lắm để tiếp :

- "Bà ấy rất đáng yêu."

- "Tìm ngôi mộ có khó không bác ?"

Bà cụ gật đầu trong bóng đêm :

- "Dĩ nhiên... Bốn chục năm rồi... Còn con cái, cậu có mấy con?"

- "Cháu có ba trai hai gái. Thằng con lớn đã bắt đầu làm việc năm nay, cháu nghĩ vậy là cha cháu cũng sắp được nghỉ ngơi chút đỉnh. Vậy mà cha cháu lại mất rồi. Cha cháu chỉ có cháu và tự giết mình bằng cách làm việc quần quật suốt đời."

Chỉ tới tảng sáng thì bà cụ mới ngủ được, một giấc ngủ đầy mộng mị. Mấy đứa cháu nội đông đúc như đàn ếch trong cánh đồng trước nhà, chúng nhảy múa vui vẻ chung quanh bà và la hét thật to như đàn ếch. Bà nội thoát được khỏi chúng và đi trốn mặc dù trong thâm tâm lại không muốn rời xa chúng chút nào. Bà khóc vì mủi lòng và hối tiếc.

Buổi sáng khi bà sửa soạn bữa điểm tâm thì người khách trọ quét sân. Bà nài nỉ anh đừng làm nhưng anh cứ tiếp tục. Anh bảo là đó là việc anh làm mỗi ngày ở nhà, và anh không thể ngồi yên chẳng làm gì.

Rồi anh hỏi bà có muốn anh bỏ khoai nằm ở góc sân vào bao không. Anh lau từng cái một, gỡ đất còn dính rồi bỏ vào bao, xếp vào kho thóc. Bà không thể không nhìn, từ cửa bếp, người đàn ông có

bản chất tự tin này !

Khi anh sắp từ giã, bà biếu anh hai trái bầu buộc vào nhau bằng một băng vải. Thoạt tiên anh từ chối: anh không thể nhận quà của người mà anh chưa cám ơn đủ đã cho anh tá túc qua đêm. Nhưng vì bà cụ ép mãi, nói là mấy trái bầu tốt nhất hái từ năm ngoái phải ăn cho hết, anh đành nhận.

Lúc anh bước qua cánh cửa đan mắt cáo, bà gọi:

- "À này !"

Từ tối qua, bà muốn biết anh ta cư ngụ ở đâu. Nhưng khi anh ngừng bước và quay về phía bà, bà chỉ tiến tới gần và vuốt nhẹ lên lưng anh như phủi bụi. Rồi bà sửa lại ve áo khoác của anh.

Bất chợt anh la lên và nắm lấy tay bà :

- "Trời đất ! Cha cháu nói là mẹ cháu cũng có ngón nhẫn bàn tay trái bị cắt !"

Bà cụ run rẩy toàn thân, lấy can đảm chìa cho anh xem bàn tay kia.

- "Ôi,bác hy sinh luôn cả ngón nhẫn bàn tay phải... Hai tay "õõ

Anh tự nhủ là nếu mẹ mình còn sống, hẳn cụ giống hệt bà cụ này.

Người khách quay nhìn lại nhiều lần, ngay cả khi đã ra khỏi làng. Xa hơn, anh còn dừng trên khúc đường ngoằn ngoèo dẫn tới đèo, còn ngoái nhìn lại.

Bà goá không còn sức đứng vững nữa, phải tựa người vào hàng dậu...

- "Chị à, vâng, còn có một bà goá trẻ khác, bà goá trẻ như vậy đó."

Hai bàn tay xe sợi - những bàn tay thiếu mất hai ngón - đơ ra một lát như bị đóng đinh.

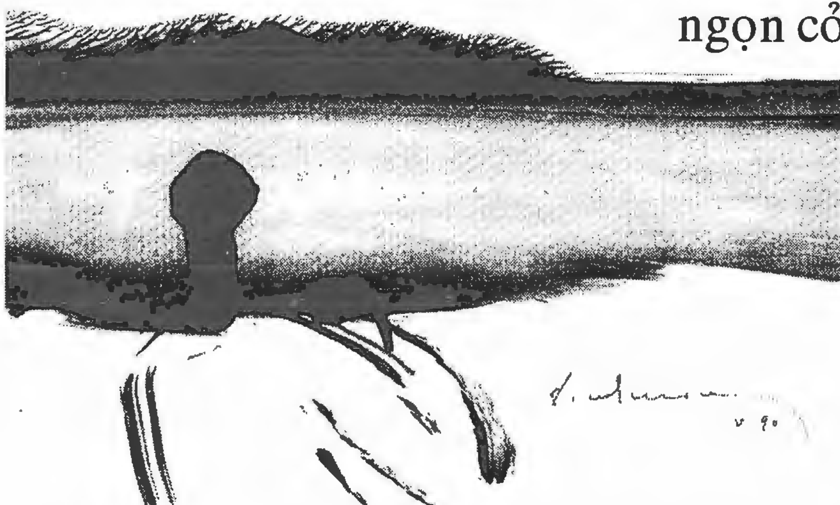
Miệng hé mở, bà Hàn đã ngủ chỉ có trời mới biết tự lúc nào.

Paris, Janv. 1998-Aout 2000
MIÊNG *chuyển ngữ*

Dịch theo bản Pháp văn «Une veuve», của Choi Mi-Kyung và Jean-Noel Juttet.



HỒ MINH DŨNG
ngọn cỏ



I

Ông Hoài có trong danh sách Vọng đến thăm, ngày về quê. Ông là người bạn già, anh quen biết không lâu, ở Mỹ.

Thăm ông, Vọng có lý do riêng. Tuy không phải bạn tâm đầu ý hiệp, nhưng buổi chia tay ông trước đây, làm anh xúc động. Không chỉ một mình anh, cuộc chia ly còn liên lụy, gây bối rối lòng nhiều người. Nét mặt ông lúc đó khó hiểu, khó diễn tả lại, tạm thời anh coi như một minh họa luộm thuộm cho tâm hồn một con người Việt Nam, trên bước đường có quá nhiều điều quan ngại.

Hồi ông theo con dọn nhà đến khu nầy, cứ năm mười hôm, ông đến với Vọng một lần, lần nào cũng vào buổi chiều, trời quang mây tạnh. Căn nhà Vọng ở có khu vườn phía sau. Ông đến, có lúc Vọng đang lúi húi trồng cây, có lúc lượm rác quanh nhà. Ông là người đồng hương nhẫn nại nhìn anh làm việc, có một điều gì trong cách nhìn, như chia sẻ.

Ngày đầu, chưa hỏi, ông đã nói:

"Tôi họ Lê tên Hoài, quê quán ở Huế, năm nay tuổi đúng 70. HO29. Trước đây làm ở phòng X, SĐ Y..., cải tạo xong, đem hai con - một trai, một gái - qua đây. Vợ tôi, không đi theo, ở lại với đám con đã có gia đình."

Rồi ông xuống giọng, thành khẩn:

"Mong được tới lui làm quen với chú em đây, có gì phiền không?"

Vọng vui vẻ:

"Không, người anh đầu tôi cũng chừng tuổi anh. Thấy anh, tôi nhớ anh tôi."

"Qúy! Cả mấy năm nay, khu chung cư trên kia, gặp ai họ cũng lừng khừng. Suốt ngày ngồi trong nhà nhìn ra trời. Trời nhìn từ trong ra buồn hơn nhìn trực tiếp ngoài. Chú em may mắn hơn tôi có thím đi theo, lại có thêm đứa con, đứa cháu nữa (*). Ôi, mấy đứa cháu của tôi bên nhà đen đìu, nhom nhem hơn cháu đây nhiều. Tôi thương nhất là đứa mọc răng sữa cùng ngày với cha nó mọc răng khôn, lúc tôi sửa soạn hành lý lên đường, nó tên Xang."

Lát sau, ông buồn bã nói, như nói riêng cho mình nghe:

"Răng sữa có ngày thay. Răng khôn thì không."

Ông lấy trong túi quần ra tặng cho Vọng mấy bao nhỏ đựng hạt giống rau muống, bảo anh xới đất trồng, chỉ một tháng sau có rau ăn. Vọng hỏi làm sao có hạt giống, ông nói vợ ông gửi cho người quen mang qua. Đó là món quà duy nhất ông đem đến cho anh, để giao tình.

Không phải nói chuyện trồng cây thôi, lâu lâu ông chen vô chuyện tù đày.

Vọng nói với ông chuyện ấy xưa, có người không muốn nhắc tới. Nhưng ông lờ đi.

"Ở tù," ông hào hứng. "Tôi ở đủ 2645 ngày, có mấy giờ lẻ không kể. Ai nói ở tù buồn, tôi nói vui. Ai cho ở tù khổ, tôi cho sướng. Vui, sướng ra làm sao? Chú em nghe tôi giải thích đây. Họ đưa ta vào tù là muốn cho ta chết hay sợ chết. Tôi thường xuyên làm ngược lại ý đồ đó, chứng tỏ cho họ biết tôi không muốn sống. Họ muốn mình sợ chết, mình thích chết, coi cái chết là một cách giải thoát có chủ tâm đối kháng. Năm tôi vào làm nhà bếp, quản giáo thấy tôi nhỏ con lại nhanh nhẩu, sai đi nhặt củi về đun, tôi trèo lên cành cây cao nhất, bắt chước Hải Thượng Lãn Ông lạc vào phủ chúa, xúc động lim dim nhìn đất trời một chút, rồi đu người, phóc tòm một cú, gãy mất hai răng cửa, máu chảy dầm dề, đau thì đau lắm, nhưng khi hắn gọi lại hỏi nguyên do, tôi cười tươi, bảo đã đến hồi tự tử. Hắn hỏi: 'Thua lâu, tóm cổ lâu, sao nay mới đến hồi?' Tôi nói: 'Vết thương chém lâu mới nhức.' Hắn lại hỏi: 'Tự tử, vì sao?' Tôi trả lời: 'Vì bị dồn riết vào chân tường.' Hắn quát: 'Chân tường nào?' Tôi vờ nhăn nhó: 'Chân tường nầy.' Tôi chỉ vào cái bụng đang đói xép ve của tôi. Hắn phá lên cười: 'Chà, cái anh chàng tù nầy khéo vẽ chân dung. Nhưng tôi nói thật cho anh nắm, chân dung

anh vẽ là đường rắn liu điu bò quanh mấy củ sắn, hay giỏi lắm là cái bao tử xìu nằm chỏng chơ giữa đống bo bo đấy nhé.' Nói xong, hắn lấy tay chùi bọt mép, rồi gọi người tù coi khâu cơm, mang đến cho tôi một bát cơm trắng. Đánh được cú lừa bạt mạng vào cái đầu đại quỷ là vui, hả hê.

Còn sướng? Thử hỏi không sướng sao được, làm một con heo thiến cho cải tạo viên ăn, nhân ngày nhớ ơn đảng phát động nhân dân rầm rộ xuống đường trồng cây gây rừng, nó ra lệnh nhà bếp to lửa, xào qua xào lại thật lâu cho thịt chảy thành mỡ, để lấy mỡ mang về. Tôi lấy đất sét rình trộn vào, thế là cho nó ăn... bùn."

Vọng cũng ở tù, nhưng tù sợ chết. Nay nghe nói vui tai, hỏi:

"Chỉ có chừng ấy thôi à?"

"Còn."

Nhưng ông nói qua chuyện khác:

"Khu vườn đằng sau nhà chú em ở thế đất xoải lại hình trăng non, không tốt. Phong thủy Tả Ao nhà ta khuyên dân tộc Việt muốn đè đầu dân tộc khác, thì cố mà tạo thế vườn đuôi công khi giương vây, khoe mẽ. Trăng non thì bóng sáng yểu, lì lì không mượt bằng trăng già. Cái ranh khôn đáng vái của bọn Thiếu Lâm Bạch Long gia phái, là đúc kết côn quyền dưới trăng hạ tuần. Xà tự đảo cước lúc chuyển thức nhờ ánh trăng già phà hơi tiếp sức, dĩ nhiên là địch thủ khiếp hơn. Nầy nhé, chú em không nên trồng rau muống dưới bóng râm. Lá cây to che trên đầu cây thấp là uy hiếp."

Vọng biết ông muốn ám chỉ đến sự nương nhờ không yên ở xứ người.

Một trong những việc làm công phu của Thượng Đế là nặn ra đường nếp trên trán người già. Nếp nhăn trên trán ông Hoài, ngoài sự ưu phiền, còn gợi cho người nhìn một nỗi xót xa khác: những khúc đường cụt, tăm tối, nhập nhòe... ai cũng phải đi qua.

Trước khi về, ông thêm:

"Hồi còn ở bên nhà nhiều người gọi tôi là U Hoài, có người tóm tắt: U. À, chú em, tên gì vậy?"

"Vọng."

"Hay. Cái tên ý nghĩa. Không ai nghĩ khác đi được. Hy vọng hay vọng nhớ, vọng tưởng đều hay. Thế con chú, có động đến chú không?"

Vọng nói:

"Có, ít."

"Lời nói hay việc làm. Cả hai thứ ấy à?"

"Không, chỉ một. Chỉ phàn nàn tôi trụt hậu, không chịu đuổi hay đuổi một cách lề mề, nên không bắt kịp đà tiến vùn vụt của văn minh

xứ người."

"Chú em ít là may. Tôi nhiều. Cả hai thứ, nói có làm có. Con tôi bực bội muốn cắt phăng cái đuôi lỉnh kỉnh mà mấy chục đời tổ tiên tôi dồn nhét nhiều thứ vào đó, khó khăn lắm tôi mới kéo lê được từ quê cha đất tổ theo sang đây. Chúng nó đòi cắt ngang xương một cái, tôi nói cứ từ từ, có khi không cần cắt nó cũng cụt. Luật loại bỏ tự nhiên, chạy đằng trời. Hai đứa con tôi, như thám tử tư, chúng nó thay phiên nhau dò xét tôi."

Vợ Vọng đang nấu ăn trong bếp, nghe đến đây, vội vã vào góp chuyện:

"Các cháu dò xét ông anh như thế nào?"

"Tôi đi đâu, làm chi chúng nó cũng theo dõi, làm như quan tâm. Thậm chí ăn, chúng cũng chen vào, bảo tôi nên, hay không nên ăn thứ nầy, thứ khác. Cá biển ăn nhiều không có lợi cho niêm mạc. Ăn ít rau, không có đủ chất xơ tống khứ cặn bã bám ruột già. Tính ra rau muống cắt sau vườn, ăn vào chất bổ không bù lại đủ số máu tôi bị muỗi hút khi trồng. Vô hình trung, chúng nó biến tôi thành một đứa trẻ... lú."

"Thế là con hiếu, biết lo bổn phận, ông anh nói thế là nói với ai khác kia," vợ Vọng nghiêm giọng. "Người khác, thì tôi không dám lạm bàn, còn chồng tôi đây, việc ăn uống còn phải xét lại. Rõ ràng con người không được thiên nhiên ưu đãi có đến ba cái dạ dày như lạc đà. Chỉ có một, nên cẩn thận. Đừng tạp ăn như sóc, cũng đừng kén ăn như dạ ưng mới được. Thế ông anh và chồng tôi đây, có biết chân con ngựa hồi tiền sử có mấy móng không ạ?"

Thấy cả hai người đều đờ ra, vợ Vọng nói liền:

"Chân trước có bốn, chân sau ba đấy. Bây giờ thì thê thảm thay, cả trước, sau chỉ còn một móng để chạm đất, số còn lại co rút, thoái hóa. Vì sao? Vì biết chạy mà không biết dừng. Lúc ngủ lại ngủ đứng, ở trong tư thế sẵn sàng chạy nữa. Thế là đa đoan, tổn thọ, gây ám ảnh bất an, làm lụy đến người sống bên cạnh. Đó là kết luận của tôi. Những năm ở trong lĩnh vực chuyên môn, dạy cho tôi biết. Và đây cũng là lần thứ nhất tôi nói với hai người."

Ông Hoài liếc mắt nhìn Vọng, rồi nói:

"Đời tôi đây cũng có lúc nhầm, thậm chí có lúc sai."

Xong câu ấy, ông kiếu về. Ông về rồi, vợ Vọng nói:

"Nên xa, lánh cái ông đa sự ấy. Không chừng nay mai lại rủ rê ông đi tổ chức nầy, hội đoàn nọ. Ông uống chung một ly bia với ông ta, thì bệnh siêu vi gan B lây như chơi."

Vợ chồng vốn "khắc khẩu". Vọng liền bị cái thành kiến ấy xúi, cãi bừa:

"Bà nói chuyện gì cũng khó nghe. Bệnh nào lại lây qua đường tiêu hóa? Bà không biết chất cường toan trong bao tử có nồng độ chua tiêu hủy tất cả mọi sinh vật sao?"

Vợ Vọng giãy nảy lên:

"A, cái ông nầy ngu! Sán lá, sán dây ở trong bụng con người ta không phải là sinh vật à, sao không chết mà còn sinh sôi? Ông không nhớ nổi, trước khi lấy ông, tôi là Nữ Hộ Sinh Quốc Gia, thi ra trường đỗ hạng tư à?"

" Nhớ, nhớ...," Mỗi lần vợ nổi đóa, Vọng đều dĩ hòa vi qúy. "Tôi quên, ký sinh trùng cũng là... là... sinh vật."

Vợ Vọng vẫn chưa hả giận, gây tiếp:

"Ông còn thiếu hai chữ hạ đẳng đằng sau sinh vật nữa kia. Người ta khai trụt tuổi như ông thì buồn thúi ruột, còn ông tỉnh bơ. Đáng ra còn 2 năm nữa ăn tiền già, lại phải chờ đến 7 năm nữa cơ. Nước Mỹ cho người tỵ nạn 65 tuổi ngồi chơi xơi nước là một ưu đãi có tính toán, ông đến chẫn 70. Khi người ta tính toán với ông, thì ông không có cách tính toán với người ta à."

Chuyện nầy có lý, nên Vọng xuống nước nữa:

"Lỗi ấy là tại mẹ tôi khi làm lại thế vì khai sinh, không phải tôi."

"Đừng hòng đem mẹ ra làm vật che, lung lạc tôi. Mẹ ông cũng là bà gia tôi mà."

Thấy tình thế khó hòa, Vọng đứng dậy đi ra vườn.

Vợ anh sợ anh buồn quá sinh ra bệnh hiểm nghèo thuốc thang tốn kém, cũng đi theo anh. An ủi: "Khi nãy, em nói có quá lời, siêu vi gan B, những người trên 50 tuổi được miễn nhiễm. Anh không phải lo."

Nắng chiều từng mảng đổ xuống trên bãi cỏ. Thường nhật, tiết hè, cỏ xanh um, những mảng nắng ở đó làm hoe lên một màu xanh dương.

Vọng bước từng bước lơ đãng, như bước trên hoang tàn, lòng bồi hồi nhớ đến ngày còn trai trẻ, gần 40 mươi năm về trước.

Ngày ấy, Hoàng Bích, vợ anh bây giờ, là cô Nữ Hộ Sinh xinh đẹp, tóc óng ánh đen tuyền. Đôi môi tích tụ hết cả màu đỏ tinh khôi của hoa hải đường mà anh nhìn thấy ở nhiều bờ dậu. Chao ôi! Từ chiến trường lấm lem thuốc súng, lòng nao nao, mang trống ngực thình thịch phóc lên xe lam, về một trạm xá bên bờ đầm Sam, thăm nàng.

Có lần, nghe anh về, nàng đang đỡ đẻ, đứa bé vừa lọt lòng mẹ, chờ cho hết mấy tiếng khóc o oe chào đời, nàng tất tả chạy ra đón mừng anh, hai tay còn dính máu. Sau đó, anh dắt em đi mãi trên bờ đầm. Bờ đầm lau lách, bèo hoang cỏ dại thế mà sáng lên như một dải lân

tinh. Sóng dồn lại từng vồng cao lộng lẫy từ xa dập dờn kéo về phía họ, mỗi lúc một nhiều.

"Đỡ đẻ, tất nhiên là có máu. Thấy máu đào chảy ra từ đáy hồn sâu thẳm của người mẹ lúc sinh con, em ray rứt nhớ anh. Chiến trường khốc liệt tất nhiên máu cũng lai láng chảy. Máu ai, ở đâu, cũng là máu người, gây chấn động mạnh cho lòng em. Em yêu anh và yêu những giọt máu ấy vô bờ..."

Nàng nói với anh như thế với hai giọt nước mắt long lanh. Ôi! Tuổi trẻ, đều như thế cả, ai cũng được ân huệ, biệt đãi, một vài lần, trong tình yêu.

Cái mảng nắng chiều đổ xuống trên cỏ hôm qua, không giống hôm nay. Ngày mai lại khác nữa.

II

Đoạn nầy, cô Lê Hương Trà, con gái ông Hoài, trò chuyện với vợ Vọng. Mở đầu, cô gái nói:

"Hồi còn ở bên nhà, về sau, người ta gán cho bố cháu cái tên nghe não nùng làm sao ấy: U. Có thể là người ta ám chỉ bố cháu u mê. Cháu không tin bố cháu đến nỗi sa sút thế, u uẩn thì có lý. Nỗi u uẩn trong lòng thì chắc là ổng có rồi.

"Qua bên nầy, chán khối người ghét bố cháu. Họ nói bố là người không biết đến sự tác dụng của chất keo dính dĩ vãng, bố là một nhánh rong tả tơi, mang tính phân lập, không biết hay không muốn biết đến vàm nước nào đã sản sinh ra. Ý họ muốn lôi kéo bố gia nhập vào các tổ chức tào lao, hô hào ầm ĩ nầy nọ. Cháu hoàn toàn không đồng ý. Bản năng giúp con hiểu cha, bố cháu là người yêu nước, yêu cách riêng. Qua đây, lúng túng hết đường xoay, bố cháu cũng dành phần lớn số tiền lãnh già để cho cháu đến trường. Học là phương cách yêu nước tốt nhất. Cạnh khía yêu nước của bố cháu là sắc, sắc như mẻ chai. Ít học yêu nước vất vả, có khi khốn đốn. Ý thức cháu đã chín sớm về lòng yêu nước. Thiếu học cùng với thiếu lòng thương xót, nhân quần sẽ làm cho mặt đất nầy lẫn lộn tùng phèo giữa thiện ác, chân giả, đưa đến hậu quả sống gom tóm, thu vén, tàn nhẫn.

"Thím ơi. Mỗi ngày, bố cháu chỉ ăn một bữa, một chén cơm với tương chao. Anh cháu nói: 'Ba ăn thế không phải ăn để sống.' Bố cháu phân trần: 'Ba còn sống sờ sờ đây nè. Không ai chết vì ăn ít.' Anh cháu lại nói: 'Nhưng nó là căn nguyên của sự thoái hóa.' Bố cháu lầu bầu: 'Định mệnh lúc nào cũng trở mặt lấn lướt với tuổi già, không phải mình không lo.' Anh cháu cũng thương cha lắm. Anh chí thú làm ăn, để dành được nửa số tiền lo việc hậu sự cho cha rồi. Anh cháu còn giao

nhiệm vụ cho cháu bấm nút để điện khởi động thiêu quan tài cha cháu khi qua đời nữa đấy. Chuyện đó tựa hồ như bất nhẫn, anh cháu không làm, dại gì cháu làm. Anh cháu đổi quyết định đem ông chôn ở nghĩa địa, một tháng thu xếp công việc đến thăm ông một lần, vào chiều tạnh ráo. Mùa đông lạnh lẽo thì thưa hơn."

"Có lý đấy cháu," vợ Vọng chen vào. "Thoái hóa là một hiện tượng đẩy nhân loại vào lửa. Chân cá voi biến thành vi, ruột già trở nên ruột thừa, là bằng chứng. Cháu nói tiếp đi."

"Thưa thím, cháu đường đột đến thăm thím đây, chủ yếu là nhờ thím giúp cho cháu một đôi điều về hệ thống tình cảm. Cháu đã biết nó là muôn mặt, bạc bẽo, không móng, không nền, chắp nối, phù phiếm, phù du... Nhưng nó làm đảo lộn tất cả. Từ khi cháu thấy cơ thể và lòng cháu nao núng nhập quỹ đạo nầy, tức thời cháu bị lạnh xương sống như có tiếng cọp gầm sát bên. Cháu đã tìm đọc nhiều sách nói về tình yêu, cháu nghiên cứu cặn kẽ cả đặc tính bẩm sinh của hành vi ngược đời, vai trò thác loạn trong tính dục và nỗi trầm thống lâu đời của nó nữa cơ. Nhưng không giúp gì cho cháu hết. Cuối cùng, cháu tìm đến nhờ thím. Mẹ ở quá xa, thì cũng như không có mẹ, chắc thím thừa hiểu như thế để giúp cháu. Tính dục là gì mà uy hiếp ghê gớm thế, thím?"

Vợ Vọng tỏ ra bằng lòng về câu hỏi nầy:

"Cháu cứ tự nhiên, ai đi vào con đường dây dợ lằng nhằng nầy đều cần cố vấn. Nhưng nhớ một điều, cũng như trọng tài trên sân cỏ, cố vấn có được quyền sai lầm hai mươi phần trăm."

"Vâng. Cháu hiểu."

"Điều cháu hỏi, thật ra diễn biến phức tạp của vạn vật chung quanh đã có câu trả lời rồi. Vạn vật thì biến hóa không ngừng, chỉ có chuyện yêu đương là không. Sao cháu không nhìn vào những cái cổ cao nghều của mấy chú ngựa vằn? Trước đây mấy chục triệu năm, loài ngựa ấy sinh ra ở Phi Châu cái cổ không dài lắm đâu. Có người cho rằng vì nó vói hái lá cây cao mà ăn nên cổ dài ra. Không phải thế đâu cháu. Chỉ vì ông Trời trớ trêu sinh ra nạn đực thừa cái thiếu, nên đến mùa cơ quan sinh dục bị kích động, con đực cứ ngỏng cổ tìm con cái, hay con cái ngỏng cổ tìm con đực, cứ thế mà cổ dài mãi ra. Một trăm năm thêm một ly, một ngàn năm thêm một phân, một vạn năm thêm một tấc, thì mấy chục triệu năm dài chừng ấy cũng không lấy gì làm lạ. Các nhà động vật học vui mừng phỏng đoán chừng vài chục triệu năm sau nữa, cái cổ ngựa vằn cao hơn cột cờ Phu Văn Lâu. Đến lúc ấy, các nhà thực vật học lại lo, biết bao cây đại thọ trên đời mất đi cái vị trí độc tôn! Đó là thím muốn nói đến sự thôi thúc cấp bách của điều cháu

muốn hỏi."

Hương Trà khen:

"Thím quả là nhà nghiên cứu."

"Còn nữa, cháu có biết loài chim chích chòe lửa ngũ đoản không? Chúng nó hiếu chiến mà gan sứa, nhát hơn thỏ đế, đến nỗi có con vừa mới sập bẫy sợ quá đã chết liền tại chỗ. Thế mà hễ thấy trong lồng bẫy có cô chim mồi mái có đám lông trắng muốt phất phơ dưới bụng, là cắm đầu xông vào. Chết, sống có sá gì khi´ tiếng sét... ngang tai, phải không cháu?".

"Vâng. Thím quả là một nhà nghiên cứu tài ba."

Bà Bích cười tủm:

"Cháu quá khen. Thím trước đây đỡ đẻ. Người đẻ cũng như thú. Cần phải cứu vãn bằng cách tường tận nhiều mặt liên quan. Thế cháu có nhớ mẹ không?"

"Thưa, có, nhiều."

"Thím nghe lóm, anh bên nhà nói mẹ cháu là người quá quắt. Cùng phái với nhau, thím cứ áy náy mãi, không biết chị ấy, quá quắt lãnh vực nào?"

Không suy nghĩ, Hương Trà nói:

"Chắc là thím nghe lầm, hay hiểu lầm lời bố cháu nói. Mẹ cháu là người mẹ hiền. Cháu hãnh diện được sinh ra từ người mẹ nầy."

"Tốt. Từ mẫu là nguồn nước trong giữa đời đục, uống hoài không hết. Biết thế là cháu khỏi tiếc công đi học. Từ câu chuyện của cha cháu với chồng thím đây, thím đoán được có cái hố ngăn cách giữa hai người, mà hậu quả là, không đi với nhau một con đường, cho đến trót đời."

"Không phải đâu thím. Gia đình cháu còn kẹt lại mấy anh chị, không nằm trong diện được đi. Lòng thương con của mẹ cháu đồng đều, nhạy như cân tiểu ly, không dứt khoát được giữa đi, ở. Cuối cùng, bốc thăm. Mẹ cháu bốc trúng chiếc thăm ở."

Ít khi nao núng với bất cứ điều gì bất ngờ xẩy ra, bà Bích ôn tồn:

"Thế thì thím lầm rồi. Xin lỗi. Cháu năm nay mấy tuổi nhỉ?"

"Thưa, mười chín."

"Mười chín mà cháu đã biết lo. Bỏ xa thím ngày trước, hai mươi bốn tuổi thấy máu người sợ bắn lên. Hôm đỡ đẻ lần đầu, kéo đứa trẻ ra khỏi cửa mình mụ nhà quê, đỏ hỏn như con heo con. Ba ngày sau, tay bưng chén cơm ăn, còn run."

Hương Trà mỉm cười:

"Cháu nay ở Mỹ, thím ngày đó không phải ở Mỹ. Xã hội nầy coi

thường người lãnh đạm, dửng dưng. Cháu muốn trà trộn để hiểu thấu đáo những trớ trêu trong đời nầy. Những điều cháu không hiểu, mang cho cháu cảm giác hồi hộp, như đề phòng một cú lừa bất ngờ."

"Úi chào, thiên địa ơi," bà Bích reo lên. "Làm sao hiểu hết, mà hiểu thấu đáo những mấp mô lồi lõm trên đời nầy? May ra, cháu có mẹ ở bên. Chỉ có tâm hồn mẹ mới soi cho con một ánh đuốc. Đáng thương thay, cháu không được may mắn đó. Riêng phần thím, cái đáng thương kia như một trách nhiệm của mình, từa tựa như nhạc sĩ nào đó tự nguyện *thả mây bay cho đường dài*. Thím không diễm phúc được làm mẹ. Đàn bà, không sinh được con, buồn lắm. Hữu sinh mà vô dưỡng cũng buồn lắm. Thím buồn ở cái buồn trước. Bao nhiêu phen, ẫm trẻ con bằng hơi ấm của tay mình mà chẳng có đứa nào là con mình. Cháu đến với thím ngày hôm nay là phải. Thím nhận chức cố vấn là phải. Cam đoan với cháu, không cần phải du di mấy mươi phần trăm sai trên sân đời. Có điều gì cấn cái, cháu cứ đề xuất. Nếu một mai kia, thím ở xa hay thím không còn, nếu đột ngột gặp điều ngang ngược thì cháu cứ dửng dưng như đứng trong ngôi nhà cổ nhìn đồ phế thải mà cười. Nếu nụ cười là sự thở ra bị đứt đoạn, thì sẽ giúp cháu thoát hiểm. Nhưng cháu phải nhớ kỹ, người ta khó nhọc đắp một con đê, không phải chỉ rặt ngăn lũ, nước mặn, phèn chua thôi đâu nhé. Nó còn đáp ứng nhu cầu in dấu chân, mà không phải dấu chân nào cũng giống nhau, người in cạn, in sâu, kẻ in ngược, in xuôi. Có khi là một khách lãng tử quá đà, muốn đứng trên sự cheo leo, để ngắm một sân khấu hay hậu trường... trống không."

Phấn chấn, Hương Trà tiếp:

"Điều gì thím nói ra cháu cũng lĩnh hội. Thím ơi, tình yêu là cái gì mà ai cũng cho là hóc búa?"

"Nó rắc rối dị dạng như then máy trời. Rồi cháu sẽ hiểu từ kinh nghiệm bản thân. Cháu nhẫn nại chịu khó lắng nghe thím nói đây, vì nó chẳng những hóc búa mà còn hóc hiểm. Khi hành sử, không khác mấy binh pháp cổ điển của Tôn Ngô. Chiếm và giữ tình yêu cũng như ở bãi chiến trường: cái phép đất tranh, cái đạo tranh trước, mạnh, liều, dồn dập, bất ngờ... là lợi. Nếu đối phương chiếm trước thì giả thua, thối. Co về, dựng cờ khua trống, vung bụi vãi cát làm mờ mắt họ... chờ sơ hở sẽ tái chiếm. Ái tình là đạo. Đạo chỉ vào đức hóa. Tin thêm vào sự che chở của lực lượng thần linh. Một sợi dây tơ hồng nó mong manh mà cứng cáp biết dường nào khi trong tư thế nối, buộc. Đất dày mà có đôi tai thính lắm, nghe cả tiếng tơ đồng réo rắt chìm đắm nhất. Chiếm được mục tiêu rồi thì cố giữ, trau chuốt, đừng cầm gậy sắt, cho dù trong bàn tay có bọc nhung, mà đè nén, cai trị, cũng đừng nhọc công như kẻ

chiếm thành dùng đến phép đo, không cần biết núi sông hiểm dễ, đường sá cong thẳng, vì đo sinh ra lường. Mà lường là chước của kẻ bần tiện. Binh sách nói, không theo sự kiềm chế bên trong. Với tình yêu, thím nói thêm, không theo cả sự kiềm chế bên ngoài. Đến tháp ngà có muôn vạn đường, có đường không đi. Khi bị tống khứ ra khỏi tháp ngà, cũng có nhiều đường rút, có đường không rút. Mỗi người đều có một thần hộ mạng cho tình yêu, không ai đem đến, mình tự chọn lấy. Đừng chọn kẻ làm nên huyền thoại, giai thoại, đừng chọn kẻ núp bóng lịch sử phỉnh gạt người. Hãy chọn đối tượng chất phác, đôn hậu, gần gũi. Thím đơn cử, ông Địa chẳng hạn. Người đời tri ân và hoan hô ông ấy, không chỉ vì lòng nhân từ, mà còn nhờ nụ cười đạt lý thấu tình, nụ cười là tiếng thở ra đứt đoạn ấy mà."

Hương Trà há mồm kinh ngạc:

"Thím quả là nhà đại mưu lược! Chắc thím đánh cờ tướng cao?"

Bà Bích vuốt mớ tóc ít ỏi vừa mới nhuộm đen không lâu, cười tươi:

"Không phải đánh cờ cao là mưu cao, hay ngược lại. Cờ ấy chỉ là phép dựa vào thiểu mà không dựa vào đa số. Hai mươi chín con đều là phận chốt, chỉ để phục vụ cho hai thằng sĩ, một thằng tướng. Trò chơi ấy là sản phẩm cẩu thả du an, tập thói móc túi thiên hạ của thời quân chủ, không hiểu cái mực tận cùng của số, không cạn nguồn cái lẽ biến. Thím may mắn có chút mưu (không dám nhận chữ cao như cháu nói), là nhờ thím đỡ đẻ người. Ban đầu vì thiếu mưu, thím tách một đứa trẻ ra khỏi thịt mẹ, khó lắm. Sau, nhờ mưu, chỉ mất vài phút đã cho đứa bé suôn sẻ gặp đời. Nhờ mưu, giúp thím thêm được nhiều việc. Ví dụ, làm sao cho người mẹ khi thấy con mình sinh ra dị dạng bẩm sinh, khỏi rú lên tiếng thét. Xuyên suốt chuỗi ngày làm công việc đó, chưa có một đứa bé nào tắt thở trên tay thím. Chúng nó đều cất tiếng khóc chào đời giọng cao, hùng. Giả dụ, có chú thiên thần nhỏ xíu nào ngoẻo non trên tay, chắc cả đời, thím bưng chén cơm ăn, còn run."

"Thế là thím mát tay. Thím à, cho cháu hỏi thêm câu chót. Nếu không cầm được lòng, ngã chổng kềnh xuống vực nào đó, thì phải đối phó ra làm sao?"

Bà Hoàng Bích cười lớn:

"Dễ như trở làm tay. Cháu cứ bơi, nhưng bơi chó, đừng bơi bướm hay bơi ếch. Bơi chó giúp cháu khó nhìn lui, lại chóng vói tay níu bờ."

"Lỡ vực khô?"

"Đã là vực, thì chả có vực nào... khô. Đây, thím muốn nói nghĩa bóng, cháu hiểu chứ?"

"Vâng. Thế hồi trước chú, thím yêu nhau có ai bơi không?"

"Không. Chỉ đến mức độ lội. Vì tình yêu chú thím ở trên suối. Suối cạn thì không bơi, nhưng phải lội. Lội có khi khó hơn bơi, vì trợt. Người nầy trợt, có người kia đỡ. Chỉ sợ cả hai người cùng trợt. Một điều cần lưu ý, đừng lo lắng lắm, cháu. Cứ như cái vỏ con ve sầu lột xác kia, dù tả tơi mấy, rơi xuống đất, cứ tưởng nó vô dụng, bị đào thải. Nhưng không, chỉ một thời gian sau, nó sẽ nghiễm nhiên thành một thân cây, có hoa đàng hoàng, hoa lại dùng để làm thuốc cứu nhân."

"Cháu hiểu. Cám ơn thím. Cháu về. Có khúc mắc gì, cháu lại qua."

Buổi trò chuyện đó, cô gái mới lớn, sống và nhận thức thiếu nền tảng ở quê người, chỉ hiểu được một phần.

III

Một ngày thu. Những tầng lá phong chen giữa rừng thông phía sau đã úa vàng. Cả bầu trời không còn một đốm lửa nào tỏa xuống đám cỏ. Ông Hoài cùng với cô con gái đến mời vợ chồng Vọng qua nhà dự tiệc lớn.

Bà Hoàng Bích ăn diện sang trọng, mặt trát đầy phấn, lái xe ra chợ mua một bịch đủ thứ trái cây. Khi họ đến thì ngôi nhà của ông đã chật người. Khách khương ai nấy đều ăn mặc tươm tất như đi dự đám cưới. Ông Hoài ra tận cổng niềm nở chào đón mọi người. Khi thấy bà Bích tay xách quà nặng nề, ông nói:

"Thím làm vậy là còn xa cách, không phải tình xóm giềng gần."

Bà Bích đỡ:

"Anh ê ẩm khớp xương, tức là sụn đã mòn, khô, cần phải ăn những thứ có nhiều vitamine C. Chất nầy là hàng rào cản hữu hiệu giữa vùng có hiện tượng bệnh, không cho tấn công nhanh lên tim."

"À, tôi nhớ ra rồi, ngày trước thím là cô mụ".

Sợ câu nói của bạn già làm phật lòng vợ, Vọng thêm:

" Cô mụ nầy cao cấp, có trường lớp."

Bà Bích tỏ ra lịch thiệp giữa chốn đông người:

"Trường lớp hay không, không cần, chỉ cần cái tâm."

"Thím nói phải, lương y như từ mẫu. Từ tâm phải như là bó đuốc đi tiên phong. Vừa cầm vừa thổi cho cháy sáng lên." Ông Hoài nhẫn nại.

Bữa tiệc hôm ấy gồm toàn những món ăn ngon đặt ở tiệm Tàu nổi tiếng mang về. Khi đến mời khách, ông nói dối là kỷ niệm ngày cưới của vợ chồng ông. Vì cảm kích tình nghĩa vợ chồng mỗi người mỗi ngã, không ai chối từ. Nhưng khi vào tiệc được nửa chừng, bỗng ông đứng dậy, tuyên bố lý do, như sau:

"Thưa anh chị em, vợ chồng tôi cưới nhau về mùa nầy, mà không phải ngày nầy. Thành thật cáo lỗi. Tôi mời anh chị em đến đây không phải để kỷ niệm ngày cưới, mà để cho tôi được gặp anh chị em một lần cuối. Thật ra, đi hay ở, ở hay đi, chốn nầy, lúc nầy, cũng không có gì đáng nói. Nhưng mấy ngày gần đây thôi, có tiếng thì thầm của ai đó, nghe quen quen, bên tai tôi rằng, nỗi đau khôn nguôi của đời người là mất. Tôi chia ly anh chị em, chuyến nầy, coi như không còn...,

"Thưa qúy bạn hữu của tôi và của hai con tôi,

"Chiều ngày mai, 4 giờ 15 phút, tại phi trường quốc tế Atlanta, có một chuyến máy bay, hãng Cathay, đưa tôi về nước.

"Vì sao tôi về? Qúy anh chị em đã biết rồi. Không phải tốn thì giờ, nói thêm. Hết."

Người phản ứng gay gắt cho sự đường đột nầy, có lẽ là bà Bích. Nhưng bà cố dằn lòng, chỉ chu miệng vào tai chồng nói nhỏ: "Ông nầy về hay ở, không lợi, hại cho ai phía người đồng hương. Người Mỹ thì họ thích, vì có lợi về lâu về dài cho dân tộc họ. Riêng cá nhân tôi bị chạm là, tôi bỏ tiền ra mua trái cây như mua cho người có bệnh. Tôi không muốn kẻ ăn là người không bệnh."

Vọng trấn an vợ: "Tiếc làm chi, của cho là của còn. Con ông ấy ăn cũng như ông ấy ăn."

Bà Bích nhăn mặt: "Đừng ngụy biện. Trên đời, không có gì giống nhau, điều đó tuyệt đối."

Sự việc xẩy ra bất ngờ. Khách ngớ ra, đặt đũa xuống, không màng đến chuyện ăn uống nữa. Một người già nhất trong đám, lơ đãng, không hiểu hết những lời ông Hoài vừa lên tiếng, hỏi:

"Bộ định về ở luôn?"

"Vâng, tôi về luôn." Ông Hoài trả lời.

"Chú mầy nên suy nghĩ lại. Đành bỏ hai con à?"

"Nói thế là oan cho tôi, tôi xa chứ không phải bỏ. Tôi đã nói với hai con tôi rồi, cả hai đứa đều vui vẻ chấp nhận, vì chúng nó biết, bên ấy có mẹ, bốn anh chị và bảy cháu. Hơn bên nầy chín người. Tất nhiên, lòng tôi hướng về bên ấy trội hơn."

Bà Bích lên tiếng:

"Thưa qúy vị, cho phép tôi hỏi cháu Hương Trà đây một câu," bà quay qua phía Hương Trà đang ngồi với đám bạn. "Người ta nói, con gái thương cha gấp bội con trai. Cháu nhận xét câu ấy thế nào?"

"Đúng. Thưa thím, cháu thương lắm."

"Thế thì cháu cho biết cảm tưởng cái ngày nầy, bữa tiệc nầy?"

"Thưa, cha cháu sống thiếu mẹ cháu là điều vô lý. Xa quê hương, tuổi già, theo cháu cũng vô lý. Anh em cháu để cho cha có ngày khăn

gói xa, cũng vô lý nốt. Nhưng thím ơi, biết làm sao bây giờ. Bao nhiêu điều vô lý xét ra đều hữu lý cả. Có điều cha cháu vừa nói quá lời, hai cháu không hề vui vẻ khi cha về, mặc dù biết về bên ấy cha sống yên, vui hơn."

Bà Bích quay về phía ông Hoài:

"Anh nghe rõ lời cháu rồi phải không?"

"Vâng, tôi nghe rõ."

"Thưa anh," bà Bích xuống giọng. "Chị em phận gái chúng tôi có mặt hôm nay, có lẽ tôi luống tuổi nhất. Vậy thì, tôi xin đại diện có vài lời, gọi là để tiễn anh. Thứ nhất, con người không chỉ tử biệt mà phải sinh ly. Cái việc ngày trước chị bốc thăm một mình là không đúng, đáng lẽ anh cũng làm như thế nữa chứ. Sao anh không để định mệnh hướng dẫn cho mình một con đường đi để khỏi nhọc nhằn về sau. Thứ hai, việc anh xa sẽ gây ra một ấn tượng xốn xang, bất ổn cho nhiều người, trong ấy có vợ chồng tôi, là xóm giềng tối lửa tắt đèn. Không phải chúng tôi thôi, mà cả cây cỏ ngoài vườn của chồng tôi nữa. Còn anh, ít nhất vài tuần một lần, anh qua với chúng. Không có anh, chỉ có chồng tôi lủi thủi ở đó, cây cối không phải vô tri, nó cũng cần sự nẩy mầm, mọc lá, trỗ hoa, đơm quả của mình có sự chiếu cố của vạn vật chung quanh, mà con người là đáng kể. Thứ ba, như tôi đã nói, con người là phải sinh ly, vậy thì chúc anh đi được vạn sự an lành, cho chúng tôi gửi lời thăm chị và các cháu, nhất là cháu Xang mà anh nhớ, nhắc đến hoài."

Sau câu nói của vợ Vọng, bỗng có tiếng thút thít phía góc nhà. Đó là tiếng khóc cậu con trai của ông Hoài. Nét mặt đang tuổi xuân xanh, đầy sinh khí, khi khóc trông thật thê thảm. Không ai có thể hiểu nổi, vì sao cậu con trai nầy, khi sắp xa cha, tiếng khóc the thé như người lại cái. Đến khi có nhiều người nhìn cậu, cậu úp mặt xuống cạnh bàn. Cạnh bàn lúc đó, sần sùi như sợi dây thừng. Một lát, cậu xô ghế, đến bên em gái, cầm tay em, nói:

"Em, kể chiều mai, chỉ có anh em mình đùm bọc lấy nhau. Anh em mình cùng chui một chiếc bọc mà ra. Chiếc bọc ấy, dù thời thế làm rách, có nó, mình vẫn còn có lớp vỏ che."

Hương Trà cũng khóc theo anh:

"Sau nầy anh và em, lấy vợ, lấy chồng, biết ai đứng ra chủ hôn. Nhờ người khác làm thay, không bằng cha."

Mọi người ngồi yên, nhìn nhau.

Nắng chiều đổ từng giọt tím sẫm ngoài mảnh sân trước nhà. Cỏ ở vệ đường và những đọt cây ló lên bên kia đồi đang đổi màu chuẩn bị hòa vào đêm.

Có tiếng chim quen hót sau vườn. Mùa thu, chiều nào cũng thế, cứ đến giờ là loài chim nầy hót. Mỗi năm, tiếng chim mỗi đứt quãng, yếu đi. Năm nầy nghe rè rè như chim cu gáy ăn thiếu chất khoáng, lâu ngày.

"Thưa thím Bích," đến lúc nầy ông Hoài mới đáp lại lời phát biểu của bà Bích. "Ba điều thím nói ra, điều nào cũng hữu ích. Hôm đằng nhà, thím nói với tôi cũng toàn những điều hữu ích, tôi cứ suy nghĩ đến cái vó ngựa hoài. Từ ba bốn vó đến một vó, cả một trăn trở khó khăn. Xét cho cùng, chạy một vó nhanh hơn ba bốn vó. Nhưng chạy nhanh để làm chi đây? Xa chốn nầy, không phải tôi chỉ xa hai con, mà xa cả một phần đời. Hai khúc ruột tôi còn dính lại đây, có gì, mong chú thím và bà con ngó tới. Tôi xin lấy hai chữ sinh ly của thím Bích để lên đường, 4 giờ 15 phút, chiều mai."

Nói xong ông Hoài gượng cười. Nhờ nụ cười ấy, có mấy người khách tiếp tục ăn.

IV

Vọng về quê, giữa mùa hè, đúng một năm sau ông Hoài về.

Anh đến thăm ông trong căn nhà nhỏ, nơi tổ tiên ông đã sống nhiều đời.

Vợ ông đã chết rồi.

Khi còn ở Mỹ, các con ông dấu không cho ông biết tin nầy.

Vọng là bạn ở Mỹ về thăm, không riêng gì ông Hoài, cả nhà đều mừng. Ông nói với con cháu và xóm giềng, tình bạn có trước có sau như thế là hiếm. Người nghe cũng cho là hiếm. Nếu còn sống, chắc bà Hoài cũng thấy điều nầy là cộng thêm cho niềm vui của chồng những ngày có bà bên cạnh, lớn lao hơn.

Bảy năm xa cách, quê Vọng, không có gì thay đổi, hay là vì anh choáng ngợp trước những gì, hơn cả thay đổi. Cũng có thể anh không nhận ra những thay đổi, vì trong lòng anh lúc nào cũng tưởng là, nó không thể thay đổi, hay thay đổi theo cách nghĩ của anh.

Riêng có một điều anh thấy, tất cả đều nhỏ, hẹp, ngắn lại, không còn có sức rung động quyến rũ như ngày còn thơ ấu.

Tuổi trẻ của anh là chuỗi rong chơi không biết mỏi mệt.

Nắng mưa lụt bão, xuân hạ thu đông anh đều ra khỏi nhà từ sáng sớm. Cũng vì nôn nóng chờ ngày lên để ra khỏi nhà, anh nghe rất rõ tiếng gáy của đàn gà trống mẹ nuôi, của cả hàng xóm nuôi. Tiếng gà là một báo hiệu giục giã giúp anh chạm đến nguồn mơ ước của sự sống đầu đời.

Một ngày rong chơi của anh không như những đứa trẻ khác, anh

chú trọng đến cái nhỏ, vụn. Có thể là những đường gân lồi màu sẫm nhạt trên lá bai bái, từng ngù nõn nà đùn những nụ hoa vàng lên cao chen ở giữa đám nhị mượt mà lông tơ, tỏa mùi thơm lừng.

Mùa đông, một thân ký sinh đằng bò dài trên mặt đất trong truông vắng, vẫn làm cho anh dừng lại năm ba phút nhìn nó nở hoa giữa trời rét mướt. Có những loài hoa, anh phải chờ đến ban đêm để nhìn nó chuyển động nở hay nở rồi lấp lánh dưới ánh trăng, mới xuyên thấu lòng hết lẽ huyền vi của đất trời.

Cũng vì chờ đêm, anh nhìn thấy vô số vì sao trên trời, cọng với những vì sao mẹ chỉ thêm trong những đêm thanh, trước sân nhà, làm thành một biển thủy ngân óng ánh, quấn quýt bên nhau. Có một điều, chẳng bao giờ anh hiểu nổi, vì sao nào có bàn tay mẹ chỉ cũng lấp lánh lên. Hương thơm kỳ diệu ngày còn mẹ, tỏa ngát, xao động, như ở một nơi không phải trần thế nầy.

Không phải cây cỏ thôi đâu. Cả những sinh vật nhỏ bé quanh anh. Suốt nhiều tháng năm, anh muốn khám phá, vì sao đuôi thằn lằn bứt ra khỏi mình còn lẩy bẩy quá lâu. Vì sao, đàn ong bắp cày lại rủ nhau bay vù vù trên cánh đồng hoang để đuổi cho kịp đàn châu chấu? Ông nội anh nói, sau nầy cha anh nói lại với anh hồi còn thơ, nơi nào có *châu chấu bay qua gà mái ngưng đẻ*... Khi lớn khôn, có nhiều sách đã giải thích hiện tượng ấy rồi, nhưng anh vẫn bán tín bán nghi, chỉ biết rằng, châu chấu hình dáng phức tạp, màu sắc thiếu hài hòa, thế mà là một trong loài bọ cánh thẳng, mẹ anh thương nhất. Chúng phá hoại hoa màu mẹ trồng hay đe dọa sự sinh sản đàn gà mẹ nuôi, sao mẹ vẫn thương?

Còn những cô chú cá lóc nữa chứ, khó lắm mới hả toang hết cỡ cái miệng để cho đám con nhỏ chui vô, ngậm lại, phóc qua bờ ruộng, nhả ra, một nơi an toàn hơn. Ai bảo loài vật không có tình? Trong đám con của mình, cô chú cá lóc thừa biết có lẫn lộn nhiều nòng nọc, cà niễng, bọ gậy chen chân "di tản" theo, mà vui vẻ không phân biệt đối xử. Ai bảo loài vật không biết câu, *bầu ơi thương lấy bí cùng*?

Vọng đem chuyện, mọi thứ chung quanh đều khác hỏi anh cả - tên Hòa. Anh ấy trả lời:

"Vì chú ngày nay không phải ngày xưa. Chú khác xa, bảo chúng không khác xa sao được. Một ngày đã khác rồi, huống chi lâu năm."

Nói xong anh cười. Nụ cười ấy hiền hậu, dễ hiểu, nhưng kéo dài quá lâu, làm cho vợ anh bực bội:

"Anh mà giải thích cho em ở xa về, lòng còn bề bộn như thế là không ổn. Chú ơi, theo chị, vì ngày xưa chú nhỏ, khi nhìn mọi thứ phải nhìn lên, nó xa, cao, rộng là phải. Nay, chú lớn, lại xa xôi về, nhìn từ

trên nhìn xuống, hay nhìn ngang, nên nó ngắn, nhỏ, hẹp lại đó thôi."

"Chị muốn nói cả hai nghĩa nhìn, đen và bóng à?" Vọng hỏi.

"Phải, cả hai."

Anh cả Vọng nghe câu nói của vợ tâm đắc gật đầu lia lịa, rồi lại cười. Chị vợ sợ nụ cười ấy làm Vọng ngại, giải thích:

"Có chú về, anh ấy vui, cứ cười hoài đến vô duyên. Cả mấy năm nay, đau ốm miết, Di Lặc tái sinh thọc léc vào rốn cũng không cười nổi một tiếng."

Con dì ruột Vọng bỏ chén trà xuống, lên tiếng:

"Thầy địa nói mả ông ngoại sắp phát. Trước khi phát, hành con cháu một vài trận đã. Chú Hòa đây bị hành trước, thế nào cũng có người sau, chưa biết ai. Chú ở nước ngoài về, có tiền, nên làm cỗ lớn cúng gấp, để xin ông rút bớt ách cho con cháu. Ông ngoại chú cũng là ông ngoại tôi. Anh em, vợ chồng, con cái tôi, nhớ ơn chú."

"Nay mai, em sẽ làm cỗ to để giỗ ngoại. Thừa thần như huệ, mời cả làng." Vọng nói.

"Bài vị ông bà ngoại thờ ở nhà tôi." Anh con dì thêm.

"Em biết. Trước đây, đã ba lần, anh viết thư báo cho em rồi."

"Năm nào cũng có giỗ tươm tất. Tốn kém, vợ chồng tôi chịu cả."

Đến đây, Vọng mới hiểu hết ý anh bạn con dì muốn nói.

"Cám ơn anh chị. Sáng mai em qua nhà."

Câu nói nầy thôi thúc người chị con bác ruột Vọng, lên tiếng nữa:

"Bài vị ông mệ nội thờ bên nhà chị. Trước khi chồng chị chết có trối lại, hằng năm bất kể giàu nghèo, cũng phải cúng giỗ tươm tất. Chồng chị ngoại tộc mà biết lo..."

"Em hiểu. Sáng mai em cũng qua nhà chị luôn."

Vọng giải quyết, dù mới bằng lời nói, như thế là vui vẻ cả.

Dòng họ nội ngoại anh đều nghèo. Họ dựa vào thế lực người khuất mặt như thế là phải.

V

Trong những ngày về quê, Vọng đến thăm ông Hoài hai lần. Ông Hoài cũng đến thăm Vọng hai lần.

Cả hai lần Vọng đến thăm, ông Hoài đều đưa ra thăm mộ vợ ông ngoài bìa làng, vào buổi chiều.

Lần đầu, con gái ông đội theo một mâm cơm cúng. Cả hai lần đều có thằng cu Xang đi theo. Nó đã hơn năm tuổi. Đen đìu, nhom nhem, giống ngày trước ông Hoài mô tả khái quát về tình trạng những đứa cháu ông xa.

Trước mộ vợ, ông Hoài đứng nghiêng mình thật lâu. Bóng ông lùi lũi y như một hàn sĩ ẩn độn lâu ngày về thăm mộ phần thầy cũ.

Xong, ông vẫy cu Xang đến gần Vọng, nói:

"Hồi tôi đi, cháu nó bằng trái bí đao cỡ vừa, còn nằm nôi, nay nó đã vào mẫu giáo rồi. Chiếc răng sữa cũng thay rồi. Lớn lên chắc lại thay nữa. Điều nầy, thím Bích nhà chú ở ngành Y, biết rành hơn tôi. Xang, tới ông Vọng bồng một hưởng chút hên, cháu."

Vọng ngồi xuống, dang hai tay, thằng bé xà vào lòng anh không chút ngại ngần. Ở trong vòng tay ấm áp của Vọng, nét mặt nó ửng hồng lên, chỉ được một lát là ngủ say, rồi đái dầm ướt cả quần tây anh đang mặc.

Cha đứa bé phân trần:

"Chú tha lỗi, thằng nhỏ mắc bệnh nầy lâu rồi. Bác sĩ bệnh viện tỉnh nói, vì vợ cháu què, không bồng nó đi đái được, khi nó chưa biết đi cứ để đái tại chỗ, lâu ngày thành quen. Cháu sợ, đến già đời nó còn đái dầm. Nếu vậy, sau nầy nó có vợ, vợ khinh. Cả dòng họ đằng vợ cũng khinh luôn. Y sĩ ngoài huyện cho hay, đái dầm lâu ngày sinh đái láu. Người bệnh đái láu thì chỉ có nước chết đói, cả ngày lo đi đái đến ba bốn chục lần, mất thì giờ, ai dại gì thuê làm việc. Chú về bên Mỹ nói với hai em cháu như thế, nhé."

Nước mắt cha cu Xang ứa ra.

Ông Hoài bổ túc: "Chỉ có cô giáo nó là tâm lý, học trò xin đi tiểu hoài hoài, không nạt nộ, lại còn mỉm cười."

Nói xong, ông đứng tránh ra cho làn gió thổi vào, để quần Vọng mau khô.

Vọng hỏi:

"Mẹ cháu què bẩm sinh à?"

Cha cu Xang trả lời:

"Thưa chú, không phải. Hồi giải phóng mới vô, không biết làm gì sống, cha cháu đây lại ở tù, không có gì thăm nuôi, sợ cha cháu chết. Vợ cháu phải lên phố bán xăng lậu dọc đường. Công an đuổi bắt, co giò chạy, không may té, gãy chân. Đẻ thằng nầy ra đặt tên Xăng để nhớ. Sau nầy, đổi qua Xang cho dễ phát âm."

Nghe con nói, ông Hoài khóc. Hai dòng nước mắt ấy từ từ chảy ven mũi gặp nhau ở nhân trung, rồi rơi xuống.

"Vợ tôi chết, đã chết rồi," nhìn trời đất một vòng, ông Hoài nói. "Tất nhiên là chết oan. Không ai giết vợ tôi, cũng không ai cứu vợ tôi, tự nhiên chết. Chỉ có hai điều làm tôi đau. Một, các con tôi dấu tôi. Hai, không chôn nhà tôi ở bìa vườn mà bìa làng. Cả chuỗi ngày dài tôi thương nhớ, mong cho được gặp bà. Khi ngồi trên máy bay về nước,

khi ở trong tàu suốt ra Trung, tôi cứ nhấp nhỏm hình dung cái lúc gặp lại bà, ắt là bà chọn chỗ đứng dưới giàn bầu sây trái, cười híp mắt. Chú em ơi, chú biết bà ấy trối lại điều chi không? Không điều chi hết mà thành nhiều điều, là trao lại chiếc thăm bà đã bắt trúng để xa tôi. Cám ơn vợ chú, đàn bà, thím ấy khôn hơn đàn ông, đáng lý ra, tôi cũng phải bắt thăm."

Ông móc trong túi áo ra đưa cho Vọng xem chiếc thăm trong giờ hấp hối vợ ông gửi lại. Chiếc thăm màu vàng sẫm, ngắn hơn hai đốt lóng tay người lớn, bằng cọng cỏ tranh mà người ta đan thành liếp để lợp mái nhà.

Xem xong, Vọng trả lại. Ông cẩn trọng soi về phía có mặt trời, như xem trong ấy có gì không. Trên đường di chuyển ngắn ngủi, nắng chiều chiếu lên, màu vàng sẫm thành màu vàng hoe, như vệt máu mới phai.

"Tổ tiên tôi nhiều đời có lệ chôn người thân ở bìa vườn," ông Hoài mệt mỏi nói. "Chốc nữa chú em về lại nhà tôi thì thấy, chung quanh vườn mồ mả bao vòng như bức tường che chở cho con cháu. Còn nhiều khoảnh trống, sao con không cho ruột mẹ được nối một khúc? Bìa làng, nơi địa giới tranh chấp, dành giật hơn thua, phóng uế, hợp với người sống bon chen mà phụ với nắm xương."

Xong câu nói, ông Hoài nháy mắt ra hiệu con gái dọn đồ ra cúng mẹ.

Đôi mắt ông ánh lên như chờ đợi đã quá lâu để được nhìn những thức ăn mà ngày còn sống vợ thường ăn, thích ăn. Có những thứ không phải mua ở chợ, mà nhặt ngoài vườn, trong hồ ao nhà hay hàng xóm đem đến nấu cúng để nhớ lòng tốt bà lúc sống. Trên mâm cơm cúng, có một đĩa ốc bươu luộc với lá sả, một chén dưa bẹ môn kho với cá thờn bơn. Bên cạnh, còn bày những thứ mà bà được ăn, sau khi chồng và mấy con ở Mỹ gửi tiền về, như nem, chả, giò, tôm to, cá chép, nhộng tằm xào... Tóm lại, mâm cỗ thượng vàng hạ cám, nhưng nhìn chung là của nhà giàu, không phải nhà nghèo. Chỉ có thức uống là duy nhất một bát nước nấu lá Mồng Năm, mà lúc sinh thời bà cắm cúi hái ngoài cồn rú, sao vàng hạ thổ, để dành làm thuốc khi đau ốm. Nhưng bà không đau ốm gì, chỉ chết.

Mỗi người, có một cách chết. Bà Hoài chết trong lúc còn muốn sống.

Ai cũng có một ân huệ cuối cùng của Thượng Đế khi lìa đời. Ân huệ ấy đã giúp bà Hoài gượng tấm thân kiệt quệ quay về phía ngõ, là nơi bà tiễn chồng, con đi.

"Bà ơi, lễ bạc lòng thành, không nhiều thì ít, xin bà hưởng cho,"

ông Hoài cất cao lời khấn. "Có chú bạn tôi ở bển về chứng cho lòng tôi những ngày xa bà. *Vò võ như vọ nằm sương* là tôi. *Buồn như trấu cắn* cũng là tôi. Trăm sự bà thông qua cho. Trong những món dọn mời bà xơi đây, món nào cũng có ý nghĩa, chỉ có cá thờn bơn là sợ bà không thích, lúc còn sống miệng và mắt chúng méo lệch một bên, nhưng đường bơi của chúng thẳng, không cong. Vả lại, đã kho thì chúng chết rồi, lại kho với dưa môn là thứ hồi còn xác xơ tổ đỉa, cả hai đứa mình ăn đều khen ngon... Tình thực, tôi cũng nói ra một lần, hồi yêu em rồi cưới em làm vợ, em tròn hai mươi tuổi. Ngày em lìa tôi là sáu mươi sáu tuổi, bốn mươi sáu năm ở với nhau, tôi nhiều lần dại, lỗi lầm. Bà bỏ qua, chưa một tiếng bấc chì. Lòng bà cho tôi như núi, tình bà cho tôi cũng như núi. Tính trong bụng, chuyến nầy về, tôi sẽ mổ heo khao. Nay bà không còn, biết khao ai, nên tôi không mổ..."

Cứ thế, ông khấn đi khấn lại một hồi lâu cho đến khi mặt trời xuống bên động cát.

Mặt trời ở đây không như mặt trời nơi Vọng định cư. Càng đến lúc sắp tắt, nó loang ra một thứ ánh sáng lung linh, mỏng và chấp chới như dây nhợ níu lấy cây cỏ.

Ánh nắng cuối ngày ở đây cũng không giống như ánh nắng cuối ngày bất cứ nơi nào Vọng đã đi qua. Không hề có một chút đêm lạnh lẽo trong ánh nắng đó. Đêm, ngày tách biệt rõ ràng. Những gì của hai phía không trà trộn vào nhau.

Cúng xong, ông Hoài mời Vọng về nhà dùng cơm. Giữa bữa, ông nói với anh ý định mai mốt sẽ dời mộ vợ về chôn ở bìa vườn.

Đứa con trai đầu ông can: "Chưa nên, người mới chết, thịt chưa rã hết khỏi xương không nên xáo. Thịt còn hôi, kẻ bốc mộ đòi tiền công gấp mười. Bố ơi, còn đó, có gì phải gấp?"

Ông Hoài cương quyết: "Chuyện mẹ để cha lo. Mọi việc, từ đầu đến cuối, tự tay cha làm hết, không cần một ai. Lỡ cha lăn đùng ra chết bất tử, con lo không bằng chồng."

Vọng dúi vào tay bạn già một ít tiền: "Anh cầm lấy, thêm vào lo cho chị. Ngày cải táng chị, tôi về rồi."

Khi Vọng từ giã, cu Xang cũng theo ông nội tiễn đưa. Anh ẵm nó hồi lâu và hôn lên trán. Vầng trán nó có mùi thơm như khi đi ngang qua truông nhiều hoa bai bái nở.

Ông Hoài nói nhỏ với cháu: "Cắn răng lại, cháu! Ông ấy đi xa rồi, khó gặp lại lắm. Đừng đái lên người ông nữa. Trời đứng gió, lâu khô."

Cu Xang cắn răng. Khi cắn chặt, hai giọt nước mắt của cháu lăn xuống má, đổi màu, như hai giọt mưa, nhìn qua lớp gương phủ bụi màu

hồng.

Ra đến cổng, ông Hoài cầm tay Vọng:

"Tôi có việc nầy nữa, nhờ chú em giúp. Chú cầm cái thăm nầy của riêng tôi, về trao cho hai con tôi bên đó xem, giải thích cho chúng hiểu, rồi chú đem trả nó lại cho khu rừng phía sau. Vợ tôi thương chồng con, tin vào phần số, bốc thăm, trúng ở. Tôi thương vợ và con, tin vào phần số, cũng bốc thăm, trúng về. Đó là tôi tính chuyện khi chưa biết nhà tôi mất. Nếu biết nhà tôi mất, dứt khoát về thôi, không cần thăm thúng chi cho mệt. Cám ơn chú em. Cho tôi gửi lời thăm thím. À, chuyến nầy về bên, chú nhớ đừng trồng cây nhỏ dưới cây lớn nhé."

Vọng trân trọng đỡ lấy cây thăm do bạn già trao. Chiếc thăm ấy dài hơn một lóng tay người lớn, bằng lá thông khô, màu vàng sẫm, dù đã mang đi xa vạn dặm rồi, vẫn còn nguyên màu như những lá thông khác, rụng về mùa thu, quanh nhà anh.

Trong bóng hoàng hôn, thân lá thông với cọng tranh, không khác gì nhau.

Đoạn Kết

Chú Vọng,

Cháu viết cho chú vài hàng, nhờ bố cháu chuyển, chắc thế nào chú cũng ghé thăm bố cháu. Đáng ra, cháu không viết thư nầy, nhưng nghĩ đi nghĩ lại, nếu không viết, thì chú không biết được điều cháu nói dưới đây.

Số là, chú về thăm nước được hai tuần thì thím lâm bệnh nặng, chở vào bệnh viện, bác sĩ khám phá ra thím bị ung thư máu cộng thêm vài bệnh gì đó nữa.

Hôm xe cứu thương đến chở thím, cháu có đi theo. Cháu được nghe thím nói với con là nhắn gấp với chú, những ngày còn lại bên ấy, làm thế nào cũng gắng về thăm ngôi nhà hộ sinh, nơi ngày trước từ chiến trường chú thường tất tả về thăm thím, lúc mới yêu nhau.

Cháu lại nghe anh ấy nói là, không nên cho chú biết tin nầy, sợ chú hoảng hốt, có thể có chuyện bất lợi xẩy ra.

Riêng cháu, người cưu mang ơn thím những lúc tình cảm gần như hoạn nạn, linh tính lại báo cho cháu biết có một điều gì không bình thường, nên cháu có bổn phận tin cho chú biết, để chú tùy nghi thực hiện nguyện ước của thím. Lúc nói ra điều nầy, cháu thấy nét mặt thím đau đớn lắm. Nay thì thím mê man, á khẩu rồi.

Chúc chú bình yên và mau về với thím.

Trên đây là bức thư của Hương Trà gửi cho Vọng. Tất nhiên là

LUÂN HOÁN
nhớ

nằm nghiêng thừa cánh tay ôm
nằm ngửa thiếu cánh tay thơm , lạnh đùi
nằm sấp bức rức cả người
ngồi lên chạm mỹ nhân ngồi chung quanh

gặp

thừa bàn tay, thọc túi quần
gặp em, vấp ngọn núi sừng sững nghiêng
đứng kề bên lá thuốc tiên
sao nghe tâm bệnh đảo điên hơn nhiều

LUÂN HOÁN

anh rút ngắn chuyến đi và thuê xe honda thồ về ngay đầm Sam.

Ngôi nhà hộ sinh ngày ấy không còn nữa.

Con đường từ Huế về chợ Mai, ngoẹo qua huyện lộ, đến làng Chuồn lạ như đi lần đầu. Con đê ngày nào, nay thành một vết sướt buồn bã mà cánh đồng chung quanh là mảng da của người đói.

Bom đạn thời chiến tranh tàn phá ngôi nhà hộ sinh, chỉ còn lại lởm chởm mấy miếng vách rêu phong. Trên nền cũ, người ta làm một cái chòi tranh, để lùa vịt về ngủ đêm.

Vọng đứng lâu ở đó, bờ đầm vẫn lau lách, bèo hoang và cỏ dại sáng lên màu ráng trời chiều.

Sóng cũng dồn lại từng vồng cao, nhưng không dập dờn kéo về phía anh, mà kéo phía khác, phía bên kia, phía trời mới mở thêm cửa biển./*

HỒ MINH DŨNG
Atlanta, 8.2000

(*) Vợ chồng Vọng có nuôi đứa con nuôi.



NGUYỄN VĂN THỌ
viết xuôi

Chúng ta nói chuyện với nhau câu chuyện bên kia tráI đất
Ngược hơn bẩy ba ngàn vòng quay.

Tôi cài lên tóc úa
Mầu lược trắng Đuya Ra
mất ngủ
nét khắc hằn: Nhớ Em
Người đàn bà để nguyên chiếc lược xưa lên trời
Ngắt một vì sao soi Đêm Tôi
ánh sáng nào phát lửa khô đi nỗi niềm riêng.

Đêm xứ người mềm như nhung
đâu chỉ trắng trời mầu tuyết không trọng lượng
Người đàn bà mơ gì sau hai mươi năm
Tôi mơ gì sau những nhận biết mong manh đời người?
Lược Đuya Ra không bao giờ rỉ
Nhưng chỉ chúng tôi biết câu chuyện riêng của nó.

Thế giới,
Những con sên bò trên mảnh vải có hai từ Lương Tri
để lại bụi ác trên cánh đồng cầy chìa vôi

Tôi nghĩ về su thay đổi kỳ quặc của thời gian
Trong khi cô gái thanh tân hơn năm mươi tuổi cố ngủ
Vì một giờ nữa phải tới nơi rửa bát.

NGUYỄN VĂN THỌ
Nước Đức 2000



HỒ ĐÌNH NGHIÊM
vô hậu



Gióng quê làng Xơ, gia phả ba đời đều làm quan to, cơ ngơi tuy không đồ sộ nhưng tiếng tăm vang dội một vùng. Gióng lớn lên gặp lúc vận nước rối ren, binh đao loan lạc trổi cùng khắp, lòng nguội lạnh chán ngán chuyện công danh, lơ là và xa lánh việc đèn sách. Gia đình thấy thế không cho đó là chuyện buồn. Cha Gióng lập ngôn: Dòng sông có đoạn trong đoạn đục, giòng họ này vinh hiển đến ngang ta đã là mừng, còn đòi chi hơn! Để giải tỏa nỗi thắc mắc trong lòng mẹ Gióng, đêm khuya ông thì thầm bên chăn gối: Bạn ta có người am tường thuật tướng số, chiếu theo sách vở mà nói thằng Gióng tướng ngũ đoản, mai hậu có quới nhân phù hộ. Thời bây giờ đã đổi, sách thánh hiền dạy e chẳng đáp ứng được tình hình, chớ nên ép uổng hắn làm con mọt sách mà chi. Ta chủ trương dĩ hoà vi quý, không nên tạo ra sự gay cấn. Đời vô thường, còn vui ngày nào mừng cho ngày đó.

Mẹ Gióng nghe đến chữ quới nhân phù hộ thì thở phào, mừng cho Gióng tới sáu bảy và riêng mình cũng an tâm được ba bốn phần: - Ông nói vậy xem ra là kẻ thức thời, sau này chớ có vu oan đặt điều: Con hư tại Mạ!

Khác với tính di truyền trong giòng họ, máu của Gióng lại đậm đặc chất nghệ sĩ. Bẩm sinh có hoa tay lại ưa nhìn sự vật qua một lăng

kính khác, dần dà Gióng chú tâm vào con đường nghệ thuật tạo hình. Mê mẫn và đắm say. Thao thức năm canh, sáng ra người thẩn thờ như đã ký thác linh hồn vào một thế giới khác. Tranh Gióng vẽ bày ra một cõi miền kỳ lạ, như ma thuật. Đứng ngắm tranh, kẻ chân tu liền hụt hẫng, trào máu sân si ưa đi làm cách mạng. Ngược lại, đứa lập chiến công bạc màu áo trận lại đưa tay sờ vào ót mình tự gẫm: Ta thật bất hiếu, chẳng hề phụng dưỡng song thân lấy một ngày, bỏ nhà đi lên Trường sơn cong lưng vác ngà voi. Chẳng lẽ ta đã vắt kiệt tuổi xanh để đổi lấy hư danh. Huyễn mộng, phù phiếm!

Theo cùng với sự nổi tiếng, Gióng đâm giao du nhiều. Tuy vậy chỉ kết bạn với ba thứ sĩ thôi: Thi sĩ, văn sĩ và nhạc sĩ. Những sĩ khác Gióng đều khinh thường: Chăm chỉ cần cù thì ắt có ngày thành đạt. Đặc tính ấy là của loài kiến loài ong. Bọn ta đây ví như ve sầu, góp cho đời một khúc hoan ca và bằng lòng với sự yểu mệnh mình tự chọn. Mà thật, những kẻ nổi tiếng chớ nên sống lâu!

Lời Gióng nói đụng chạm tới nhiều đứa. Sự thật thường mất lòng. Gióng vui vì vuông chiếu chỉ còn lại một nhúm bạn, những kẻ ngồi hàn huyên với Gióng giờ này hẳn chúng nó đã xem lời Gióng là thuận nhĩ. Những cuộc rượu thay nhau đãi đằng suốt đêm. Thi sĩ thì rung đùi phun xuống chiếu bài thơ không niêm luật mới sáng tác. Nhạc sĩ thì gầm mặt vào đàn guitar cất giọng chếnh choáng mà khan giọng một khúc tình ca đa phần là hoang tưởng. Văn sĩ ngồi xếp bằng đạo mạo kể chuyện tục... và khi tất cả chẳng có gì để làm, mọi con mắt đều chú mục vào mấy tấm tranh của Gióng bày biện chật vách. Ngắm nghiá, thưởng ngoạn, quan sát và cuối cùng đòi giải thích. Gióng vẫn cái giọng ngạo mạn muôn thuở mà rằng: Ai cũng muốn tìm hiểu hội họa, vậy thì cớ gì họ lại không thử tìm hiểu tiếng chim hót. Tại sao người ta lại đi yêu một bông hoa, mê mệt một buổi tối tròn trăng... những cái làm người ta bỡ ngỡ mà họ chẳng cần thắc mắc tìm hiểu gì ráo.

Cả bọn ngồi ngậm câm sau lời Gióng. Chúng không hề biết xuất xứ câu nói đó là của sư tổ bồ đề Picasso bên trời Tây phương cực lạc. Trong đám ngồi vây quanh Gióng có một người nữ, thi sĩ, bút hiệu Đỏ Mỏ. Thân thể gầy mỏng, diện mạo u tối, nhan sắc tàn phai. Nói tóm cô ta không phải là thứ để cho Gióng dợn lòng ngắm nghía. Cuộc rượu nào cũng có Đỏ Mỏ và thị luôn xông xáo đảm nhận chức chị nuôi. Công bằng mà nói, cái ả xuất thân là một em bé giao liên ấy khá mát tay khi làm đồ nhắm. Mặn miệng, dễ bắt rượu cay. Đỏ Mỏ đưa ra câu hỏi:

- Trong đời sống, điều gì khiến anh sợ hãi nhất.

Gióng đáp:

- Nhất thời ta không thể có ngay câu trả lời ổn thỏa, nhưng phút giây này, giờ đây, điều khiến ta sợ hãi nhất là bị thương tật ở bàn tay phải. Ta sợ tật nguyền, sợ không còn được sáng tạo, mất khả năng tung hoành trước tấm bố để tự do vẽ rồng vẽ rắn.

Tiệc rượu gần tàn, Đỏ Mỏ đứng dậy thu vén dần chén bát:

- Nếu có kẻ yêu cầu anh vẽ cho người nhà họ một bức chân dung thì anh nghĩ sao?

Đang nhai một miếng lòng lợn. Gióng suýt phun ra chiếu cái độ dai trường kỳ tựa ruột xe đạp ấy.

- Chậc, xin hãy gượm đã. Em nào dám coi thường anh. Cũng tùy thuộc vào đối tượng, phải không nào?

- Thi sĩ Đỏ Mỏ muốn có một bức để in sau tập thơ chăng?

- Hổng dám đâu... Xưa rồi Diễm!

Đỏ Mỏ lấy bình thủy nước sôi chế vào ấm trà. Hương hoa nhài phảng phất. Gióng nheo mắt ngó, thị có một gương mặt làm khó họa sĩ, căn bệnh sốt rét làm thị uống rượu không hề biết đỏ mặt, nghe kể chuyện tục tĩu cũng thế, thủy chung chỉ một màu nghệ. Gióng thử lục soạn trí nhớ về một bài thơ nổi nhất của Đỏ Mỏ nhưng hoài công. Bút hiệu dễ gây ấn tượng nhưng thơ thẩn lại trốn chui vào bóng tối.

- Em muốn ta vẽ chân dung ai? Gióng cố làm vẻ tự nhiên.

- Thầy Tử. Anh biết không?

Gióng đăm chiêu. Dĩ nhiên là Gióng biết. Ông bạn cùng thời với bố Gióng. Từ quan, ở ẩn, truyền đạt kiến thức mình có cho bọn đầu xanh, giúp kẻ nghèo khó, tiếng thơm truyền xa. Chẳng muốn giao thiệp băng đảng phe phái, mong kẻ thế lực không tìm ra cớ bức hại mình.

- Thầy Tử mới chết. Gia đình kiếm không ra một tấm ảnh để thờ phượng. Nhờ vã anh là vì thế.

Gióng giật mình. Ông đã chết. Nhân sinh thất thập cổ lai hy. Hề, câu ấy thật chí lý!

- Cớ sao cô lại có được quan hệ với ổng?

- Mậu thân bọn em bị càng, cơ sở bị bứng gốc, trong bước đường cùng may nhờ gặp được Thầy Tử ra tay cứu vớt. Sự cố ấy em có đưa vào trong bài thơ năm chữ, thơ như vầy...

- Bài ấy ta đã đọc qua, xin chớ diễn ngâm làm chi cho nhọc sức.

Đêm tàn, Gióng đi xiêu đổ về nhà thưa hết mọi chuyện cùng cha. Ông không ngạc nhiên, ông đã nghe hung tin. Nhìn Gióng, ông nói chậm rãi:

- Giúp người bao giờ cũng là chuyện nên làm. Thầy Tử là người

đáng để hậu thế noi gương. Ổng chẳng phải là lãnh tụ thì chuyện vẽ chân dung e không gặp khó khăn. Nếu trong lòng không mấy hứng thú thì vẽ xong chớ có ký tên vào là được.

Gióng không cho đó là cao kiến:

- Mình không phải là hạng tiểu nhân cớ sao lại sợ bút sa gà chết. Dù cho tranh vẽ không ưng ý, nhưng hoàn thành nó rồi thì buộc lòng phải ký tên vô. Chớ nên toan tính lươn lẹo ba chuyện nhỏ nhặt ấy.

Cha của Gióng quay lưng, thổi tắt ngọn đèn dầu. Ông thầm lo, khẩu khí của Gióng có thể bức hại đời hắn dễ như chơi. Chế độ này tuồng như dị ứng với những kẻ ngay thẳng. Cái chết đột ngột của Thầy Tử cũng nói lên được ít nhiều, sao Gióng không sáng mắt sáng lòng? Lưng thẳng, chẳng biết lòn cúi thì sớm muộn cũng đón đầu tai ương. Dân quanh vùng này bao giờ cũng vỗ ngực là thức thời, cơ hội chủ nghĩa, biết sợ mới trường tồn. Ngẫm lại, điên khùng gì đóng vai quân tử? Gióng thật dại dột!

Sớm mai, gà vừa cất tiếng gáy Gióng đã cụ bị hành trang ra bến sông xuôi đò về làng Ẩm. Sông Lá Liễu dâng dầy khói sương. Đò lướt trôi, êm ả. Có khi xẻ rách những đoạn âm u không nhìn rõ mặt nước. Trên đò chở khẳm bọn quá giang, có đứa ngồi gần Gióng thò tay xuống sông vốc nước lên rửa mặt.

- Kỳ lạ thật. Sương mai gai lạnh nhưng nước sông lại ấm. Thiệt là sảng khoái!

Nói xong, kẻ đó lại nhoài người ra, gục mặt xuống nước xem chừng thích thú. Khi ngẫng đầu lên, tóc ướt nhẹp vung vãi những giọt lạnh bám rơi trên da thịt Gióng.

- Cẩn thận. Đừng vì sảng khoái riêng mình mà gieo bực bội tới cho kẻ khác. Chúng ta đang sống trong thời đại làm chủ tập thể, mình vì mọi người.

- Ủa, ai như họa sĩ Gióng?

Gióng nhìn đứa ngồi gần. Sương tan, bình minh bôi một nhát màu ửng hồng cuối chân trời, cắt lên gương mặt kẻ kia một viền sáng. Điều đó mảy may chẳng giúp Gióng trong việc nhận diện.

- Không nhìn ra nhau mà lại hơn. Kẻ ấy nói. Chúng ta tuy không cùng hội nhưng đang cùng thuyền. Một vài giọt nước sơ ý bám vào cớ sao lại xúi lòng người đâm bực tức?

- Ấy là bạn không biết đó thôi. Con sông này nuôi sống cả binh đoàn chị em ta, kỹ nữ vẫn ngồi dạng chân tẩy uế đại tiện tiểu tiện xuống đây. Giang mai, hoa liễu, lậu mủ, sida vi trùng rơi rớt cả ổ. Ta lấy làm ái ngại khi nhìn bạn gục đầu xuống chỗ dơ bẩn ấy.

- Than ôi! Ta cũng lấy làm tiếc cho cái sở học của họa sĩ. Bản

chất của sông nước là luân lưu, là cách mạng, không ngừng hoá thân; là vươn mình tới phiá trước. Nó chuyển động không ngừng chứ nào phải như vũng nước đọng trong ao tù túng?

Gióng làm thinh, thấy nhạt mồm chẳng buồn nói năng. Ngồi cúi mặt mà vấn một điếu thuốc to, châm lửa. Tự nói thầm: Ta hút xong điếu này thì đò ắt sẽ tới làng Ẩm. Và mai hậu, tuyệt không nên chuyện trò với kẻ lạ mặt. Bổn phận của dân dã là phải biết nhìn ra kẻ nổi tiếng để khúm núm thưa gửi. Hà cớ gì bất người có vai vế lại đoái hoài ngó xuống đám dân ngu khu đen?

Nhà Thầy Tử chẳng lấy gì làm lớn, tuy nhiên vườn tược đàng sau thì mênh mông như một khu rừng. Khách viếng tử thi đứng nối hàng từ tam cấp ra tới ngoài bình phong nằm trên cái bể cạn nuôi cá vàng. Gióng không ưa nhìn cảnh tang ma ủ dột mặc dù màu xám luôn chiếm mảng lớn trong hầu hết các họa phẩm của Gióng. Một người mặc đồ tang trắng thấy Gióng đứng tần ngần liền tách đám đông bước ra nghênh đón. Nghe xong thiện ý của Gióng, người ấy mừng rỡ vô hạn, tính xô giạt đám đông dọn đường cho Gióng ưu tiên bước vào nhưng Gióng xua tay:

- Thủng thẳng, chuyện vẽ vời không nên dùng thì giờ đốc thúc một bên lưng. Làm nghệ thuật hãy xem sự thong dong là cần thiết.

- Nhưng mà đường xa tới đây, xin họa sĩ vào nhà dùng tạm chút quà sáng gọi là điểm tâm dằn bụng.

- Gióng này không ưa khách sáo, xin chớ miễn cưỡng. Nếu được phiền huynh dẫn cho đi ngoạn cảnh vườn sau, có gì trở ngại chăng?

- Dạ không. Hoàn toàn không.

Người mặc đồ đại tang thần sắc tuy chẳng được tươi tỉnh nhưng Gióng nhìn ra sự sốt sắng có ở đó. Trời sang mùa, heo may len vào trú ẩn dưới lùm cây, dâng lên hương mùi ngai ngái. Đất ẩm, rêu xanh, lá mục rữa, mùi hoa nồng, mọi thứ quyện vào nhau, đậm đặc tới độ choáng váng khi hít vào. Bên thân một cội mai già tuổi, có dựng trồng tấm bảng gỗ, hàng chữ khắc nét nông trên đó có đoạn chẳng còn liền lạc.

- Chữ gì vậy? Gióng hỏi.

- Thưa, đó là câu đối. *Thư sơn hữu lộ hành thiên lý, học hải vô nhai độc vạn giả.* Có nghĩa là: Núi sách sẵn đường ngàn dặm bước, bể học không bờ vạn nhà theo.

- Nét chữ của Thầy Tử?

- Thưa phải.

- Ta không lĩnh hội hết cái thâm sâu của chữ hán, tuy nhiên hai câu này cần phải trịnh trọng viết lại trên một tấm bảng mới.

Người mặc đồ tang dừng bước, đặt để tia mắt trên mặt Gióng, án chừng muốn khám phá điều ẩn khuất. Cuối cùng cười lên, tiếng khô khan:

- Thưa, đã muộn mất rồi.

- Muộn?

- Trong xã hội, vào một thời điểm nào đó, người ta đâm trọng vọng kẻ vô học. Họ đố kỵ kẻ có ăn học, xem chúng là thành phần cứng đầu nguy hiểm. Cô lập và tìm cách loại trừ đi. Oái ăm là chúng ta đang ở trong tình huống cay nghiệt kia. Cho nên câu đối này xét ra đã lạc hậu mất rồi.

- Chuyện thật khó tin!

- Thưa phải. Sự đảo lộn làm nực cười.

Gióng bần thần, dậm cẳng ngước mặt dòm trời giây lâu, mặt lộ vẻ chán ngán. Có nhiều đoạn vải trắng bay trong vườn, vướng víu thân cành, tựa những cánh diều đứt dây tự cao xanh rơi xuống. Đọc ra nỗi thắc mắc thầm lặng của Gióng, người đi bên giải thích:

- Chính tay tôi buộc vào đó. Trong giòng họ nhà tôi có tục lệ là khi chủ nhà mất đi con cháu phải thắt khăn tang cho những cây già tuổi trong vườn.

- Vì sao vậy cà?

- Vì sợ cây buồn nhớ, sinh bệnh rồi héo úa đi theo chủ nhân.

Gióng choáng váng trước lời phân giải. Ai bảo cỏ cây vô tình quả là một lầm lẫn lớn, khó thứ tha. Người ấy thêm:

- Mỗi nơi có một tập tục riêng. Dân sống vùng cao thì nghe đâu khi gia trưởng qua đời, hôm động quan lúc thúc theo sau đoàn người đưa đám còn có cả chó mèo gà vịt dáo dác kêu vang rân, trông cực kỳ thảm thiết.

Gióng bùi ngùi:

- Chốn ấy là nơi nào? Ta ước ao khi về già sẽ tìm ra chỗ ấy mà mai danh ẩn tích. Đẹp đẽ thay cho cái hình ảnh mà huynh vừa vẽ ra. Đời thường chốn này đã nhiễm độc, hết thuốc chữa!

Gióng than van, biểu lộ ít nhiều thành thật, chua chát. Đi ba bước, bất chợt Gióng nhìn thấy một thân cây trơn láng lùn mập. Hình dáng kỳ lạ, đứng lẻ loi và nó đặc biệt không mang khăn tang. Ở nơi chia nhánh, cái nạng cây ấy lồ lộ gồ ghề hình thù bộ phận sinh dục của người nữ. Sinh động, sống thực còn hơn cả một tác phẩm phù điêu. Sương sớm còn đọng hạt thập thò nơi đường khe. Ướt át, gợi cảm.

Lén quan sát gương mặt người vận đồ tang chế, Gióng bắt gặp nét sầu muộn của một kẻ đang chịu cảnh bất hạnh, thủy chung không đổi sắc. Giọng vẫn trầm lắng:

- Khu vườn này phải đợi những hôm có trăng mới phát huy hết nét diễm ảo tiềm ẩn của nó. Có những sự vật mà ta chỉ trông thấy khi đêm về.

Ma quỷ chăng? Gióng hỏi thầm, cảm thấy mỏi chân, liền quay bước.

Mất hai ngày lưu lại Tử gia trang, Gióng mới hoàn tất bức chân dung màu nước. Mọi người sững sờ, xuýt xoa khi Gióng buông bút. Có kẻ dụi mắt rồi đổ thân xuống mà sụp lạy không ngưng. Thần khí trên gương mặt ấy thật rạng ngời. Gióng đã xuất thần khi ngó qua tử thi rồi phóng bút mang sự sống tới, đặt trên vuông giấy trắng, đóng khung khuôn mặt một Thầy Tử nhân hậu, hồng hào, phương phi.

Người vẫn thường cùng Gióng đi bách bộ trong vườn bước lại gần khum tay:

- Tiếng đồn quả không ngoa. Xin họa sĩ đứng yên cho tôi thế mặt cha mà vái lạy ba lần để trả công ơn.

- Đừng, chớ làm vậy mà tổn thọ. Xưa nay người ta vẫn vái lạy thưa bẩm với bác sĩ kỹ sư chớ ai lại đi làm chuyện trái khuấy như huynh. Giai cấp của ta thật không xứng để nhận.

Gióng lách mình đi nhưng kẻ ấy đã bấu chặt chéo áo:

- Tôi nói điều không phải thì xin họa sĩ niệm tình bỏ qua...

- Được, cứ tự nhiên. Gióng này không phải là đứa hẹp bụng.

- Tôi muốn biết lai lịch cái triện son ấy, có được không?

- Đẹp. Phải thế chăng? Một người bạn cũ thậm xưng là hán rộng khắc cho. Chỗ thân tình ra giá chỉ hai triệu.

- Than ôi!

- Chuyện gì thế?

- Đứa ấy là phường tiểu nhân. Khi giao du, họa sĩ nên cẩn trọng. Giờ đây, lòng người thật nham hiểm, hơn cả rắn rít.

Gióng bất bình, bụng sôi lên, tính tìm lời thoá mạ nhưng người run rẩy, á khẩu trong giây lát.

- Chữ hán nó có cái nguy hại riêng. Thêm thắt vài nét hoặc viết thiếu một hai vạch thì ý nghĩa biến đổi ngay. Cái triện son này lâm vào vấn nạn thiếu sót không hay nọ.

- Trong lãnh vực hội họa bố cục là điều quan trọng. Người ta có quyền giản lược, nhổ tỉa râu ria cốt cho cái đẹp được hiển lộng.

- Phụng sự thẩm mỹ hay tôn thờ vật gì đến mù quáng là chuyện không nên. Dấu triện đóng lên tuy đẹp thật nhưng không khéo làm trò cười cho bậc thức giả. Tự cổ chí kim chẳng có ai lấy bút hiệu là Cục cứt cả...

Gióng đỏ mặt sượng sùng, rồi tái đi như gà bị cắt tiết. Tê buốt,

chết điếng những giác quan.

- Nếu họa sĩ cho phép tôi sẽ dùng bút đỏ sửa lại cho đúng danh xưng, được thế con cháu nhà này mới dám mang tranh treo vào chỗ thờ phụng. Bằng không thì...

- Bằng không thì chối từ vất bỏ công trình của ta? Thôi, việc ta làm xem như đã xong, mọi chuyện tiểu tiết khác người trong nhà tùy nghi hành sử.

Gióng vác túi đồ nghề bỏ đi, lòng buồn bực không bút mực nào tả xiết. Ra tới bờ sông hậm hực ném mạnh tay cái triện xuống nước. Ông lái đò lấy làm hiếu kỳ:

- Vật ấy chắc nặng, sóng đồng tâm mãi loang rộng ra?

- Cái viên đá xanh nhỏ bé ấy giá hai triệu đồng. Nhẹ mà nặng. Ngươi rành chữ Tàu không, mấy nét này có phải nghĩa của nó là cục cứt không?

Gióng thọc tay xuống nước cho ướt ngón trỏ rồi viết loăng quăng lên sàn gỗ. Những con giun chóng bay hơi.

- Một cục cứt đáng giá hai triệu đồng tiền Việt nam dân chủ cọng hòa.

Ông lái đò giả đui mù câm điếc, và thực thi nghiêm chỉnh chính sách ba không: Không thấy, không nghe, không biết. Thằng dở hơi này từ phương nào tới mà ăn nói bạt mạng chẳng nể nang cái lỗ tai mọc ra trên vách?

Về đến nhà, Gióng chưa biết tìm cớ giải khuây thì Đỏ Mỏ xuất hiện. Trong xắc cốt đeo chéo người thị có chai rượu nếp óc ách nằm đè trên tập vở viết nham nhở những câu thơ đầu Ngô mình Sở.

- Thật là đẹp ý ta. Em tượng trưng cho niềm vui mà ta đang ngóng đợi. Trong muôn một, có khi nhìn em ta phát hiện cái cốt cách cộng sản đáng yêu của em.

- Đừng cho em đi máy bay lên thẳng, tội nghiệp.

- Ta đang buồn cảnh thế thái nhân tình, hãy rót rượu ra rồi ta sẽ vẽ tặng em một bức chân dung. Trước: Ta khuây khỏa. Sau: Em có được một kỷ vật qúy giá.

- Thật hả đồng chí Gióng? Hôm nay là ngày gì mà xẩy ra biến cố trọng đại này, mà thắng lợi đột xuất làm đứng tim.

Gióng nhìn cúc áo trên không cài của Đỏ Mỏ, lòng xao xuyến nhớ lại cái nhánh cây dị thường trong vườn Thầy Tử. Tợp một hớp rượu. Ngọt lịm, nóng bừng. Tay Gióng bắt đầu run. Đầu óc vần vũ với duy một hình ảnh: Chiếm đoạt, phủ đè.

- Trong lúc ta sửa soạn đồ nghề, em hãy tranh thủ trút bỏ xiêm y.

- Việc gì vậy cà?

- Ở rừng rú quá lâu nên em đâm lú lấp chăng? Đã từng nghe qua tranh khỏa thân chưa?

- Thôi, kỳ cục... Chưa bao giờ em cởi đồ trước mặt người khác, kể cả chồng em. Có đồi trụy không anh?

Chịu không nổi, Gióng ném cốc rượu xuống đất:

- Vậy thì Gióng này đành phải khẩn trương ra tay cởi hộ cho vậy.

Đỏ Mỏ chưa có phản ứng, thân thể đã bị trói cứng trong đôi vòng tay Gióng. Một luồng nhiệt chạy dọc sống lưng, từ ót xuôi xuống bàn tọa. Và Đỏ Mỏ chỉ biết nhắm mắt, xuội lơ tứ chi nằm ngửa ra giữa chiếu. Gióng to, khỏe, hăm hở; tương phản với hình bóng người chồng mặt xanh nanh vàng của Đỏ Mỏ. Đăng ký kết hôn đã gần ba năm, hai người vẫn chưa có được một mụn con. Đỏ Mỏ chờ đợi nhưng anh ta chẳng hề là người gieo rắc tin vui tới. Đỏ Mỏ luôn hạn hán trong khi người chồng chỉ là cơn mưa bụi phất phơ, thứ mưa không ướt đất. Thật hổ thẹn!

- Hãy nhẹ tay, em chẳng muốn về nhà với sự tả tơi như vừa đánh ghen. Tem phiếu tháng này chưa có, vải vóc thì cơ quan còn ngâm chưa chịu phân phối. Nghèo tất! Em chỉ giàu có một thứ mà mấy ai hay!

- Ta hay, ta biết. Nhìn ánh mắt dợn sóng của em thì giác ngộ đi tìm bến mê ngay. Để ta dốc lòng san sẻ cùng em sự thiếu thốn bấy lâu.

Đỏ Mỏ rên lên. Người không ngớt co giật. Cơ thể đột nhiên ẩm ướt không ngờ.

- Đừng nghe anh.

- Chuyện gì?

- Đừng vội bỏ cuộc ngang xương.

- Gióng này chẳng phải là kẻ để người khác coi thường. Trong mọi lãnh vực. Xin em nhớ cho.

- Ôi chao, em gần thấy thiên đường rồi. Độc lập tự do hạnh phúc làm sao so bì với một chữ sướng? Bởi sướng cụ thể.

Người Gióng xuất hạn đầm đìa. Lưng Gióng vằn vện từng đường máu bầm như mới cạo gió xong. Những ngón tay Đỏ Mỏ chẳng ngớt cào, bấu, bám, viú, xoa, bóp, bẹo, ngắt, chà, xát, vuốt lên vuốt xuống.

- Trời đất ơi! Anh Gióng ơi! Phù đổng thiên vương của em ơi!

- Trong cuộc mây mưa, kêu than như vậy mới phải.

Gióng nói, hào hển; rồi vật mình xuống chiếu, thở dốc. Đỏ Mỏ nằm bên, tóc tai rối bời, hiện nguyên hình một mụ đàn bà gầy dơ xương, vú chảy nhão, da tóp teo, vàng như sáp ong. Hình ảnh thiếu nữ xuân thì khỏa thân e ấp đứng vịn nhánh cây trong vườn lạ thoáng vụt mất. Đầu Gióng nặng nề, hiện thực và mộng ảo nằm đè lên nhau, vật lộn, nhập nhòa khó phân biệt.

- Hãy đọc lên một bài thơ tình do chính tay em làm.

- Thơ phú gì giờ này. Chốn ấy hang hùm đã mó tay mất rồi. Còn chi để nói?

- Em lo ngại điều gì chăng?

- Không. Còn anh?

- Việc chúng ta làm, ngày hôm nay, thế nào cũng bị vỡ lỡ...

- Có sao đâu? Khi ấy thì chia tay, đường ai nấy đi, xem nhau như người dưng. Tình nghĩa gì, phải không? Anh thiếu đàn bà còn em thì cần chút cường dương cho cân bằng trạng thái tâm sinh lý. Chúng ta như nhật nguyệt bổ sung nhau để sự sống tuần hoàn. Giản dị có thế thôi. Và thực tế.

- Em nói chí phải.

- Một tuần mình lập lại trò chơi hai lần. Thứ Tư và thứ Bảy. Anh nghĩ sao?

- Chân lý đó không hề thay đổi.

- Bậy nà. Có kinh nguyệt thì tự dưng sẽ đổi thay. Và mình phải biết linh động co giãn cái thời khóa biểu ấy... Này, em có mang thì anh tính làm răng đây?

- Em mang thì tự em đẻ tự em nuôi, sao lại cắc cớ đè Gióng này mà hỏi.

- Cũng đúng, tại em tự nguyện. Đứa nhỏ ấy mà sinh ra vuông tròn, ngày sau thế nào cũng làm sếp sòng bọn văn nghệ sĩ hai miền.

- Sao em lại ôm ấp cao vọng?

- Mẹ có chất thơ. Máu bố có cái ngông của một họa sĩ nổi tiếng. Tinh lọc hai thứ ấy đủ để em có cơ sở mà lộng ngôn.

- Muốn làm sếp sòng phải biết tráo trở, thủ đoạn, nói trắng làm đen. Gióng này tuyệt không có thứ máu ấy ở trong người.

Gióng co rút thân mình, nằm nghiêng không ngó Đỏ Mỏ vận lại áo quần.

- Nói cho sướng mồm thế thôi, đéo có hiện thực. Thôi, em về nhé, muộn mẹ nó cả rồi.

Gióng làm thinh, vờ ngủ, miệng chóp chép như đang nuốt nước giải. Lát sau, vùng ngồi dậy khi tiếng xe đạp Phượng hoàng cọc cạch mang Đỏ Mỏ đi xa.

Đợi chiều xuống, Gióng đạp xe qua phiá tả ngạn. Vào nội thành, ghé quán Bạch tuyết kêu ly rượu thuốc, ngó mông về lầu Ngọ môn đang khuất dạng hình thù trong hoàng hôn đen đúa. Lau lách mọc rậm bên hông quán rả rích tiếng dế kêu. Quán mà thắp sáng tất cả những bóng đèn thì thế nào cũng bắt gặp vài trự bạn tấp vô. Quả nhiên, muỗi đốt ngứa hai nốt đỏ ở bắp chân thì Đấu cũng vừa thắng

xe, cột khoá ngay bên bàn. Đấu là nhà văn, ca tụng tất cả những ông tai to mặt lớn nên tiếng tăm lừng lẫy. Dáng đi tất bật chân không chạm đất tựa kẻ biết môn khinh công. Đấu ôm mộng một ngày nào đó hắn sẽ biết đằng vân giá vũ, chí ít cũng bay sang Liên xô, tham quan sự tình đất nước đàn anh vĩ đại; thèm được mó tay mân mê nhúm tóc vàng sợi nhỏ biết bao! Hắn thêm thắt.

- Chuyện lạ! Cớ gì bữa nay sinh độc ẩm, mà lại sớm sủa chưa từng thấy? Nhà văn sửa giọng. Gióng hoa tay:

- Ngồi xuống đi. Mua một tin tức thì giá cả ra sao?

- Tùy loại tin. Như thể đem xẻ thịt một con cầy thì có bộ phận đắt tiền, có nơi gần như cho không, miễn phí.

-Nhất thời chưa có tiền trả thì mang tranh ra ứng trước, có đặng không?

- Không. Tiền là tiền. Tranh là tranh. Hai thứ ấy khác nhau tự cơ bản.

- Chẳng có chút vị tình? Không luôn một lý do tình cảm?

- Ấy. Đã nói tới chuyện mua bán, đã đâm đầu vào tiêu đề tiền bạc sao còn mang tình cảm dây dưa vào? Xem nào, thằng bán rượu này tuy trong dạ có thù ghét tôi đi chăng nữa thì hai cốc rượu của chúng ta đây cũng đều đồng dạng đồng phẩm đồng lượng đồng giá. Làm ăn, nguyên tắc đầu tiên cũng như cuối cùng là phải biết chí công vô tư.

Gióng kêu một dĩa đồ nhắm, cho cả hai. Thò đũa lựa xong miếng thịt vừa ý, Đấu hỏi:

- Tầm cỡ quan trọng của nguồn tin ra sao?

- Tầm thường. Ta chỉ muốn biết thằng điêu khắc gia chuyên làm khuôn dấu giả với lại khắc triện đấy, bây giờ nó trôi giạt phương nao?

- Bữa nhậu này ông cân một mình có được không? Được thì ta sẽ loan tin.

- Trong túi ta còn đúng nửa triệu, nếu thiếu ta sẽ cầm thế chiếc xe này lại. Dư sức qua cầu, văn sĩ cứ ăn nhậu thoải mái.

- Sảng.khoái. Sảng khoái! *Cuộc đời vẫn đẹp thay... Em ra đi nơi này vẫn thế...*

Không cần kê khai lý lịch, tự thân Đấu đã rêu rao thầm: Ta, cốt cáng bần cố nông cha truyền con nối chính chuyên suốt đời. Khi ngồi trên ghế, Đấu có cái tư thế lạ thường, chẳng giống ai. Cái thế ngồi coi thường và chối bỏ con số Bốn ngàn năm văn hiến. Ngồi như vậy và vỗ tay kêu thêm rượu. Bởi, rượu có vào lời mới ra:

- Thằng ấy bây giờ ngất ngưỡng ở huyện Chín Gối. Móc ngoặc với dân có máu mặt trong tập đoàn buôn trầm và gỗ qúy. Thế lực nghiêng trời lệch đất, khó bề lay chuyển.

- Huyện Chín Gối?

- Phải. Dùng quốc lộ, đi ngược bắc, hướng tây, bắt gặp cánh rừng trọc, chốn ấy trên bản đồ gọi là Chín Gối. Biết câu rừng vàng biển bạc không? Tám cây số đường chim bay là rừng rậm gỗ tốt, giờ này khai quang trọc lóc thì trong túi thằng đó có bao nhiêu lạng vàng nhỉ? Mình là nhà văn, thậm dốt chuyện tính toán!

- Sao biết nó làm chuyện phá nước hại dân mà ai nấy đều ngồi khoanh tay?

- Bởi vì đấy chẳng phải là chuyện lạ. Chuyện lẻ tẻ.

- Thế nào mới gọi là chuyện lớn?

- Ô hay cái anh này! Chuyện nhớn là chuyện có thằng buồn đời bèn nổi hứng đi rãi truyền đơn. Chuyện trong văn chương tôi viết ra, lãnh đạo họ soi thấy có điều mờ ám. Chuyện ông vẽ chân dung đồng chí Phi đen cát trô tận bên trời Cu ba mà trên họ phán là nom giống hệt cửa mình của chị em phụ nữ.

- Thôi, không nói chuyện với ông nữa. Ngày hôm nay tu như vậy là mấy chai rồi?

Đấu cười rộng miệng: Ta cũng đi thôi, chán những thằng nhát như mày rồi.

Không còn ai, Gióng ngoắc chủ quán lại gần:

- Kể từ bây giờ, những bức tranh ký tên Gióng treo trong quán này thuộc về tay ông quản lý.

Rốn, chủ quán, ngạc nhiên vô hạn. Bàn tay ngón to quen việc đao thớt không ngớt xoa mãi miết hàm râu quai nón đậm đen, chừng như tính toan, cảnh tỉnh. Vốn ưa thù tiếp, chén chú chén anh với đám văn nghệ sĩ, lại có máu ưa sưu tập tranh, Rốn luôn mở rộng lòng chân thật mà săn đón Gióng. Tuy vậy, lời Gióng vừa nói chẳng phải là phần thưởng khích lệ nhằm trao gửi cho một tấm lòng thành. Rốn ngó Gióng, ném thử viên cuội dò đường:

- Sứa rồi chăng? Nếu thật sự xỉn, tiểu đệ đóng quán lấy xe dream đưa đại ca về lại hàn xá.

- Bậy. Chớ vội chê bai, đợi ta nói tiếp những câu sau rồi hãy luận bàn chuyện say tỉnh.

- Rốn xin nghiêng mình lắng nghe.

- Tranh ta treo đây dư luận có lên tiếng ong ve nào không?

- Đa phần tấm tắc, ngưỡng mộ. Cách đây non tháng có đám lưu dân Việt kiều hồi hộp dừng chân, một cô con gái ngoại hình điệu bộ cực kỳ tư bản đưa ra lời bình: Treo đây thật phí, tranh này mang về bày ở Cựu kim sơn mới trả công xứng đáng cho kẻ lao động ra thành quả nghệ thuật này. Một đứa hỏi: You nghĩ là bao nhiêu? Không dưới

ngàn đô. Cô gái dứt khoát.

Rốn dứt lời, đứng yên hứng đỡ cánh tay Gióng vừa khoát lên vai.

- Vậy mà giờ đây chủ quán Bạch tuyết sẽ tiếp thu toàn bộ thứ văn hoá phẩm ấy.

- Đệ lùng bùng cả hai lỗ tai. Rốn này làm sao có được hồng phúc căn tu đến dường ấy? Nguồn cơn nào? Nguyên cớ chi?

- Ta nghe nói trước đây đệ từng hùng cứ một bến xe đò. Nay tuy rửa tay gát kiếm nhưng thế nào dân đi lại trong giang hồ cũng còn đôi phần nể phục.

- Không dám. Sóng sau xô sóng trước, quy luật ấy là lẽ tự nhiên. Hiểu được điều ấy nên Rốn này lặng lẽ rút lui. Cái hỗn danh Hôi nước mắm mà dân anh chị đặt cho Rốn không chắc giờ này có kẻ còn nhớ tới. Rõ là đại ca có điều nan giải?

- Phải, ta muốn xin tí huyết thằng trưởng phòng văn hoá thông tin huyện Chín Gối.

- Giản dị có thế?

- Chỉ ngần ấy thôi.

- Cấp độ tàn phế?

- Xem nào. Hắn mang nợ nhiều người, để khỏi trốn chạy, ta nên cho hắn ngồi xe lăn chăng?

- Tuỳ huynh trưởng. Rốn này chỉ xin năm ngày để hành sự.

- Rốn mà tròn lời giúp ta chuyến này thật đúng là ta có biệt nhãn nhìn người. Sau này, đợi ngày tốt trời chúng ta tắm táp sạch sẽ, bày hương đèn hoa trái làm lễ kết giao huynh đệ, tình thâm như thủ túc.

- Lời Gióng đại ca nói, đệ xin một lòng nghe theo. Láo làm chó.

Gióng hân hoan đạp xe ra về, dạ thảnh thơi không mảy may tiếc nuối về số phận những bức tranh. Ngang công viên tối đen, Gióng xuống xe lựa chỗ khuất lấp mà đứng tiểu tiện. Rùng mình làm một trộ rõ lâu, xè xè trong thanh vắng. Rảy chưa khô vòi nước, nhác trông lên có đứa lù lù chợt hiện ra. Hai thằng, rồi ba thằng. Êm ả, bất ngờ như ma quỷ làm trò trêu ngươi.

- Họa sĩ Gióng, có phải không?

Gióng không trả lời, kéo quần lên, thắt dây lưng, hít một hơi sâu cho tỉnh táo. Có tiếng mở nắp bật quẹt Zippo kêu dòn dã. Cóc. Ngọn lửa nổi tiếng phực cháy trong mọi tình huống ấy soi lung linh gương mặt Gióng. Một gương mặt hoảng hốt, tỉnh rượu, căng thẳng.

- Muốn gì? Tiền, hay chiếc xe đạp hiệu Pờ-rô này?

Cả ba đứa đều câm lặng. Chúng còn rất trẻ, đáng tuổi con cháu

Gióng. Ngọn lửa vụt tắt, bóng tối lại ngự trị. Hai đứa bốn tay kẹp người Gióng vào giữa, trói cứng. Chúng chẳng lộ vẻ vội vã, như trần gian này hoang vắng, đã chẳng còn ai. Gióng nghĩ tới phương thức cầu cứu thông dụng: La hét thật lớn. Trễ mất rồi, thằng đứng trước mặt Gióng vừa cạy miệng Gióng ra, nhét giẻ vào mồm. Hắn hát thủng thẳng bài nhạc rẻ tiền, giọng ngô nghê: Nếu là họa sĩ anh sẽ vẽ em... *Tay em mười ngón thiên thần...* Hát chưa xong, ra hiệu cho đồng bọn vật Gióng xuống cỏ.

- Chơi gì đây? Cắt chim hay sao?

- Không. Có một bận khứa lão tuyên bố, giữa cuộc đời này cái nó hãi nhất là bị tàn phế đôi bàn tay. Cho nên hôm nay... Đứa ấy ngừng nói, lôi từ xắc cốt ra một chai lít đựng nước óc ách. Gióng nhớ Đỏ Mỏ, nhớ hình dạng cái túi đeo chéo người, nhớ thể tích chai rượu nếp và nhớ cuộc truy hoang ban chiều.

- Chuẩn bị tinh thần nhé, ông thánh. Thứ dung dịch quái đản này người ta đặt tên mỹ miều cho nó là A-xít đấy.

Thần trí Gióng hoang mang. Tim phèo phổi Gióng trồi lên trụt xuống, đảo ngược. Thở không ra hơi. Và Gióng ngất đi khi giọt cường toan đầu tiên từ chai lít nghiêng đổ xuống đôi tay bị trói chặt.

- Địt mẹ mày, cẩn thận kẻo cháy xém vào người tao.

Gióng nghe mơ hồ tiếng cười. Đôi mắt cay, võng mô Gióng thu hình một vuông màu trắng xóa, tựa ngồi chiêm nghiệm trước tấm bố trinh nguyên.

- Tiếc gì cái khăn mù xoa dơ bẩn ấy mà mày lôi ra khỏi mồm nó?

- Tại tớ không muốn để lại dấu vết tại hiện trường. Chỉ thế thôi. Đó là nguyên tắc sơ đẳng.

Những bước chân bỏ đi xa, lát sau có tiếng rú ga của động cơ xe gắn máy nhiều phân khối. Gióng nhìn trời cao, thăm thẳm trên đó những vì tinh tú vẫn chớp nháy đùa cợt. Ở tấm màn nhung huyền ảo kia chợt có một ngôi sao vừa vụt tắt. Gióng lẩm bẩm: Lý nào đó chính là bổn mạng của Gióng này? Hãy nhớ lấy số phận bữa rày mà mai sau đốt hương tưởng niệm đôi bàn tay chết. Hôm nay là ngày nhị thập tháng ba năm Tân tỵ, nhằm đúng tiết lập Xuân.

Gióng gượng ngồi dậy, hai tay co quắp, nước mắt chan hòa, tình huống vô cùng thảm thương. Kẻ có trái tim chai sạn nhìn qua, e cũng phải bật lên tiếng than, như lời thơ cộc cằn dạo nào của Trần vàng Sao: Tổ cha cuộc đời quá vô hậu!

HỒ ĐÌNH NGHIÊM



TRẦN THỊ NGH.
rơi theo tình em

Tình rơi vực sâu
Tình lên đèo cao
Tiếng hát em bay qua chiều không màu
Trầm nhu giọng ru
Chùng như điệu blues
Tiếng hát em len cửa từng mạch máu

Dài muôn dặm xa
Lịm hương hòang hoa
Tiếng hát em trôi xuôi dòng sông già
Mềm như giọt mưa
Đọng treo cành xưa
Tiếng hát em lay trái sầu vỡ òa

Hát đi hát đi
Hát cho chát thêm vị chát còn chôn trên môi
Hát đi hát đi
Hát cho lớn thêm nỗi nhớ hòai thai trong người
Hát đi hát đi

Hát cho nám đen buồng phỗi dồn tim qua tim
Nhớ thôi nhớ thôi
Đuối mê giọng hát hấp hối đêm đêm

Gào lên thật to
Chìm sâu thật sâu
Tiếng hát em chao xô tình nghiêng ngửa
Ghìm cho tình hao
Trào cho tình vơi
Tiếng hát em câm rêm vùng ngực tối

Thầm như thở than
Dồn nhanh nhịp ba
Tiếng hát em chan hai hàng lệ nhòa
Ngộp nhu tàn hơi
Chậm như nghẹn đau
Tiếng hát em đưa ta về cõi nào

Nặng như tình rơi
Nặng như tình rơi
Tiếng hat em đeo ta về cuối đời

TRẦN THỊ NGH.



LÝ LAN
đau tim

1.

Gần như một nghi thức để bắt đầu một ngày, con chim trong lồng hót ba hồi thánh thót. Ông Thăng thức dậy. Có khi ông thức trước rồi, nghe chim hót ông mới dậy. Từ trong buồng tắm ông nghe chim hót thêm ba tràng líu lo nữa. Sau đó ông bước ra hàng hiên, đỡ chiếc lồng tre treo trên cao xuống, dọn phân chim, thay nước uống và đút chim ăn. Dạo mới chơi chim, ông làm cái việc chăm sóc chim trước, rồi mới tới chuyện vệ sinh cá nhân mình. Một hôm ông phải chạy gấp vào buồng tắm khi mới thức dậy, và từ trong đó ông phát hiện ra tiếng chim hót nghe tha thiết hơn. Con chim không chỉ hót ba hồi thánh thót rồi thôi, mà cứ hót từng tràng, càng lúc càng nhặt, càng lúc càng hay. Cho đến khi ông ra đỡ cái chuồng xuống và cho nó ăn. Bấy giờ ông ngộ ra rằng con chim ấy hót vì đói, hay ít ra thì hót cũng là một phản xạ kèm theo thực tế sẽ được cho ăn mà ông đã vô tình tập cho con chim từ thuở ban sơ mới đem nó về nhà. Hay có thể đó là bài học mà thằng cha huấn luyện chim nói là đã dạy nó trước khi bán nó cho ông. Dù sao thì ông cũng đã kiểm tra lại nhiều lần và lần nào cũng nghiệm đúng: ông dứ dứ con cào cào non trước mỏ chim, nó há mỏ hoài mà không được ăn, bèn hót lên một hồi lảnh lót, xong há mỏ ra chờ. Nếu ông đút mồi vô

miệng nó thì nó nuốt rồi im. Nếu ông cứ tiếp tục dứ dứ thì nó lại hót thánh thót vài tràng nữa. Từ đó ông thương con chim. Thân trong lồng, muốn ăn phải hót. Từ đó ông thôi triết lý vặt: Khát vọng tự do với lý tưởng hoài bão quái gì? Âm nhạc với nghệ thuật quái gì? Chẳng qua tiếng kêu của cái bao tử.

2.

Con chim nhảy nhót trong lồng, không ra vẻ sợ hãi bàn tay to tướng của ông thò vào thế giới của nó dọn dẹp và sắp đặt cuộc đời của nó. Đôi khi cửa lồng để mở trong khi ông đang loay hoay rửa chung nước hay ngắt giò mấy con cào cào. Con chim chỉ nhảy nhót trong lồng chứ không hề bay ra. Một hôm ông bắt con chim thả xuống sân để tổng vệ sinh cái chuồng. Ý của ông cũng muốn thử xem chim có bay đi không. Nó bay loanh quanh chứ không bay xa. Đến khi ông cầm con cào cào dứ gọi nó thì nó bay về, ngoan ngoãn chui vào lồng. Vợ ông nói: Con chim này khôn ghê. Ông nói: Ngu thì có. Vợ ông không triển khai tiếp đề tài này. Bà đã coi bói rồi, thầy nói vợ chồng khắc khẩu, bà nhịn thì lợi cho bà. Với lại sống với ông ba mươi năm, bà còn lạ gì con người khinh mạn ngạo đời ấy, thiên hạ có ngu hết , kể cả bà, thì ông mới được nhàn hạ ngày ngày chơi chim.

3.

Mỗi sáng chủ nhật ông đem lồng chim ra vườn Tao Đàn. Ở đó có một khoảnh cây cao bóng cả mà những người chơi chim thường tụ tập để cho chim thi hót. Mỗi người có một kiểu huấn luyện chim. Người thì bịt kín cái lồng bằng vải, đến lúc thi hót mới đột ngột giở tấm vải đen ra, ánh sáng bỗng chói loà làm con chim choáng váng hót lên réo rắc. Có người treo lồng chim trống cạnh lồng chim mái, hai con cứ xáp vô mà cứ vướng những thanh tre ngăn cách, chúng đành hót lên, nỉ non thánh thót. Như ông thì chỉ đơn giản bỏ đói con chim buổi sáng đó, rồi tới lúc đem chim ra thi, ông cứ dứ cào cào non trước mõ nó là nó hót, lãnh lót thiết tha. Tuy con chim của ông chưa bao giờ đoạt giải khuyến khích nào, nhưng ông cũng được một niềm an ủi: những người chơi chim khác đều nói con chim của ông hay. Ông chỉ không biết nên hiểu chữ hay theo nghĩa nào. Có người hỏi ông cách dạy chim. Đó cũng là một lý do để những người yêu thích thú chơi chim tìm đến đây: gặp người để trao đổi kinh nghiệm. Ông nói: Tôi cứ dụ nó ăn là nó hót thôi. Và lặng lẽ nhếch mép cười khi những người khác phùng mang trợn mắt thuyết trình cái công phu họ đã bỏ ra để dạy chim hót. Người ta hay ở chỗ đó. “Bí quyết trở thành triệu phú” là tác phẩm của

thằng cha mạt rệp chỉ còn nước viết sách độ nhật. Người không biết hót mà dạy chim hót! Dạy chó đánh hơi, dạy diều hâu săn mồi, dạy trâu kéo cày, dạy ngựa chạy đua, thì chỉ có con người mới tài lanh như vậy.

4.

Buổi sáng nay ông ràng lồng chim lên xe rồi bỗng mất hứng. Bình thường ông cũng không hứng lắm, nhưng hôm nay thì hoàn toàn không có hứng chút nào. Ông đang cái tuổi "gió heo may về", có những buổi sáng thức dậy tự nhiên buồn nản, tự nhiên chán chường. Ông đọc sách, tự nghiên cứu các biến đổi thể chất và tâm lý của mình, rồi làm theo lời khuyên của vị bác sĩ chuyên cố vấn bệnh tật tuổi mới lớn đồng thời là tác giả quyển sách viết về tuổi chớm thu mà ông đang đọc, chọn một thú tiêu khiển. Ông đã chọn thú chơi chim, kể ra cũng hay vì từ đó ông ngộ ra được vài chân lý vào buổi sáng và kết thêm vài người bạn ở vườn Tao Đàn. Nhưng sáng nay ông bỗng thấy những chân lý đó người của thời ăn lông ở lỗ hẳn đã biết rồi. Còn đám bạn ở vườn Tao Đàn thì gặp nhau tay bắt mặt mừng, vậy chớ ông mà nói mượn tiền thử coi, chắc gì thằng nào chịu móc túi đưa ra? Và chắc gì sau đó thấy ông người ta lại tay bắt mặt mừng? Thì ông cũng như họ, ai cũng vậy thôi. Ông cho xe chạy khỏi nhà, nhưng ngang qua cổng vườn Tao Đàn ông vẫn cho xe chạy luôn. Ngày chủ nhật mà không khác ngày thường lắm, xe cộ vẫn đông đúc. Ông cứ cho xe chạy qua Thị Nghè, qua Hàng Xanh, chạy hoài cho đến khi ông thực sự nhìn thấy cánh đồng. Ông dừng xe, tháo lồng chim ra, xách xuống bờ ruộng ngồi. Đám cỏ bị động, vài ba con cào cào phóng ra rồi đáp xuống lá cỏ nào đó ẩn thân. Ông nói với con chim: Mày có muốn tự do bay nhảy tự bắt cào cào ăn không? Chúng sống sít tươi ngon đấy, nhưng mà mày phải bắt được chúng. Vấn đề là mày bắt được hay không?

5.

Ông thả con chim ra đồng trống. Thời tiết lúc ấy không tệ, hơi nắng, có gió hiu hiu. Con chim bay nhảy loanh quanh, cào cào búng nhảy lung tung quanh nó, như thể chúng đùa chơi với nhau, chứ không phải con này săn bắt con kia. Ông cầm cái lồng săm soi. Ông có thể đạp dẹp nó trước khi quăng đi. Nếu không thì một thằng cha nào đó sẽ bắt được con chim rồi lại lượm được cái lồng, thì chỉ việc nhốt chim vào lồng, đâu lại vô đó. Nhưng nếu không có cái lồng thì khả năng con chim bị bắt lại vẫn rất cao: nó quen ông rồi, nó dạn người rồi. Ông ngồi

vơ vẩn với cái lồng trong tay một lát rồi đứng lên, nổ máy xe, chạy về. Dọc đường ông muốn quay lại mấy lần. Ông chợt nghĩ một thằng nhóc nào đó bắt được con chim, nó không cần cái lồng, chỉ cần một nùi rơm và một mồi lửa đủ để nướng sống con chim. Ông muốn quay xe lại. Có khi thằng nhóc đó dùng ná thun bắn bể đầu chim trước khi con chim nhận ra người và chạy lại làm quen. Ông đã toan quay xe lại. Có khi con chim chết đói trước khi bị bắn hay bị bắt. Nó không thể nào bắt được những con cào cào nhảy lóc chóc, nó chỉ biết hót trước những con cào cào đã bị vặt chân. Ông muốn quành xe lại lắm và đã toan quành lại mấy lần. Nhưng chiếc xe cứ chạy thẳng vào trung tâm thành phố.

6.

Ông treo cái lồng không có chim vào chỗ cũ chỉ vì không biết để nó ở chỗ nào khác. Vợ ông tán thành vì con chim khôn tất sẽ bay về lồng cũ. Ông không trông nó bay về. Hay là ông cũng có trông nó trở về? Có một buổi sáng ông chợt nghe một tràng líu lo tha thiết cái tiếng chim quen thuộc, ông thức dậy ra hàng hiên ngó cái lồng không chim. Thì ra ông chiêm bao, hay mơ tưởng tiếng chim đó mà. Như vậy là ông có mong nó trở về hay không? Ông đã quen tiếng chim, ông nhớ nó rồi. Ông mong nó về lại hót trong lồng, hay là ông mong nó tự do bay nhảy ngoài đồng, tự bắt cào cào ăn? Nó có tự bắt cào cào ăn rồi thôi hót? Hay nó hót rã họng rồi đói chết giữa đất rộng trời cao? Có thể tất cả đều xảy ra với nó: hót, bắt cào cào, rồi bị mắc bẫy hay trúng đạn, hoặc đã trúng đạn hay mắc bẫy trước khi kịp làm hai điều trên. Thôi kệ, chỉ là một con chim nhỏ xíu trong trời đất bao la này.

7.

Ông sống tiếp cuộc đời của ông, tưởng không có gì để nói thêm. Chỉ có điều ngày này qua tháng nọ, dần dần, từ từ, từng chút một, trong chốn sâu thẳm của tâm hồn, ông nhận ra rằng, không phải tự do, không phải miếng ăn, không phải mạng sống của con chim làm ông đau âm ỉ mãi. Trái tim ông trở nên mong manh, có khi quặn thắt lại, có khi nghẹn ngào bâng khuâng, bởi vì sống gần xong cuộc đời, ông biết mình có yêu. Ông đã yêu một sinh vật nhỏ bé thuộc về một thế giới khác, với những phạm trù triết học khác, không có cái gì chung để chia sẻ với ông.

LÝ LAN



HÀ NGUYÊN DŨNG
lập tình

Nghe Bá Lý Hề nói tuổi bảy mươi
Mục Công vê vê râu than - “Già lắm!”
- Như bệ hạ bắt thần đi săn bắn
thì quả thần không giương nổi cây cung
còn bàn mưu làm quốc thái, dân hưng
thần ngồi nói ngày đêm không mỏi miệng.
Vua trọng dụng - Bá Lý Hề vinh hiển
ăn bát vàng quên phắt thửa hàn vi...

Còn em, em lại sợ cái chi
ta, thú thiệt, tuổi tri thiên mệnh
như em đốc ta dời non lấp biển
thì thiệt tình ta không sức đảm đương
còn như em có lòng hâm mộ văn chương
thì hà tất phải so đo tuổi tác
tóc ta bạc nhưng lòng ta không bạc
trái cuối mùa đâu phải trái đắng chua
ta hàng ngày sống đắp đỗi muối dưa
bởi quen thói thắt-lưng-buộc-bụng
tình, của quí, ta cắc ca cắc củm
nên tình đầu tình cuối cũng tình thâm.

Người xưa lặn lội tìm minh quân
ta,khác họ, chu du tìm cái đẹp
đường công danh mỗi người rộng hẹp
Lã Vọng, Bá Lý Hề, ta - thiệt long đong
bôn ba nửa đời gần hết núi sông
không gặp chỗ lập thân buồn mốc mặt
không phò được quốc vương ta phò quốc sắc
không lập thân ta thử sức lập tình.

Kìa, em cười chi - vẻ nửa trọng nửa khinh
nghe loáng thoáng thấy hang-sâu-núi-cả
cái quốc sắc là cái mầm đại họa
dù thân danh bại liệt ta cam lòng
Thà chết vì thơ, chết cạnh má hồng
còn hơn sống trôi-sông-lạc-chợ
đời thơ ta nhờ em mà rạng rỡ
mặt mũi nào ta quẹt mỏ, phủi tay

Người xưa lấy da-ngựa-bọc-thây
ta mong được lấy thơ bọc xác
kẻ vì thơ, người vì xã tắc
kỳ vọng đời thưởng phạt công minh.

Kìa, em lại cười vẻ nửa trọng nửa khinh!

HÀ NGUYÊN DŨNG
2000



TN HỒNHƯ

lần cuối

Tôi đến Dillan lúc ba giờ chiều. Không có Hạo đi đón, tôi dớn dác, ngơ ngáo nhìn tới nhìn lui mới tìm được ngõ ra ngoàiácổng phi trường đón xe bus về khách sạn. Anh bị bận bất ngờ, sẽ giải thích với em sau. Hạo chỉ nói thế. Anh không cần phải phân trần nhiều lời, vì sau vài năm quen biết, tôi hoàn toàn tin cậy anh.

Giữa đường về khách sạn, mưa ào ào đổ xuống. Người đànábà ngồi cùng băng ghế với tôi hỏi ngay ông tài xế : chắc đang có bão rớt? Bà ta đến vì công việc, tôi nghĩ. Bộ áo *vest* thẳng thớm và tư thế sẵn sàng. Chiếc *laptop* đặt ngay ngắn bên cạnh. Không khác lắm lần đầu tiên tôi đến Dillan. Ông tài xế trả lời vâng, có bão rớt. Nghe nói ngày mai sẽ khá lên. Tôi quay nhìn bà ta, mỉm cười, nói nhỏ Dillan ít có ngày nào tạnh ráo. Nếu chưa có dù, tôi thành thật khuyên bà mua sẵn. Mắt bà ta xanh xám, hàng mi lợn cợn *mascara* chải không kỹ. Bà ta nói cám ơn. Tôi quay lại khung cửa sổ, tự hỏi bà ta có nắm bắt được tâm trạng nửa yêu nửa ghét của tôi đối với Dillan?

Nếu tôi nói rằng những điều làm tôi yêu Dillan cũng là những điều làm tôi ghét nó, người ta sẽ cười vào mũi tôi và tặng cho tôi hai chữ ngụy biện. Cô bạn thân của tôi ngáp dài và nói mày không chịu nổi nó, nhưng vì chàng nên phải cố gắng. Y như mẹ ghẻ cố yêu con chồng. Không xong đâu. Và cô cười chế diễu. Hạo nhún vai, để cho những bàn luận, phê bình có thể trôi tuột xuống hai cánh tay, rớt thẳng xuống mặt đất, biến mất như những trái nhân sâm Tề Thiên Đại Thánh ăn trộm. Vặn vẹo, bắt bẻ lắm, anh bảo tại em rắc rối quá đấy thôi. Yêu thì băn khoăn tìm cách ghét. Ghét lại không yên tìm cách yêu. Con người của chốn phồn hoa đô thị ấy mà. "Anh chàng tỉnh lẻ" nói năng lung tung beng, tôi nghĩ, nhưng cũng trúng hù họa chút ít. Hay có thể tại cái tính rắc rối làm tôi dễ thấy những chuyện sâu xa trong những thứ vu vơ? Tôi biết Hạo chỉ trả lời cho qua. Anh như những con đường lặng lẽ ở Dillan, đơn sơ, gọn ghẽ, bình yên, thậm chí hờ hững. Những con đường xanh mướt bóng lá và vệ cỏ, không gian trong veo sau cơn mưa, êm đềm và không có bao nhiêu bất ngờ. Dillan nhỏ bé, xinh xắn, mờ nhạt. Những con đường không nhiều xe, uể oải và lười lĩnh. Downtown đi ngủ sớm, quá mười giờ đêm một chuỗi cười hiếm hoi có thể bay suốt hai ba dãy phố. Những toà nhà cao tầng lưng chừng, kiến trúc khuôn mẫu, nhàm chán. Dillan là sự ngơi nghỉ tôi thèm cuối buổi họp ba giờ căng thẳng. Dillan cũng là nơi tôi bồn chồn muốn rời khỏi chỉ sau vài ngày thăm viếng.

Cô tiếp viên khách sạn đưa cho tôi tấm note của Hạo. Chờ anh đi ăn tối, anh nhắn. Dĩ nhiên em sẽ chờ anh chứ. Ở thành phố này, em còn biết ai nữa đâu? Thanh cũng dọn qua tiểu bang khác theo chồng mất rồi. Đám cưới Thanh, tôi có về dự cùng với Hạo. Thanh ném bó hoa nhắm vào tôi, nhưng rớt sang Hạo bên cạnh. Cô cười, bảo trúng Hạo cũng như trúng vào tôi, nhớ đừng quên đầu heo cho cô. Lần đầu tôi đến Dillan, tôi chỉ biết Thanh qua sự giới thiệu của một người bạn đồng sở. Không biết người bạn đồng sở ấy nói gì với Thanh, nhưng cô đến buổi hẹn dẫn theo Hạo. Thanh nhỏ nhắn, dễ thương, mẫu phụ nữ Việt Nam thuần tuý. Nghĩa là thích chăm lo nhà cửa, thích hành hạ người yêu bây giờ và chiều chồng sau này. Thích thay ông tơ se duyên kết mối. Anh theo đuổi Thanh ngày xưa, không được, bây giờ cô ấy tội nghiệp kiếm người làm mai cho anh, phải không? Tôi gặng Hạo như vậy. Anh trả lời vòng vo, mơ hồ. Không có bao nhiêu con gái Việt ở Dillan. Thanh nhỏ nhẹ, ý tứ, chắc sẽ là người vợ, người mẹ tốt. Thế thôi sao, tôi nghĩ. Không thấy đâu tình yêu rực rỡ như lửa có thể thiêu cháy con người thành tro bụi. Không thấy những băn khoăn,

trăn trở. Không thấy nỗi vui cuồng nhiệt và nỗi buồn da diết. Bên kia chiếc bàn, Hạo nhìn tôi, bình thản. Anh bảo mắt tôi có sóng và gió, mây mù hơn những buổi sáng không có nắng ở Dillan. Mắt anh gợn một chút gì vẩn vơ, như sương chiều mới tụ.

Hơn hai năm quen biết, Hạo đến nơi tôi ở một lần. Chỗ của em vui quá, anh nói. Anh cùng tôi đến những quán *cafe* mở khuya, nhìn giòng người hối hả níu kéo những phút giây sót lại của một ngày, cơn sốt âm thanh nhận chìm tiếng kèn của một ban nhạc chưa nổi tiếng trong góc sâu của quán. Cuối tuần, anh kiên nhẫn luồn lách trong rừng xe đầy nghịt trên *freeway*, dắt tay tôi qua những đám đông tìm một chỗ trong thiên nhiên. Chỗ của em náo nhiệt thật, anh nói, cẩn thận, giữ gìn, nhưng vẫn nghe như một lời than thở kín đáo. Anh không nghĩ anh sẽ muốn sống ở đó, cuối cùng anh nói, tháng sau, khi tôi tìm đủ can đảm hỏi điều tôi hầu như đoán chắc được câu trả lời. Không phải em nói muốn cuộc sống êm ả hơn sao? anh hỏi. Tôi nói vâng, em thật muốn thế. Ở đây ai cũng mặt mày đăm chiêu, bực mình kẹt xe hoặc suy nghĩ cách kiếm thêm tiền. Nhà rộng muốn rộng hơn, xe mới muốn đắt hơn. Ngoài ra, còn bao nhiêu thứ vui chơi mời chào. Trượt tuyết mùa đông, cưỡi sóng mùa hè, du lịch, leo núi... Cuộc sống nhiều nhu cầu, ít thời gian, em mệt mỏi lắm rồi.

Dĩ nhiên tôi không dối Hạo. Và dĩ nhiên không phải dễ dàng dứt bỏ những gì tôi đang có, cho dù trong những lúc làm việc khuya tôi ngừng tay, miệng khô đắng, Dillan đôi khi hiện đến trong ý nghĩ như một ốc đảo xanh tươi dư thừa nước ngọt. Tôi biết tôi có thể đổi căn *apartment* nhỏ tí tẹo của mình lấy căn nhà trên con dốc thoai thoải nhiều lá xanh ở Dillan. Tôi biết những gì Hạo mong đợi ở tôi, những gì tôi biết sẽ thành chuyện bình thường ở Dillan: những điều có thể đóan trước, những điều bất di dịch, không ai thắc mắc. Hạo và tôi, trong căn nhà mới xây, đứa con không bao lâu sau đám cưới. Không còn những buổi tối tôi nấu vội gói mì ăn liền, hay lái xe vòng quanh tìm một quán ăn chưa nhẵn mặt. Không còn những cuối tuần tôi bồn chồn tìm cách thoát ra căn *apartment* nhỏ hẹp, đôi khi không biết phải đi đâu. Ở Dillan cuộc sống của tôi sẽ tựa tựa như hình ảnh tôi chắp vá trong những lần đến Dillan, gặp Hạo, gia đình của anh, bạn bè của anh. Vuông tròn, suông sẻ, không có bất ngờ, không nhiều câu hỏi, không cần đắn đo. Mọi thứ đã có câu trả lời, lề lối của chúng. Gió bão ở Dillan không đi qua tâm hồn, có lần Hạo nói thế, ngồi bên tôi trước lò sưởi, lắng nghe tiếng mưa ngoài sân, nụ cười thoáng qua môi vui

sướng. Đầu dựa trên vai Hạo, tôi nhắm mắt, lòng phẳng lặng, ấm cúng. Những lần đến Dillan, lần nào tôi cũng như con chim trốn tuyết bay hết quãng đường dài cạn sức. Dillan là nơi chốn ngơi nghỉ, là một trạm dừng trong những chuyến đi xa. Khi má tôi hồng hào trở lại, và bắt đầu cười dễ dàng, vô duyên cớ, tôi lại mơ hồ nhớ thành phố tất bật đã quen thân, những chuyện đến đi không báo trước. Ở đó, tôi sôi động, quyết đóan, và hoàn toàn tự do. Tự do tôi đã quen như hơi thở, đôi khi thiêu thiếu trong những khuôn mẫu đẹp đẽ của Dillan.

o0o

Hạo trả tôi về khách sạn lúc mười giờ, hứa đón tôi đi ăn trưa ngày mai. Em thông cảm nhé, anh nói. Anh phải đưa *fiancée* đi ăn sáng. Dĩ nhiên tôi thông cảm, như lúc anh chưa kịp ngồi yên chỗ đã thông báo anh sắp lấy vợ. Anh chưa cho tôi hay kịp, vì anh mới ngỏ lời cầu hôn, và được chấp nhận, tối hôm qua. Lúc tôi chuẩn bị hành lý đến thăm anh. Anh áy náy vì không có nhiều thì giờ cho tôi kỳ thăm viếng này. Em cũng biết, đột nhiên anh phải lo đám cưới. Cái đám cưới có lần mập mờ như một câu hỏi không thành lời giữa anh và tôi. Hạo không hỏi tôi có buồn giận gì không. Anh nói, giản đơn như bao giờ: anh biết em sẽ ngạc nhiên lắm. Chỉ ngạc nhiên thôi sao? Anh không nghĩ tôi sẽ cật vấn, hạch hỏi hay trách móc? Chính tôi là người đề nghị thả lỏng quan hệ, tha hồ quen biết kia mà? Bao lâu nay anh không kể về cô vợ sắp cưới, tôi cũng không nói gì về những người con trai tôi hẹn một hay nhiều lần. Nhưng quả thật tôi bất ngờ. Đến nỗi tôi phải tự trấn tĩnh bằng ly rượu ngọt. Hạo nhìn, thoáng cau mày rất kín đáo, không nói gì. Quyền cấm cản, "bàn ra" của anh hết từ dấu chấm câu anh báo tin hỷ sự.

Tôi hỏi hai người gặp nhau như thế nào. Nửa ly rượu, hai má tôi bừng nóng lên, nỗi bàng hoàng chìm lẫn trong những vòng xoay chậm bắt đầu hiện ra trong óc. Câu trả lời vắn tắt, lụn vụn, không rõ ràng. Cô ấy mới đến Dillan năm rồi. Nhỏ người, tóc dài. Ít nói. Tôi nhìn chăm vào mắt Hạo. Vẫn không có, trong giọng nói hay tia nhìn, thứ tình yêu nồng nhiệt tôi hay tưởng tượng đến. Tôi định thêm : Chắc sẽ là người vợ, người mẹ tốt, nhưng dừng lại kịp. Tôi chưa bao giờ muốn đóng vai ghen tuông. Tôi quen giả vờ bất cần hơn. Mọi thứ yếu đuối bắt nguồn từ đam mê. Có lẽ vì thế mà tôi luôn thấy Hạo vững vàng, mạnh mẽ. Sáng suốt nữa. Mấy năm quen nhau, trong khi tôi quay mòng ngang dọc trong khung ô chữ của đời mình, suy đoán, đo lường

trăm lần muốn và không muốn, lợi và hại, Hạo lẳng lặng vun bồi, gặt hái những gì anh cần, anh muốn. Anh thẳng thắn rời bỏ tôi không ngoái đầu lại, cũng thẳng thắn như lúc anh giơ tay mời tôi đi chung đoạn đường. Lỗi của tôi, có phải không? Từng ấy tự do, từng ấy thời gian, từng ấy xa cách. Dù sao đi nữa, tôi không ngăn được cảm giác cay đắng, tức tối. Hạo là cơ hội duy nhất để tôi thực hiện giấc mộng tuổi nhỏ của mình: một gia đình êm ấmátrong một thành phố nhỏ. Như Dillan của Hạo. Hạnh phúc thực chỉ có trong những điều đơn giản. Như đôi mắt an bình của Hạo, như cái nhìn của anh không do dự thẳng suốt về phía trước: dự định, tương lai. Tôi mang giấc mộng trên tay, quá bận rộn với những dấu hỏi thật giả đúng sai nên không tìm ra được đáp số nào cho hạnh phúc.

Về phòng, tôi thay áo, tắm nước nóng, xem truyền hình cố dỗ giấc ngủ. Mười giờ, còn quá sớm với thời khoá biểu thường nhật của tôi. Ly rượu ngọt uống trong bữa ăn đung đưa những cảm giác của tôi từ bàng hoàng đến buồn bã. Ngoài tấm màn cửa che kín cửa sổ, bãi đậu xe vắng tanh, một chút mưa rơi nhè nhẹ, những giọt mưa vỡ dịu dàng trên mặt kính. Tôi áp má vào đó, tưởng như những giòng nước tuôn ngập ngừng phía bên kia chính là những giọt lệ tôi chưa nhỏ xuống. Tôi ghét vẻ ủy mị, dư thừa nữ tính của nước mắt, nên ít khi khóc. Cũng có thể tôi không có gì để khóc. Sự nghiệp tôi có thể đuổi bắt, người tình tôi có thể tìm. Hôn nhân tôi có thể sắp xếp, tôi chắc thế. Những giọt lệ tình tôi không có dịp để khóc, vì hình như tôi chưa gặp được người đàn ông làm tôi điên đảo. Có thể cuộc sống tất bật nơi thành phố tôi ở không cho tôi thời gian chú ý, suy nghĩ nhiều đến một người đàn ông. Hay tại tôi cứ nghĩ tình yêu chỉ có thể là hai thái cực. Một bên là sấm sét mùa hè, rào rào cơn mưa cuồng nhiệt. Một bên là một thứ đồng cảm vừa phải của những thứ cây chung nhau một khu rừng, sự quen thuộc ăn ruỗng vào nhau qua năm tháng như sự xâm thực trên vách đá. Khi tôi nghĩ đến Hạo, tôi nghĩ đến những rong rêu sẽ dần dà bám trên mối quan hệ giữa chúng tôi, năm này qua năm khác. Tôi nửa muốn, nửa sợ. Hạo trầm tĩnh, chắc chắn quá, mà tôi thì đôi khi chán những cành cây lặng gió.

oOo

Tôi nhất định bảo Hạo đi về trước, mặc tôi ở lại phi trường chờ chuyến bay. Em có sách, báo, đủ thứ để xem trong hai tiếng đồng hồ. Hạo chần chừ một chút, vẻ áy náy. Ôi, anh dễ thương lạ, tôi nghĩ

thầm, lòng lại cồn lên một chút nuối tiếc.

Em đi dự đám cưới của anh không? Hạo hỏi trước khi rời khỏi. Tôi mỉm cười, nghiêng đầu ngẫm nghĩ, và không trả lời. Làm sao tôi biết được mình sẽ quyết định như thế nào, vài tháng nữa, lúc cầm trên tay tấm thiệp cưới? Vả chăng, anh có thật tình tha thiết đến sự có mặt của tôi hay không? Mọi chuyện sẽ là tốt đẹp hay cải lương, nếu tôi đến nhìn anh bên cô dâu mới? Hạo không gạn câu trả lời, chào từ giã. Anh cứng cỏi lạ, tôi nghĩ thầm, nửa ngưỡng mộ nửa buồn bã. Hình như tôi tiếc sao anh không si tình thêm chút nữa, nồng nàn thêm chút nữa. Hình như tôi vẫn chờ cơn lốc nào cuốn trái tim của tôi đi, mà Hạo luôn là cơn gió nhẹ gợn sóng qua những tàng lá xanh của Dillan. Tôi khát khao bình lặng, nhưng cũng khát khao giông bão. Có phải vì thế nên tôi bao lần đến Dillan rồi lại rời Dillan? Lần này, có thể là lần cuối cùng rời khỏi Dillan? Hoặc ít nhất trong một thời gian dài. Chắc tôi không có đủ can đảm đi dự đám cưới Hạo. *Champagne* tràn ly, mưa rỉ rả bên ngoài tiệc cưới, Hạo tươi cười bên người khác, tôi một mình trong góc bàn lẻ loi. Từng ấy thứ cộng lại quá dư cho tôi cảm thấy chán đời trong vài tuần sau đó, cho đến khi tân lang và tân giai nhân trở về sau trăng mật.

Hành lang đợi của phi trường dài hun hút, tôi nhìn về phía cửa nơi Hạo biến mất, tự cười nỗi cay đắng của mình. Mỗi bước trên con đường đời, tôi đều theo những quyết định của mình, thế mà bây giờ tôi lại định trách móc người khác. Dillan và Hạo đã bao lần đón đưa tôi, không níu kéo cũng không nài ép, trước sau vẫn dịu ngọt như nhau, tôi làm sao có thể hờn giận ? Tôi cũng không muốn trách mình. Tôi đã đến Dillan nhiều lần, chỉ thiếu một lần hạnh ngộ.

Ngoài cửa kính, cơn mưa nhè nhẹ phất phơ đến. Xem như là một chút gì cho cuộc chia tay.

HỒ NHƯ

Điện thoại HỢP LƯU: (714) 265-1394
Email HỢP LƯU: tchl@aol.com



LƯU HY LẠC
tỏ tình mùa xuân.

Cho qua nói:ánh mắt mà em lục đăm đăm
mọi ngày khắp ngả đường thảm đạm..Lắm điều thật

sự,qua hiểu và không biết,cố tình nói lần
lửa mà hiểu được.!Huống hồ dạ đã tỏ ngày

mong,đêm đợi.(tôi phơi giải sớm chiều.)Phải cho
qua lương thiện hả miệng chứ!Cứ đóng bộ chân

chỉ hạt bột(sai một ly đi một dặm) cũng
còn hiểu được,dẫu rằng niềm ăn năn thốt ra

già trước mình em ạ,còn muốn tự tử thời
đợi ngoài đường sụp tối thêm,chờ ai nấy quay

về trạng thái thật đơn giản và đầu-cổ họ
liền lạc với mấy đám nói rẻ tiền hơn...Phần

thời gian cứ để vụt một cách láu cá ngang
mặt đường dẫn về phía tranh tối-tranh sáng,từ

ấy*tìm xem có cách nào khá nhất(nặng-nhẹ
chi cũng cam.) ,chớ để ánh mắt lục đăm đăm
mọi ngày, sẽ làm chiều chiều chết mòn, em ạ.!

*Tựa thơ Tố Hữu.



LÊ MINH HÀ
ới ơi dâu bể

Buổi chiều Cẩn đến rủ đi ăn chè. Lời mời thực ra vô cảm thành có duyên trong một ngày nực nội thế này. Xách xong mấy xô nước cho mẹ, An ngồi lên xe, thản nhiên nắm thắt lưng Cẩn, cảm thấy rất rõ cái lườn đàn ông co mạnh trong lòng tay. Hàng chè người đông ngang ruồi, nhìn phát ngốt. Lại toan tính đi ăn kem. Kem vỉa hè Tràng Tiền. An đòi và Cẩn hơi ngỡ ngàng. An cần cù mút hết que kem này đến que kem khác trong khi không quên ngó mặt người qua đường. Thì Cẩn hỏi có phải An với Viên thôi nhau, An có biết có người mất ăn mất ngủ vì An rụng tóc vì An. An chìa cây kem cuối cùng đã bắt đầu chảy cho con bé nhặt que kem bẩn thỉu mắt sáng quắc, rút khăn lau tay, nghĩ mất ăn mất ngủ vào đợt gió Lào này có gì khác thường, nhìn Cẩn ân cần: 'Cẩn tỏ tình cho mình hay tỏ tình hộ ai?' 'Cho Cẩn!' 'Cẩn đá bồ hay bị bồ đá?' 'Không ai đá ai. Chỉ đơn giản là Cẩn yêu An và bây giờ Cẩn biết An Viên thôi nhau. Tin chính xác chứ?' An thở dài, cười: 'Chính xác. Ừ thì bọn mình yêu thử nhau xem sao. Bắt đầu từ chiều nay nhé!'

Để gia cố ngay lập tức tình yêu vừa ký kết miệng, hai đứa rủ nhau gửi xe sang đường vào phòng triển lãm tranh. Hai tác giả. Nhiều phong

cách. Người xù xì rậm rạp những vòng trừu tượng toàn màu nguyên chất. Người nuột nà như tranh lụa với con gái mặt bầu tóc mây xoã xượi cổ cao, khác tranh Tây ở cái mặt bầu lông mày nét ngang và khác tranh ta của các cụ Cao đẳng Đông dương thủa xưa ở cái hông bành trướng thật lực như đã từng chửa đẻ. Đông Tây hòa hợp Kim Cổ giao duyên thôi thế cũng là được, muốn biết hay biết đẹp thế nào thì còn cần phải đọc các bài bình luận giới thiệu thể nào cũng có. Cẩn tiến gần, lùi xa, chắp tay, xoa mũi. An nhìn Cẩn, thấy thú vị hơn cả xem tranh, và để thả cửa ngắm nhìn, vô tình An cũng tiến gần lùi xa Cẩn. Bất đồ va phải người. Viên. Viên đi cùng một cô bé. Cũng xinh. Mông má hơi bị kỹ. Nhưng trông đần đần đanh đanh. 'Em đấy à? Đi cùng ai thế?' 'Làm gì có chuyện tiếp tục gọi con người ta là em vậy nhỉ'. An khoát tay: "Cẩn. Đứng kia kìa. Thế Viên và... bạn... Xin tự giới thiệu, mình là An bạn Viên, bạn học, bạn thân... nói vậy có còn được không Viên?' Viên mỉm cười, bình tĩnh: 'Dĩ rồi. Làm sao bắn súng lục vào qúa khứ.' Cô bé đi cùng Viên miệng cười, nhưng mắt xoáy lên một ánh gì gay gắt, trong một phút tất cả vẻ đần đần ngoan ngoãn tan nhanh như que kem lúc nãy An đánh rơi dưới hè phố. Viên vẫn thản nhiên mỉm cười, nhìn về hướng Cẩn đang say mê tiếp tục lùi xa tiến gần chắp tay xoa mũi. An thấy đau đau trong lòng. 'Không thể nhớ cung cách Viên xem tranh như thế nào. Bao nhiêu lần. Cũng ở đây đây.'

Cẩn tiến lại tay lắc lắc chùm chìa khóa: 'Hello Viên. Hello bạn. Đã xem gì chưa. Bọn này phải đi đây.' Cô bé bạn Viên nhìn chùm chìa khóa trong tay Cẩn như bị thôi miên. An cũng cười như bị thôi miên, lặng lẽ đi theo Cẩn, lặng lẽ như thế suốt khoảng đường về nhà, mãi không thể tự trả lời chuyện với Cẩn là đùa hay là thật. Chuyện với Viên là thật, bảy năm trời, rồi bỗng chốc đã thành chuyện để ngồi cười. Chao ơi.

oOo

Con nhà mới giàu, lùn, xấu, tự tin, có biệt thự trên quãng làng Hoa, đi học bằng Dream đập hộp trông sáng láng hơn người đang cưỡi, hì hục mãi cũng xong được cái đại học Mở, khoa Quản trị Kinh doanh, chơi thế mới sang... Thật chưa bao giờ An tưởng tượng giấc mơ của mình lại là như thế. Cẩn có không đủ những tiêu chuẩn trên. Ví dụ Cẩn hoàn toàn không xấu. Cũng không ngốc. Cẩn tự tin, biết mình muốn gì và phải làm gì. Yêu nhau có lẽ được gần nửa năm, hôm đi câu trên hồ Tây, trong lều, Cẩn buông cần, ôm lấy An, bình tĩnh cởi tiếp cái khuy thứ ba áo An, áp môi vào đó. Chỗ đó, An thấy bỏng rát như bị

nước đá áp vào, và hoàn toàn phi lý, tự dưng đầu An lổn nhổn hình ảnh đống cá bể ươn lẫn trong những cục nước đá vàng khè đang tan, ở chợ Hôm, một ngày xa xôi, rất xa xôi, khi An còn bé tí, còn là lực lượng xếp hàng chủ lực của cả nhà trong việc giải quyết tem phiếu hàng tháng. Cẩn cười hiểu biết khi An rùng mình, quay lại đỡ cần câu, cạn nốt lon bia: 'Chả lẽ An với anh Viên chưa bao giờ như thế? Rất bình thường, phải không? Sắp lập thu rồi, hay bọn mình cưới nhé?' Cẩn có vẻ hoàn toàn không bực tức, không ghen tuông khi nói câu đó. Từ cái lều bên cạnh vọng sang tiếng rúc rích. An đờ đẫn nhìn sang bên kia hồ. Bên ấy nhấp nhô bao nhiêu là chóp mái những ngôi nhà mới dựng. Bên ấy là Xuân La Xuân Đỉnh. Bên ấy có ngôi trường cấp ba năm xưa An về thực tập. Có Viên những buổi sáng mù sương gò lưng trên cái xe cuốc Liên xô đèo An đến lớp rồi hộc tốc tới cơ quan. Cái xe không có Poocbaga, An ngồi gióng trước, chỉ hơi quay người là đã cảm thấy hơi thở Viên như một cái hôn dài. Làng ven đô, mà những chiều sương xuống sao âm thầm buồn chả khác gì những làng An từng đi qua những năm đạn bom xa lắc... Từ bờ bên ấy trôi lại một chiếc thuyền con. Cậu trai chèo thuyền bằng chân, thận trọng nâng cần vó... Có gì trong đó? Anh chàng người Anh sếp An bây giờ rất thích chiều chiều lên hồ Tây, lang thang một lúc trong đền Trấn quốc rồi ra thuê cần câu. Cũng như Cẩn với An bây giờ. Không rõ thực anh ta làm gì ở trong một cái lều như thế này? Có lần anh ta chìa cho An một bức ký họa vẽ cảnh chiều hồ. Mặt nước xam xám. Bầu trời xam xám. Chiếc vó nhìn từ cận cảnh như tấm mạng nhện rách dính vào trời. Chao ơi đẹp. Nhưng sao mà hắt hiu.

oOo

Viên lại đến nhà, không xin lỗi lấy lệ, không gì cả, nhưng ý nhị không nói gì về cô bé kia và không tìm cách xiên xỏ gì Cẩn. Bố nhìn Viên đầy vẻ vừa hiểu biết vừa thông cảm lại vừa khinh rẻ. Mẹ thì có vẻ bực bội ra mặt. Bực vì con mình đã bị bỏ rơi và bực vì con bé bị bỏ rơi kia nhỡ lại đùng đùng chạy về với thằng gà trống rất đàng hoàng kia. Cẩn gặp Viên một chiều thứ bảy ở nhà An, sau đó giục giã An cưới. Lần này thì Cẩn có vẻ không bình tĩnh như hôm ở trong lều câu trên hồ Tây.

Bạn gái chia ít nhất là ba phe. Đứa bảo tha thứ cho Viên để mà lấy người mình yêu. Đứa dè bỉu lấy thằng mình yêu để nó hành cho lên bờ xuống ruộng à yêu thì yêu thằng đáng yêu lấy thì phải chọn thằng đang mê muội vì mình nhỡ mẹ nó có hành mình thì cũng phải nhìn thằng con mà cân nhắc. Đứa thì ý tứ làm ra vẻ vô tư thằng Tây đi với

mày hôm rồi tới cơ quan tao có phải là sếp lớn của mày không? Chỉ có mỗi cô bạn học cùng sư phạm năm nào là nhìn An đầy vẻ thương xót. Bao giờ nhìn vào mắt bạn An cũng rùng mình, cũng phải cười gượng. Lòng thương của mày sẽ giúp được gì tao?

oOo

Chiều muộn An phóng xe từ chỗ làm về. Tưởng đã tránh được tắc đường mà không thoát. Cái xe rì rì lăn trong dòng người mướt mồ hôi bỗng hực hực rồi chết lịm. Mặt trời đầu hạ trước mặt An cũng đang lịm dần, để lại những quầng quái dị phía chân trời. Một chân trời rất xa và rất hẹp, bừng bừng đỏ nhòe trong những vệt mây tím thẫm bị kẹp chặt bởi những khối nhà cao tầng mới xây dựng. Ì ạch đẩy được cái xe tới gốc cây le lói ngọn đèn dầu nhỏ, buông cái xe vào tay thằng bé sửa xe, bước lùi tránh cái ghế con thằng bé đẩy ra cho khách ngồi chờ, An đứng khuất mình dựa lưng vào bóng tối. Hai cánh tay ngoặt ra sau lưng áp vào cái mấu cây xù xì, An ngửa mặt nhìn trời. Trong qúa. Ngàn ngàn sao nhấp nháy, như những con mắt sắc, thản nhiên và nghiêm khắc. Ở xứ sương mù kia đêm nay trời có trong như thế này không, có những con mắt lạnh đến thế này không? An nhắm mắt rồi lại mở bừng mắt, những ngôi sao mờ đi trong cái mở mắt lại đầu tiên, rồi lại lãnh đạm và lặng lẽ nhấp nháy, nhấp nháy. An đứng như thế, mong nước mắt trào. Giọt nước mà An đã muốn cho ràn ra từ buổi chiều lúc gật đầu dịu dàng nhận lời cầu hôn của anh chàng người Anh sếp lớn rơi vào đâu trong lòng An lúc đó, cạn đâu rồi?

Thế là không phải Cẩn. Thế là không phải Viên. Thế là không phải lo đối đầu với bà mẹ thị xã hợm của của Cẩn. Thế là không cần phải lấy lòng hai cô em gái ghê gớm của Viên. An mím môi, nghe thằng bé chữa xe giảng giải xe An cần phải chữa những gì, nghe, chăm chú, và chả hiểu gì cả.

Lúc An lên xe rồ máy, gió đêm bỗng nổi ào ào trong vòm lá. Mây từ đâu ùn về lấp những ngôi sao. Đèn đường tắt phụt, nhưng cái đèn dầu nhỏ của hàng chữa xe thì vẫn yếu ớt tỏa một cái bóng nhỏ lung lay quanh chân mình. 'Phải về nhanh thôi.' ' Phải về thôi.' 'Ở nhà chắc đã có ai đang chờ mình.' Mắt An hoa lên trước ngàn ngàn ánh đèn xe máy đang khoan vào bóng tối.

LÊ MINH HÀ
10.2.2001

NGUYỄN TÔN NHAN

千重夜冷鬼還非
古塔那知雹霧吹
一二身如三四夢
十年只得日奔馳

辛巳春
阮尊顏手題

Thiên trùng dạ lãnh quỷ hoàn phi
Cổ tháp na tri bạc vụ xuy
Nhất nhị thân như tam tứ mộng
Thập niên chỉ đắc nhật bôn trì

Ngàn trùng lạnh dỗ quỷ còn đâu
Tháp cổ nào hay mưa đá nhàu
Một hai thân giống ba tư mộng
Mười năm chỉ được chớp qua mau

Nguyễn Tôn Nhan



NGUYỄN PHƯỚC NGUYÊN
nghị lực mùa xuân không phải mặt trời

Em hỏi: Chu vi của tình yêu - rộng, lớn?
Trong căn phòng ẩm hẹp không cửa sổ, nghẽn ướt hơi người quyện thán khí,
khi đôi bờ môi đưa nhau vào hòa nhập cơn thở,
em có hình dung bao la đất trời?
Khi đôi vòng tay tìm nhau cuối bóng đêm, rồi quấn quít dìu nhau vào ánh sáng,
em có cảm nhận vô cùng vũ trụ?

Nói yêu em bằng câu thơ đầu tiên chưa bị đọa đầy vào ngục tù chữ nghĩa, ửng lên khóe mắt, ẩn mật hương trinh, thoát thai vào hóa thân em - những vết chàm trên làn da kỳ nữ. Những dòng sông. Những hồ lệ. Trong suốt tương lai. Thủy tinh quá khứ.
Khi em khóc,
trong tôi
đêm vắng bình minh.
Em có biết?

Em - người yêu tôi ở điều không thể hiểu.
Ngôn ngữ của tình yêu
không là vần thơ
không là tiếng nhạc
không là nụ cười, nước mắt
không là hạnh phúc, khổ đau.
Mà là tiếng nói câm nín của một con tim với thinh lặng của một con tim, khi
hai con tim
không chung một giòng máu
không chung một nhịp đập, nhưng
chung một màu đỏ truyền sinh tịnh mặc cội nguồn.

Em - người hiểu tôi ở điều không thể yêu.
Tình yêu bước chân trần trên giá băng đường tim mùa đông tái buốt đi tìm mùa xuân cành khô đâm chồi ấm. Em, mặt trời không phải của riêng ai. Nhưng bóng tối trong mỗi chúng ta là của riêng mỗi chúng ta. Tuyệt đối.
Điều tôi tin - Sự hiện hữu của mặt trời không có thật.
Điều tôi tin - Hạnh phúc có thật, khi trong bóng đêm tôi chọn chờ một mặt trời không bao giờ mọc.
Tôi chọn ngồi trong bóng đêm chờ một bình minh không bao giờ đến -
Tia sét là em. Em có biết?

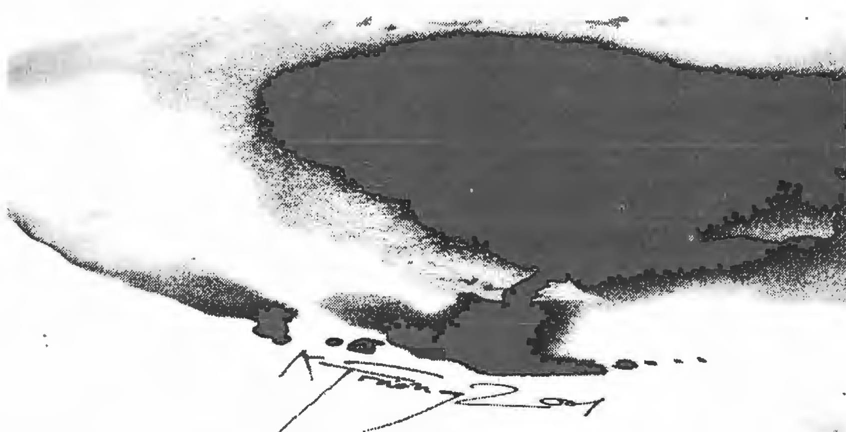
Một đoạn phim có người tự vẫn, cắt mạch máu mình.
Tại sao khi tự vẫn người ta hay ngồi trong một bồn nước? (Dòng máu rất đẹp khi loang dần vào lòng nước trong suốt, phải không em?)
Từ đó,
Mỗi khi muốn tìm cái chết,
Tôi nghĩ đến khi tôi không còn sống để yêu em nữa. Là điều không thể. Và
tôi chọn sống yêu em trong tuyệt đối tình yêu mình. Như
tôi chọn sống tuyệt đối cho tình yêu mình. Để yêu em.
Từ đó, trong tôi -
Dòng máu của bầu trời là quang kiều ngũ sắc.
Dòng máu của áng mây là những giọt mưa.
Dòng máu của núi rừng là khe, là suối.
Dòng máu của cuộc đời sự thinh lặng giữa muôn âm.
Dòng máu của tình yêu là từng làn hơi tôi chọn
tiếp tục thở,
khi em không còn trong cuộc sống.

Dòng máu của mùa xuân là thân cây mùa đông nghị lực đâm chồi.

Tôi chọn ngồi trong bóng đêm chờ một bình minh không bao giờ đến -
Tia sét là em.

Em có biết?

NGUYỄN PHƯỚC NGUYÊN





PHAN THANH HOÀI
ông già và con chó
(Chuyện Bên Hồ Quỳnh)

Chính cụ chánh Đợi cũng không biết tên mình là gì. Ngay cả tên họ cũng vậy.

Thời xa lắm, cụ là chú bé lê la ở chợ Thông. Chẳng ai biết chú từ đâu đến. Người ta chỉ biết tên chú là Đời. Bà con thường gọi là thằng cu Đời. Chú sống với bà già mù ở xóm trại ven sông. Bà Mù sống độc thân từ nhỏ.

Khi chú vừa lớn khôn, bà già mù qua đời để lại chú bơ vơ. Thế là chú bỏ chợ Thông ra tỉnh. Chú nghe người ta nói:"Giầu có xứ quê, không bằng lê la thành thị." Nhưng không, nghề gánh nước thuê, chú không chịu nổi. Bởi lẽ máy nước ngoài đường anh em du côn yêu tạ cai quản. Ngày làm quần quật chỉ vừa đủ nuôi thân, làm sao nuôi được những bậc đàn anh yêu tạ.

Thằng cu Đời lại quay lại chợ Thông. Thời gian sống ngoài thành phố, gạo trắng nước trong đã nuôi chú lớn lên, trắng trẻo hồng hào ra dáng một chàng trai. Trở lại đây, chú đã thay nghề kiếm sống. Sáng sáng chú dọn hàng cơm cho cô Đôn. Công việc cũng

giản đơn: ngả cái bàn ra giữa quán, kê mấy cái ghế, bưng nồi cơm, chảo canh, mang chồng bát đĩa bày đặt vào nơi quy định. Làm xong công việc ấy, chú ra nơi đánh trâu bò lợn gà, đón khách và đe nẹt mấy thằng lang thang: thằng Vẩu, thằng Kều thường hay lợi dụng lúc sơ hở là xông vào cướp của khách.

Hàng cơm cô Đôn từ ngày có thằng cu Đời giúp việc rất nhiều khách đến ăn.

Thằng cu Đời bây giờ trông xinh trai đáo để: cái áo sơ mi đuôi tôm nó mang từ trên tỉnh về, cái đầu có mái tóc gọng kính, giá nó có cái quần tây đóng bộ nghiêm chỉnh thì nhiều người có thể lầm là cậu công tử nào từ tỉnh mới về. Nhưng khốn nỗi nó chỉ có mỗi một cái áo không. Mỗi khi nó mặc vào người ta cứ tưởng nó cởi truồng.

Rồi một hôm, ở chợ Thông mấy bà bán cơm hàng bánh xì xào bàn tán: thằng cu Đời lấy vợ rồi đấy, lại được gửi rể nhà giầu. Ai cũng thắc mắc. Mã thằng ấy làm sao mà lấy vợ được!

Nguyên do là thế này:

Quê ngoại bà lang Kiều có một gia đình giầu có, được mỗi một cô con gái đã quá tuổi lấy chồng, người trông mũm mĩm nhưng tính hơi hâm hâm, lại bị chửa hoang.

Bà lang Kiều bàn tính với gia đình cô gái mang thằng cu Đời về làm rể, thôi thì để cho như đũa có đôi khỏi mang tiếng với dân làng.

Làm rể làng xứ lại là giầu có, chú rể phải ra lễ thánh trình làng, phải có họ tên đàng hoàng đâu lại gọi anh cu nọ cu kia được.

Thằng cu Đời được ông Nhất Thụ đặt tên. Nhất Thụ tuy chỉ đỗ có nhất trường nhưng cũng là người khoa bảng trong làng. Nhất Thụ không có vợ con nên được gia đình nhà giầu mời về ở để trông nom việc lễ bái văn tự.

Nhất Thụ cân nhắc mãi, đặt tên cho cu Đời là Đặng Văn Đãi. Đặng là họ to có nhiều người quyền quý. Đãi là tên chữ lại có ý nghĩa gần với Đời. Vì kiêng tên húy nên gọi trệch đi là Đợi.

Thế rồi cu Đời mua chánh tổng, một bước nên danh giá. Cụ chánh Đợi có tên tuổi trong vùng. Nhiều người đồn đại về cụ. Đám thợ gặt, những người làm thuê thì nói nào là cụ con cụ Tú ở xa lắm, trước đây ở tỉnh kia đấy!

Dân làng thường đến nhà cụ xin câu đối, hỏi han về văn tự. Thực ra là chữ nghĩa của Nhất Thụ nhưng cụ được tiếng là người cho chữ nghĩa.

Cụ chánh Đợi có cái thú chơi chó. Trong sân nhà cụ, lúc nào cũng đủ các thứ chó. Sáng dậy, cụ ra sân khạc nhổ và ngắm đàn

chó. Thằng cu Vẹo hầu cụ, mỗi sáng cụ ra sân, phải có mặt ngay để dãn những con chó tranh bãi đờm học một thứ gì đó cụ ném cho chúng ăn, để xem cụ có sai bảo gì không.

Cụ thích nhìn những con chó, nhưng cụ lại ghét những con gầy còm xấu xí. "Chó gầy hổ mặt chủ nuôi," cụ luôn nghĩ như vậy. Bởi vậy cụ không cho phép con chó nào gầy còm ghẻ lở.

Thật đen cho chú Vện con. Khi mới nhập đàn, nó đẹp nhất, bụ bẫm, lông vằn vện giống con hổ con. Nhất là bộ móng, móng huyền đề, đốm ngực. Ai cũng bảo chủ nuôi chó ấy là nhiều lộc.

Không hiểu sao. Vện nhập đàn ít lâu, thân nó tọp đi. Lông rụng dần, trơ ra những mảng thịt lở loét. Vẹo đã chạy chữa cho mãi chẳng khỏi. Bệnh tật mỗi ngày một nặng. Lông rụng hết, lở loét đến phát sợ.

- Vẹo đã nhốt nó ra một nơi kín để cụ chánh không nhìn thấy. Nhưng khốn nỗi, bị nhốt Vện đâu có chịu.

Cụ chánh biết con Vện rồi. Thật khốn cho nó. Vẹo quên không nhốt, mới sáng ra nó đến sát mặt cụ chánh. Cụ hét lên:

- Vẹo! Mày mang ngay cái của bẩn này vứt vào thùng ngâm!

Thằng Vẹo sợ cuống, xông vào tóm con vật, chạy ra sân sau. Nhìn vào thùng ngâm đầy nước đen ngòm bốc mùi nồng nặc, Vẹo ôm con Vện và vỗ nhẹ vào đầu nó:

- Đã bảo mày mà, chớ ra sân, không diễu trước mặt cụ. Bây giờ thì thế nào đây? Hay là mày vào thùng ngâm cho yên cái phận! Không, ai lại ác thế nhỉ.

Vẹo lẩm bẩm, vuốt vuốt, xoa xoa những vết lở loét đã bắt đầu khô, đang bong dần từng mảng. Con Vện giương đôi mắt âu yếm nhìn Vẹo, ngoe nguẩy cái đuôi không lông, tỏ lòng biết ơn.

- Ai lại vứt mày vào thùng ngâm! Phải cứu lấy mày thôi! Nhưng làm thế nào đây?

Vẹo đần ra suy nghĩ. Một tia sáng vụt tới. Vẹo sướng rơn:

- Được rồi, đưa cho lão Mục.

Lão Mục là ông già cô đơn. Vì trước kia quen biết chánh Đợi từ ngày còn ở chợ Thông nên chánh Đợi cho lão Mục ở nhờ gian nhà phía sau vườn, nguyên là nơi để cày bừa cào cuốc quang thúng để đêm hôm nơi hẻo lánh này có bóng người cũng tốt lắm.

Lão Mục chỉ lủi thủi đi về ngõ sau, không bao giờ bén mảng tới cổng trước, không bao giờ giáp mặt chánh Đợi. Lão chăm sóc nuôi nấng con Vện như người mẹ nuôi con. Ngày nào lão cũng tắm cho nó hai ba lần. Nào nước điếu, nào là vọng cách, lá khế rồi cả gừng nữa. Lão còn xông diêm sinh cho chó. Tắm xong lão mang nó ra

sưởi ấm ngoài trời, chấm những chỗ lở loét cho đến khi nào trên mình nó khô ráo, lão mới đưa vào một góc nhà, không bao giờ quên làm cái ổ cho nó nằm.

Trước khi đi đâu, lão đến bên chó, vuốt ve dặn dò con Vện như người cha nói với con. Vện cũng đáp lại bằng cách căng đôi mắt nhìn lão âu yếm, cái đuôi ve vẩy, đôi chân đập đập.

Lão Mục sống bằng nghề hành khất, lầm lũi một mình. Từ ngày có con Vện, lão vui hẳn lên. Cái tổ ấm đêm đêm có hai sinh linh cùng nhịp thở, chung một bầu không khí yên tĩnh.

Con Vện của lão Mục đã gần một năm, béo nung núc. Bộ lông vằn vện mượt mà trông rất thích mắt. Nó khôn và có nghĩa với lão Mục. Đêm đêm nó nằm dưới chân lão. Sáng nó tiễn lão đi. Tối nó chờ lão. Thấy lão chậm về, nó đi đi lại lại buồn rầu. Có khi nó sủa lên mấy tiếng như để xua đi nỗi nhớ.

Lão Mục về, nó chạy ra đón lão từ xa. Nó hít hít vào quần lão, sủa lên rền rĩ như làm nũng và chạy lên phía trước, chạy lại phía sau. Lão Mục đáp lại bằng tiếng "suỵt, suỵt," "thôi thôi" và lão ném cho nó miếng thức ăn mà lão đã dành cho nó trong khi phải van vỉ xin người bố thí.

Rồi một buổi chiều, chánh Đợi ra sân chơi, ngó vào nhà lão Mục. Con Vện thấy người lạ, cất lên tiếng sủa rồi lủi ra ngoài. Chánh Đợi nhìn thấy con Vện, vờ hỏi thằng Vẹo, thực ra chánh Đợi đã biết từ lâu:

- Con chó nào đây hở mày?

- Thưa cụ chó nhà lão Mục.

Chánh Đợi trừng mắt:

- Chó nào của lão Mục? Trên đất của tao là chó của tao, ngày mai mày gọi thằng Chấn và bán cho nó.

Ra lệnh cho thằng Vẹo xong, chánh Đợi nói thêm:

- Dạo này sang thu rồi, heo may lên, thịt chó đắt, nó béo rồi. Đồng rưỡi đến hai đồng là rẻ.

Nghe chánh Đợi nói, Vẹo thấy vô lý quá, định phản đối, nhưng sợ lại thôi. Chánh Đợi đi rồi, Vẹo lẩm bẩm trong mồm:

- Chó người ta nuôi tốn bao công, đòi bán, cái vì cái lí gì nhỉ?

Tối hôm đó, lão Mục đang gỡ thịt trên mảnh xương cho con Vện ăn, thường là như thế. Lão luôn sợ con Vện bị hóc. Đúng thế, đã có lần nó hóc xương, mồm cứ há hốc ra, rãi chảy ròng ròng, chẳng ăn uống gì. Lão cứ tưởng nó bị dại, lão lo, lão buồn. Nhưng không, nó hóc xương. Lão trông thấy mảnh xương rõ ràng vướng trong mồm nó. Lão loay hoay mãi chẳng lấy ra được, lão đã thất vọng.

Nhưng không hiểu sao, hôm sau cái xương biến đâu mất. Con Vện lại ăn như sấm. Lão vừa gỡ xương cho con Vện ăn, vừa lẩm bẩm nói với nó. Con Vện gầm gừ, nó muốn ngoạm cả cái xương để gặm cho thỏa thích.

Thằng Vẹo lách cánh phên, lẻn vào. Như linh tính báo trước, lão Mục sửng sốt hỏi:

- Có việc gì thế chú?

Vẻ mặt quan trọng, Vẹo im lặng một lúc lâu mới cất tiếng nói:

- Con Vện chết đến nơi rồi ông ạ.

- Làm sao mà chết? Làm sao hử?

- Cụ chánh cho gọi thằng Chấn đến để bán nó đấy.

Lão Mục hốt hoảng. Những nếp nhăn đen sạm dăn deo. Đôi mắt sầm tối. Mảnh xương trên tay rớt xuống đất. Con Vện ngoạm ngay lấy, kéo ra một bên, gậm gậm. Rồi nó đến bên lão Mục, cọ cọ vào người lão như vuốt ve an ủi.

Lão Mục ôm con Vện. Đôi bàn tay gân guốc của lão ghì con vật vào lòng, sờ nắn vuốt ve, vỗ nhẹ vào đầu nó. Đột nhiên lão chững người buông con Vện ra.

Hình ảnh thằng Chấn, đôi mắt trắng dã, cặp môi thâm sì, nó đến đâu là mùi rượu sặc sụa. Cánh tay nó như hai cục thép. Bàn tay giống như cái kìm khổng lồ. Ôi! Thằng Chấn sẽ thít cổ con Vện đến nghẹt thở, thè lưỡi ra, bắt quặt hai chân ra sau, trói chân, trói mõm xách đi. Con Vện chỉ còn giương đôi mắt đỏ hoe kêu cứu. Nhưng vô ích!

Nghĩ đến hình ảnh ấy, lão Mục đứng lên, lách tấm phên ra sân. Lão ngửng mặt lên trời, bầu trời trong sáng, chòm sao Bắc Đẩu, giải Thiên Hà, những vì sao đang phát sáng lung linh.

Đột nhiên, lão Mục căng đôi mắt, ngẩng cao đầu, nói như ra lệnh cho chính mình:

- Không, không thể như thế được! Phải cứu con Vện, phải cứu con Vện, trời ơi!

Lão nói xong như người vừa quyết định một việc hệ trọng, lão thấy trong người phấn chấn hẳn lên. Lão quay vào trong nhà, con Vện chạy lại quấn quýt bên lão, hít hít, rên ư ử.

Suốt đêm lão trằn trọc, hết ngồi lại đứng. Lão nghĩ mung lung bao nhiêu mưu kế, chỉ có một việc bây giờ làm thế nào cứu được con Vện. Trong đầu lão vạch ra bao kế hoạch.

Ta sẽ van nài lão chánh Đợi. Lão tha cho là được. Nghĩ xong lão lại tự nhủ: không được. Nếu nó có một chút lòng tử tế thì đâu nó lại cho gọi người bán của ta. Không bao giờ hắn cho. Vô ích thôi.

Thôi, mang con Vện đi là ổn nhất. “Tẩu vi thượng sách.” Lão lại lẩm nhẩm: cũng không được. Chánh Đợi sẽ vu cho ta là tên ăn trộm. Con ăn đầy tớ chúng sẽ truy tìm, trốn đâu cho thoát. Không thể được. Không bao giờ ta lại để cho thằng ăn cướp của ta vu cho ta là kẻ ăn trộm.

Tiền! Tiền! Chỉ có tiền là xong. Ối cha mẹ ơi! Con lấy tiền đâu ra bây giờ? Lão kêu lên ở trong lòng rồi ngả lưng trên giường tre.

Những tờ bạc một đồng có hình người nông dân gánh đôi thúng đựng mấy quả dừa. Tờ bạc con công năm đồng sực mùi thơm. Đồng hào đôi trăng tinh. Những đồng xu màu đồng đỏ sẫm. Tất cả như nhảy múa trước mắt lão. Bỗng lão Mục như người bắt được của, vùng dậy, nói lẩm bẩm trong bóng tối:

- Được rồi, được rồi, có tiền rồi!

Lão có món tiền dành dụm mấy năm. Ngày một trinh, ngày một xu, lão tích cóp bỏ vào một cái ống tre. Lão nhẩm tính có lẽ cũng gần hai đồng.

Món tiền ấy lão thành tâm mong làm một việc mà lão cho là trọng đại. Lão chỉ có một mơ ước kiếm đủ tiền lão sẽ cải táng cho bố. Lão sẽ mang nắm xương tàn của bố về chôn bên cạnh mẹ lão. Đời lão phải làm được việc đó, lúc nhắm mắt xuôi tay lão mới yên lòng.

Bố lão chết đã mấy chục năm, chưa chắc đã còn gì.

Lão đứng thần người ra trong đêm tối. Lão nói như van xin:

- Bố ơi! Con lạy bố. Con xin bố. Con sắp làm một việc có lỗi với bố. Nhưng bố ơi, con có bốc bố lên con lại chôn bố xuống. Con xin khất bố một thời gian nữa. Bố thương con với!

Âm dương cách biệt, lão van xin bố xong, lão thấy như đã giải quyết xong một việc. Lão tin rằng bố lão sẽ vui lòng, nên lão thấy trong lòng thanh thản. Lão nằm thiếp đi.

Mặt trời đã lên đến ngọn cau. Tia nắng chiếu qua khe liếp hắt những vòm sáng trên ổ rơm chói chang. Lão Mục bừng tỉnh, ngỡ ngàng như vừa qua một đêm ác mộng. Lão thầm nghĩ:

- Thôi thế là được. Ta phải sang chánh Đợi ngay.

Chánh Đợi đang đứng ung dung, tay chống ba toong, tay vuốt râu, ngắm nhìn những con chim câu đang âu yếm mớm thức ăn cho con. Thấy lão Mục, chánh Đợi tươi cười nói:

- Ông Mục sang chơi có việc gì đấy nhỉ?

Chánh Đợi vờ hỏi thế thôi, thực ra lão biết thừa rồi. Không phải hôm ra sân sau ngó vào xó ở của lão Mục, chánh Đợi mới thấy con Vện.

Chánh Đợi thấy con Vện đã mấy tháng nay rồi, có điều lão còn

suy tính thiệt hơn. Nếu lão bán con Vện thì không thể kéo lão Mục lại ở xó đất nhà mình nữa. Dân làng biết người ta sẽ chửi lão là tham chứ lão Mục là cái gì mà lão phải sợ. Còn điều nữa, lão Mục ở sân sau cũng là người canh nhà không công thôi. "Một người già bằng ba lần giậu." Lão Mục vốn tỉnh ngủ lại bị chứng ho. Ban đêm cơn ho thường dựng lão dậy. Khi dậy là lão hút thuốc lào. Hút thuốc vào là ho và đi đái. Đối với lão Mục, như vậy là nỗi khổ, nhưng với sân sau của chánh Đợi là điều tốt lành, là cái lợi.

Khi thấy con Vện béo nung núc, chánh Đợi thoáng một con toán trong đầu: bỏ rẻ con này cũng được hai đồng, bán đi trả công cho Mục năm hào. Ôi! Một đồng rưỡi mua đâu mà chả được sào rưỡi lúa non. Sào rưỡi lúa, bảy thúng thóc phơi săn rẽ sạch có khi đổi được sào đất tốt cũng nên. Chánh Đợi sung sướng cười to.

Lão Mục thấy chánh Đợi cười, người lão như có cái gì trào lên trong ngực. Lão chửi thầm chánh Đợi:

- Đồ đểu, tiên sư quân bất lương.

Chửi rồi, lão Mục cố nén làm ra vẻ bình thản, nói:

- Thưa ông, tôi sang xin ông một việc ạ.

Chánh Đợt ngọt nhạt, nói:

- Việc con Vện có phải không nhỉ?

Lão Mục đáp bằng giọng ngắn gọn:

- Thưa ông, đúng.

Chánh Đợi gật gật cái đầu, hỏi:

- Ý định ông thế nào?

Lão Mục nói như van nài:

- Thưa ông, tôi xin ông đừng bán con Vện của tôi.

Chánh Đợi đập mạnh cái ba toong xuống đất, nó như có ý chế riễu:

- Nó là của tôi chứ sao lại là của ông được. Của tôi thì tôi bán, cứ cho là ông có ít công nuôi tôi sẽ trả ông mấy hào.

Nói xong chánh Đợi hềnh hệch cười. Lão Mục dịu giọng nói như thanh minh:

- Thưa ông, nó là con chó ghẻ lở. Ông đã cho vứt vào thùng ngâm. Tôi chăm bẵm nó mới lớn như thế chứ ạ.

Nghe lão Mục nói, chánh Đợi căng đôi mắt, sẵng giọng:

- Ông tưởng nó vào thùng ngâm là vô ích hả. Nó sẽ mang lại lợi ích nhiều cho cây cối ở vườn tôi.

Chánh Đợi nói thế nhưng cũng đưa ra một giải pháp có vẻ mềm:

- Bây giờ thế này: chó của tôi là tôi bán. Nếu ông thích nó thì ông mua, tôi đặt giá hai đồng. Nhưng vì ông có công, tôi trừ

năm hào chẵn, song với một điều kiện: sau khi mua, ông không được để con chó ấy ở trong nhà tôi nữa.

Lão Mục cảm thấy như có cái gì rực lên trong người, muốn nhổ vào mặt chánh Đợi mà lão cúi đầu xuống, nói:

- Thưa ông, tôi xin mua con chó.

Thấy lão Mục quyết mua, chánh Đợi tỏ ý không tin:

- Thật à? Nhưng ông lấy đâu ra tiền?

- Thưa ông, tôi có tiền mua con chó.

Chánh Đợi lại cười nhạt hỏi:

- Tiền ở đâu ra vậy?

Lão Mục giương đôi mắt đã mờ khói, đượm vẽ phẫn nộ nói:

- Đồng tiền lương thiện dành dụm chứ cướp của ai?

Chánh Đợi cười đắc chí, nói:

- Được, thế thì được. Tôi bán cho ông đồng rưỡi.

Lão Mục sửng sốt, tức giận, căng lông mày lại, hỏi lại:

- Đồng rưỡi?

- Đúng đồng rưỡi. Như thế là tôi đã thiệt, đã cho ông năm hào rồi đấy.

Lão Mục im lặng một lúc, nhẩm tính, buồn rầu nói:

- Vâng tôi bằng lòng. Cảm ơn ông. Chào ông.

Khi lão Mục đi, con Vện ở nhà cứ chạy ra chạy vào, gầm gừ sốt ruột. Nó thấy chủ nó khác mọi ngày.

Lão Mục về, con Vện mừng cuống quýt. Nó nhảy lên, ôm lão. Nó rên rỉ rít lên, liếm láp lão. Lão đứng lại ôm đầu nó:

- Con thoát chết rồi. Phải đi thôi con ạ. Đất này bất lương vô đạo, không thể ở được đâu.

Lão Mục đi vào trong nhà, thấy niềm vui và nỗi buồn lẫn lộn. Vui vì lão vừa làm được một việc lão cho là quan trọng. Buồn vì lão phải từ biệt nơi lão sống bao lâu nay. Biết bao niềm vui nỗi buồn... Cây mít, hàng na, cây chè, lũy tre đêm đêm rì rào kẽo kẹt, cơn mưa, ngọn gió thì thầm trò chuyện với kiếp đời cô đơn của lão. Xa chúng, lão nhớ da diết làm sao!

- Biết đi đâu bây giờ?

Lão nghĩ và tự nói thầm với mình:

- Hoàn cảnh sẽ cởi mở, đi thôi! Không thể ở cái xó đất bất lương vô đạo này được nữa, thà thả đời vào ngọn nước còn hơn.

Nghĩ thế, lão thấy người như có một sức mạnh đứng lên.

*

Một buổi cuối thu.



NGUYỄN DUY
thơ chép trên lịch treo tường năm 2001

Giọt rơi hơi bị trong veo
mắt em hơi bị vòng vèo lôi thôi
chân mây hơi bị cuối trời
em hơi bị đẹp anh hơi bị nhàu

Đố em bán hết gió trời
để anh đánh thuế những người hôn nhau
đố em mua chịu nỗi đau
để anh hóa giá bảy màu giấc mơ

Vay nhau khóc mượn nhau cười
người xa quê léng phéng người xa quê
xẩm rong hè phố thủy tề
ướm nhau còn nhớ lối về bến xưa

NGUYỄN DUY

Trời xanh cao vợi, không khí mát dịu êm đềm, cây cỏ thì thầm xáo xác...

Trên con đường đất ngoằn ngoèo, một ông già cùng con chó tung tăng bên nhau, đi trong ánh bình minh rực rỡ.

Họ đi đâu?

Chưa ai biết. Phía trước mắt họ, xa xa là một bến đò và con sông miên man nước chảy.

Cây gạo cao lừng lững hằn trên khung trời những cái cành đã trút hết lá xanh, chỉ còn nhựa sống tiềm tàng, ấp ủ một ngày mai lại nảy cành xanh lá...

PHAN THANH HOÀI



HOÀNG XUÂN SƠN
collage
Nguyễn Thị Minh Ngọc
Hợp Lưu số 56

Cóm róm bước xuống
bụng phà xấn đứt hai đầu nhọn
giật lam nham vết sơn lở
sơn hồng gió se vuốt da
lây lẩy hướng về niên
tuổi động quân
rượu chao quá trớn tiu nghỉu ngày đầu
bóng trắng toát
tóc lê quét khói âm rỉ
ngún
sống với tưởng tượng cánh tay mỏi đuối
bật khươi chảy chụp khắp
nước mắt tràn
đất cỏ
trăng
con mắt chột trăng trồi quá sớm
bào thai non lén sống cuộc đất
Mười
Bảy - Tám - Chín - Mười
đồng đen thẫm .

HOÀNG XUÂN SƠN
Tháng hai hai ngàn lẻ một



LÊ MINH
làng xi măng

Na nhận được điện từ nhà, do thằng em đánh đi. Điện viết "Bà mõm. Thối rồi. Về ngay!" Chắc nhân viên bưu điện phải nát óc. Còn Na, Na là chị thằng roi, Na hiểu thế này: "Bà ốm, mất rồi, về ngay!" Na hốt hoảng gọi bà ơi. Rồi cuống cuồng đi xe khách từ cái trường cấp một miền núi, nơi cô thực tập, xuống tỉnh, lên tàu hỏa đi qua Hà Nội, lại lên tàu đi xuôi về phía Biển Đông.

Na hai mươi mốt tuổi, mặt đẹp như trăng, tóc dài như lụa, người cao mình dây, eo sáu mươi. Nếu không có cái chân đi hơi cà nhắc do trận sốt phát ban lúc mới sinh, mẹ Na đã quyết biến con gái thành một nàng có hạng ở tỉnh. Na chọn nghề sư phạm, học trung cấp ra sẽ dạy cấp một. Vừa yên thân vừa hợp với tạng người không được sức vóc dẻo dai. Cái tên của Na do bà đặt. Bà là dân tản cư từ thành phố về vùng quê bấy giờ, lấy ông Na là một ông giáo làng rồi định cư luôn. Bà giữ nếp gia phong từ ông cụ thân sinh truyền lại. Bà làm nghề bốc thuốc nam cho phụ nữ trong vùng. Bà thích uống chè ướp hoa ngâu, thích ăn mía hấp hoa bưởi mùa đông, còn mặc thì ưa vải cào bông, lụa tơ tằm. Thằng em Na, khi bà bắt đầu ốm đã gọi bà là đồ cổ đầu thế kỷ 18. Không chấp bà. Thằng em

Na tên ở nhà gọi là Roi, tự nó đổi là Thanh Hùng, mười chín tuổi ngày đốt ba bao thuốc, hát Karaoke thích có con nhãi ngồi bên để xoa nắn. Thằng em Na không thèm tương lai chỉ "vô vi hiện tại," mặc kệ các thứ đồ cổ đua chen giáo huấn "rác tai vô tác hiệu." Na khổ tâm nhìn thằng em nhâng nháo như chữ nghĩa phố phường mà không biết làm sao.

Nhà Na có năm người. Bố mẹ, bà, hai chị em Na. Anh Thắng kể ra cũng được tính là người thứ sáu, nhưng Na không muốn anh bị xúc phạm vì nhà có thằng Roi. Anh mồ côi cha mẹ, là họ hàng xa tít đằng mẹ, mẹ đưa về nuôi từ nhỏ. Anh lớn lên, đi học và làm việc nhà như một người lực lưỡng. Cái gì cũng làm. Cho đến khi anh đi bộ đội, Na vẫn không thích tính anh vào danh sách cả nhà. Anh khác hẳn, anh không thể đứng cạnh thằng Roi.

Hôm Na đeo túi quần áo lên miền núi thực tập, anh Thắng đưa Na ra ga. Na đứng cạnh anh trong buổi chiều, chờ chuyến tàu tối và thấy tủi thân vì cái chân hơi cà nhắc của mình. Thằng Roi mất dạy không bao giờ gọi Na bằng tên. Nó gọi Na là "chấm phẩy xịn." Anh Thắng rất tức giận. Bà cũng vậy. Bà như đau tim khi nghe thằng cháu nhơn nhơn cười vào sự tủi phận. Có bà, có anh Thắng là có gia đình. Bây giờ sao đây?

Ở sân ga, Na thấy bố đến đón. Dạo này bố càng bảnh chọe ra, ca vát đỏ, áo thêu ở ngực. Nhận ra nhà có tang ở cái băng đen trên cánh tay bố. Bố đã thửa được cái xe sáng choang như người ở phố. Thấy cái băng đen Na tin hẳn là bà đã chết. Na nức nở khi bố đến gần. Bố ơi, bà sao rồi? Đưa hôm qua rồi. Sao con về chậm thế?

Nhận điện con về ngay.

Thằng Roi. Thằng vô phúc. Bảo nó đánh điện ngay cho chị. Chắc nó tạt vào quán rồi chết dí trong quán. Thằng mất dạy!

Na nuốt nước bọt khan. Chuyện như thế mà giao cho thằng Roi.

Na lẳng lặng ngồi sau bố. Đường về làng trồng nhiều cây bạch đàn, con mương thẳng theo hàng cây. Hai cái quán Karaoke đứng cạnh mấy đống rơm. Cứt trâu rắc trước cửa. Mấy thằng choai choai mặc quần bò, tay chân nứt nẻ bá cổ nhau đứng trước quán. Cả bọn nhìn theo Na rồi buông ra những lời có cánh. Những cái cánh nhầy nhụa tục tĩu.

Nhà Na ở rìa làng, phần phố làng. Ở đây có quán xá, có ủy ban, có đủ thứ linh tinh của một thứ trung tâm. Nghe nói giờ đã có chỗ để đàn ông trong làng và đàn ông ở thị trấn ra đấm bóp. Nhà cửa đua chen nhau học đòi hàng tỉnh. Mái vuông mái nhọn sơn vẽ như phường tuồng. Bố mẹ Na cũng cho xây cái hộp vuông như cái bánh

chưng, bên trên nhọn hoắt cái tháp như nhà của người Ai Cập. Cái nhà to đùng chiếm cả cái nhà cũ cộng cả khu vườn trồng rau cải mà bà vẫn làm rau đem bán trên thị trấn. Mọi thứ trong nhà nhốn nháo đua chen như vỉa hè phố xá. Cái hộp nhìn bên ngoài cứng cả mắt. Khi bố mẹ kê cho bà cái gường gần tường phía tây, bà rên rẩm nói với Na: chỗ nào cũng xi măng. Bà nằm trên giường mà thấy lưng đau như dần.

Mẹ Na ngấm nguýt: rõ rách việc. Cả đời cứ như cua lội bùn.

Bây giờ bà mất rồi chắc cái nhà sẽ còn thay đổi tưng bừng hơn.

Bố Na vòng xe qua khu phố làng. Lối đi vẫn rải rơm. Dân làng phơi rơm khắp các ngả bất chấp xe máy, bất chấp nhạc karaoke, bất chấp mùi vị phố phường đã tràn vào tận bếp các nhà. Anh Thắng đứng chờ Na ở cổng, tay anh chìa ra còn đầy mỡ. Na biết rằng những cuộc như thế này bố mẹ vẫn phó thác hết mọi việc cho anh. Cái nhìn của anh lặng lẽ chứa chất buồn đau. Na nhìn thằng Roi nhe răng nháy mắt ra cái điều ở nhà đang có tang ta đây cũng giữ ý, mà thấy đau cho bà. Mẹ Na hôm nay không tung tóe váy mà mặc quần đen, kéo Na lại sụt sùi rồi quay qua bên cạnh sỉ mũi vào cánh tay áo xô. Cái mũi của mẹ Na khô ráo. Na thương mẹ nhưng không bằng thương bà. Cái vẻ giả vờ buồn của bố, cái vẻ thoát nợ của mẹ, cái vẻ "mắckênô" của thằng Roi làm Na, trong phút chốc thấy chòng chành như đi trên sóng. Nếu không có anh Thắng đứng kia Na đã thấy cái chân khấp khiễng của mình như cần phải có nạng. Lúc bà sống. Na không có cảm giác thiếu hụt như thế này. Anh Thắng lại gần như muốn đỡ Na. Anh có họ rất xa với mẹ, chả liên quan gì tới bà nội. Nhưng mắt anh đỏ kè vì khóc. Nước da anh xanh xao không hợp với thân thể to lớn lực điền. Anh giúp Na thắp hương trên bàn thờ bà. Hai anh em nhìn ảnh bà rồi nghĩ: gia đình vậy là tan rồi.

Thằng Roi theo Na xuống bếp: "chấm phẩy din," có mang quả đen nào về không? Dặn trước hôm đi rồi còn gì?

Na hiểu quả đen đây là thuốc phiện. Na ở miền núi về và nếu không mang theo cái đó thì còn kèm theo "ngu lâu ngồi đâu thối đấy!"

Quả nhiên thằng Roi rủa chị ngu. Rồi sau cùng lấm lét: khi nào lên lại, đây gửi tiền đánh hẳn kí lô. Có chỗ tiêu rồi. Lãi cưa đôi.

Anh Thắng lẳng lặng ngồi sửa cái bếp dầu. Thằng Roi bóc một miếng giò nắm một nắm xôi trên mâm cơm sắp bưng lên cúng bà rồi ngửa cổ ném cả hai thứ vào mồm một lúc. Nhai nuốt như một con rắn nuốt chuột, nó đứng trước mâm cơm cúng giơ tay chào kiểu nhà binh. Na thay vào mâm cơm đĩa giò mới và một đĩa xôi mới.

- Sao mày điện cho chị muộn thế?

- Về sớm làm gì? Lại phải mặc áo xô lăn ra đất ngoài nghĩa địa có khổ không? Phải ơn thằng này chứ lị.

- Mày như thế rồi sẽ sống sao đây?

- Như anh già, như chị già nhà này. Anh già dạo này có phở trên phố, đi suốt đêm. Bà nằm im biết mà đố nói được. Chị già thì một tủ váy hàng thùng, lên mà xem. Mở ra mốc bay ngạt mũi, hôi như hố xí. Mỗi tối một kiểu. Phơi phới tung tăng, bà đã chầu giời càng tha hồ tung tóe.

- Mày không đi làm lấy gì mà ăn?

- Móc túi anh già. Dạo này trúng đậm, dính được vào mấy vụ buôn đất công với mấy tay kễnh trên tỉnh, tiền vào như nước, nghe nói mở tài khoản riêng trên tỉnh. Đây biết chi li, đố qua mắt.

- Còn mẹ?

- Chị già có ô che, đánh mấy quả lậu qua thuế vụ bằng nước bọt, sướng không? Không nộp tiền cho đây không xong. Một quả bộc phá tiêu ngay cái lô cốt này rồi vượt biên sang Hồng Kông làm dân tị nạn. Chỉ có chấm phẩy chậm chân đầu óc lại lai láng đạo đức của bà truyền cho mới không có gan ra biển, chứ Thanh Hùng đây chỗ nào cũng có đầu ra lo gì bế tắc?

- Thôi đừng nói nữa!

- Đã chấm phải din rồi giữ nữa cũng phí hoài. Thọt nhưng eo nhỏ ngực dầy vẫn có giá. Lên tỉnh phá quả đầu lấy nửa que làm vốn cứ thế tiến lên...

Na chưa ngẩng đầu lên đã thấy như trong phim chưởng, thằng Roi bay vèo qua cửa rồi đập đầu vào thềm xi măng ngoài sân. Anh Thắng ném luôn cái bếp dầu đang sửa dở vào trúng lưng thằng Roi.

Mẹ Na gào như cháy nhà:

- Nhà đang có tang già giờ lại muốn tang trẻ hay sao? Thằng Thắng phản phúc kia, mày có thấy mày làm gì đây không?

Bố Na xắn tay áo, cầm dao bầu. Những người đến ăn đám xông vào can gián, ồn như chợ. Anh Thắng đứng giữa cửa:

- Con nói cho cậu mợ biết. Con đi tù con cũng phải đấm vỡ mõm nó. Nó là quỉ chứ không phải là người.

Na không chạy lại phía thằng Roi. Na đứng ngăn anh với bố mẹ đang bốc hỏa. Na che chở anh bằng thân thể yếu ớt như cây vải vồng trong vườn. Nhưng thằng Roi đã lừ đừ đứng dậy. Mặt nó đỏ lòm máu. Như trong mọi cuộc, máu làm không khí đông cứng lại như xi măng. Thằng Roi chùi máu vào tay áo, trông nó xiêu vẹo, yếu ớt. Na rất muốn xem những thằng như thằng Roi, những con quỉ không còn

nhân tính khi phải đổ máu, phải yếu đuối thì trông như thế nào?

Thằng Roi chỉ mặt anh Thắng:

- Khôn thì biến. Đây không có "sức mạnh của người lính" như đó. Nhưng đây có răng cắn trộm. Đây không ra mặt, đây sẽ lựa thời cơ mà xốc tới. Hiểu chưa?

Thôi xê ra, đừng ca cải lương nữa mẹ già. Thằng này chưa chết đâu, còn sống để mà hận đời. Đưa nắm bông đây!

Bà mới mất ba ngày. Còn bà, tối bố phải về đúng giờ. Mẹ ăn cơm phải thưa: con mời bà, dù thưa xong còn dài đuôi mắt nguýt, bà cũng biết nhưng cho qua. Thằng Roi bán xe máy lấy tiền đi hát karaoke cũng phải lén lút, về nhà ngậm miệng vì nó biết ngôn ngữ của nó không còn bình thường chút nào. Vườn không còn thì bà không tưới rau, bà tỉ mẩn làm thuốc. Có hôm bà phơi nong thuốc, thằng Roi bỏ vào giữa nong một cục cứt bò khô, bà cũng chỉ bảo: thằng đó nó bệnh, khó chữa được, để rồi người đời sẽ chữa cho nó. Khi anh Thắng đi bộ đội, bà bảo: vào quân ngũ là tốt con ạ. Nó rối ren ở đâu chứ trong quân ngũ người ta vẫn còn biết sợ. Khi người ta biết sợ thì mọi chuyện vẫn ngăn nắp.

Na đi học sư phạm cũng do bà bảo: chỗ ấy nghe nói bụi bậm cũng tràn vào rồi. Nhưng vẫn còn được, nó hợp với con.

Bà ngồi một chỗ mà biết mọi chuyện. Dạo sau này bà ít nói chuyện với bố mẹ. Nhất là từ khi bố buôn đất thu tiền, ăn diện như con cào cào phố huyện, mẹ đi buôn, tối đánh váy hàng thùng, đánh mắt xanh đi chơi bạc trên phố. Bà lắc đầu chép miệng. Khổ thân bà. Đời sống nhơ nhớp nó cứ chồm qua mái đầu bạc, nó hoành hành bất chấp đạo lý. Bà còn ai ngoài Na, ngoài anh Thắng.

Bây giờ anh Thắng đang thu dọn nốt mấy thứ quần áo. Thằng Roi nằm trên giường. Mẹ ngồi dạng chân trong ghế: tao là con ngựa con lừa suốt đời thồ hàng cõng cả đống chúng nó lên lưng. Nó mọc lông mọc cánh là nó phản. Hôm nay mà có tang trẻ ở nhà này thì tao phá nhà tao tếch.

- Thôi mẹ ơi, em nó không làm sao đâu?

- Mày què nhưng cái đầu mày cứng như gỗ lim. Tao bảo nhiều lần rồi, vất mẹ cái nghề giẻ rách đó đi lên phố trông hàng cho tao mày không thèm. Mày nhiễm cái lý cua rúc trong bùn của "thế hệ già," mày chui lên rừng lên núi cho muỗi đốt. Đừng có về mà báo hại tao khi ốm đau quặt quẹo. Thân lừa ưa cõng cối.

Anh Thắng đeo ba lô ra đến sân, anh ngoái nhìn cái hộp xi măng. Bố Na đã hết hậm hẹ. Cả bố cả mẹ quay nhìn đi chỗ khác. Làm như trên đời này không có anh Thắng, thằng cháu kiêm thằng ở, đã

như trâu ngựa trong cái nhà này mấy năm nay bây giờ đang bỏ đi không một lời chào hỏi.

- Em thấy phải. Anh cho thằng Roi một đá như thế là còn nương tay lắm.

- Chứ anh biết làm sao trong tình thế ấy?

Ôi, bà ơi! Hai anh em cùng thốt lên và cùng quay lại nhìn. Bên phải khu làng đang bê tông hóa là một cồn đất rộng nổi lên giữa cánh đồng. Từ bao năm rồi ở đây mọc lên toàn cây gạo. Nghe đồn cây gạo nhiều ma nên những dao những búa chưa đụng tới rừng cây gạo. Cái miếu thờ một vị thần có công trồng những cây gạo, nhỏ tí và rêu phong ở giữa cồn lúc nào cũng có hương, có bát hoa. Mùa hoa gạo nở, khu cồn đất rực lên như cả một đám lửa giữa cánh đồng, đẹp đến mức làm tim Na cứ như bị dồn nén vào những tiếng nức nở. Dạo đó Na còn bé. Hai bà cháu thường dắt tay nhau đi men theo mấy đám ruộng trồng cây cải cúc làm giống, cũng vàng rực những hoa. Mái tóc bà như đám mây trắng giữa màu vàng và màu đỏ. Bà thắp hương cúi đầu trước ngôi miếu nhỏ còn Na tha thẩn nhặt hoa gạo rụng. Chim chóc làm tổ xao xác bay lên. Cái cồn đất nhỏ lúc nào cũng như bí ẩn giữa thế giới đầy tiếng ồn xe tải chở vôi cát về biến cái làng thành đống xi măng. Một năm trở lại đây người ta bắt đầu tiến công vào cồn cây gạo. Chặt cành làm củi đã đành. Còn cày xới tan hoang dưới đất để tìm của. Nghe nói hồi cách mạng có dân tản cư về đây chôn giấu vàng bạc gì đó. Chả biết lời đồn đó từ đâu ra nhưng làm cả làng như hóa dại. Nghe nói cả nhà thằng Cuông chết vì nghi nhau đào được của. Thằng Cuông tưới xăng đốt cả nhà rồi chạy biến. Nói như thằng Roi, chắc chạy đi Hồng Kông xin suất tị nạn, nhưng đi giữa đường bỏ xác ở biển. Người ta báo về như vậy.

- Ôi, bà ơi! - Hai anh em vẫn đứng nhìn về phía cồn cây gạo. Anh Thắng bảo: tháng trước người nước ngoài cắm mốc khu đất kia rồi, cả cồn cây gạo!

- Sao họ cứ cắm hết chỗ này tới chỗ kia thế?

- Tiền mà em. Nghe nói họ sẽ làm nhà máy lắp ráp xe máy. Rồi tha hồ xe máy mà đi. Bà tiếc rừng cây gạo. Có hôm bà bảo anh: có khi bà đi theo mấy cây gạo. Rồi bà đi thật.

Chuyến tàu tối còn nửa tiếng nữa. Hai anh em đứng trên sân ga. Lần đầu tiên Na thấy anh Thắng có vẻ bồn chồn. Anh đeo ba lô đi đi lại lại trong khi Na ngồi trên cái ghế xi măng để gần đường tàu. Na muốn khóc. Vắng bà, xa anh Thắng, Na loay hoay thế nào với cái chân khập khễnh.

- Chỗ em làm việc ra sao?

- Ừ. Như thế rồi cũng chả khác gì chiến trận. Rồi trẻ con ở đấy cũng chả học hành gì nữa đâu.

- Em không về trông hàng cho mẹ đâu.

- Đừng về trông hàng cho mẹ. Em cứ đi dạy học. Để rồi anh tính.

- Anh tính sao được? Anh nhập ngũ, lại sắp ra đảo.

- Anh đi hai năm. Nhưng anh sẽ viết thư, anh sẽ về phép. Anh không quay lại nhà nữa đâu. Bà mất rồi.

- Bây giờ có khác gì chiến tranh. Đi ra ngoài em cũng thấy sợ, như là sợ thằng Roi.

- Đừng sợ!

Anh Thắng nói như vậy, như là bảo rằng có anh thì chẳng có gì đáng sợ. Na bắt tay anh khi tàu đến. Một chút bâng khuâng. Một chút hy vọng. Na hiểu rằng Na có chỗ dựa.

Hôm sau Na cũng mang túi quần áo trở lại trường. Trong chiếc túi xách tay, cô gái tật nguyền tìm thấy mấy dòng chữ viết vội. Những dòng hẹn hò đầu tiên, những dòng thư của anh Thắng.

Thằng Roi đã ngồi dậy. Nó giật lấy bức thư: anh em họ bắn đại bác tầm xa mới tới. Đẻ con rồi chấm phẩy, đấy rồi xem. Có khi anh già chị già nhà này cũng họ hàng máu loãng nên đẻ ra chấm phẩy, hả?

Na xót xa nhìn cái mặt nhơn nhơn của thằng em ruột. Bây giờ có nhiều đứa bỗng dưng như không còn tính người như thằng Roi. Nhưng chả lẽ lại bảo đó là tính thú vật. Con vật nó có độc ác như thế không?

- Mày liệu hồn đấy, đời còn dài em ơi!

- Bà chị ơi, em cần gì cái mảnh đời em? Cụ đại đã mất, chả còn ai xót em đâu. Anh già chị già thì chỉ xót tiền thôi.

- Ít nhất còn có chị!

Na lặng lẽ nói và nước mắt như muốn trào ra. Hóa ra thằng Roi cũng có nỗi niềm.

Na thắp hương cho bà, lạy bà rồi đi. Cồn cây gạo đã tan hoang cũng sắp được bê tông hóa. Khi đó từng dòng xe máy sẽ từ đây túa ra, ầm ĩ nhặng xị. Liệu bà có còn được tĩnh tâm ở thế giới bên kia?

LÊ MINH

ĐỖ VINH
hoài niệm tuổi trẻ

seattle, nơi tuổi trẻ tôi chết đi
theo những cơn mưa tan tác tàn.
những đường phố
ngập tràn bóng ma—
broadway, jackson, rainier vista.
làn sương phủ như chiếc khăn tang.
những bãi tha ma rùng rợn,
vùi chôn bao nhiêu mộng đẹp
chết đâm, chết đập, chết ngộp đuối
trong bầu không gian xám xịt
oằn oại nằm.
seattle, thành phố trăm năm
của những linh hồn tự phế diệt.
của tượng đồng xanh rêu cứt chim
thầm nguyện trăn trối:
"tôi sẽ không hề giao tranh nữa,
từ nơi mặt trời lặng tôi thề."
sựng đứng như tôtem,
cuồng quay trong cơn say của nấm,
trong bộ lông của đại bàng
gãy cánh rụng rơi. rồi.
đời tôi sẽ không thể trở về
để chết thêm nhiều lần thế nữa?
seattle, nơi tuổi trẻ tôi tự sát
và cuộc đời còn lại chỉ là
một chuỗi dài hỏng hư ảo ảnh.

ĐỖ VINH

Lời của Tù trưởng Chief Joseph:
"From where the sun now sets, I will fight no more..."
Thề thốt sau khi thất trận lần cuối với giặc xâm lăng da trắng.



ĐINH LINH
“!”

Trên báo Công Nhân ngày 10 tháng 10 năm 2000, có một bản tin gây tò mò về một bác sĩ giả. Một ả Ngô Thị Nghê nào đó đã thực hành y khoa trong mười năm với một mảnh bằng giả, mà ả đoạt được, người ta đoán, bằng việc sát hại ngay chính khổ chủ của mảnh bằng đó. Ả này có đầy đủ trang thiết bị y khoa, một bộ áo choàng trắng, ống nghe, bô ỉa, ống chích, một đống thuốc, nhưng tuyệt đối không có kiến thức y khoa trường học. Thậm chí ả này chưa học hết lớp 8. Tuy vậy, tỷ lệ tử vong của các bệnh nhân ả, so với những bác sĩ khác, không cao hơn, và ả còn được biện hộ bằng chính vài bệnh nhân, sau khi chuyện bị phanh phui, về việc cứu mạng sống của họ. “Một vị bác sĩ nhân ái,” một lão già đã nói như vậy.

Có quá nhiều chuyện lừa bịp thời nay đến nỗi chuyện giả mạo trên đây chẳng gây chú ý đặc biệt nào. Ngày nào cũng có những bài tường thuật chuyện luật sư giả, kiến trúc sư giả, giáo sư giả, và những nhà chính trị giả làm ăn không giấy phép. Trường hợp đáng chú ý nhất gần đây, tuy vậy, là trường hợp Hồ Mười, người đã bị buộc tội làm thầy dậy Anh văn dỏm. Sau khi thu nhặt kỹ lưỡng từ nhiều nguồn báo chí, tôi có thể xếp đặt lại câu chuyện như sau:

Hồ Mười sinh năm 1952 ở làng Kỳ Đổng. Gia đình hắn sống

bằng nghề làm pháo cho đến khi pháo bị cấm vì chiến tranh. Chẳng bao lâu sau đó bố hắn trở nên nghiện rượu rồi bỏ nhà ra đi. Mặc dù lúc đó Hồ Mười chỉ lên sáu, hắn đã đủ trí khôn để thề rằng sẽ không bao giờ nhắc đến tên bố hắn nữa. Mẹ hắn nuôi năm đứa con bằng nghề gánh nước và gánh phân bắc ban đêm, một nghề cực nhọc gãy lưng đã làm bà ta lùn đi mất vài phân. Thỉnh thoảng bà cũng làm bánh khúc để bán trong những ngày hội.

Làng Kỳ Đổng nổi tiếng vì ngày hội mồng năm tháng giêng, tưởng niệm một vị tướng truyền thuyết của một vị vua thần thoại chống lại một kẻ thù có thực cách đây hai ngàn năm. Ngày hội bao gồm trò bắt vịt, trò đấu vật cho con trai, một cuộc thi làm bánh khúc cho con gái, và, cho đến khi bị cấm đoán bởi chiến tranh, một cuộc rước pháo.

Những người từng chứng kiến cuộc rước pháo mô tả một quang cảnh trong đó con trai, con gái, và những tên bóng múa may những hình nộm thú vật và dương vật treo trên cọc tre, giữa đám khói và tiếng nổ đinh tai của hàng triệu viên pháo.

Nhưng niềm vui hội hè chỉ đến mỗi năm một lần. Thời gian còn lại suốt năm, người ta phải đương đầu với nỗi buồn chán và lo lắng của đời sống thường nhật. Hầu hết thanh niên bị động viên vào bộ đội, bị gởi đi xa và chẳng bao giờ trở về làng. Nhưng chiến tranh chưa bao giờ trực tiếp đến làng Kỳ Đổng.

Khi Hồ Mười lên 10, mẹ hắn cho hắn đến trường. Hắn rất chậm nên phải mất một năm mới học xong bằng chữ cái. Hắn chẳng bao giờ làm được toán cộng trừ. Tệ nhất là môn địa lý. Chẳng thể nào thuyết phục nổi hắn là có hàng trăm quốc gia trên thế giới, mỗi nước với một ngôn ngữ khác nhau. Mỗi một từ trong vốn ngôn ngữ của hắn là một chân lý, đến nỗi hắn nghĩ sẽ là một tội ác chống lại tự nhiên nếu gọi một con bò hay một con chim bằng một tên gì khác.

Thầy giáo của Hồ Mười là một nhân vật rất phức tạp gốc Hà Nội. Người duy nhất trong vòng bán kính năm mươi dặm từng đọc báo hoặc sở hữu một cuốn sách. Người thậm chí tự coi mình là một nhà thơ trong lúc nhàn rỗi. Y không lấy làm phiền chuyện phải dạy giỗ một lũ ngốc trong làng, vì chính việc này đã tránh cho y bom mìn mà những người cùng trang lứa phải đương đầu. Buổi tối y thường đọc tiểu thuyết Nga trong căn phòng tù mù. Y thấp lùn, gầy gò, và có thói quen nhắm nghiền mắt lại, mỏ chu ra mỗi khi tập trung tư tưởng. Nhưng cũng lạ là y chẳng hấp dẫn nổi bất cứ cô gái nào trong cái làng hầu như vắng hẳn thanh niên này.

Mỗi khi cảm thấy bực mình với học trò, người thầy giáo này

thường phát ra một tiếng kêu "!" mà chẳng ai hiểu ý nghĩa hay là thứ tiếng gì, nên nó luôn bị bỏ qua như một cái nhảy mũi hay hắng giọng.

Lúc lên 12 tuổi, chuyện sau đây xảy ra đã thay đổi đường hướng cuộc đời của Hồ Mươi. Hắn đang trên đường từ trường về nhà thì trông thấy một đám đông vây quanh ba người đàn ông cao ít nhất hai cái đầu hơn người bình thường. Những người đàn ông này có nước da hồng hào, gần như đỏ, và tóc thì màu cam sáng hoặc màu vàng trắng. Họ thân thiện đến mức cho phép mọi người kéo cả những chùm lông rậm rạp trên cánh tay. "Thật là những sinh vật tuyệt vời," Hồ Mười nghĩ thầm trong khi nhìn chăm chăm vào họ. Một trong những người đàn ông thấy Hồ Mười và bắt đầu nói một điều gì đó. Những tiếng nói nhanh, gần như nguyền rủa, nhưng người đàn ông mỉm cười trong khi nói. Mọi con mắt đều đổ dồn vào Hồ Mười. Vài người bắt đầu phá lên cười và hắn cũng muốn cười với họ nhưng không được. Bỗng nhiên mặt hắn đỏ lên và hắn cảm thấy một niềm căm ghét đối với những người nước ngoài này Nếu có một khẩu súng thì hắn đã bắn những tên này rồi. Không nghĩ ngợi gì cả, hắn phun ra tiếng "!" rồi bỏ chạy.

Về đến nhà rồi mà tim Hồ Mười vẫn còn đập mạnh. Cảm giác khích động của việc phát ra cái từ kỳ diệu đó, một từ mà hắn không biết ý nghĩa, tràn ngập tâm hồn hắn. Hắn cũng nhớ lại cái nhìn kinh ngạc trên khuôn mặt người đàn ông khi từ ấy thoát ra khỏi miệng hắn. Hắn lập lại "!" vài lần và mỗi lần đều cảm thấy sức mạnh của từ đó.

Nhiều năm sau Hồ Mười vẫn còn nghĩ về vụ này Hắn nhớ lại là hắn đã bị chọc giận bởi một tràng tiếng nước ngoài, rồi hắn cũng có một từ nước ngoài để mà trả đũa. Trong đầu hắn, tiếng nước ngoài trở nên đồng nghĩa với một quyền lực khủng khiếp. Hắn không bao giờ suy ra rằng chính ngôn ngữ của hắn cũng là một ngoại ngữ đối với một người ngoại quốc.

Chuyện xảy ra cũng biến Hồ Mười thành một nhân vật tiếng tăm. Người trong làng nhắc lại với niềm hãnh diện chuyện một người trong chính bọn họ, một đứa trẻ mười hai tuổi, đã "dám đương đầu với người nước ngoài," mắng thẳng vào mặt tên đó bằng chính ngôn ngữ của hắn. Nhiều người ngạc nhiên vì óc thông minh của đứa trẻ biết thốt ra một câu ngoại ngữ. Họ thậm chí đề nghị tay thầy giáo dậy cho "cậu bé thần đồng" toàn bộ những từ nước ngoài trong những cuốn tiểu thuyết Nga của y.

Người thầy giáo chẳng bao giờ có thời gian làm điều này. Y bị động viên vào bộ đội chẳng bao lâu sau đó, đi Nam, rồi không bao giờ còn được nghe nói tới nữa. Về phần Hồ Mười, hắn đã đi đến một sự tự tin rằng, nếu có cơ hội, hắn có thể học một cách nhanh chóng bất cứ

ngoại ngữ nào. Một cơ hội như vậy đã đến với Hồ Mười sau khi chính hắn bị động viên vào bộ đội.

Tiểu đoàn của hắn đóng quân ở cao nguyên Trung phần, dọc dãy Trường Sơn, bảo vệ đường tiếp vận. Họ ít khi chạm mặt kẻ thù, nhưng nếu có đụng trận, bao giờ Hồ Mười cũng lẩn trốn thảm hại. Hắn thường co rúm lại và phải bị đá đít vào trận, đúng theo nghĩa đen. Nhưng điều mà các đồng chí của hắn cho là hèn nhát thật sự không phải là sự sợ hãi đau đớn thể xác, mà là nỗi kinh hoàng hắn sẽ không có cơ hội hoàn tất thiên mệnh của hắn.

Chiến tranh là một sự bỉ ổi, Hồ Mười nghĩ, không phải vì chiến tranh cướp đi hàng ngàn sinh mạng mỗi ngày, già, trẻ, và những kẻ chưa kịp ra đời, nhưng bởi vì chiến tranh có thể kết liễu những kẻ sinh ra với một thiên mệnh như hắn. Mặt khác hắn hiểu rằng chiến tranh cũng đem lại những bài học cho kẻ sống sót. Chiến tranh là trường đại học của người lao động. Nhận thức như vậy, hắn cảm thấy gần như là biết ơn.

Hồ Mười có một niềm mê tín (hay cảm hứng) rằng nếu chiến tranh tiêu trừ một cuốn sách khỏi mặt đất, đó sẽ là một mất mát còn to lớn hơn cả việc phí phạm hàng ngàn nhân mạng. Giá trị của một xã hội được đo bằng số lượng sách mà xã hội đó sản xuất ra. Một niềm tin như vậy, từ một con người chưa bao giờ đọc một cuốn sách. Hồ Mười đã trông thấy quá ít sách, hắn không phân biệt được giữa cuốn này với cuốn kia; chúng đều bình đẳng như nhau trong đầu óc hắn. Hắn chẳng hề ngờ rằng chiến tranh chính là một động lực chủ yếu của sách. Chiến tranh là trường đại học của kẻ sĩ.

Vào khoảng năm 1970 hay 1971, sau một cuộc đụng độ ngắn ngủi, đơn vị hắn bắt được một lính Mỹ và giữ tên này trong khoảng ba mươi ngày. Tên tù binh bị giải đi cùng với tiểu đoàn của Hồ Mười cho đến khi ngã bệnh rồi chết (tên này không bị thương nặng gì cả). Người tù binh này được cung cấp cùng khẩu phần tục phàm như những người khác nhưng thức ăn không hạp với y. Một lần họ còn cho y ăn thêm phần thịt đười ươi đỏ, nghĩ rằng thức ăn này sẽ làm cho y hồi phục.

Lúc người tù binh rơi vào cơn mê sảng, mặt y tái nhợt đi nhưng mắt long lên. Y nói lảm nhảm hàng giờ liền. Chẳng có ai chú ý đến y ngoại trừ Hồ Mười. Trong cuốn sổ tay nhỏ xíu hắn cố gắng ghi lại càng nhiều càng tốt tất cả những lời lảm nhảm của tên tù binh. Những ghi chú ký âm này trở thành tài liệu cho những bài học Anh ngữ của Hồ Mười sau chiến tranh. Tôi đã nhìn thấy những trang sổ tay này, đầy dẫy những câu chạy suốt từ góc này đến góc kia. Đây là một câu tiêu

biểu: *"hoo he hoo ah utta ma nut m pap m home."*

Cuốn sổ tay cũng đầy những phác họa chân dung người Mỹ. Mỗi chân dung được dùng như một minh họa cho ý nghĩa của những từ chi chít xung quanh đó. Nhưng tài nghệ họa sĩ của Hồ Mười quá tồi nên khuôn mặt hắn phác họa bao giờ cũng như nhau, khuôn mặt của một người đàn ông trẻ, thậm chí như bất cứ ai, đã hoàn toàn mất liên lạc với thế giới bên ngoài.

Hồ Mười hy vọng đơn vị hắn sẽ bắt được ít nhất một lính Mỹ nữa để hắn tiếp tục bài học Anh văn, nhưng tiếc thay, người này đã không hiện hữu.

Mặc dù toàn bộ vốn liếng Anh ngữ của Hồ Mười chỉ gồm trong một cuốn sổ tay, Hồ Mười vẫn không nản chí. Người tù binh Mỹ chắc chắn đã phải dùng tất cả những từ ngữ trong ngôn ngữ mẹ đẻ của y, hắn lý lẽ, trong những đêm mê sảng đó. Còn những từ nào chưa biết thì sẽ được diễn dịch ra từ những từ đã biết.

Từ ngữ cũng như những con số vậy, hắn suy diễn, một hệ thống khép kín với một hệ số nhỏ những quy luật tổng quát. Và những từ dàn trải ra trên giấy cũng giống như một bức tranh buồn chán, đơn điệu vậy. Nếu người ta có thể nhìn vào một bức tranh kỳ quặc nhất và sớm muộn gì cũng hiểu được những nguyên tắc bố cục của nó, thì tại sao người ta không thể làm điều tương tự với từ ngữ?

Khởi đầu mọi sự đều có vẻ hỗn loạn, nhưng chẳng có gì hỗn loạn cả. Người ta có thể đọc được mọi điều: những con kiến bò trên mặt đất, mụn trứng cá trên mặt, cây trong rừng. Mọi bề mặt đều có thể được giải mà. Toàn bộ thế giới, nhìn từ máy bay, chỉ là một bề mặt cong oằn.

Người ta có thể tưởng mình đang vẽ một bức tranh trừu tượng, nhưng chẳng có tranh trừu tượng nào, chỉ có những hình thể được (hay bị) trừu tượng hoá. Mỗi mặt phẳng nằm ngang là một phong cảnh bởi vì chúng biểu lộ một chân trời. Mỗi màu sắc đều có những liên hệ chung và cá nhân. Màu đỏ có thể gợi nên sự kinh hoàng trong một nền văn hóa này, hay một hứng khởi trong một nền văn hóa khác, nhưng màu đỏ vẫn là màu đỏ, vẫn là máu. Màu xanh lục luôn gợi đến hình ảnh của cây lá và một chiếc áo dài xanh lục xinh đẹp.

Hồ Mười cũng tin rằng tất cả những gì chế tạo bởi con người đều có thể được sao chép: một chiếc ghế, một khẩu súng, một ngôn ngữ, với điều kiện người ta có vật liệu, như hắn có vật liệu là một cuốn sổ tay với các ghi chú ký âm. Nếu người ta có thể tháo ra rồi lắp lại các bộ phận của một chiếc đồng hồ thì người ta cũng có khả năng chiên xào các ký từ âm thanh thành các món mới, và như vậy rốt cuộc

sẽ tạo nên không chỉ một ngôn ngữ, mà cả một nền văn chương.

Vào thời điểm Hồ Mười bị bắt, hắn đang dạy Anh văn cho vài trăm học sinh từ vỡ lòng cho đến trung, cao cấp, mỗi tuần ba đêm. Suốt hai mươi lăm năm, hắn đã truyền thụ cho các học sinh của hắn hàng triệu từ vựng. Hắn đã kiên nhẫn giải thích cho họ sự rối rắm và không đồng nhất nội tại của văn phạm tiếng Anh. Hắn thậm chí đưa thơ và truyện ngắn bằng tiếng Anh (viết bởi chính hắn và các học sinh lớp cao cấp) cho học sinh đọc. Tuy vậy, lúc bị thẩm vấn tại đồn công an, vị giáo sư Anh văn của chúng ta đã biểu lộ một sự dốt nát ngay cả đối với các kiến thức cơ bản nhất của ngôn ngữ này. Hắn không biết động từ "*to be*" hay "*to do*". Hắn không biết các động từ Anh ngữ có dạng quá khứ. Hắn chưa bao giờ nghe tên Shakespeare và không biết rằng dân Úc Đại Lợi và dân Ăng Lê cũng dùng Anh ngữ.

Trong thứ tiếng Anh chế tạo bởi Hồ Mười, không phải chỉ có năm mà đến hai mươi bốn nguyên âm. Các sắc thái phát âm mới này buộc học sinh phải luyện tập lỗ tai thẩm âm của một nhạc sĩ xuất sắc nhất. Có vô số từ vựng cho "*đau đớn*" và "*tre*" nhưng không hề có một từ tương đương cho "*phô-mát*". Mọi tĩnh từ có thể được dùng như một động từ. "*Tao sẽ nóng mày,*" chẳng hạn như vậy, hay "*Đừng đỏ tao*". Có hàng đống đại từ nhân xưng, mỗi từ dùng một cách chính xác cho từng quan hệ giữa người nói và người nghe, mà ngay cả những học sinh thông minh nhất cũng không thể nắm vững hết được.

Một cách hoàn toàn ngẫu nhiên, một vài từ trong thứ tiếng Anh chế tạo bởi Hồ Mười trùng hợp y chang với tiếng Anh thật. Trong hệ thống của hắn, một con mèo cũng được gọi là mèo; xe máy kéo cũng là xe máy kéo; một bông hồng, có lẽ không tránh khỏi, cũng là một bông hồng.

Một vài sáng chế khá kỳ lạ của hắn bao gồm từ "*cái mền*" để biểu nghĩa một người chồng; "*cái chậu*" để biểu nghĩa một người vợ; "*cây kim dùi*": một đứa con trai; "*cái vòi rỉ*": một đứa con gái.

Sự mê muội của Hồ Mười tuyệt đối đến nỗi, sau khi bi tuyên án hai mươi lăm năm tù vì tội "lừa bịp nhân dân," hắn đã yêu cầu được phép mang vào tù một bộ từ điển Anh ngữ và một bộ từ điển các từ lóng tiếng Anh, hai bộ sách do chính hắn biên soạn, "để được tiếp tục cuộc đời học tập."

Nghe đồn rằng các cựu học trò của hắn đã tụ tập lại với nhau để tiếp tục các lớp học tiếng Anh. Bị công an theo dõi, bọn họ phải nhóm họp ban đêm trong các hầm ngầm dưới đất, thấp bằng đèn dầu. Những âm tiết kỳ lạ này, được mang đi bởi những cơn gió thất thường, quét qua khắp các đồng quê.

Nhưng tại sao bọn họ vẫn tiếp tục? Bạn có thể hỏi. Họ không biết rằng họ đang học một thứ ngôn ngữ sai lạc sao?

Là một ngôn ngữ toàn cầu—trong thời điểm này— tiếng Anh đại diện cho cả thế giới đối với các học sinh này. Những học sinh này cũng biết rằng Việt Nam, trong thời điểm này, không nằm trong thế giới. Bám víu vào một thứ tiếng Anh tuy giả mạo cũng là khẳng quyết cho một thực tại khác.

Một thứ tiếng Anh dỏm còn hơn không có tiếng Anh nào, và thậm chí còn tốt hơn cả tiếng Anh thật, vì nó chẳng liên hệ với một thực tại Anh hay Mỹ nào.

Hoo he hoo ah utta ma nut m pap m home.

PHAN NHIÊN HẠO
dịch từ nguyên bản tiếng Anh "!"



IAM BUI

phở quê hương

- tặng Ngu Yên, trả lời bài
"Ăn phở tán gẫu với bạn thơ"

thơ tôi dù cay đắng
không bao giờ bi lụy
dùng cay, đắng tôi lột tả niềm vui
dù cay đắng tôi làm đẹp cuộc đời

như hạt tiêu làm thơm thêm nồi phở
dẫu không nhiều
nhưng thiếu thành ra dở

ai ngò, ai tiêu, ai hành, ai mỡ
không ai là không có chỗ
trong tô phở quê hương.
-Jan91

trống đồng

đất lửa ra đồng khói chỉ thiên
bập bùng lên tiết động thủy nguyên
sóng cưỡi mây ngang rồng trên gió
pháo biên chân địa chiến trường yên
-May89

đồng trống

yên trường chiến địa chân biên pháo
gió trên rồng mây ngang cưỡi sóng
nguyên thủy động tiết lên bùng bập
thiên chỉ khói đồng ra lửa đất
-Aug89
IANBUI





THỤY KHUÊ nói chuyện với dịch giả trần thiện đạo

Tạp chí Văn là một bán nguyệt san văn học, phát hành tại Sàigòn từ năm 1964 đến năm 1975. Trong hơn mười năm trời, Văn đã giữ một địa vị khá quan trọng trong sinh hoạt văn học miền Nam, cạnh các tạp chí khác như Bách Khoa, Nghệ Thuật, Hành Trình, Đất Nước v.v...

Bên cạnh bán nguyệt san Văn còn có nguyệt san Văn và nguyệt san Tân Văn, cả hai chuyên về nghiên cứu và phê bình với những cây bút thường xuyên cộng tác như: Tám Ích, Trương Văn Chình, Nguyễn Văn Xuân, Bình Nguyên Lộc, Lê Huy Oanh, Nguyễn Mạnh Côn, Trần Thái Đỉnh, Kim Định, Nguyễn Minh Hoàng, Huỳnh Phan Anh, Châu Hải Kỳ, v.v...

Tạp chí Văn, ngoài phần giới thiệu các tác giả Việt Nam, còn giới thiệu với độc giả một bộ mặt văn học thế giới khá đa diện, qua những số có chủ đề

về các tác giả như: Somerset Maugham, Chekhov, Luigi Pirandello, Shintaro Ishihara, Graham Greene, Richard Wright, John Updike, Hermann Hesse, Bertold Brecht, Miguel Angel Asturias, Tennessee Williams, Boris Pasternak, Marcel Proust, Erskine Caldwell, Hồ Thích, André Gide, Thomas Mann, Evtouchenko, Carson Mc Cullers, Simone de Beauvoir, J.P. Sartre, Albert Camus, Alain Robbe Grillet, Frank Kafka, v.v...

Trần Thiện Đạo (còn có bút hiệu khác là Trần Mai Lan, Mõ Làng Văn -tên chung với nhiều nhà văn khác-) là một trong những cây bút chính của Tạp chí Văn. Ông sinh năm 1933, sang Pháp năm 1950 rồi cư ngụ luôn ở Pháp và ở Anh, với nghề dạy học. Nhưng ông đã tham dự vào sinh hoạt văn hóa trong nước, đặc biệt về dịch thuật và phê bình.

Trần Thiện Đạo ở trong ban chủ biên các tạp chí: Bán nguyệt san Văn, nguyệt san Văn nghiên cứu và phê bình, nguyệt san Tân Văn nghiên cứu và phê bình và cộng tác với các tạp chí Bách Khoa, tuần báo Nghệ Thuật v.v...

- Về dịch thuật, ông đã dịch các tác phẩm lược kể sau đây:

Cậu Hoàng Con (Le petit prince) của Saint Exupéry,

Giao Cảm (Noces) của Albert Camus,

Bề Trái Và Bề Mặt (L'envers et l'endroit) của Albert Camus,

Sa Đọa (La chute) của Albert Camus,

...

Kín Cửa (Huis Clos) của Jean Paul Sartre,

Phấn Đấu Cho Một Nền Tiểu Thuyết Mới (Pour un nouveau roman) của Alain Robbe Grillet,

Im Lặng Của Biển Cả (Le silence de la mer) của Jean Bruller Vercors,

Zadig của Voltaire,

Ao Qủy (La mare au diable) của George Sand,

- Về trước tác, ông có cho in một số sách kỹ thuật về luật bảo hiểm viết bằng tiếng Pháp và một cuốn khảo luận văn học viết bằng tiếng Anh: The stream of consciousness inVirginia Woolf's novels (Độc Thoại Nội

Tâm Trong Tiểu Thuyết Của Virginia Woolf)

Tập sách Tiểu Luận Và Phê Bình vừa in xong, chưa phát hành thì xẩy ra biến cố tháng 4/75. Toàn bộ mất tích.

Những năm gần đây, ông có dịp về nước nhiều lần và biết rõ tình hình dịch thuật hiện nay ở trong nước. Trong buổi nói chuyện đã được truyền thanh trên đài RFI vào tháng 9 vừa qua, dịch giả Trần Thiện Đạo nhắc lại hành trình báo Văn tại Sàigòn trước 75 và tình trạng dịch thuật hiện nay tại Việt Nam. Nhận thấy tầm quan trọng của buổi nói chuyện này, chúng tôi in lại trên Hợp Lưu để gửi đến độc giả.

Tình trạng dịch thuật hiện nay ở trong nước mà Trần Thiện Đạo trình bầy dưới đây, có lẽ cũng là tình trạng chung của các sản phẩm dịch ở ngoài nước mà người đọc thường xuyên bắt gặp trên các tạp chí văn học tại hải ngoại. Do đó, tiếng chuông báo động mà Trần Thiện Đạo gióng lên hôm nay, mong được tiếng vang, không chỉ ở trong giới làm và đọc văn học trong nước mà cả ở ngoài nước.

TK

Thụy Khuê: *Xin cám ơn anh Trần Thiện Đạo đã nhận lời tiếp xúc với thính giả RFI. Thưa anh, trong thời kỳ từ 64 đến 75, mặc dù sống ở Pháp, anh đã có những hoạt động đắc lực cho tờ báo Văn ở Sàigòn. Anh là một trong những cây bút chính. Xin anh nhắc lại sự ra đời và hoạt động của báo Văn.*

TrầnThiện Đạo: Hai người có thẩm quyền hơn tôi để trả lời câu hỏi của Thụy Khuê là Nguyễn Đình Vượng và Trần Phong Giao. Chính họ mới thật sự là rường cột và tâm hồn của bán nguyệt san Văn, của nguyệt san Văn và Tân Văn nghiên cứu và phê bình.

Ở thời buổi mà ai nấy đều chú tâm vào việc hối hả làm tiền, có một người, Nguyễn Đình Vượng, đã dám đầu tư, điều hành và quản lí một tạp chí thuần văn nghệ mà không hề qui lụy bất kể định chế nào. Còn người kia, Trần Phong Giao, đã đổ rất nhiều mồ hôi cải thiện

và hoàn hảo cái trọng trách được giao bấy giờ là làm thư kí tòa soạn, không lệ thuộc bất luận đường hướng và trường phái nào, cũng không nhường bước hạ mình dưới sức ép của bất kì ai.

Chính nhờ thế đứng độc lập đối với chánh quyền và đối với các trào lưu thời thượng, về mặt tài chánh cũng như về mặt nghệ thuật, mà tạp chí Văn đã qui tụ được quanh mình hầu hết nhà văn và trí thức có mặt bấy giờ ở miền Nam. Đầy đủ mọi xu hướng, từ kẻ nằm vùng đến phường vô định. Đầy đủ mọi thế hệ, non-trẻ có, già-dặn có. Đầy đủ mọi trường phái, cổ điển, lãng mạn, hiện thực, hiện sinh và nhiều nữa...

TK: *Người đọc lúc ấy chờ đợi gì ở bán nguyệt san Văn, thưa anh?*

TTĐ: Với mô hình làm văn nói trên, độc lập, cởi mở, tạp chí Văn ra mắt bạn đọc đầu năm 1964, nghĩa là ngay sau ngày chế độ gia đình trị Diệm-Nhu sụp đổ, đúng vào lúc cả tác giả lẫn độc giả thảy đều mong mỏi có một chỗ để viết và đọc tác phẩm chiều hướng khác nhau: họ đã quá ngấy loại văn chương độc tôn, nhạt nhẽo tràn đầy khắp hai nửa đất nước lúc bấy giờ. Tạp chí Văn đã đáp ứng nhu cầu đó một cách tuyệt vời. Không những thâu hút được độc giả và tác giả ngay từ đầu, tạp chí Văn còn được tín nhiệm ngày càng rộng rãi, ngày càng đông. Thành công lâu dài và sâu sắc này xét ra cũng dễ hiểu. Về phía tác giả, bài viết luôn luôn được tôn trọng, không hề bị cắt xén, sửa chữa. Phần khác, chắc ít có tạp chí nào trả nhuận bút mau lẹ và sòng phẳng hơn. Về phía độc giả, Thụy Khuê cứ nghĩ tới con số hai chục ngàn người mua thường xuyên để đoán chừng số người đọc thật sự, chắc ít có tạp chí nào nhiều độc giả hơn.

Trở lên trên, tôi vừa cố gắng thay mặt hai người đáng lẽ phải trực tiếp trả lời câu hỏi của Thụy Khuê, vì họ mới thật sự là người đã chủ trì mọi hoạt động và đưa tạp chí Văn tới chỗ thành công, vừa về mặt thương mãi, vừa về mặt văn chương. Tiếc thay Nguyễn Đình Vượng nay đã thành người thiên cổ, còn Trần Phong Giao thì từ sau biến cố 1975, lại xem chừng ít khi chịu lên tiếng. Tôi đành phải đích thân làm kẻ phát ngôn thay họ.

TK: *Văn có một chủ trương giới thiệu khá cặn kẽ các tác giả lớn của văn học thế giới đến độc giả Việt Nam, qua những số có chủ đề từ Hemingway qua Hermann Hesse đến Simone de Beauvoir chẳng hạn, có phải như vậy không anh?*

TTĐ: Nói chung, đa số độc giả tạp chí Văn thảy đều thuộc thành

phần có trình độ trung học hoặc đại học. Ham đọc, hiếu học và ưa suy nghĩ.

Như đã nói ở trên, họ đã chán ngấy mớ văn chương độc thoại một chiều trong lời ăn tiếng nói cũng như trong í đồ chánh trị. Họ chán ngấy thứ văn chương cần lao nhơn vị ở bên này hay hiện thực xã nghĩa ở bên kia. Vì một lí do hết sức đơn giản là các tác phẩm loại đó ít khi được viết ra -tôi nói viết ra chớ không nói sáng tác- qua trái tim và cảm xúc. Cho nên độc giả bấy giờ sẵn sàng tiếp nhận, nhiều khi với một tấm lòng rộng lượng khôn cùng, mọi khuynh hướng, mọi tiếng nói, mọi lời văn đến từ mọi chưn trời khác nhau, miễn là nó tránh thói nhai đi nhai lại mớ bầy nhầy đã đến thời biết rồi khổ lắm nói mãi chẳng còn ai thèm nghe, thèm đọc nữa.

Í thức được thực thể đó, nên ngay từ số đầu, tạp chí Văn đã tự đặt cho mình cái nhiệm vụ giới thiệu các tác giả lớn ngoại quốc hay Việt Nam, của nền văn học thế giới. Như đại diện cho những chưn trời mới xưa và nay, chớ không phải vì họ là nhà văn ngoại quốc hay Việt Nam.

Tôi muốn nhấn mạnh chỗ tiểu dị quan trọng này với Thụy Khuê, cho mọi sự được sáng tỏ, để xóa bỏ một số ngộ nhận tiềm ẩn ngay trong câu hỏi của Thụy Khuê.

Bởi chủ trương của tạp chí nằm trọn ở í đồ của ban biên tập là dọn đường thế nào cho độc giả của mình nhận thức được tánh chất đa dạng và bản chất đa tạp của nghệ thuật nói chung và của văn học nói riêng. Ngược lại với thứ đường lối độc hành bấy giờ ở hai nửa đất nước.

TK: *Thưa anh, vậy việc làm của báo Văn đã có ảnh hưởng như thế nào đối với độc giả miền Nam lúc bấy giờ?*

TTĐ: Còn về ảnh hưởng của chủ trương này đối với độc giả miền Nam bấy giờ ra sao? Xin Thụy Khuê cho phép tôi kể một câu chuyện thật, xảy ra hơn một phần tư thế kỉ sau thời kì thịnh hành của tạp chí.

Năm 1994, tôi có cái hân hạnh được một tổ chức công đoàn nghiệp vụ Pháp chỉ định đi giảng dạy ở Đại học Tài Chính và Kế Toán Hà Nội. Lớp học gồm có nhiều giáo viên các trường Đại học Hà Nội (38 người), Huế (1 người), Sàigòn (3 người) về dự. Khi tôi được giới thiệu, nghe đến tên tôi, bốn anh chị em Huế và Sàigòn tỏ vẻ lấy làm ngạc nhiên ra mặt, bồn chồn cả một buổi học. Đợi đến khi tan trường, họ mới mon men đến kề bên tôi, chào hỏi rồi ngập ngừng:

- Thầy, thầy, có phải thầy ngày xưa viết cho báo Văn không?

Nhờ tờ Văn do ba má còn giữ tới nay nên chúng em mới hiểu biết chút ít về các trào lưu văn hóa trên thế giới và các nhà văn Việt Nam nổi tiếng trước cách mạng.

Câu chuyện vỏn vẹn có vậy nhưng súc tích biết bao.

Chính một trong những học viên này, năm sau, thư cho tôi hay cuốn Sa Đọa của Albert Camus do tôi giới thiệu, phiên dịch và chú giải, vừa được tái bản, mà tôi không dè.

TK: *Riêng anh, anh nghiêng hẳn về phía giới thiệu và dịch các tác giả hiện sinh như J.P. Sartre, Simone de Beauvoir và Albert Camus. tại sao anh lại lựa chọn như thế?*

TTĐ: Thật tình mà nói, không phải chính tôi đã tích cực chọn trong số tác giả thuộc nhiều trường phái khác nhau, các nhà văn hiện sinh để giới thiệu họ với độc giả Việt Nam. Mọi sự diễn biến phần lớn là do thời thế, còn phần quyết định cá nhơn xét ra rất nhỏ. Tôi không thấy có chút mặc cảm nào thú nhận như vậy, xưa nay ít có anh hùng tạo nên thời thế, mà ngược lại thì nhiều.

Số là bấy giờ triết thuyết hiện sinh xuất hiện như trào lưu văn học thịnh hành một cách có thể bảo là hùng hồn như ở Tây Âu và đặc biệt ở Pháp. Nhờ tài năng nhiều mặt của mấy tác giả Thụy Khuê vừa nhắc tới trong câu hỏi, như Jean Paul Sartre, Albert Camus, Simone de Beauvoir và nhiều nữa. Các nhà văn đó đã đương nhiên chiếm lãnh mọi hoạt động, chi phối mọi lãnh vực báo chí, truyền thông trong hầu hết mọi ngành xã hội, chánh trị, nghệ thuật. Riêng trong địa hạt văn học, đâu đâu cũng thấy bóng dáng của họ: luận thuyết, tiểu thuyết, truyện kể, kịch nói, phim ảnh đến cả thi ca và hội họa. Tôi bị lôi cuốn theo cơn bão văn học đó.

Cụ thể hơn, tôi tình cờ gặp được một dịp may. Đầu hè năm 1964, tôi đi nghỉ ở vùng Provence, miền Nam nước Pháp, đúng vào khoảng thành phố Arles đương tổ chức Hội diễn mùa hè. Thế là tôi đi dự suốt mấy ngày đêm ròng và đặc biệt, dự buổi trình diễn vở kịch nổi tiếng Les Mouches của Jean-Paul Sartre. Ngay sau đó, tôi viết bài tường thuật dưới dạng một bức thư dài gởi cho Trần Phong Giao, đăng liền trên bán nguyệt san Văn.

Bài này được độc giả thích thú, bắt gặp ở đó tiếng nói thân thiết và xác thật của kẻ đã chính mắt mình, tai mình nghe thấy sự việc kể lại, chớ không cóp nhặt trên báo, trên sách.

Từ đó tôi tiếp tục dõi theo con đường đã vạch sẵn, nghiêm chỉnh, trung thực, chánh xác. Để khỏi phụ lòng độc giả và nhứt là, để khỏi phụ lòng chính mình. Và cũng từ đó, tôi bắt tay vào việc giới

thiệu các tác giả hiện sinh bằng chính tác phẩm của họ, nghĩa là vừa giới thiệu, vừa phiên dịch và chú giải tường tận các tác phẩm này. Và phần khác, cũng không bỏ dịp viết tiểu luận và phê bình.

TK: *Tại sao giữa nhiều tác phẩm của Camus, anh lại chọn La Chute (Sa Đọa) để đưa lên báo Văn?*

TTĐ: Có hai lí do khiến tôi phiên dịch cuốn La Chute, Sa Đọa, của Albert Camus. Một, có thể gọi là khách quan. Hai, hoàn toàn chủ quan.

Lí do thứ nhứt, cứ gọi là khách quan. Thời đó người ta đổ xô nhau dịch Albert Camus, liên hồi cuốn này tới cuốn khác, chọn tác phẩm nào xem chừng tưởng bở, dễ chuyển, vừa mau lẹ vừa nhàn nhã.

Còn lại cuốn La Chute. Thật ra cũng có nhiều người nghĩ tới, nhưng cuối cùng lại thôi. Là bởi toàn thể truyện kể được Albert Camus tạo dựng dưới dạng độc thoại, qua cách hành văn quả tình dị biệt, vừa cổ điển, vừa thức thời, lại với một giọng mỉa mai cực cùng chua chát, cay nghiệt. Không có động tác, hay đúng hơn, động tác chỉ được nhắc xuyên qua độc thoại.

Khó bề chuyển được thứ văn thể điêu luyện, nhịp nhàng, hạp lí trong đường nét, dáng điệu, nên nhiều dịch giả đã chùn bước. Riêng tôi thì ngược lại, chính chỗ khó đó lại là động cơ thúc đẩy tôi tiến hành công việc phiên dịch. Cẩn thận, thấu đáo, chú trọng từng cách phát biểu, từng lối dùng chữ, từng ẩn í không phải lúc nào cũng hiện lộ rành rành.

Lí do thứ hai hết sức chủ quan. Hồi đó, vừa thành đạt xong, tôi đệ đơn xin về nước. Nhưng chánh quyền Sàigòn lấy cớ «ông là cộng sản» (nguyên văn) không cho. Tôi đành lập nghiệp luôn bên Pháp.

Để gián tiếp đối đáp lại quyết định độc đoán và ngu xuẩn đó, ngu xuẩn ở chỗ một mực cứ xem ai không ủng hộ mình là thù, là địch, tôi bèn ra công phiên dịch truyện kể La Chute, trình bày một nhơn vật mập mờ không rõ nét biểu hiện cho con người của thời đại chúng ta. Một con người hoàn toàn khác hẳn với con người đơn phương một chiều do chủ nghĩa nhị nguyên tạo ra với một bên là cái Ác, một bên là cái Thiện, một bên là Thù, một bên là Bạn, dẫn tới bao nhiêu tội ác tầy đình qua những vụ án giả tạo.

TK:*Anh có một cách dịch vô cùng cẩn thận. Xin anh cho biết phương pháp làm việc của anh.*

TTĐ: Phương cách làm việc của tôi, tôi vừa nói rõ trên đây. Bây giờ xin chỉ đơn cử một thí dụ điển hình. Trong cuốn La Chute

có một trang miêu tả cảnh trí vừa nhợt nhạt vừa sanh động của vòm trời vào buổi chiều hôm ở bờ biển Hòa Lan. Để thực hiện một cách chánh xác trang dịch, tôi đã đích thân đến tận nơi, vào đúng thời gian chỉ định, quan sát và cảm thông vòm trời đó, rồi mới bắt tay vào việc, chuyển ngữ sao cho phù hạp, vậy thôi.

TK: *Gần đây anh đã về nước nhiều lần và anh cũng đã có dịp tiếp xúc với giới làm văn học trong nước. Vậy, thưa anh, có phải là hiện giờ ở trong nước đang có một nhu cầu dịch thuật và giới thiệu các tác giả nước ngoài như ở Sàigòn trước đây?*

TTĐ: Xin Thụy Khuê cho phép tôi mở đầu câu trả lời này bằng một câu chuyện thật, xảy ra mới gần đây. Ngay liền sau ngày đáp xuống Nội Bài cuối tháng ba vừa qua, tôi có cái hân hạnh được mấy anh em đồng điệu mến mộ đón mời. Nếu không thật tình mến mộ, thì cũng với tánh cách hiếu kì, trò chuyện với một kẻ nghe nói một thời đã vẽ viết, dịch thuật ở miền Nam trước 1975 và nay thường trú tận trời Tây?.

Trong buổi trà dư tửu hậu này, một nhà phê bình tên tuổi đương đại bỗng ghé vô tai tôi:

- Tôi biết anh gần ba chục năm rồi.

Tôi lấy làm ngạc nhiên hết sức. Sao anh lại biết tôi gần ba chục năm rồi, khi mà anh ở phương Đông, tôi ở phương Đoài, cách nhau ngàn vạn dặm. Sao anh lại biết tôi gần ba chục năm rồi khi anh chưa hề đặt chưn lên đất Pháp, còn tôi thì chỉ mới được phép về thăm quê hương sáu năm trở lại đây. Thật là lạ lùng!

Nhận thấy tôi sửng sốt ra mặt, anh bèn kể:

Vào khoảng năm 1971-1972, tôi theo bộ đội vượt ranh đóng quân vùng Quảng Trị. Vớ được một số sách báo xuất bản ở Sàigòn, tôi đọc ngốn đọc nghiến nhiều bài và mấy bản dịch của anh. Chẳng hạn như bài nhan là ..., đăng trên tờ VĂN số..., ra ngày ...,tường thuật buổi tranh luận giữa các nhà văn Pháp về thế lực của văn nghệ, kèm theo bản dịch mấy bài tham luận.

Trời ơi, sao mà anh nhớ dai quá vậy, trong khi tôi, chính là tác giả và dịch giả, bây giờ cũng đành chịu. Tôi chợt hiểu; thời đó, anh đói, không đói cơm đói áo, mà đói một thứ gì khác. Bỗng dưng bắt được món ăn tinh thần mới lạ nên anh ngon miệng nhớ dai là phải, chớ đâu nhứt thiết nhờ ở chất lượng tiềm ẩn trong mấy bài viết kia.

Tôi kể cho Thụy Khuê nghe câu chuyện trên chính là để minh họa tình trạng hiện thời: cái nhu cầu dịch thuật và giới thiệu các tác giả nước ngoài vẫn cần kíp như trước kia.

Tiếp xúc với các nhà phát hành và với giới làm văn trong nước, tôi được dịp nhận thấy rõ rệt cái nhu cầu bức bách đó. Nói một cách rành rọt hơn, nó bây giờ đói hỏi ta chú trọng không phải tới bất luận nền văn học nước ngoài nào mà phải trước hết và đặc biệt là tới mảng văn học các nước phương Tây tư bản, và tới những tác giả các nước Đông Âu bị cấm kị thời các nước này lụy thuộc khối gọi là xã nghĩa.

TK: *Thưa anh, công việc dịch thuật hiện nay ở trong nước, đang ở trong một tình trạng như thế nào?*

TTĐ: Trên thực tế, cứ theo tầm nhìn tất nhiên là phiến diện của tôi, vì không đủ thời gian mà cũng thiếu phương tiện tra cứu kĩ càng, thì cho đến nay vẫn chưa thấy có ai vừa vạch ra, vừa thực thi một phương trình phiên dịch và giới thiệu văn học nước ngoài một cách có hệ thống và có kế hoạch. Kể cả các nhà xuất bản, kể cả hội đồng biên tập tạp chí Văn Học Nước Ngoài -tôi nói hội đồng biên tập chớ không nói từng thành viên. Ngoại trừ vài ba nỗ lực hoàn toàn cá nhơn như Đoàn Tử Huyến, như Phạm Xuân Nguyên, như Nguyên Ngọc chẳng hạn. Tiện đây xin được gởi tới họ đôi lời chào hỏi, tán đồng. Nói cách khác, ngoại trừ vài ba nỗ lực cá nhơn vừa kể, thì mạnh ai nấy làm, gặp đâu hay đó. Cuối cùng là được sao hay vậy, và lấy có mà thôi.

Tình trạng này dẫn tới hậu quả hết sức đáng ngại, là số sách dịch hóa ra tạp nhạp, hẩu lốn, bề bộn; cái đứng đắn, cẩn thận thì ít, cái bậy bạ, cẩu thả thì nhiều; khiến cho phần lớn độc giả chẳng còn biết đâu mà lần, mà lựa. Rồi gặp khi vớ phải một bản dịch tầm phào, thì lại đinh ninh rằng văn học nước ngoài té ra chẳng có gì tuyệt hảo cả mà còn trục trặc, khó hiểu, dở ẹc nữa, hơi sức đâu mà đọc, tiền của đâu mà phí phạm thêm.

Lạ lắm, Thụy Khuê ơi, hơn hai ba mươi năm trước, tôi đã chứng kiến cái tình trạng đáng buồn này ở Sàigòn, nay lại nhìn thấy nó y hệt như cũ lần nữa ở Hà Nội. Ai dám bảo lịch sử không bao giờ tái diễn?

Khoan nói tới những lối dịch cẩu thả, kém cỏi. Thụy Khuê muốn tôi sẽ nêu ra sau đây vài ba thí dụ điển hình, trích dẫn từ hàng chục mẫu đã ghi trong thẻ. Hãy nghĩ đến trước hết những cố gắng của một số dịch giả tuổi nghề đã già dặn, vốn liếng ngoại ngữ cũng đã đầy đủ. Vì thật ra là họ có rất nhiều tiềm năng và có nhiều dư luận tốt đối với họ. Tiếc thay họ lại không vận dụng tiềm năng và dư luận tốt này để hoàn hảo công trình dịch thuật nhắm vào tác phẩm của tác giả vừa với tầm sức hiểu biết và cảm nhận của mình. Tôi bái phục họ sát đất,

khi họ dám phiêu lưu phiên dịch các tác phẩm nổi tiếng của các tác giả nổi tiếng vì khía cạnh bí hiểm, ít ai hiểu nổi, kể cả độc giả bản quốc nói chi tới độc giả Việt Nam. Thí dụ trong nền văn học Pháp hiện đại, loại thi ca của Yves Bonnefoy, tiểu thuyết của Claude Simon, loại luận thuyết của Roland Barthes và nhiều nữa.

Trên nguyên tắc, chẳng có gì khiến ta phải phàn nàn, trái lại là đằng khác. Ngặt một nỗi là phần lớn cái bí hiểm, cái khó hiểu, lại được hay bị họ nhơn lên mười mươi lần trong bản tiếng Việt. Và đó là không nhắc tới những sơ hở, thiếu sót và sai lầm dễ thấy. Vì sao?

Một phần, vì dịch giả quá câu nệ đối với nguyên tác, quá nô lệ cách phát biểu ngoại quốc, không dám xé rào chút mảy may nào. Nhứt là không nhận thức được rằng cứ cặm cụi cúi đầu làm tôi đòi như vậy, thành ra mình hết còn là mình, câu văn dịch bị tước hết quốc túy quốc hồn, hóa ra lai căng hết chỗ nói. Phần khác, vì dịch giả, cho dầu xem chừng thông thạo ngoại ngữ đến mức, tưởng như vậy là đủ. Không í thức được rằng nền văn học nào, tác phẩm nghệ thuật nào cũng nảy sanh trong một môi trường nhứt định. Chỉ có sống lâu dài trong môi trường đó, có thật sự hòa nhập cách này hay cách khác vào đúng môi trường đó, thì mới hòng tránh được sơ hở, thiếu sót và sai lầm tai hại.

Rốt cuộc, nhiều khi độc giả buộc phải tra nguyên tác mới hiểu nổi, mới dõi theo kịp trang sách. Thì làm sao thưởng thức tác phẩm dịch được như một áng văn? Nhưng trong thực tế, mấy ai đủ điều kiện tra xét như vậy, đâu phải độc giả nào cũng có sẵn nguyên tác trên tay, đâu phải độc giả nào cũng rành ngoại ngữ. Vả chăng đã rành ngoại ngữ thì cần chi phải đọc bản dịch.

Còn về mớ sách dịch -tôi tránh dùng từ dịch phẩm- cẩu thả, tầm bậy, thì Thụy Khuê ơi, hầm bà lằm đủ thứ, đủ loại, nhiều lắm. Loại dịch chữ, không dịch tinh thần câu văn, không giữ tánh cách Việt Nam trong câu văn dịch, có. Loại dịch vô nghĩa, tối nghĩa, thiếu nghĩa, có. Loại dịch đoán í, dịch ẩu, dịch càn, có. Loại dịch bậy, dịch bừa, dịch lấy có, có. Không tài nào kể xiết được. Cái khổ là loại sách dịch tầm phào này lại do một số nhà xuất bản quen thuộc in ấn và phát hành.

TK: *Xin anh một vài dẫn chứng cụ thể, điển hình về việc dịch cẩu thả.*

TTĐ: Tôi dẫn ra đây một trường hợp điển hình. Bắt gặp trên giá sách người bạn mới quen, vở kịch thuộc loại phi lí trong nền văn học hiện đại Pháp, nguyên tác là En attendant Godot, dịch là Chờ Đợi Godot, do nhà xuất bản Thế Giới, Hà Nội in. Vừa đọc tôi vừa ngẩn

ngơ khôn cùng, hỏi thầm trong bụng: vốn liếng tiếng Pháp, hiểu biết văn hóa Pháp, đức tánh cẩn trọng của dịch giả thật sự như thế nào. Thụy Khuê muốn tôi nói có sách, mách có chứng à? Đây nè.

Ngay câu mở đầu kịch bản, nguyên tác là: Route à la campagne avec arbre dịch giả chuyển thành: Con đường dẫn về nông thôn, có cây. Nguyên tác Route à la campagne đâu có nghĩa là con đường dẫn về nông thôn, mà là con đường ở nông thôn; còn avec arbre thì đâu phải là có cây mà là độc có một gốc cây. Vỏn vẹn sáu từ tiếng Pháp mà vấp phải những hai chỗ có thể gọi là sai một li đi một dặm, ngay lúc mở màn!

Còn nói gì đây khi mà nguyên tác en portant sa main au pubis lại bị dịch giả chuyển thành bằng cách đưa tay che miệng, nên nhớ danh từ chung pubis trong tiếng Pháp, chỉ định cái ta gọi là mu, tức phần nằm trên cơ quan sanh dục nam và nữ, chứ không phải mồm miệng gì hết.

Lại nữa, nguyên tác: Si on se pendait? *Ce serait un moyen de bander, thì bị dịch giả chuyển thành: Hay chúng mình tự treo cổ? Đó cũng là một biện pháp để kết liễu.* Thụy Khuê thừa biết rằng, về mặt sanh lí, người đàn ông nào vô phước tự hay bị treo cổ, khi vòng dây lần lần thắt chặt thì bao giờ y cũng tự động cường dương và xuất tinh. Thành ra câu văn dịch vừa dẫn, nghe dị hợm thế nào, nó không diễn tả được hiện tượng sanh lí nói trên và nhứt là không chuyển được cách nói vừa thô tục, vừa mỉa mai, vừa phi lí của nhơn vật.

TK: *Theo anh, muốn cho sự giới thiệu với độc giả những tác phẩm ngoại quốc có kết quả hơn, thì phải có những phương pháp nào cần được phát triển, và riêng anh, những tác phẩm anh đã dịch ở miền Nam trước đây, hiện giờ trong nước có nhu cầu in lại không?*

TTĐ: Nghệ thuật dịch văn vốn là một con đường bản chất rất mực gập gành khó bước, lắm sình lầy, nhiều cạm bẫy, đầy gai góc. Chỉ cần thiếu một chút vốn liếng ngoại ngữ và quốc ngữ, có một trình độ văn hóa tổng quát nghèo nàn, với một tinh thần thận trọng đáng ngờ, cộng thêm vô đó một thứ thái độ miệt thị độc giả và khinh rẻ giới phê bình, thì cứ y như là dịch giả phải sa lầy, mắc bẫy, sướt mình.

Nhưng thật tình mà hỏi, phải chăng tình trạng dịch là phản, dịch là diệt nhận thấy hơn ba mươi năm trước ở Sàigòn và hiện nay ở Hà Nội chỉ đơn thuần là lỗi tại dịch giả cẩu thả và kém cỏi thôi không? Riêng tôi, tôi không nghĩ như vậy.

Tôi nghĩ rằng ấy cũng là lỗi tại chúng ta, là kẻ có trách nhiệm hay phải biết tự mình nhận lãnh trách nhiệm về một tình trạng không

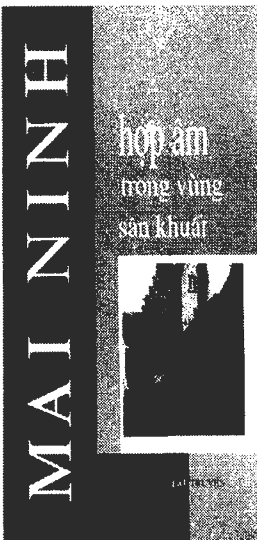
thể xảy ra được, giá như chúng ta đã không thờ ơ, đã không phản bội sứ mạng đích thật của nhà phê bình chơn chánh: thật tình hướng dẫn người đọc, bình phẩm một cách đứng đắn, nghiêm túc, chánh xác. Bởi vì nếu quả chúng ta thường xuyên làm tròn sứ mạng của nhà phê bình, thì nói riêng về ngành dịch thuật, chắc đã không thể có mặt trên thị trường chữ nghĩa xứ này, loại sách dịch cẩu thả và sai bét.

Trong bài Dạo Chơi Trong Giới Phê Bình Nghệ Thuật đăng trên tờ Văn Nghệ số 7-99 tháng ba năm ngoái, Nguyễn Đình Chính đã có dịp phàn nàn rằng giới này thảy đều có vẻ, nói theo nguyên văn, «sợ hãi, chán nản, bối rối, thích chơi đồ cổ», nghĩa là cuối cùng chẳng có lợi ích gì cho ai hết. Dĩ nhiên là có vài ba nỗ lực cá nhơn, nói riêng về ngành dịch thuật, vượt khỏi mọi thử thách.

Ngoài ra mấy năm gần đây, không ít bản dịch của các văn gia miền Nam thời 1954-1975 như Nguyễn Hiến Lê, Bùi Giáng, Huỳnh Phan Anh cũng đã được in lại. Riêng tôi, thì nhà xuất bản Hội Nhà Văn cũng đã tái bản tác phẩm Sa Đọa của Albert Camus, Kín Cửa của Jean Paul Sartre và nay mai, hai tác phẩm khác của Albert Camus là tập Bề Trái Và Bề Mặt và tập Giao Cảm. Nhà xuất bản Thanh Niên cũng sắp phát hành tập I, gom góp một số bài tiểu luận và phê bình của tôi.

TK: *Xin cám ơn anh Trần Thiện Đạo.*

THỤY KHUÊ
Paris, tháng 9/2000





THÁI VIỄN PHƯƠNG

bây giờ

Bây giờ là mùa lá mọc và tiếng dương cầm
Tiếng chim kêu và con bướm đẹp
Đưa người, đưa em, đưa anh ra khỏi miền tối tăm
Dựng lại tình đôi ta
Tình mà không ai định nghĩa được
Tình mà ta mất vì không tìm thấy nhau
Để bắt đầu thực sự hạnh phúc, thực sự khổ đau

Bây giờ lá mọc xanh lại những niềm vui
Những niềm vui mà ta đánh mất
Trong cát bụi sa mạc lòng người
Bây giờ nghe lại tiếng dương cầm
Như dòng nước mát chảy qua trái tim
Trái tim lỗi lầm, cay đắng
Mất đi mấy mươi năm cuộc đời

Bây giờ tỉnh táo chấp nhận lại khổ đau
Như lẽ đương nhiên khi sống trong hạnh phúc
Như lẽ chia lìa trong hồi vui sum họp
Như đang chết đi trong từng giờ phút sống

Bây giờ thấy được em rạng rỡ
Thấy từng bụi cây biết nói cười
Nhịp nhàng, mọi vật nhịp nhàng đang thở
Bây giờ là đời sống
Ra khỏi miền tối tăm, bây giờ là đời sống

đất

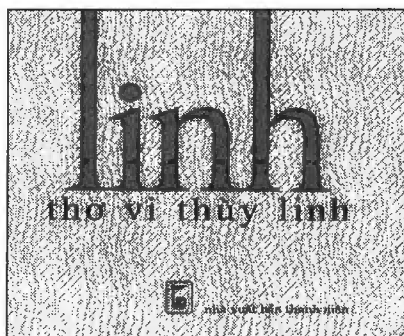
Một trăm năm sau
Hơn sáu tỉ thây người lần lượt vùi chôn vào lòng đất
Và từ ngày khởi sự chuyện ái ân
Con người đã trải qua bao mươi vạn lần một trăm năm
Và đất đai này là đất hay thịt xương?

Ly nước trong veo trên bàn tay em xinh đẹp
Là nước đã chảy qua bao miền đất đai
Đã thấm nhuần bao tro tàn cốt lụi
Của hằng hà sa số những xác người
Xác của những người ta gọi là tổ tiên

Thân xác tổ tiên là ruộng đồng cây cỏ
Cho ta chén cơm ăn và ly nước uống
Ta ăn và sống như loài rêu
Ký sinh trên từng từng lớp lớp xác người
Xác người mỗi một trăm năm là hàng tỷ
Thân xác đế vương và thân xác phận ăn mày
Vùi trộn vào nhau chảy theo dòng nước
Bay lốc từng cơn bụi vào mùa gió khô
Đâu đâu cũng là linh hồn
Linh hồn tồn vong trong từng nấm đất

Đất! Đất! Và đất!
Em là đất, anh là đất, con ta cũng đều là đất
Đất đỏ, đất vàng, hay đất trắng
Làm nên những con đường quê êm đẹp
Những rừng cây bát ngát, những bụi cát dưới lòng sông
Đấy là điều thật đáng mừng
Phải không em?
Một điều thật là trọn tình ân nghĩa
Một điều gọi là trở về.

THÁI VIỄN PHƯƠNG



PHẠM XUÂN NGUYÊN
thơ linh

LTS: *Vi Thùy Linh là một người viết trẻ. Cô sinh năm 1980, sinh viên năm cuối Đại học báo chí. Bắt đầu làm thơ viết văn năm 15 tuổi. Không kể các giải thưởng thơ của:*
- Tạp chí Sông Hương, *1996*
- Bút Mới, *1997*
- Tác Phẩm Tuổi Xanh, báo Tiền Phong, *1998*

và trên dưới 1000 bài báo đăng trên các báo, Vi Thùy Linh còn có hai tác phẩm đã xuất bản:
- Khát (*thơ, NXB Hội Nhà Văn, 1999*)
- Linh (*thơ, NXB Thanh Niên, 2000*)

Ngoài ra, thơ V. T. L. cũng được chọn in trong hai tuyển tập:
- Thơ Trẻ Chọn Lọc
  (*NXB Văn Hóa - Thông Tin, 1998*)
- Tuyển Tập Thơ Việt Nam *1975-2000 - tập I*
- Con Trai Không Như Con Gái

(*truyện ngắn, in trong tuyển tập*
Hoãn Cưới Bất Ngờ, *NXB Hà Nội, 1998*).

Vi Thùy Linh được dư luận nhắc đến qua nhiều nhãn giới trái ngược. Điển hình, như hai bài viết của Phạm Xuân Nguyên và Nguyễn Thanh Sơn HL đăng tải sau đây.

Qua hai bài viết này, cùng vài bài thơ và một nhận

nhận định văn học của Vi Thùy Linh được giới thiệu tiếp theo, HL hy vọng độc giả tự rút được cho mình một kết luận, về một người cầm bút tuổi đời chỉ vừa bước qua ngưỡng cửa 20.

HỢP LƯU

Tuổi hai mươi không phải hai mươi tuổi
(Huy Cận)

Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình
(Nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc)
Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ Quốc
(Thanh Thảo)

Trong bài viết điểm lại văn học năm 2000, sự kiện và bình luận, tôi có nêu hai tác giả trẻ, cùng là nữ, cùng có tác phẩm đáng chú ý trong năm, một người tập truyện, một người tập thơ. Người thơ là Vi Thùy Linh. Tập thơ "Linh" là tác phẩm thứ hai của Vi Thùy Linh (sinh 1980), cô sinh viên đang học Phân viện báo chí và tuyên truyền (Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh). *Giống như tập đầu "Khát", tập "Linh" cũng in khổ ngang, cũng một chữ tựa đề in to, và cũng một dòng thơ tự do cuộn chảy phăng phăng phát ra từ một nguồn cảm xúc dữ dội, cuồng nhiệt của bản năng, đam mê, ý chí, khát vọng. Vi Thùy Linh chia xẻ cảm giác người đọc, đôi khi khiến họ thấy hoảng"*[1]. Bây giờ khi thơ Linh đang bắt đầu có đời sống trong dư luận văn học, tôi muốn đọc chậm, đọc kỹ lại thơ cô để tìm nguyên nhân cái hoảng đó từ đâu.

Một tình yêu nhục thể

Thời Thơ Mới (1932 - 45), tình yêu được tháo cũi sổ lồng khỏi lễ giáo phong kiến, được đề cao, nhưng vẫn ở phạm trù tình cảm với những cung bậc trạng thái nhớ thương, buồn đau, biệt ly, phân cách, tan vỡ. Người yêu, tình yêu luôn được gắn cùng hương hoa, được đặt trong cùng bình diện những cái vốn coi là đẹp, ngay cả khi tuyệt vọng đau đớn nhất. Một kiểu so sánh như của Nguyên Sa về sau này: *Hôm nay Nga buồn như con chó ốm, Như con mèo ngái ngủ trên tay anh*, là không có trong thơ tình tiền chiến. Khía cạnh nhục thể trong tình yêu thời Thơ Mới chỉ duy nhất, có lẽ, biểu hiện ở thơ Xuân Diệu. Tình yêu, đối với

Xuân Diệu, không chỉ là hồn còn là xác, tình yêu là sự hòa điệu của hồn và xác, là sự hòa quyện của hai xác thân trong sự đồng điệu của hai tâm hồn. *Hãy sát đôi đầu! Hãy kề đôi ngực! Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài! Những cánh tay! Hãy quấn riết đôi vai! Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt! Hãy khăng khít những cặp môi gắn chặt!* Nhưng nếu để ý, ta thấy đây vẫn là ước nguyện hơn là hành động. Bởi theo mỹ cảm lãng mạn, hai xác thân khăng khít gắn bó trong một hành động tình yêu thường bị coi là thấp kém, không nên thơ. Đó là cái phàm tục, đời tục, cái văn xuôi của đời thường phá mất sự linh khiết của tâm hồn. Vũ Hoàng Chương viết: *Hai xác thịt lẫn vào nhau mê mải, Chút thơ ngây còn lại cũng vừa chôn, Khi tỉnh dậy bùn nhơ nơi hạ giới, Đã dâng lên ngập quá nửa linh hồn.*

Trong thơ Vi Thùy Linh tình yêu là chúa thượng. Thì cũng chuyện thường. Thơ nhân loại, cổ kim đông tây, ba phần tư, hay hơn nữa, là thơ tình. Thơ trẻ tình lại càng nhiều. Tuổi trẻ chất chứa nhiều năng lượng trong mình, và nhu cầu giải tỏa năng lượng mạnh, rất mạnh. Nhất là năng lượng tình yêu. Đặc biệt ở nữ giới. Bởi nữ bị ràng buộc, ngăn cấm, ức chế nhiều hơn nam, trong các lĩnh vực xã hội và riêng trong chuyện tình yêu, trên thế giới đã vậy, ở xã hội phương đông càng vậy. Một đặc điểm không khó nhận thấy của văn học ta trong khoảng mười, mười lăm năm cuối thế kỷ XX vừa qua là các cây bút nữ đã tỏ ra táo bạo khi viết về tình yêu, không ngần ngại đụng chạm đến tình yêu nhục thể. Vi Thùy Linh ở trong dòng chảy đó. Có điều, bằng thơ, cô nói lên nồng nàn, quyết liệt những nhu cầu đòi hỏi giới tính của mình, và không riêng của mình, trong tình yêu. Nói cách khác, Linh đòi cho bản năng giới tính được đặt đúng chỗ của nó trong yêu, và trong thơ.

Linh muốn mình ngang tàng, tỏ ra ngang tàng, nhưng cũng như bao cô gái khác khi tình yêu đến cô chịu khuất phục: *Bỗng một hôm, Tôi đứng yên để một người buộc vào tôi dây cương và đi theo người ấy, Đó là người tôi yêu* (Tôi - Khát). Nhưng cũng như bao người con gái biết phẩm giá và tự trọng trong tình yêu, cô không chịu hạ mình để được thương hại: *Em sẽ không đuổi theo anh như quả cầu gai trên cát trắng, Em không muốn cả đời đuổi theo chiếc bóng, Bóng của ảo ảnh làm người ta đánh mất mình, Em không bao giờ van xin anh* (Còn lại - Khát). Giữa hai cực ấy của tình yêu, Linh đòi Anh phải cho Em sống đúng tình yêu là sự chung hiến riêng tư của hai con người toàn vẹn. Cô cũng nói đến các trạng thái tâm lý tình cảm của hai người yêu nhau, nhưng cô nhấn mạnh hơn đến cái thiêng đời thường, tức cái nhục thể, của một tình yêu lành mạnh.

Hãy đọc đoạn thơ này để đi vào thế giới Linh:

Tôi vẫn tin
Không gì đẹp bằng con người
Khi tình yêu giúp họ vượt mọi ngăn trở
Tôi mãi run rẩy tôn vinh, ngợi ca vẻ đẹp của thân thể
khi thoát khỏi sự áp đặt của mẫu mốt, xuất hiện nguyên khôi
như tạo hóa sinh ra, trong không gian tình yêu
Và
Không gì kỳ diệu bằng việc tạo thành CON NGƯờI
Cuộc sống được bắt đầu tự sự phôi thai những đứa trẻ.
(Thế giới hiện hữu - Linh)

Tôi vừa nói "tình yêu lành mạnh". Nhưng sao cứ phải gán cái tính từ đạo đức này vào đây? Trong không gian tình yêu mọi điều đều có thể, không cái gì là không lành mạnh.

Từ cơn thèm muốn rất thật này:

Khỏa thân trong chăn
Thèm chồng. Thèm có chồng ở bên. Chỉ cần anh gối lên đùi
Mình ôm lấy anh ôm lấy mình
Biết sự bình yên của mặt đất
(Chân dung - Linh)

Từ nhục cảm này:

Cái lưỡi mềm của anh nơi gan bàn chân em
Làm Thế giới hóa lỏng
(Sinh ngày 4 tháng 4 - Linh)

(Tôi muốn lưu ý chữ "Thế giới" viết hoa ở đây trong Không Gian Thơ-Tình-Linh. Nó hô ứng với đoạn 5 bài thơ Linh được lấy tên chung cho tập thứ hai của cô: "*-Mẹ ơi, Trái đất rộng lớn bằng nào? -Bằng ước mơ của Mẹ về con? -Còn Cha của con? -Người là một thế giới*" - hai câu in nghiêng là của Linh).

Từ nỗi nhớ xa cách này:

Nửa vòng trái đất anh xa em
Giấc mơ đắp lên em những mảnh đêm
Em ghép đêm như ghép giấc mơ đứt quãng
Nhưng em biết
Dù có ghép cả mình vào đó
Cũng không thể thành chăn kín như anh...
(Đêm một nửa - Khát)

Bứt khỏi không gian tình yêu, những câu thơ căng cảm giác, giác quan trên đây, và còn nhiều những câu khác nữa trong hai tập thơ của Vi Thùy Linh, có thể bị biến thành trơ trẽn, bị vấy tục. Tình yêu cần bóng đêm. Thơ cũng cần bóng tối. *Bởi vì trong đêm, em là toàn vẹn nhất.*

Và cô gái đang khát yêu đã mơ cuộc hoài thai:

Mẹ viết truyện cổ tích cho con khi đang trên dàn lửa
hiến tế ham muốn được gần cha
Khi đôi môi cha chưa mọc trên mẹ, mẹ vẫn ước
có con vào mùa cha gặp mẹ
...
Chỉ có cha và con là thiêng liêng; kiến tạo cuộc đời đàn bà của mẹ
(Những mặt trời đang phôi thai - Linh)

Sinh nở đồng nghĩa với sáng tạo. "Sáng tạo về phương diện tình cảm hay về phương diện tinh thần là thoát khỏi sự giam cầm của thể xác, là lao mình vào bão táp của cuộc đời, là trở thành Con Người Sống Thực. Sáng tạo là tiêu diệt cái chết. Khổ thay cho kẻ không có khả năng sáng tạo, sống cô quạnh và lạc lõng trên đời, chiêm ngưỡng cái thân hình khô đét của mình và cái đêm tối trong con người mình không bao giờ bùng lên được một ngọn lửa nào của sự sống"[(2)] (R. Roland).

Từ ngọn lửa tình yêu mọc mầm theo đường cong thân thể, Linh phóng chiếu cái nhìn lên dải đất chữ S thấy đất nước mang hình người đàn bà hơi khuyu chân, ngửa mặt. Một cảm xúc bất ngờ và có lý. Một hình ảnh táo bạo, độc đáo. Thơ đã đi từ đất nước hình tia chớp (Trần Mạnh Hảo) đến đất nước mang hình người đàn bà hơi khuyu chân, ngửa mặt (Vi Thùy Linh), đó là sự vận động của chiến tranh và hòa bình, tình yêu và sự sống. Phụ nữ nhạy cảm hơn ở thiên chức của mình. Nhà văn nữ Y Ban đã có một thư gửi mẹ Âu Cơ xin "mẹ hãy quan tâm đến chúng con, đến nỗi đau của những cô gái, những bà mẹ" bởi vì "những người mẹ là những người sinh ra nhân loại, sinh ra những đứa con". Và Vi Thùy Linh từ cơn khát sống khát yêu của mình đã tạo hình cho đất nước một thân thể trong niềm dâng hiến và được dâng hiến. Đây là một sáng tạo của người thơ. Trong thơ Linh không hiếm những hình ảnh dữ dội, khác lạ như vậy, thí dụ, Mặt trời mải miết bò như giọt nước mắt khổng lồ nóng rực (ở lại - Khát), Trăng đêm tháng Mười như cái sừng bò đâm vào em êm dịu (Tín hiệu - Linh), Bóng em rỗng bầu đêm (ý nghĩ - Linh). Những hình ảnh như vậy, cộng với cảm xúc nóng bỏng tuôn trào, từ ngữ mạnh bạo quyết liệt, lời lẽ ào ạt đến thừa thãi, khiến người mới vào thơ Linh dễ bị dị ứng, và có phản ứng nghịch. Hình như Linh có linh cảm điều ấy, "điều

anh không biết":

Em đã gửi anh những bài thơ của em
ở đó, người đàn ông được tôn vinh trong hạnh phúc
ở đó, người đàn bà luôn hiến dâng và chờ đợi
Người đàn bà của đêm

Một cái tôi thách thức

Mở đầu tập Khát - tập thơ đầu tay của Vi Thùy Linh là bài Tôi. Khi làm bài thơ này cô vừa 18 tuổi đã tự mình xác quyết số phận mình: Độc mã, Quyết làm những gì mình muốn. Và tôi không bao giờ hóa trang để nhập vai người khác. Trụi trần, đơn độc thế vì cô đã dấn mình, dâng mình cho thơ. Cô đã chọn thơ (hay thơ đã chọn cô?) như tiền định, như tiên cảm. Thơ, đối với Linh, là nỗi buồn trường cửu, do đó, thơ em mặn. Tôi chắc, Linh biết cái câu trong Kinh Thánh: người là muối mà không mặn thì sao mặn được cho kẻ khác.

Biển thơ ta hiện nay đang nhiều loãng và nhạt. Người thơ trẻ nhúng chân vào không khéo sẽ chẳng có gì, loãng tếch, nhạt thếch. Vi Thùy Linh, cùng một số bạn thơ khác cùng trang lứa, quyết tâm đẩy tới tận cùng mình, tận cùng thơ. *Tôi thích cách sống của cô Hồ,* Linh tuyên bố.

Người ta khuyên tôi đừng nên suy nghĩ nhiều
Hình như Hồ Xuân Hương nghi ngại:
"Nếu sống ở thế kỷ này, không biết tôi có như trước không?"
(Nửa đêm trò chuyện với cô Hồ - Khát)

Thoáng chút e ngại này chỉ là một cách nói để không lùi bước trên con đường thơ đã chọn. Đọc Puskin, Linh thấy đôi mắt ông nung đỏ những con chữ Ông. Cô gửi Exênhin một đồng điệu: Thi sĩ của đồng quê ơi, tôi tước vỏ ngôn ngữ để đến thật gần Anh, như Anh đến với mọi người bằng thơ để sống và yêu rút lòng chân thật, Những gì không bọc vỏ sẽ gần nhau vĩnh viễn - con người. Cô coi thế giới này là bảo tàng lớn nhất, trong đó nhà thơ bị xem là người-không-bình-thường, nhưng nhờ họ mà thế giới này tồn tại. Bản thân Linh cũng vậy, con người tôi nếu trừ thơ không còn là tôi nữa.

Linh đã đến trong đời không thanh thản. Cô đã soi gương muốn biết trí tuệ và dung nhan mình. So với tuổi, cô thông minh hơn nhiều, và cô già hơn nhiều, so với tuổi. Hơn thế nữa, nhiều người nói em sống trước tuổi. Phải, đọc thơ Linh thấy rõ sự thông minh, sự già, sự sống nhiều hơn, nặng hơn số năm tháng cuộc đời cô. Vì nghịch lý của nghệ

thuật, của thơ, và chính của cuộc đời, người trẻ nhất là người già nhất, người gánh nặng quá khứ nhất, người nhẹ tênh tương lai nhất, đó là người hiện tại nhất. Mà hiện tại luôn là sự phá vỡ cân bằng, ổn định - quá khứ, để tạo lập cái bất cân, bất ổn - tương lai. Linh đã nói lên rất đúng tâm thế của mình và thơ ở đây lúc này: Đập nát đơn điệu, khuôn khổ của cũ kỹ, nhàm chán và cam chịu, Em tự làm mất đối xứng - bằng em (Không thanh thản - Khát). Sự đối xứng đang là một căn bệnh của thơ Việt hiện nay, đều đều, bằng bằng, trơn tru, nhịp nhàng, cả ý tứ, giọng điệu, cảm xúc, hình ảnh. Đọc thơ mà đến phải thốt ra như Lưu Quang Vũ thuở mới đôi mươi như Vi Thùy Linh bây giờ: Tôi chán cả bạn bè, Mấy năm nay họ không nói được một câu gì mới. Đối xứng từng một thời là đẹp, là tiêu chuẩn mỹ học của cái đẹp. Nhưng còn có đối xứng của cái bất đối xứng, và bất đối xứng của cái đối xứng.

ở hai góc mặt tiền Chợ Lớn
Hai tòa nhà cổ không người ở, đối xứng nhau
Trên mái nhà bên trái, một con chim sẻ lẫm chẫm
giữa những viên ngói vỡ
Có-phải-tôi-đấy-không?
(Tự cảm - Linh)

Hãy đọc kỹ câu thứ ba trên đây. Bạn thấy gì không? Những viên ngói vỡ, con chim sẻ lẫm chẫm, mái nhà bên trái. Linh đang hỏi đấy. Hỏi chính cô. Hỏi chính tôi. Hỏi chính bạn. Có khoảng không nào cho con sẻ kia bay lên thoát khỏi sự đối xứng của hai tòa nhà cổ không người ở? Linh hỏi để tự vút bay. Dẫu có thể đuối sức. Dẫu có thể rơi rụng. Dẫu chuyến bay dang dở. Nhưng đường bay, hay bóng dáng đường bay, thì có, và còn.

Một lối thơ tự do

Số người đọc hoảng với thơ Linh là do gặp luồng cảm xúc đột ngột, căng trào, và là do vấp những câu thơ dài ngắn trúc trắc. Lối thơ đó Linh gọi là thơ tự do. Trong một bài viết (chưa đăng) đấu tranh cho thơ tự do quyền tồn tại, Linh viết: "Với tính năng ưu việt, thơ tự do tạo ra sự thuận lợi nhất cho nhà thơ trong việc biểu đạt, cường độ cảm xúc không bị quy phạm bởi lượng âm tiết trong một câu thơ"; và: "Thơ tự do cho phép phá tung tất cả những cánh cửa vờ vĩnh che đậy - cánh cửa của ngôn ngữ và hệ thống hình ảnh, đề tài - để đạt đến đích cuối cùng: cái rốn vũ trụ của cái Tôi thi sĩ - Bản năng". Những lời lẽ hùng hồn sôi nổi có phần đại ngôn này không mới, Linh chỉ là người chạy tiếp sức trên một

con đường đã mở từ hơn sáu mươi năm trước. Nhớ lại năm 1949, tại Hội nghị tranh luận văn nghệ ở Việt Bắc, thơ tự do lần đầu tiên được đưa ra mổ xẻ, phê phán thông qua trường hợp Nguyễn Đình Thi. Đáp lại những ý kiến khen chê (khen ít, chê nhiều) của các nhà văn nhà thơ dự họp, Nguyễn Đình Thi nói: "Khi đã bỏ luật lệ rồi, đủ cảm xúc tự nhiên thì cứ nói, thành vần cũng được, không thì thôi. Nói như lời nói thường vậy. Tôi mong đi tới những câu thơ như lời nói thường mà đến một độ cảm xúc mãnh liệt. Nếu cần nói một hơi dài, dùng những câu dài. Nếu hơi ngắn, nói ngắn. Những hình ảnh thơ mới bây giờ, tôi tưởng tượng nó cần phải khỏe, gân guốc, xù xì, chất phác chung đúc, tự nhiên. Những bài thơ cũ, cùng một nhịp điệu đều đều, tôi không thể chịu được"(3). Nhưng rồi dưới áp lực của hoàn cảnh, Nguyễn Đình Thi đã phải chịu đứt gánh thơ tự do một thời gian dài. Nhớ lại hồi đầu những năm 60, một nhóm nhà thơ ở miền Nam dấy lên phong trào thơ tự do, họ gọi là thơ bây giờ, cũng gây nhiều tranh luận, phản ứng. Thơ bây giờ, họ nói, không đồng tính với thơ tiền chiến. Thanh Tâm Tuyền giải thích: "Tại sao bây giờ còn những người cảm được những bài thơ tiền chiến của Xuân Diệu, Huy Cận, một thứ ngôn ngữ tôi xếp vào loại ngôn ngữ đã chết rồi. Lý do giản dị là ở người đọc chứ không phải ở nhà thơ. Nhà thơ đã không vượt được thời đại mà người đọc thì đã sống lùi thời đại mình. Còn bảo rằng ngôn ngữ Xuân Diệu, Huy Cận hay bất cứ một nhà thơ nào thuở trước giống ngôn ngữ thời nay chỉ là vì đã quan niệm nhầm lẫn về ngôn ngữ thi ca. Không nên quan niệm ngôn ngữ thi ca bằng những từ ngữ riêng rẽ. Nhà thơ nào cũng phải dùng những tiếng: anh, em, chúng ta v.v..., một số ngữ vựng chung, không thể đặt những chữ mới. Nhưng cái chứa đựng của từ ngữ đã biến đổi theo toàn bộ cơ cấu bài thơ, và ngôn ngữ thi ca là toàn thể cơ cấu đó"(4). Nhóm Sáng Tạo hồi đó để giành chỗ đứng dưới mặt trời cho thơ tự do đã nhiều lúc phải đẩy tới quyết liệt, cực đoan quá trình đổi mới thơ. Cho đến mãi gần đây, khi thơ Nguyễn Quang Thiều xuất hiện, vẫn còn những sự dè bỉu, e ngại, kỳ cục nhất là lối chê "thơ như thơ dịch". Dễ hiểu trong không khí đó thơ Vi Thùy Linh khiến người ta cảnh giác.

Lỗi cũng một phần ở Linh, ở tuổi trẻ của cô. Hăng cảm xúc, hăng biểu đạt, cô còn để trong thơ mình quặng và đá lẫn lộn, lời có lúc thừa, ý có khi hụt, thơ đây đó pha văn xuôi. Thơ tự do vẫn là thơ có lề luật của nó, không phải cứ tự do muốn viết sao thì viết. Câu dài ngắn khác nhau, vần điệu không cần thiết, nhưng thơ tự do chủ ở nhịp, ở giọng, ở hình ảnh. Linh đã ý thức được điều này, ý thức sốt sắng nữa là khác, nhưng cô còn phải nỗ lực nhiều trong lao động thơ.

Nhưng thực ra, tuổi trẻ không có lỗi. Tôi nghĩ Linh chẳng việc

gì phải hoảng hốt, lo sợ trước những lời chê thơ mình, dù những lời chê đó phát ra dưới cái nhìn đạo đức hay nghệ thuật. Hãy sợ chính mình. R. Jakobson định nghĩa thơ: "Thơ không phải cái gì khác hơn là một phát ngôn nhắm vào cách diễn đạt" (La poésie n'est rien d'autre qu'un énoncé visant à l'expression). Hai tập thơ của Linh đã có những câu, những bài truyền cảm được cho người đọc từ một lối viết vỡ vạc. Hoài Thanh có nhận xét thơ mới lúc bột phát là "cuộc xâm lăng của văn xuôi", nhưng rồi tính cách văn xuôi mất đi, và "những cái ngông cuồng trái với tinh thần tiếng Việt đều mất". Tuy nhiên ông lại sợ "cùng với cái ngông cuồng ta mất luôn cả tinh thần sáng tạo". Tôi muốn Linh, và những người đọc Linh, nghe lại đoạn văn sau của Hoài Thanh viết từ những năm 40 thế kỷ XX: "Đoàn thể bao giờ cũng đàn áp cá nhân bằng tất cả sức nặng của ý sáo, chữ sáo. Làm thơ là phản động lại, là lật cái lớp ý sáo, chữ sáo để tìm ở dưới những gì linh động và sâu sắc hơn. Tả tình hay tả cảnh, không quan hệ. Bởi tình hay cảnh đều hòa theo nhịp sống của thi nhân. Nhưng cứ đi sâu vào hồn một người, ta sẽ gặp hồn nòi giống. Và đi sâu vào hồn một nòi giống, ta sẽ gặp hồn chung của loài người"[5].

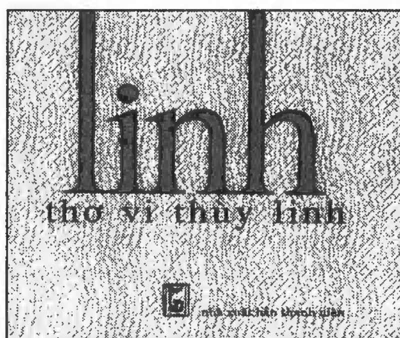
Thơ Vi Thùy Linh đang tìm cách chuyển động. Trạng thái của Linh lúc này là

Tiếng-gọi-Tôi đang trú âm trong bốn chiếc răng hàm
chưa mọc ở bốn góc khoang miệng
Thế nên đôi môi và hàm răng cứ há ra mà không bắt đầu được
sự khởi động nào, giống như những chân vịt muốn quay mà
con tàu chỉ lắc
Con tàu chỉ lắc, dù nước đã dâng đầy và nó cũng muốn lao đi
(Cái chân vịt và tiếng còi tàu - Linh)

Tôi tin ở sự chuyển động. Vì để biết chuyển động phải biết cái gì đứng yên, hay quy ước đứng yên, trong một hệ quy chiếu thơ.

PHẠM XUÂN NGUYÊN
Hà Nội, 02. 2001

1) Xem tạp chí Sinh Viên, Bộ Giáo Dục - Đào Tạo, số Tết Tân Tỵ 2001
2) R. Roland. Jean Christophe, t. II, tr. 18 - 19.
3) Xem: Nguyễn Đình Thi, Về tác gia và tác phẩm, nxb Giáo Dục, H. 2000, tr. 227 - 228.
4) Xem sách: Thảo luận, nxb Sáng Tạo, S. 1965, tr. 140 - 141.
5) Hoài Thanh - Hoài Chân. *Thi nhân Việt Nam, nxb Văn Học, H.* 1988, tr. 35.



NGUYỄN THANH SƠN
linh ơi...(1)

" Này gương kia, ta muốn biết trí tuệ của ta,
Thưa cô, cô thông minh hơn nhiều, so với tuổi"[1]

Biết viết gì về một tập thơ khi nó đã được xuất bản... Viết rằng nó khá dài, và có vẻ vô cùng thông minh...[2]

Borges, trong một buổi nói chuyện với các nhà thơ trẻ, có trích dẫn một câu của Oscar Wilde, một câu mà ông nói có tính chất tiên tri- "nếu không có thơ vần, tất cả chúng ta đều là thiên tài". Làm rõ thêm một chút ý của ông già nhà văn mù loà xứ Achentina, người nhiệt thành khuyên các nhà thơ trẻ "trước khi muốn phá luật thì phải học luật đã": thơ có vần là phép thử của tài năng. Không có gì dễ bộc lộ sự bất tài bằng một bài thơ đúng niêm luật mà chán ngắt.

Bây giờ, hãy thử nhìn nhận ý kiến của Oscar Wilde ở một khía cạnh khác, khía cạnh mà, khác với bản tính thẳng thắn của người châu Mỹ Latinh, Borges đã ý nhị im lặng trong buổi nói chuyện đó: thơ không vần là cái cách dễ nhất che dấu sự bất tài của mình. Một bài thơ không vần, dù có chán ngắt, cũng không làm chúng ta bực bội như một bài thơ có vần. Những người núp bóng thể thơ tự do thừa biết ưu thế của họ: con người dễ chấp nhận một bài thơ dài và lủng củng như một đoạn văn xuôi ý nghĩa mù mờ. Và vì thế, chúng ta có thể thờ ơ bỏ qua nó chứ không nhọc công bực bội. Thơ không vần, trong cái cấu trúc tự do mà nó tự đặt ra cho mình, còn là một bộ quần áo của hoàng đế: ai cũng sợ bản

chất ngu độn của mình đã bỏ mất cơ may nhìn thấy con kỳ lân[3], do vậy, trước một bài thơ không vần, im lặng không phải là đỉnh cao của âm thanh, mà là đỉnh cao của sự thông minh.

Linh- tập thơ của Vi Thùy Linh, một tác giả mới hai mươi tuổi, đã tự lựa chọn cho mình con đường dễ dàng nhất, và cũng khó khăn nhất của một nhà thơ trẻ: bốn mươi bài thơ tự do, rất mới, rất "cách tân"- theo như nhận xét của đông đảo công chúng yêu thơ và các nhà thơ, các nhà phê bình. Vậy viết gì về một tập thơ "câu nào cũng hàm ngôn"[4] một tập thơ thông minh như vậy...!

Thông minh? Liệu thông minh có là cái đích của một tập thơ? Tại sao tôi cứ mãi băn khoăn, cái gì là cái khác nhau lớn nhất giữa nhà hiền triết và một kẻ tự cho mình thông minh? Câu trả lời có lẽ là: nhà hiền triết bao giờ cũng tin những gì mình đang nói ai cũng biết, bởi vậy, không chỉ có ngôn ngữ của ông ta giản dị dễ hiểu, mà giọng điệu của ông ta bao giờ cũng có một chút hài hước nhẹ nhàng. Kẻ tự cho mình thông minh tin rằng, những điều mình đang nói chỉ duy nhất có một mình biết, vì vậy ngôn ngữ của hắn vừa to tát vừa rối rắm, giọng điệu của hắn vừa cao ngạo vừa trống rỗng.

Tập thơ của Linh, mới chỉ đọc mười bài thơ đầu, đã thấy dày đặc những ngôn từ to tát, những huyễn hoặc, kính động, cực đại, khuếch tán, phi thường, hợp nhất, trầm cảm, khủng hoảng, bạo động, tối khẩn, huỷ diệt... Nếu ví nhà thơ như một người thợ gốm, và bài thơ như chiếc bình, *Linh*- cũng giống như nhiều nhà thơ trẻ tuổi khác, những người luôn muốn mô tả tình cảm trong cái cực đại của nó, và không thể chờ đợi để tìm ra những từ ngữ thích đáng- đã chẳng mấy bận tâm đến việc giữ cho lửa đều, mà chỉ chăm chăm đốt lửa trong lò thật bốc. Và vì thế, không nên ngạc nhiên khi mở những chiếc bao thơi, thay vì chiếc bình với chất men mịn màng, ta lại thấy những mảnh vụn méo mó của những câu thơ quá lửa. Không phải một rừng biểu tượng, trên các bài thơ của Linh là một rừng khẩu hiệu.

Thơ của Linh đầy chất cách tân- bà đỡ của nhà trẻ, những nhà thơ quá lứa đang sốt ruột chờ phiên đổi gác nói thế. Đối với tôi, "hàng triệu người điên lên theo mãnh lực phần mềm Microsoft. Những tâm hồn đang được mã hoá với nhịp điệu sống lập trình. Ngày đêm, những nơron thần kinh căng cứng cập nhật dữ liệu. Con người không ngây thơ, không nhiều mơ ước và mất dần lãng mạn. Màu dollar sắp nhuộm cả da trời"[5] không thể gọi là cách tân. Dù rằng ngôn ngữ có vẻ hiện đại, chất đầy những phần mềm, cập nhật, mã hoá, nhưng không vì thế mà rõ ràng hơn, và nhất là, hay hơn. Có thể cực đoan, nhưng tôi từ chối gọi những dòng trên là thơ.

Có người an ủi tôi rằng, đôi khi, do những may mắn tình cờ, những chiếc bình quí nhất thường được những người thợ gốm làm ra trong những mẻ lò không có gì chung với ý niệm người ta thường có về sự tính toán. "Thơ phải cực đoan"- họ nói vậy. Làm thơ phải trông chờ vào sự may rủi, (poetry is given to the poet)* - thơ ca được trao cho thi sĩ), và không thể không công nhận, trong sự may rủi, đôi lúc Linh cũng có những câu thơ hay, nhất là khi viết về mình, hay về những suy tư táo bạo của một cô bé đang tưởng tượng mình đang trở thành thiếu phụ:

"Cái lưỡi mềm của anh nơi gan bàn chân em
Làm thế giới hoá lỏng
Em như bông lúa chín"[6]

hoặc

"*Anh hiện diện bên em sau giấc mơ vừa nhấc cánh*
Cùng mùi thịt da..."[7]

hay cuồng nhiệt hơn

"Em vén áo lên để cho anh tràn tinh khôi và mãnh liệt"[8]

đáng tiếc, ngay sau đó, mẫn cảm phụ nữ tinh tế của cô lại nhường chỗ cho đầu óc thông minh của những luận đề vô nghĩa:

"*Hiện thực không thoả thuận với sắp đặt chủ quan*
Tôi biến mình thành cái motor, một robot, bằng cơ chế điều khiển
Vẫn phải làm việc và rời xa mình
(Chúng ta ngày càng rời xa mình)
Bèn duy trì hứng khởi bằng lãng mạn, tưởng tượng bất ngờ
Cả loài người ngộ nhận tham vọng vật chất"[9]

Mâu thuẫn lớn nhất của Linh và đồng thời cũng là hạn chế lớn nhất của cô, nằm ở cái cách cô tập làm người lớn. Linh "già hơn nhiều , so với tuổi", nhưng đáng lẽ tin tưởng vào sự già dặn trẻ trung của thơ mình, cô lại không vững tin để đến độ luôn luôn phải khoác cho mình chiếc mặt nạ của một thiếu phụ cô độc, một con người đã biết tất cả, và do vậy, mọi lời nói phải hàm ngôn. " Câu nào cũng hàm ngôn"[10]...!

Hàm ngôn, ai đó sẽ tranh luận, là đặc điểm không thể thiếu được của thơ ca. Không thể tưởng tượng thơ ca nếu thiếu những ý tại ngôn ngoại, những liên tưởng bí ẩn, những mối dây mơ hồ dễ cảm nhận mà lại khó diễn giải. Nhưng mặc cảm chưa trở thành người lớn khiến hàm ngôn của Linh chỉ bao gồm những câu nói cố làm cho tối nghĩa,

những từ- gạch- nối bất tận và vô lý như những từ in đậm trong tạp chí Thế giới Phụ nữ, tỷ như: vũ- trụ- sơ- sinh, có- phải- tôi- đấy- không, để- biết- mình- đang- sống, triệt- tiêu- nỗi- khổ...vv. Nếu xếp những câu thơ đó bên cạnh những câu thơ tuổi xanh như:

"Tôi như ổi chín
Với đôi mắt của Mecghi đăm đắm nhìn cha Ran"[11]

(lại cha Ran!), chúng ta sẽ có một món nộm- thơ nhạt nhẽo.

Vậy, biết viết gì về một tập thơ của một nhà thơ khi nó đã được xuất bản. Viết rằng cô còn rất trẻ, và có vẻ vô cùng thông minh...

Tôi cũng rất mong được nhẹ[12], mong rằng mình không phải phi ngựa xéo lên mạ non[13] nhưng chính vì nghĩ về Linh như một nhà thơ- không có những tính từ (trẻ, phụ nữ) đi kèm- tính từ, như chúng ta đều biết, luôn giả dối, nó chỉ là cái cách người ta che đậy cho việc không tìm ra một danh từ đắc địa và đúng nghĩa- nên tôi nghĩ, tác giả nên mau chóng vượt qua giai đoạn đại ngôn của tập thơ này, lắng lòng mình lại hơn, chăm chút cho từ ngữ hơn để có thể có được những vần thơ chân thành và có giá trị.

NGUYỄN THANH SƠN
*Hà nội 15.2.2001*Chú thích

---

1 Linh- thơ Vi Thuỳ Linh- NXB Thanh niên 2000. Thằn lằn trắng-tr 16
2 "Biết kể gì về một người con gái khi nàng đã chết. Kể rằng nàng đẹp. Và vô cùng thông minh. Nàng yêu Moza, yêu Bach, yêu nhóm Beatles..." (Câu chuyện tình yêu- Erich Segal)
3 Có một chuyện ngụ ngôn mà Borges rất thích và được ông nhắc tới nhiều lần trong các tiểu luận của mình, đó là câu chuyện của Hàn Dũ ông tìm được trong cuốn Anthologie raisonnée de la litérature chinoise của Margaulies: câu chuyện về con kỳ lân. Ai cũng biết con kỳ lân là con vật thiêng mang điềm lành, nhưng không ai trong chúng ta biết mặt mũi nó thế nào, vì thế, hoàn toàn có khả năng một lúc nào đó chúng ta đã thấy nó lướt qua trước mặt mà hoàn toàn không biết nó là con kỳ lân.
4 Chân dung- tr 6. Linh- đã dẫn
5 Thế giới hiện hữu- Linh- tr. 27- đã dẫn
* Dẫn theo Nguyễn Quốc Trụ
6 Sinh ngày 4 tháng 4- Linh- tr.14- đã dẫn
7 Một ngày chưa có trong sự thật- Linh- tr.78- đã dẫn
8 Và chúng ta bắt đầu một cuộc sống khác- Linh- trang 77- đã dẫn
9 Một ngày chưa có trong sự thật- Linh- tr79- đã dẫn
10 Chân dung- tr 6. Linh- đã dẫn
11 Mùa đông cuối cùng- tr.44- Linh- đã dẫn
12 Chữ dùng của nhà thơ Thường Quán
13 Chữ của Lỗ Tấn





VI THÙY LINH
giải nobel văn học việt nam: con đường hun hút

Khi Nguyễn Quang Thiều trả lời phỏng vấn một tờ báo rằng anh hy vọng trong tương lai (?), VN sẽ có giải Nobel về thơ,tôi sửng sốt dựng đứng người.

Phản ứng "Cái gì thế?" Sự tiếp nhận của công chúng. Con đường sáng tạo.

Con số thống kê chưa đầy đủ về văn hóa, có tới vả trăm, ngàn định nghĩa. Tôi tâm đắc câu: *"Văn hóa, là những gì tồn tại, sau khi tất cả đã qua đi"* Nội hàm của văn hóa thì quá phong phú, nhưng theo tôi, văn hóa *vật thể hayphi vật thể* đều là sản phẩm của sáng tạo tinh thần.

Quá trình tiến hóa con người, sản sinh ra những phát minh để phục vụ nhu cầu của họ, hoàn thiện cuộc sống của họ. Vào năm cuối cùng của thiên niên kỷ thứ hai, không hẳn sự bùng nổ ồ ạt của các loại hình thông tin giải trí làm người ta mãn nguyện. Hiện thực lúc này còn tồn tại hai trạng thái cực đoan: *no nê* và *đói*, về thưởng thức. Cả hai, nếu quá lên, đều gây mất *cảm giác* mất *phương hướng* trong cảm thụ. Bội thực và quá thèm thuồng đều không thể làm cho con người

nhận định chính xác, (thẩm điịnh chân thực) khi thưởng thức.

Ở Pháp, văn chương và điện ảnh là hai đỉnh núi mà những con gà xứ Gaulois tự hào hơn cả. Những năm vừa qua, *tira* sách văn học giảm xuống 30-40% so với thời kỳ hoàng kim. In các tập truyện ngắn và sách theo khổ bỏ túi trở thành giải pháp tình thế để lôi kéo độc giả. Một đất nước có nền văn học lớn như Pháp, mà gần đây, phải mừng rỡ khi hồi phục được phần nào lượng độc giả. Pháp, cái nôi của nền điện ảnh thế giới (với buổi chiếu phim câm đầu tiên trong một quán café ở thủ đô Paris, năm 1895, do anh em nhà Lumière thực hiện) phải chịu sự xâm lấn của Hollywood và ngôi sao Bản năng gốc Sharon Stone được trao tặng văn chương văn hóa (!), thì ta nên nhìn sự vận động nghệ thuật bằng xu thế chấp nhận?

Dường như sự phân loại tác phẩm sáng tạo, tương ứng với sự phân loại đối tượng thưởng thức. Nhưng văn chương bác học hay bình dân không thể là giới tuyến ngụy biện cho sự ì trệ (và ì ạch) của tư duy. Truyện bong bóng xà phòng, thơ con cóc, báo lá cải, phim ba xu... là sản phẩm rẻ tiền của những bộ óc rẻ tiền, không hơn. Chúng như thế, vì chúng sinh ra phục vụ cho đối tượng bình dân, một số cái miệng của những bộ óc kia nói thế, họ chưa bao giờ dám nhận là mình dốt, bất tài, chỉ viết được thế là đứt hơi rồi!

Nếu tất cả độc giả khi đọc một tác phẩm, đều có phản ứng "Cái gì thế?" chắc chắn từ giác quan mắt (đọc chữ), ở họ xuất hiện và lan truyền cảm hứng tò mò, đồng thời muốn khám phá trọn vẹn tác phẩm, tức là người viết biết cách lôi kéo. Khi một tác phẩm có mở đầu cuốn hút và cái kết ám ảnh, tên tác phẩm gắn liền với tác giả, thậm chí quyết định số phận nghệ sĩ của anh ta, thì anh ta đã thành công. Theo tôi, nhận định trên có thể ứng với nhiều loại hình sáng tạo khác:

Công chúng tạo nên nhà văn (danh từ gọi chung nhà văn, nhà thơ), nhà văn hình thành và nhân rộng công chúng của mình, nếu anh ta có đủ tài và can đảm. Can đảm (nhấn mạnh - chứa đựng bản lĩnh) để độc mã đến đích, không vì những lời bàn tán mà thay đổi tâm lý và cá tính biểu hiện.

Khi nhà văn tung tác phẩm ra công chúng như một thách đố, tức là chắc chắn tác phẩm có cái gì đấy làm anh ta tự tin.

"Bài thơ hay nhất - là bài thơ chinh phục người đọc không vị thế của nền âm nhạc khi ra "đấu" trên trường quốc tế. Gần như Opéra, và các vở bi kịch, cũng không có khán giả: Người ta thích nghe hát (dù playback) và thích cười hơn (!). Tất cả những hiện tượng trên, không thể hiện nhu cầu, thị hiếu mà còn phản ánh trình độ dân trí,

trình độ xã hội của dân tộc.

Tác phẩm tâm huyết, là tác phẩm ra đời bởi sự thôi thúc, ám ảnh của người nghệ sỹ. Và nó thực sự có sức sống, khi ám ảnh được người xem. Với phản ứng "Cái gì thế?" lúc đầu, trở thành "Nói cái gì, kết thúc thế nào?" ở phần cuối, người xem tự làm đơn điệu, cũ mòn tư duy của chính họ.

Người biết thưởng thức, là biết sáng tạo khi xem tác phẩm, tức là biết tưởng tượng, liên tưởng, nhập vào diễn tiến tác phẩm, tâm lý nhân vật và sáng tạo nó một lần nữa. Có người đọc như thế thì quá lý tưởng, điều đó đòi hỏi họ phải có sự nhạy cảm, tri thức và trình độ thẩm mỹ.

"Chi tiết là vàng" (T. Sekhov) và *"Một chi tiết đắt, tương đương với một hình tượng lớn"* (Gabiel Garcia Market). Chỉ cần nhớ một chi tiết để nhớ tác phẩm và tác giả - điều ấy đã là hạnh phúc của nhà văn.

Nhưng độc giả của chúng ta hiện nay, gần như mất đi độ nhạy của lối cảm thụ đúng để có thể (biết) ám ảnh. Tư duy giải mã vẫn tiếp diễn làm cho tác phẩm nghệ thuật cứ bị soi chiếu theo lối suy nghĩ: nó phải rõ ràng và ứng dụng; đã làm độ ảo, lung linh (vốn cần có) không có chỗ xuất hiện lẫn tồn tại. Lối tư duy ấy lại tiếp tục tiến sang thế kỷ mới, như tư duy của người Pháp năm 1863 (!) khi họ cứ tranh cãi loạn lên: *"Bức tranh nói gì?"* khi Monet trình bày bức tranh *Le déjeuner sur l'herbe* (Bữa ăn sáng trên cỏ) mở màn cho chủ nghĩa ấn tượng.

Nhà văn, nhà thơ còn phải vật lộn để vượt qua các cửa ải.

Sự ngu xuẩn và phi lý tồn tại cả ở một số nhà biên tập (cả có tiếng lẫn không tiếng) cắt xén lia lịa tác phẩm hoặc loại bỏ nó, vì nó "xa đời sống" (bịa?) (và còn bởi họ chẳng hiểu gì - tất nhiên lý do thứ hai này họ giấu biến), hoặc mời (!) tác giả đến NXB để giải thích (nhưng thực tế là tác giả phải đưa ra lý lẽ thuyết phục nếu muốn giữ câu, hoặc đoạn mà nhà biên tập đánh dấu, rằng anh viết gì, hình ảnh này nói lên điều gì?)

"Cái gọi là trách nhiệm (nhà biên tập được ví như hải quan) kiểu ấy, làm tôi nghĩ tới câu: *"Sự nhiệt tình cộng ngu dốt, bằng cấp số nhân của sự phá hoại"* (V. Lênin).

"Nếu nhà thơ đã không thể nhốt mình trong ngôn ngữ của mình như nấp gió ở trong hòn đảo, thì thơ ca lại càng không thể sống mà không có sự trao đổi thường xuyên với quần chúng đọc nó" (S. Dopzinski, Pháp).

Nhưng để trao đổi thường xuyên, thì anh ta phải có hưng phấn, có nguồn, mới viết được: Trong khi đó, ở ta, việc chấp nhận hay không chấp nhận các trường phái hay phong cách một cách bình đẳng về sự xuất hiện hay tồn tại, đã (vô tình?) bó hẹp sự bung phá và sự bật của những hạt mầm, chồi búp, thì làm sao mong có cây đại thụ?! Định kiến và áp đặt luôn luôn là vòng kim cô kìm hãm và gây thiệt thòi cho cả một dân tộc, ở bất cứ thời đại nào, quốc gia nào. Cùng một yếu tố khác, nó làm giảm nhịp độ của tiến trình phát triển nền văn hóa, bởi văn học là gốc của mọi loại hình nghệ thuật.

Tất cả những ý tưởng sáng tạo đích thực, khi phát khởi đều cần được tôn trọng và tin tưởng; cũng như phải quan tâm, chăm sóc, đầu tư cho cả nghệ sỹ và tác phẩm thì mới có một tương lai bừng sáng và nở rộ!

"Trên mặt đất làm gì có đường, người ta đi mãi thành đường mà thôi" (Lỗ Tấn)

Có những tác phẩm chưa kịp tung ra, đã bị thu, bị hủy (nếu nó dở hoặc có gì đó, thì tại sao lại cho in ra?); hoặc vừa ra, đông đảo độc giả chưa kịp đọc thì đám bồi bút đã lố xô, cái khen toáng lên, cái lại đánh tơi bời. Con đường chưa thành đường, đã mất hút! Tất cả các loại hình nghệ thuật ở Việt Nam đều thiếu trầm trọng đội ngũ những người viết phê bình có trình độ cao, có tâm. Và độc giả mất phương hướng. Và các tác giả chịu sự thờ ơ đầy oan ức.

Giải Nobel - Bao giờ?

Ngày Việt Nam có nhà thơ được mời đến Stockholm nhận giải của Viện hàn lâm Thụy Điển, là khi ý tưởng trong tác phẩm Utopia (Không tưởng, được xếp vào trường phái triết học duy tâm siêu hình của Anh cách đây mấy thế kỷ) thành... sự thực! Có vẻ mặc cảm, tự ti và bi quan quá (?), nhưng bao nhiêu năm nữa điều đó xảy ra, thì không có lời đáp, dù chỉ là tiên đoán mờ mịt!

Hồ Chí Minh cho rằng: *"Một dân tộc dốt, là một dân tộc yếu"*; Đặng Tiểu Bình (Trung Quốc) khẳng định: *"Không có tình bạn vĩnh viễn, không có kẻ thù vĩnh viễn, chỉ có dân tộc là vĩnh viễn."*

Sự vĩ đại, lớn lao lại bắt đầu từ những điều tưởng như nhỏ bé, đơn lẻ. Mộng mị và huyễn hoặc, xét cho cùng, là thái độ ẩn chứa sự yếu ớt. Sao chúng ta chỉ dám nói nước mình bé nhỏ về diện tích, về vóc người (yếu tố sinh học) mà không dám nhận rằng chúng ta không có nền văn hóa lớn? Nền văn hóa lớn, tạo thành những cá nhân xuất chúng, làm nên tầm vóc của một dân tộc tồn tại với thời gian.

Do hoàn cảnh lịch sử, Việt Nam chịu ảnh hưởng và du nhập văn hóa Trung Quốc, Ấn Độ, Pháp. Tôi phản đối những người phủ nhận người Pháp không có công trong khai hóa văn minh cho Việt Nam, khi mà cuối thế kỷ 19, vua Khải Định triều Nguyễn còn gọi cái đèn điện ở Paris là cái đèn treo ngược; khi mà giáo sĩ Pháp Alecxande Rhodes là người tạo ra chữ quốc ngữ, (ngôn ngữ của chúng ta, chữ Hán chiếm quá nửa, cùng tiếng Pháp và một số từ tiếng Anh). Thế kỷ 20, Việt Nam làm được kỳ tích: đánh thắng được 2 đế quốc xâm lược hùng mạnh Pháp và Mỹ, nhưng chúng ta không có tác phẩm đồ sộ mang tầm vóc thời đại ghi lại thời kỳ này, như *Chiến tranh và hòa bình* của Liev Tolstoi, hay *Những người khốn khổ* của Victor Hugo (Pháp) về lịch sử xã hội và cách mạng Pháp thế kỷ 18.

Đổ lỗi cho chiến tranh?

Nhật Bản có chiến tranh và tham gia Đại chiến thế giới lần II, năm 1945, bom nguyên tử của Mỹ ném xuống Hiroshima và Nagazaki, mà vẫn có Kawabata được giải Nobel đấy thôi?

Ấn Độ là thuộc địa của Anh. Năm 1913. R. Tagore vẫn lừng lẫy với giải Nobel cho tập *Thơ dâng.*

Sao cứ đổ lỗi cho chiến tranh, khi ở một mặt nào đó, chiến tranh cần phải được xem như một tất yếu của vận động lịch sử và là tác động cho sự ra đời nhiều tác phẩm lớn. Sự đổ lỗi đó là nhầm lẫn!

(Chúng ta đã có những nhầm lẫn mà có khi chúng ta lại xem nhẹ, chẳng hạn như sự nhầm lẫn... lịch sử! Suốt hai mươi năm, in vào sách giáo khoa rằng Bùi Quang Thận là người đầu tiên cùng xe tăng 384 tiến vào Dinh độc lập, trong khi sự thật xe tăng 390 cùng bốn chiến sĩ. Nếu không có tấm ảnh của một nữ nhà báo Pháp, thì không biết sự nhầm lẫn này còn kéo dài tới lúc nào?)

Dân tộc nhỏ bé?

Đất nước của người Ava, có số dân ít ỏi, tiếng Ava không phải tiếng phổ thông (tiếng Nga là ngôn ngữ chung cho toàn Liên bang Xô viết, gồm 15 nước Cộng hòa) bên thảo nguyên Cazakh, vẫn có Razun Gamzatov với *Núi đồi và thảo nguyên* lừng lẫy đấy thôi!

Chúng ta có người tài, nhưng chúng ta không có nền văn học lớn?

Vì người có tài ấy, tài chưa đủ; hay vì sự vận động chung bị bế tắc gì đó mà ta chưa biết hoặc chưa lưu tâm kiến giải??? Ta sẽ tự an ủi với tinh thần AQ: nền văn minh 5000 năm của Trung Quốc, văn

học có nhiều tiểu thuyết đồ sộ thế, mà chưa được giải Nobel nữa là! Nhưng nên nhớ: nhà văn Lỗ Tấn đã được công nhận là danh nhân văn hóa thế giới. Và sự vĩ đại của Trung Quốc khiến cả thế giới phải khâm phục, kể từ Vạn Lý Trường Thành.

Theo tôi, có 2 điều cần nhất đối với chúng ta: Trước hết, là phải nhận thức đúng về vị thế của mình. *"Không biết xấu hổ vì không bằng người, thì bằng người sao được,"* câu ấy không chỉ đúng với thời Lão Tử.

Thứ hai, phải không ngừng vận động, cứ chịu ảnh hưởng đi, cứ học hỏi đi, nhưng hãy biết sản sinh tác phẩm mang dấu ấn của mình. Sáng tạo nghệ thuật cần phải biết ăn cắp, nhưng quan trọng hơn hết là phải biết phi tang.

Nghệ thuật là nửa giống nửa không giống.

Bê nguyên cuộc sống lên trang viết, không thể gọi là nghệ thuật, vì đó là phi sáng tạo.

Những bài thơ tình tứ hay nhất của Louis Aragon, nhà thơ Pháp, là những bài viết về Enxa, người phụ nữ Nga, bạn đời của ông. Trong bài thơ Exna ngồi trước gương, ông tả mái tóc nàng:

"Khi em chải tóc
Mái tóc bồng bềnh bung ra muôn đám lửa
những lọn tóc như bầy cừu lao xuống từ trên núi"

Những lọn tóc như bầy cừu? Quá mới và quá đúng. Thắc mắc: tại sao lọn tóc lại so sánh với cừu là cách cảm thụ ngớ ngẩn!

Khi tôi viết: *"giá đôi mắt em lá khoai để nỗi buồn không ở lại," "em hiền như con bê vàng"* hoặc *"như con lạc đà mới lớn bỏng lưng trên sa mạc,"* thì chẳng lẽ cô gái (nhân vật trữ tình) bị hiểu giống con bê và con lạc đà?

Nhà văn không có tác phẩm hay, anh ta không thể đổ lỗi cho bất cứ lý do gì, ngoài sự thật tài năng èo ọt. Nhưng những lý do kể trên, cũng làm nền văn học của chúng ta bị kìm lại. Người nghệ sĩ luôn phải vật lộn để có tác phẩm, trạng thái sống bất trắc và tâm lý bất ổn thường xuyên. Trân trọng bằng cách khích lệ vật chất xứng đáng, thể hiện sự coi trọng nghệ thuật, chính là cách để tôn vinh nghệ sĩ và thúc đẩy sự ra đời của một nền văn hóa lớn.

Pháp có thể coi là một trong những thiên đường của nghệ thuật. Ở đây, người ta chấp nhận mọi trường phái sáng tạo và nghệ sĩ được

coi trọng bậc nhất. Hiếm có nơi nào trên thế giới, nhà văn được coi như bậc thánh. Nhà văn Saint Exupéry được gọi là "Saint - Ex" - tức Thánh Ex. (Dù tác giả *Hoàng tử nhỏ* đã chết năm 1944 cùng phi hành đoàn ở ngoài khơi cảng Marseilles, miền Nam nước Pháp).

Phải mưu sinh và đời sống chưa cao, nên không thể có tác phẩm lớn?

Văn hào Pháp Honoré de Balzac, cả đời, sống trong tình trạng trốn nợ liên miên, nợ tiền thuê nhà, dù chỉ ở trong những căn phòng ổ chuột. Đói *("Tôi ăn bánh mì tẩm trong não"* - H. Balzac). Ức chế dục vọng. Bệnh tật. Vẫn *có Tấn trò đời* và nhiều kiệt tác.

Lục địa đen châu Phi, xứ sở của đói rét lạc hậu, từng có hơn một nhà văn được giải Nobel.

"Tình yêu là một làn khói tạo bởi hơi nước của những tiếng thở dài" (Shakespeare).

*

Nhà văn, nhà thơ, phải ý thức sâu sắc thiên chức của văn học và sứ mệnh của mình. Về điều này, nhà văn Đức Guner Grass, đoạt giải Nobel năm 1999 (với tác phẩm *Cái trống thiếc*) nói:

"Có thể nói được gì đây, khi ngày lại ngày loài người luôn khẳng định năng lực bằng đủ mọi cách phá hoại sự tồn tại của mình cùng sự tồn tại của muôn loài. Tương lai đang bị cùn mòn và tiêu tán ngay trước khi nó tới.

Đôi lúc, tôi có cảm giác rằng, những người như chúng ta giống như những con khủng long hay những sinh vật đã bị tuyệt diệt của thời đại này.

Chỉ trong quá trình đấu tranh với địch thủ, mới có thể trưởng thành. Liệu kinh nghiệm của thế hệ chúng ta có truyền thụ được cho thế hệ sau? Chúng ta tin rằng, thế hệ những người dám nổi loạn sẽ xuất hiện!"

Khi ném những mảng màu lên toile thành những bức họa, những bức chân dung những người đàn bà - người tình của mình, trải qua nhiều cay đắng, một ngày kia, lúc đã là họa sĩ lừng danh, Picasso nói: *"Phải cần rất nhiều thời gian để trở thành trẻ thơ."*

"Trong bất kỳ một đứa trẻ nào cũng có một người lớn đang hình thành, và trong bất kỳ người lớn nào cũng có một đứa trẻ con không bao giờ già đi." (Huy Cận).

Không phải thế! Đứa trẻ con trong mỗi người lớn của thời

đại chúng ta đang già đi, cũ đi, lãnh cảm dần đi. Đừng để những đứa trẻ trong mỗi chúng ta vụt chạy, trước khi chúng ta cùn mòn cảm hứng sáng tạo. Khi chúng ta tin và chờ những người nổi loạn (nổi loạn tích cực, tạo ra một Thời Đại Mới cho thi ca Việt Nam, sức vóc mạnh mẽ cho văn học Việt Nam) xuất hiện, trong sự hối thúc.

VI THÙY LINH
2000



VI THÙY LINH
con đường

Ấp ủ anh từ trong mộng mị
Những búp sen hồng lung linh đám lá tàn
Lá sen ủ đôi bàn tay héo đã vươn non tơ vào những tàn cây xa thẳm nơi anh bưng âm vọng.
Em đông vào mùa đông
Hoảng hốt mãi không thôi hoàng hôn em vùng vẫy bóng tối
vùng vẫy những-giọt-đau-chưa-kịp-khóc-bao-giờ
Đêm nào, tưởng như mới vừa, vì còn hơi anh còn vết siết anh ôm em trở mình lăn mùa qua ngực
Đêm nào em lẻ em đổ nghiêng tiếng gọi
Gân xanh trên tay trổ những con đường...

Rồi ước vọng khôn lường đánh bật gốc sự ì trệ bất cần của chúng ta
Chúng ta lại vùng dậy, lao tiết tấu cật lực
Ta bỏ rơi bóng mình trên con đường gân xanh đang mọc
Cho đến khi bóng đổ dưới cỏ
Vẫn ghì chặt nhau không thể tách rời
Đội sự sống khỏi hữu hạn sinh tồn
Những con đường trổ từ hai người yêu nhau nối dài bất tận
Anh giấu em cho riêng mình anh
Mỗi ngày một lời chào mới.

sinh ngày 4 tháng 4

Những con kiến rừng yêu mùa nào, để đẻ trứng đúng vào tháng Tư
Cả tháng Tư em em bồn chồn như cả rừng kiến đốt
Như con ong
Em khích động anh bằng tưởng tượng có thật
...
và đáp lại tất cả thèm muốn
Anh và em trong trắng trong Vũ-trụ-sơ-sinh
(Những bí ẩn được khơi mở như thể nếu không, người ta sẽ điên lên vì bức bối)
Em bắt đầu yêu anh, và
Anh yêu em, bằng sự cực đại được khuếch tán
Sự tối tăm và sáng láng
Sự chôn chân và những cuộc bay
Cái lưỡi mềm của anh nơi gan bàn chân em
Làm thế giới hóa lỏng
Em như bông lúa chín

*

Trò *domino* với hiệu ứng lan truyền, đổ sang nhau những ăn năn-bất cần,
trong sạch-vấy bẩn, ý nghĩa-vô bổ, cạn kiệt-lấp đầy, tuyệt vọng và ngộ nhận, đoàn tụ và lưu lạc, trấn tĩnh và hoảng loạn
Sự ầm ỉ chen đua của đám đông chỉ là một chế giễu cho mặt đất chật hẹp
Những tranh cãi chằng chịt chẳng biện mình điều gì

*

Anh nói, nơi khuôn mặt em, đôi mắt gọi, nhưng anh yêu cái miệng hơn, cái miệng biết yêu anh hơn mọi ve vuốt của lời nói
Một tình yêu phi thường của những Định mệnh khác thường
Là sự kết hợp hoàn hảo
Không chỉ ánh sáng tự nhiên của thân thể được gột rửa và tái sinh
Sự hợp nhất kỳ diệu làm anh cùng em lớn lao, trước những ngạc nhiên không kiềm chế của mọi người

Xung quanh, tất cả đều lạnh lẽo, sau khi em ở bên anh em đã gần anh thuộc về anh trong tình yêu đôi ta anh vắng mặt
Dẫu sự vắng mặtcủa anh là thường hằng
Em thuộc về sự sống của anh, trọn vẹn.

khúc hát buổi tối

1. Khi giải cầu vồng như một người đàn bà nằm sấp, bị đè bởi bóng tối
Em níu chặt nỗi sợ nơm nớp
Không có anh xé toạc chiếc váy đang trùm lợp mạch nguồn hồn nhiên chảy
Em rọc màn đêm bằng đôi mắt mỏi
Tự giải mã đời mình qua đường chỉ tay không phải là trò giết thời gian, mà là cách tự an ủi để chấp nhận.

2. Buổi tối đồng nghĩa với sự tồn tại nguyên vẹn bản thể
Em sống bằng những khao khát mà không sợ bất cứ ai cho rằng: "bóng tối đồng lõa với những điều không minh bạch".
Buổi tối - bắt đầu một ngày sống với đam mê thành thực, bắt đầu của ham thích và nỗi sợ.
*
Em lập lòe hát anh ròng rã những ca từ bật lên như những loài cây lạ mọc từ đồng bằng khai nguyên.
Đó là những buổi tối dài hơn tất cả những hơi thở dài cộng lại, em cứ hỏi mãi lớp vải bao bọc mình (thường bị hất tung) về sự tồn tại hay không tồn tại một người đàn bà như em
Chỉ có một thân thể ướt những câu hát
Chỉ đôi vú - mái đình - đâm bức bối.
3. Chiếc áo của anh trở thành linh vật của buổi tối
Em đã ôm chặt, như thể càng ôm chặt thì anh càng mau xuất hiện
Vừa đi vào giấc mơ, em vừa gieo tình yêu của anh vào mùa đông nứt nẻ

thân thể trắng vỡ bùng bóng tối
Vỡ bùng bằng sức nóng của ánh sáng tình yêu, khi ánh sáng thiên nhiên tắt
Buổi tối anh đến là một bình minh được ngợi ca
Thuộc về anh, sự bắt đầu của em.

4. Khoảng cách đẩy em và anh ra hai đầu tiếng gọi, gọi đến khô người
Chúng ta nói để át tiếng những kẻ giả dối
Chúng ta nói như để chứng minh chúng ta rất mạnh và gồng lên theo âm điệu của giọng nói
Chúng ta dùng lời nói như một thứ quyền lực để giải thoát cho sự bất lực của mình
Chúng ta nói quá nhiều
Những cái lưỡi oằn mình nâng đẩy ngôn ngữ, cố chống lại sự can thiệp ác nghiệt của hoàn cảnh.
Hãy để lưỡi lướt trên thân thể và chúng ta nói với nhau bằng nhịp thở của lưỡi của những ngón tay hội tụ hàng triệu tín hiệu cộng hưởng.

5. Ở phía mùa thu lá chưa mặc nắng vàng và mùa đông chưa kịp đỏ, những chiếc áo- linh vật - treo anh và em vào sự chờ đợi vô cực
Em vô cùng hồi hộp về ngày mùa xuân băng qua khoảng không ngàn dặm đến với anh, để lời nói trở thành tử ngữ; về con của chúng mình cứ nấp trong anh (chúng ú tim để xem cha yêu mẹ đến mức nào rồi mới chào đời)
Những đứa bé sẽ hạ cánh xuống vú đồi, vỡ tiếng cười nắc nẻ trong vắt và hát thơ của mẹ, cha

6. Em không muốn tìm ai khác nữa
Khi con người em, cùng những bí mật của em (những bí mật từ cha mẹ đến Chúa Trời đều không biết), anh chiếm giữ
Không có niềm kiêu hãnh nào bằng hạnh phúc khi em tự nguyện lệ thuộc anh - một định mệnh được chờ đón
Em nở trong tay anh cho đến khi anh dắt em vào một kiếp sống khác.

VI THÙY LINH



KIM THI
ngày... nháng...

Mục này nhiều năm trước được trách nhiệm bởi Kim Thi.

Hơn năm nay, vì có lắm đổi thay trong tâm thức cũng như trong cuộc sống cá nhân, Kim Thi quyết định không viết nữa. Nhưng cũng hơn năm nay, một số văn hữu và độc giả, qua thư từ, điện thoại, yêu cầu Kim Thi viết lại.

Để đáp đền lòng yêu mến của tất cả, và cũng để góp phần tái tạo diện mạo Hợp Lưu, *Kim Thi cố gắng khắc phục mọi trở lực, từ số này trở đi, sẽ có mặt thường xuyên cùng với các tác giả khác.*

KIM THI

Ngày... tháng...

Nơi tôi ở cách nghĩa trang bảy phút đi bộ. Mặc tiền nghĩa trang xoay ra đường Bolsa, một trong các trục lộ lớn của thành phố Westminster. Đấy là nơi hầu hết cư dân Việt Nam chọn an táng hoặc hỏa táng người thân khi qua đời. Đấy cũng là nơi Nguyễn Tất Nhiên, Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Nguyên Sa, Lê Uyên Phương, Trầm Tử Thiêng... yên nghỉ. Ba tháng trước, sáng nào tôi cũng đi bộ ngang nghĩa trang, trên lộ trình một dặm vuông quanh chỗ ngụ cư. Chỉ bảy phút sau khi rời nhà, nếu không có hàng rào kẽm ngăn khu vực "cõi âm" ấy với đường Bolsa, tôi có thể tạt vào, đốt điếu thuốc, rít vài hơi rồi cắm vào chân nhang nào đó, phía trên tấm bia mộ bằng đá đen có chân dung Mai Thảo thời trung niên và bốn câu thơ của anh:

Thế giới có triệu điều không hiểu
Càng hiểu không ra lúc cuối đời
Chẳng sao, khi đã nằm trong đất
Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi

Suốt mùa hè vừa qua, tôi là khách vãng lai chăm chỉ nhất của nghĩa trang. Chả để thăm viếng ai cả, chỉ vì nếu tôi cứ gian chân trong bốn vách tường nhà kho hâm hấp nóng, không khéo có ngày chết ngộp. Đến các công viên tôi ngại đường xa, thôi thì chui vào nghĩa trang, tiện nhất! Gần nhà, mát mẻ, thoáng khí, tuyệt đối yên tĩnh. Để trốn nắng và nóng, có lẽ không nơi nào lý tưởng bằng chốn ấy. Những con đường nhỏ rợp bóng cây, những bãi cỏ xanh, những dãy bia mộ nằm sát mặt đất với những tên người lạ quen lẫn lộn. Lửng thửng một mình, bước qua từng bia mộ, đọc tên và nhìn chân dung từng người quá cố, rồi bằng vào information ấy, tôi tha hồ thả trí tưởng tượng bay bổng. Ông này hẳn to béo đẩy đà, cằm nung núc thế kia, thể nào bụng cũng bự. Bà ấy mắt có đuôi, đa tình phải biết. Cậu kia lông mày dựng ngược, tính tình bặm trợn có thừa. Cô nọ mặt trái xoan diệu dàng, chết trẻ, uổng quá... Trùng điệp mộ bia, cái nọ cách cái kia chừng bốn gang tay, đầy kín diện tích nửa dặm vuông, tôi có thể nhìn và đọc và "phê chuẩn" và dựng lên trong đầu nghìn nghìn tiểu sử, gập ghềnh buồn thảm hay an lạc hạnh phúc, qua chân dung người nằm bên dưới, và qua tình cảm nội tâm của chủ quan tôi, hết năm này qua tháng nọ,vẫn không sợ bị cliché. Bạn đã là nhà văn, hay đang muốn trở thành nhà văn, hãy nghe tôi, vào nghĩa trang dạo chơi. Với kho tư liệu vô tận kia, chỉ sợ bạn không đủ tài và sống không đủ lâu để khai thác hết.

Mùa đông, dĩ nhiên vào đó có họa điên! Sương mù và lạnh. Môi trường ảm đạm, thê lương.

Thế mà tuần trước, tôi bỗng muốn viếng thăm thế giới rét mướt ấy! Tôi mong tìm thấy một chút cảm giác lạ. Cuộc sống phẳng lì, trơn tuột, hết ngày này sang tháng nọ. Buổi sáng, cũng trên lộ trình kia, cũng quán cà phê nọ. Buổi trưa, buổi chiều, buổi tối, cũng chừng ấy công việc, chừng ấy nơi đến, chừng ấy chỗ ngồi, chừng ấy khuôn mặt, chừng ấy câu chuyện.... Bạn bè tôi đông, thuộc mọi thành phần xã hội, có đứa lương tiền ba cọc ba đồng, có đứa sung túc nhà cao cửa rộng. Dù giàu hay nghèo thì tựu chung đứa nào cũng vợ chồng con cái êm ấm. Thế mà cuối tuần nào tôi cũng thấy chúng hẹn nhau tụ tập ở một quán xá nào đó. Sau trận nhậu, con đường duy nhất chúng sẽ chọn là xa lộ 91, đưa đến Las Vegas. Chúng đến đó tất nhiên để đốt tiền! Một đứa nói với tôi: Bọn tao không có máu đỏ đen, nhưng ít ra lên trên ấy còn tìm được đôi chút cảm giác, chứ quẩn quanh trong cái bộ lạc da vàng này, nẫn chịu cóc thấu. *Nẫn chịu cóc thấu*! Đó là tâm trạng chung của những người cùng lớp tuổi như tôi, lớp tuổi trên dưới năm mươi. Hội nhập vào xã hội này thì không thể, và không hợp, mà quẩn quanh bù khú với nhau thì có gì hay ho hấp dẫn đâu ngoài mớ dĩ vãng hào hùng (thật có, giả có) nhắc hoài nhắc mãi đến nhàm, nhạt và lạc điệu phát lợm giọng. Vậy thì, ý muốn vào dạo chơi trong nghĩa trang lúc thời tiết rét cóng và ẩm ướt thế này, để tìm tí cảm giác mạnh, nào phải chuyện lạ.

Ban đầu, ý muốn chỉ nhen nhúm nhè nhẹ, vả, trời đất thế kia, kể cũng ngại thật. Nhưng dần dần cái muốn tăng trưởng mạnh. Không đừng được, tôi buông cọ, rửa tay, mặc thêm áo lạnh rồi đóng cửa ra đi. Giữa đông, Cali ngày ngắn đêm dài, năm giờ đã nhá nhem, sương mù ùn lên đậm đặc. Những tàng cây âm u lặng gió, con đường nhựa dẫn vào khu vực trung tâm hun hút sâu. Tôi đi trong biển sương mù, nửa thích nửa sợ. Trên năm mươi tuổi, chuyện hồn ma bóng quế tất nhiên tôi không còn tin, nhưng sợ thì vẫn sợ. Cái sợ ăn sâu trong tâm não, từ bé thơ, trở thành phản xạ mỗi khi bước chân vào thế giới "cõi âm". Tôi đến cuối nghĩa trang, dừng chân trước bia mộ thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên nằm dưới gốc cổ thụ hình thù dị dạng. Nơi đây đã trở nên quen thuộc, với những tên người hầu hết tôi từng có thời tiếp xúc. Nghĩa trang nhiều cây, nhưng gốc cổ thụ này đặc biệt nhất. Thân lớn dễ chừng hai vòng ôm, sát gốc, nhiều nhánh to tỏa ra, cong queo, uốn lượn, sà chạm mặt đất. Từ mộ Nguyễn Tất Nhiên, bước lùi về phía sau chừng ba mươi bước, là nơi an nghỉ của thi sĩ Nguyên Sa. Bước trái khoảng hai mươi bước, là mộ nhạc sĩ Phạm Đình Chương... Cứ thế, lấy

chỗ nằm của Nhiên làm tâm điểm, tôi có thể tìm ra khá chính xác và dễ dàng nhiều “địa chỉ” quen thuộc khác, nếu muốn. Độc giả hẳn biết, nghĩa trang ở Mỹ được tạo tác giống như công viên, bia mộ ngang bằng mặt đất, trùng điệp, lẫn trong cỏ, giữa một diện tích mênh mông với hệ thống đường sá tăp tắp. Vì thế, sẽ rất khó khăn nếu muốn tìm đúng nơi cần tìm, cho dù trước đó chúng ta từng đến hàng chục lần. Cây cổ thụ dị dạng kia là “dấu mốc” đặc thù nhất, giúp mọi người có thể nhanh chóng định vị từ xa phần mộ người thi sĩ bất hạnh.

Tôi đứng khá lâu trước bia mộ Nguyễn Tất Nhiên, đọc lại bài thơ được khắc trên đó, bài thơ như những lời tiên tri về cái chết của chính mình:

Ta phải khổ cho đời ta chết trẻ
phải ê chề cho tóc bạc với thời gian
phải đau theo từng hớp rượu tàn
phải khép mắt sớm hơn giờ thiên định!
(vì thượng đế từ lâu kiêu hãnh
cầm trong tay sinh tử muôn loài
tình ta vừa gánh nặng thấu xương vai
thì em hỡi, ngôi trời ta đạp xuống!)
(trích bài thơ Giữa Trần Gian Tuyệt Vọng, 1972)

Mặt bia đá bụi đất nhem nhuốt, vài chiếc lá khô mũn nhão, tôi cúi xuống dùng tay phủi sạch. Hình ảnh Nguyễn Tất Nhiên trong những tháng cuối cùng quẩn đọng trong đầu tôi. Khuôn mặt xanh xao vàng vọt, tia nhìn đăm đăm ngây ngô, hàm răng vàng bựa, thân thể lêu nghêu, hai cánh tay vượn, khi đối thoại với bất cứ ai, luôn vòng ra sau ót gải gải. “Tao vừa làm xong một *Minh Khúc* nữa, đăng không?”. “Đăng chứ.” Bàn tay rời khỏi ót, thọc vào túi áo sơ mi nhàu bẩn, lôi ra tờ giấy gấp tư, cùng lúc với tay kia chìa ra: “Nhuận bút đâu?”. “Về nhà tao đi, về nhà tao đưa nhuận bút, nhân tiện, làm vài chai, OK?”. Dĩ nhiên OK ngay. Mười một năm phụ trách bài vở cho tờ tạp chí này, Nguyễn Tất Nhiên là người duy nhất được tôi trả nhuận bút. Có thơ, nhuận bút đã đành, không thơ, cũng trả. Trả, như một hình thức chia bớt chút “tư sản” vốn èo uột của mình cho một thằng bạn “vô sản” cực kỳ chuyên chính.

Những tháng cuối cùng trước khi tự chọn cho mình cái chết bằng những viên thuốc ngủ, bệnh tình Nguyễn Tất Nhiên khá nặng, hắn thường xuyên sống dật dờ trong thế giới khác, đầy ắp hoang tưởng. “Con kia yêu tao quá, tao phải gắng lấy xong cái master về văn chương,

rồi thu xếp cưới nó." Để chứng minh công phu dùi mài kinh sử, hắn chìa ra cho tôi xem một cuốn *English for today*, tập một, dành cho học sinh lớp bảy ở Việt Nam xưa kia, nói say sưa, chân thành: "Tao đang nghiên cứu văn chương Anh để làm cái luận án ra trường!" Riêng "con kia", người thiếu nữ "yêu tao quá" Nguyễn Tất Nhiên vừa giới thiệu, có thể là bất cứ ai. Cô bé đánh máy trong tòa soạn nhật báo Người Việt, chị bán hàng thương xá Phước Lộc Thọ, em chạy bàn quán Cà phê Baron, hay thậm chí cả... vợ bạn, nếu "chẳng may" chị ấy gặp Nguyễn Tất Nhiên đâu đó, xót lòng khi nhìn thấy cảnh sống lây lất bữa đói bữa no của hắn, dúi cho vài chục, hay mời một bữa cơm..., thế là thể nào cũng sẽ có lúc bạn được Nhiên gọi ra chỗ vắng, mặt mày nghiêm trọng cảnh báo: "Từ nay tao sẽ không đến nhà mày được nữa. Vợ mày yêu tao quá, nếu tao còn đến, sẽ gây cho mày nhiều đau khổ..."

Ngoài bệnh hoang tưởng, Nguyễn Tất Nhiên còn bị một ám ảnh kỳ lạ. Lúc nào hắn cũng chìm ngập trong trạng thái hoang mang lo sợ, lúc nào hắn cũng quả quyết đang có một tổ chức nào đó phái người theo dõi, truy nã, giết tróc hắn. Đang ngồi với anh em trong quán, Nguyễn Tất Nhiên bỗng đứng bật dậy khi thấy một người lạ đi ngang: "CIA nó phái thằng này theo dõi tao..." Chưa dứt câu, Nhiên đã vội vã đi vòng cửa hông, thoát ra đường, biến. Nhà thờ, chùa, Cao Đài, Hòa Hảo, CIA, Công An chấp Pháp, KGB, Phát xít Đức, Quốc Gia, Cộng Sản, Đại Việt, Quốc Dân Đảng, thậm chí ngài đương kim tổng thống xứ Bolsa, thiếm chủ tịch Cộng Đồng... thảy đều lấy Nhiên làm đối tượng theo dõi. Một lần, tôi nắm tay giữ hắn lại, cao giọng: "Ngồi xuống, nhảm vừa vừa chứ." Thế là Nhiên trở nên hung tợn bất ngờ, chồm tới vơ chai bia trên bàn, dợm phang vào đầu tôi. "Mày đồng lõa với bọn kia định bắt tao à?" Cả bàn nhốn nháo. Tôi hoảng vía, vội vàng tìm cách vuốt ve, giải thích. Cuối cùng Nhiên chịu ngồi xuống, nhưng chưa đầy hai phút sau, lại đứng bật dậy: "Không được, ở đây nguy hiểm quá, tao phải đi."

Ám ảnh và hoang tưởng mỗi ngày mỗi nặng, chúng tôi ngại rồi sẽ đến lúc Nhiên hoàn toàn không còn biết mình là ai.

Thế mà, lạ lùng thay, giữa cõi tối tăm của tâm thức mù lòa ấy, lại lóe sáng một cách kỳ lạ những tia lửa của tài hoa khi Nhiên chạm đến thơ ca. Những sáng tác của Nhiên thời kỳ này chân thật đến nao lòng. Tôi chịu, không thể nào hiểu hắn làm những bài thơ ấy vào lúc nào, và cái gì đã giúp hắn tỉnh táo để có thể nặn ra được mớ chữ nghĩa giàu hấp lực kia. Cái hấp lực người bình thường như chúng ta thúc thủ, đã đành, mà ngay cả nhiều tài năng thi ca khác, cũng sẽ vất vả vô cùng,

nếu muốn thủ đắc.

buồn ơi...
tôi bỏ tôi chìm đắm
trong tiếng làm thinh của ghế bàn
ghế bàn không xẻ chia sầu thảm
nhưng biết làm thinh lặng cảm thông
...
buồn ơi, tôi muốn như bàn ghế
chịu đựng đời không biết thở than!

buồn ơi...
tôi bỏ tôi tàn tạ
lạy đời xin một bận ngó lơ
...
buồn ơi, tôi muốn hôn đời sống
dù môi nhàu nứt nẻ thương đau!

(...)

Buồn ơi...
tôi bỏ tôi rời rã
bất lực làm sao trước cuộc đời
....
ừ nhỉ, bây giờ tôi mới biết
ghế bàn nên kính trọng như thầy
bàn ghế dạy tôi điều nhẫn nhục
dạy tôi bình thản thứ tha đời
...
buồn ơi, tôi muốn như bàn ghế
thương đời như thể bỉ khinh thôi!

buồn ơi...
tôi bỏ tôi gần chết
tay đời bít lối chẳng ngưng tay
u đầu sứt trán lao vào vách
tội tình tôi sao nặng thế này?

buồn ơi...
trong đám đông tàn nhẫn

một người chứng kiến đủ cho tôi
nhờ ai tôi đã thành tâm nhẫn
nhờ ai tôi phục dưới chân đời
buồn ơi, tôi muốn như dòng lệ
cay đời như kẻ thích ăn cay!

buồi ơi...
tôi có tôi-bàn-ghế
nguyện hiến cho đời một tấm lưng.

Tiếp theo loạt thơ này là mười bài *Minh Khúc*.

Điều không hiểu của tôi trở thành kinh ngạc khi lần lượt đôi ba tuần, vài tháng, Nhiên lại dúi vào tay tôi một *Minh Khúc* (để khoe, và cũng để đòi nhuận bút). Đó quả thật là những tâm khúc, xuất phát tận đáy lòng, là sự quằn quại của một trái tim bầm dập thương tích. Dĩ nhiên tôi kinh ngạc không phải vì những bài thơ này, theo tôi, có thể nói hay nhất trong sự nghiệp thi ca của Nguyễn Tất Nhiên, mà vì nó đã được khai sinh từ một... người điên, một người hoàn toàn đánh mất mọi ý niệm về thực tại và hiện sinh của mình. Ăn, không biết đang ăn gì, ngon dở thế nào; nói, không biết nói điều chi, nói với ai. Thế mà hắn cầm được cây viết, thả được xuống mặt giấy những con chữ tỉnh táo, ngay hàng thẳng lối, rất học trò (khi làm thơ, Nguyễn Tất Nhiên cực kỳ cẩn trọng, sửa chữa, chép đi chép lại hàng chục lần một bài thơ dù chỉ mươi câu. Bản thảo cuối cùng hắn đưa đăng báo, lúc nào cũng sạch sẽ, gọn gàng, không một vết dập xóa). Các bạn thử đọc vài bài trong *10 Minh Khúc* tôi trích dẫn sau đây, sẽ hiểu được sự kinh ngạc của tôi:

chút lòng đáp lễ cho nhau
vết đau hạnh ngộ kiếp sau bù đền

chút tình, đáp nghĩa nhân duyên
dấu sinh ly mãi còn riêng vợ chồng

chút son thô, chắc đủ hồng
cho môi ai dễ thương còn thương thêm

em cười, không sót chút duyên
cho anh chê xấu mà quên chữ tình
em tươi, không sót chút hiền

cho anh chê nết không thèm dây dưa

thôi thì tan hợp nghìn xưa
thì thôi gió đập đò đưa mặc đò...
(Tâm Khúc 4)

đường không gian - đã phân ly
đường nhân gian - đã một đi không về...

những con đường mịt sương che
tôi vô định lái chuyến xe mù đời
cu tí ngủ gục đâu rồi?
băng sau, ngoái lại, bời bời nhớ con!

đường trăm năm - nát tan lòng
đường ngàn năm - hận, xin đừng trả nhau!

những con đường cuối năm nào
cho tôi tìm lại cành đào ba sinh
khi em lễ mễ với tình
thắp nhang tạ tội sinh thành con đi...

đường chung đôi - đã chia đời
đường chia đôi - vẫn hai người quẩn quanh

chim đêm hót tiếng đau tình
đau tim tôi chở lòng thành kiếm em...
(Minh Khúc 6)

ơn đời tha thứ cho nhau
ơn người buông thả nhau vào nhớ quên
ơn sông kỷ niệm dòng hiền
mang mưa hiện tại kêu thềm nhà
xưa:

nhà xưa
có lửa hương vừa
có đau đớn đủ

có chưa trọn đời
có dòng nhẫn nhục rơi
rơi
xuống môi run rẩy khóc muồi trăm năm
có chung mang một chỗ nằm
có riêng quang gánh nên
đường đôi
nơi!

ơn chim hót tiếng thương người
sáng nay thức dậy
vườn đời
thiếu
nhau!
(Minh Khúc 7)

đẩy nhau đến tận tàn đời
đủ chưa? đau khổ bật lời yêu thương
hiu hiu gió nhẹ nhàng thường
bóng cây thư thả động lòng tháng năm...

xô nhau cuối tận đường hầm
gặp chưa? tia sáng từ tâm nhiệm mầu
hay là hóc hiểm thâm sâu
vẫn nuôi ích kỷ cho màu tàn phai...

dìu nhau trên những đường dài
đâu đâu cũng tiếng người thay đổi lòng
rồi sao? có thấy chi không?
con ơi, bố mẹ diễn tuồng phân ly...
(Minh Khúc 10)

Đêm đã thực sự phủ trùm lên nghĩa trang. Những ngọn đèn vàng bủng, mù trong sương. Chung quanh vắng lạnh rợn người. Cảm giá sợ tăng vọt, đẩy hình ảnh Nguyễn Tất Nhiên ra khỏi tâm trí. Tôi vội vàng đứng dậy, quay lui. Ra đến gần cổng, nhìn con đường Bolsa loang loáng xe cộ ngược xuôi, tôi bật cười, tự nhủ, mình tệ thật, sắp xuống lỗ đến nơi sao gan mật vẫn nhỏ xíu như trẻ con.

Tôi định kết thúc buổi dạo chơi, nhưng chỉ cách vài mươi bước,

là mộ phần anh Mai Thảo. Tôi biết lòng sẽ không yên nếu không ghé thăm anh ấy. Tôi rẻ phải, đi vào con đường nhỏ tráng xi măng, ngang qua mái "đình" bát giác, bước đến và ngồi xuống vệ cỏ, sát cạnh tấm bia đá khắc tên Nguyễn Đăng Quí, chân dung anh và bốn câu thơ tôi đã chép từ đầu đoạn Nhật Ký này.

Trước đây mươi năm, thuở Mai Thảo còn sống và còn khỏe mạnh, gần như đêm nào tôi cũng cùng anh la cà ở các hàng quán trong khu vực quận Cam. Có thể nói chúng tôi là bọn tửu đồ thủy chung nhất của những hàng quán này. Không ông bà chủ quán nào không biết chúng tôi, thân tình đến độ nhiều hôm tàn cuộc, say quá, chúng tôi lừng lững đứng dậy ra về, không ai nhớ trả tiền, họ vẫn vui vẻ tiễn ra cửa. Nhiều lần như thế, tạo cho chúng tôi thói quen gọi chủ quán hỏi ngay khi vừa ngồi xuống ghế: "Hôm trước bọn này đã trả tiền chưa?" Nếu chưa, thì "lát nữa gộp chung cái bill cũ vào nhé." Nếu đã, thì "tốt, có món gì đặc biệt dọn ra đi." Mai Thảo là người nổi tiếng hào sảng và lịch duyệt trong ăn nhậu, cũng như trong cách đối đãi với mọi người. Anh thậm ghét bọn đàn ông nhỏ nhen bần tiện, lúc nào cũng thắt chặt hầu bao, đãi bạn một ly cà phê, về nhà đau bụng cả ngày! Cho nên đã trở thành định luật, với anh, là mỗi khi bước chân vào quán, dù chả bao giờ ăn, anh vẫn gọi vung thiên địa. Anh thường nói: "Chúng nó mở quán để kinh doanh, rượu chúng mày mang đến, thức ăn lại không gọi, thế thì chúng nó mở quán để chết đói vì chúng mày à?"

Dù hào sảng rộng rãi là thế, nhưng nhiều người vẫn sợ đi nhậu với anh. Bởi lẽ, khi chếnh choáng say, Mai Thảo chửi toáng, không chừa ai, không cần biết đối tượng thuộc thành phần nào, tuổi tác thấp cao ra sao. Tôi từng chứng kiến hàng trăm lần cảnh tượng nhiều nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ.... sượng cứng người, bỏ đi không được, ngồi lại chẳng yên, dở cười dở khóc, vì bị anh mang ra làm thịt không chút nể nang, giữa bàn nhậu. "Mày thì viết lách (vẽ vời, nhạc nhiếc) cái đếch gì? Hừm... bán chợ giời hợp hơn đấy!" "Văn với thơ, rõ khỉ, xéo mẹ đi cho chúng ông nhờ!" Thậm chí có người chịu không thấu, phản ứng lại, hoặc ngay tại chỗ, hoặc sau này, trên báo chí. Đó là nhược điểm của anh. Tuy nhiên, tiếp xúc lâu với Mai Thảo, sẽ hiểu anh hơn. Mai Thảo chửi chỉ cốt cho vui, cho có chuyện, như nhậu thì phải có rượu, có ly, có "mồi", có bạn nhậu. Ngày mai, tỉnh rượu, anh quên hết, hoàn toàn không biết mình đã nói gì, và có thể ngồi ngay vào bàn, cẩn trọng viết kín chín mươi trang giấy, để giới thiệu tác phẩm của người từng bị anh chửi đêm qua, rằng "văn chương của mày chỉ để gói cao đơn hoàn

tán!"

Suốt cuộc đời sống và chết với văn chương, chưa từng một lần Mai Thảo viết thành chữ tỏ ý chê bai, bỉ thử ai, dù theo tôi biết, không thiếu gì người, cách này, cách nọ, đã, nhẹ, dè bỉu anh, nặng, lăng nhục anh, trên báo chí, sách vở. Mai Thảo quan niệm văn chương là một trò chơi. Có kẻ chơi hay, có người chơi dở, có kẻ chơi suốt đời, có người nửa chừng bỏ cuộc. Dù hay dù dở, dù trường kỳ hay ngắn hạn, thì văn chương vẫn là nỗ lực cao quí, mang khát vọng cống hiến cái đẹp cho đời, vậy thì không lý do gì vấy bẩn chữ nghĩa bằng những hằn học nhỏ nhen cả.

Chính nhờ tấm lòng thiện này, với văn chương, mà Mai Thảo được hầu hết mọi thế hệ cầm bút, từ thế hệ đồng thời với anh, đến các thế hệ tiếp nối, yêu mến, quí trọng. Người ta mặc nhiên xem anh như một loại "thái thượng hoàng" của văn học hải ngoại, dù khách quan mà nói, văn chương Mai Thảo so với nhiều người, chỉ sàng sàng, vừa phải, chẳng có gì vượt trội, nếu không muốn nói còn thua xa nhiều cây đa cây đề khác.

Khi chấp nhận được cung cách nhậu của Mai Thảo, chúng ta sẽ khá thú vị khám phá thêm ở anh nhiều điểm thật tuyệt. Chả hạn, cách đọc thơ, thuộc thơ và bình thơ của Mai Thảo. Người ta nói văn xuôi Mai Thảo là ngôn ngữ thơ, đẫm thi tính. Phần nào, không sai. Anh có một cảm quan rất nhạy với cái đẹp của thơ ca, nhờ thế, anh lật tung được tầng ngầm của ngôn ngữ thơ, qua mắt nhìn cực kỳ tinh tế của anh. Ngoài cách đọc thơ, thuộc thơ và bình thơ, Mai Thảo còn có trí nhớ đặc biệt về các nhân vật và giai thoại văn chương. Lúc đắm chìm trong hồi tưởng. Mai Thảo nói đến tuổi thơ, rồi tuổi trẻ của mình, nhớ những người từng gây cho anh ấn tượng khó quên, chả hạn anh kể buổi gặp gỡ đầu tiên của anh với thi sĩ Hồ Dzếnh. Năm ấy Mai Thảo chừng mười lăm mười sáu tuổi, mê thơ tiền chiến như "mê thuốc phiện". Trên chuyến tàu từ Nam Định về Hà Nội, để giết thì giờ, Mai Thảo lật tập *Quê Ngoại* của Hồ Dzềnh vừa xuất bản ra đọc. Thanh niên ngồi bên cạnh nhìn tập thơ, hỏi anh: "Cậu thích thơ ông này à?" "Dạ rất thích". "Thế cậu biết hắn là ai không?" "Dạ không." Người thanh niên cười hiền lành: "Tôi là Hồ Dzếnh." Khỏi cần mô tả, chúng ta cũng thừa hiểu, đối với một cậu thiếu niên mười lăm tuổi, lần đầu tiên được diện kiến dung nhan thần tượng văn học của mình, thì sự xúc động sẽ như thế nào. Mai Thảo cho biết, nhờ cuộc gặp gỡ định mệnh này, anh mới có dịp làm quen với thế giới báo chí. Bởi sau đó, khi tình thân đủ sâu, Hồ Dzếnh thường đưa Mai Thảo viếng thăm các tòa soạn. Máy in chạy sầm sập, thợ sắp chữ thoăn thoắt hai tay, mùi mực in, giấy in thơm

hắc, những anh sếp typo gọng kiếng trễ ngang sống mũi... tất cả toát ra một hấp lực mạnh mẽ, quyến rũ. Hấp lực này đeo đuổi Mai Thảo mãi đến khi trưởng thành, xuống tàu xuôi Nam, và cùng anh em khai sinh ra tạp chí Sáng Tạo, diễn đàn văn học ghi dấu mốc lớn nhất trong dòng văn học miền Nam sau 54.

Nhà văn Phan Thị Trọng Tuyến từ Pháp nhiều lần qua Cali, đến thăm Mai Thảo, cùng anh nhậu nhẹt đôi ba bận (nói cho trung thực: anh Mai Thảo thì nhậu cognac, PTTT cũng nhậu, nhưng lại chuyên trị rượu... Coca Cola và những loại tương cận!). Sau đó, về Pháp, PTTT thư cho tôi, "năn nỉ" tôi mỗi lần đi nhậu với Mai Thảo, hãy nhớ mang theo một cái cassette loại bỏ túi, thâu tất cả những hồi ức của anh, về mình, về các nhà văn nhà thơ từ tiền chiến đến Sáng Tạo, rồi Nghệ Thuật, Văn (trong nước trước 75, hải ngoại sau này)... Theo PTTT, "đó là những tư liệu vô cùng quí giá, mai mốt, nhỡ bác Mai Thảo ra đi, không còn ai biết, uổng lắm." Nhà văn PTTT nói không sai, chỉ tiếc, chị đã phó thác trọng trách nhầm người! Tôi thuộc loại "đoản". vui đâu chầu đó, nhớ trước quên sau, làm sao có thể bỏ công đi tìm mua một cái cassettte, mang theo bên mình như mang bùa hộ mạng, rồi ngồi canh, lúc nào Mai Thảo nói, rị mọ mở máy thâu!

Một năm sau cùng trước khi mất, Mai Thảo rất yếu, anh ở trên lầu, cạnh phòng tôi, phải di chuyển xuống phòng dưới, vì không thể lên xuống cầu thang mỗi ngày. Thời gian này Mai Thảo rất buồn, và mất ngủ trầm trọng. Buồn, không ngủ được, anh uống rượu suốt đêm. Nhiều đêm, hai ba giờ sáng, tôi giật mình choàng thức vì tiếng gậy động dưới sàn (khi dời anh xuống tầng dưới, tôi đã tìm cho anh một cây ba-toong, vừa dùng để chống khi di chuyển, vừa dùng để... thọc lên trần mỗi khi cần gọi tôi, khỏi phải bò lên thang lầu, vừa nguy hiểm vừa nhọc mệt). Tôi mặc quần áo đi xuống, hỏi anh cần gì? Mai Thảo nằm trên chiếc giường cá nhân, chăn kéo ngang ngực, hai mắt nhỏ, lõm sâu. "Tôi buồn quá, đếch ngủ được." Và chỉ chai rượu: "Uống không? Rót mà uống." Thực tình, tôi buồn ngủ và cũng không thích thú gì chất men cay xè ấy vào thời điểm khuya khoắc thế này. Nhưng nhìn anh, nhìn sự cô đơn trống vắng và tàn tạ của một kiếp người sắp đến hồi chung cuộc, tôi không nỡ từ chối. Tôi kéo chai rượu lại gần, với lấy chiếc ly trên tủ lạnh, nghiêng chai, rót. Cứ thế, tôi uống với anh. Có khi suốt nửa giờ đồng hồ, cả hai không nói với nhau lời nào, chỉ uống và rót. Tiếng động duy nhất là tiếng rượu chảy vào ly, và tiếng "khè" sau mỗi hớp của tôi. Có khi, anh chủ động nói, anh nhắc tên người này, hỏi thăm người kia. Những lúc như thế, anh thổ lộ nhiều chuyện rất riêng tư. Anh nói về cô vũ nữ tên T.H. đã có với anh

một đứa con, song hai người không muốn giữ, anh đưa cô ấy đi phá, nhằm lúc rỗng túi, anh phải chạy đến vay giáo sư NVT (Thưa anh NVT, nếu tôi không kể chuyện này, có lẽ đến chết, chả bao giờ anh - một người từng mặc áo dòng - có thể ngờ mình từng tiếp tay cho một kẻ "vô đạo" làm điều tội lỗi. Cuộc đời lắm oái ăm anh nhỉ!). Giọng Mai Thảo chậm và buồn: "Nghĩ lại tôi hối hận. Nếu giữ đứa bé, bây giờ tôi đã có người chăm sóc. Tuổi già, một mình, nhiều lúc chỉ muốn chết. KT liệu mà ăn ở cho tử tế với vợ con, sau này đỡ khổ." Anh cũng nhắc đến những kỷ niệm sôi nổi với một nữ ca sĩ cùng thời. Đấy là mối tình, tôi cho, lớn nhất của anh. Đã từng vài lần, dù đang bệnh liệt giường, anh cũng gượng dậy, thay áo quần tươm tất, chải tóc tai gọn ghẽ. Nhìn anh hớn hở, nhấp nha nhấp nhỏm như ngồi phải lửa, tôi hỏi anh có gì vui? Anh khoe: "Cô ấy sắp đến..." Giọng anh trẻ trung, phơi phới, chả khác gì các cô cậu học trò lần đầu hò hẹn. Tình yêu quả là kỳ diệu, nó có khả năng biến một ông già như Mai Thảo, kẻ suốt đời rong chơi, khinh bạc, chưa từng coi trọng điều gì, trở thành một thanh niên mười tám hai mươi. Tuổi tác trở nên vô nghĩa trước nhịp đập của trái tim.

Trong tất cả mọi lần đối ẩm với anh, điều làm tôi cảm động nhất là không lần nào anh không tỏ ra quan tâm đến tình hình sức khỏe, tài chính cùng những hệ lụy của tôi (thuở ấy tôi cũng đang mang trong người một mầm bệnh nan y). "Vẫn uống thuốc đều chứ? " "Đều, anh ạ." "Tiền bạc thế nào?" Tôi cười không nói. " Rách lắm phải không?" "Rách bươm!" Mai Thảo cười hom hem, thọc tay dưới gối lấy cái ví da, lôi xấp tiền chẳng lấy gì làm nặng ký cho lắm, đếm, chẻ hai, ném cho tôi một nửa: "Cầm lấy mà xài!" Giữa tôi và anh Mai Thảo, tiền bạc gần như tài sản chung. Lúc tôi khấm khá, trình bày được năm ba bìa sách, bán được một hai bức tranh, tôi cũng "chẻ" với anh, hoặc trích riêng ra một nửa, làm "quỉ" ăn nhậu, hoặc vào Costco mua biếu anh một két "hai chữ". Thiên hạ "tích cốc phòng cơ", anh Mai Thảo "tích tửu phòng cơn!" Tôi có thẻ hội viên Costco, được mua rượu với giá sỉ, mỗi chai rẻ hơn năm bảy đồng. Trung bình mỗi ngày anh Mai Thảo tiêu thụ một chai, tháng ba mươi chai, đúng hai két rưỡi! Không nhờ thẻ Costco trả bằng credit card, lắm lúc cũng vất vả.

Những đêm rượu đột xuất như trên không bao giờ tàn trước năm giờ sáng. Nhiều hôm, chúng tôi uống đến lúc nhà hàng Song Long (cách khu studio của chúng tôi chỉ vài mươi bước) mở cửa, tôi giúp Mai Thảo đứng dậy, vào trong rửa mặt, thay quần áo, rồi hai anh em ra Song Long uống cà phê, ăn chút gì lót bụng.

Khi anh Khánh (em Mai Thảo) gọi điện thoại báo tin anh đã ra đi, dù đã chuẩn bị tinh thần từ lâu, tôi vẫn lặng người bàng hoàng. Trước

đó một hôm tôi có đến thăm anh. Nhìn bộ xương khô bất động trên giường, tôi không nhận ra anh, không thể hình dung được giữa bộ xương ấy và người bạn vong niên từng hàng trăm lần la cà với tôi từ hàng này sang quán nọ là Mai Thảo. Tôi có cảm tưởng phần thịt trong người anh đã triệt tiêu hoàn toàn. Thế mà, khi mở mắt nhìn thấy chúng tôi (tôi, Bùi Bảo Trúc, Du Tử Lê, Hạnh Tuyền, Đỗ Ngọc Yến và hình như có cả Ngô Thế Vinh) anh vẫn còn nhận ra từng người. Anh thều thào, rất nhỏ: "KT đấy à, chai rượu trên tủ lạnh kia, uống không, mang xuống mà uống." Ba tháng nay anh thở bằng ống, ăn bằng ống, đại tiện tiểu tiện bằng ống, rượu, chỉ còn là đóm lửa leo lét cháy trong ký ức mù tối của anh. Thế mà đóm lửa ấy vừa bùng ngọn khi nhìn thấy tôi, người bạn nhậu vong niên! Sự bùng cháy bất ngờ, biến ký ức thành hiện thực, một hiện thực ảo, nhưng với anh, hẳn rất thật! Tôi nghe anh, nhìn anh, nói một câu bông đùa để kìm chế xúc động. Như mọi người, tôi hiểu không còn bao lâu nữa, Mai Thảo sẽ vĩnh viễn từ bỏ chúng tôi. Không còn bao lâu nữa, những bàn nhậu sẽ thiếu giọng đọc thơ, lời bình thơ, nhiều ký ức thú vị về chữ nghĩa cùng những người tạo ra chữ nghĩa, từ cửa miệng một người mang tên Mai Thảo.

Vào lúc một giờ sáng ngày hôm sau. Mai Thảo đã tự bứt hết mọi loại ống chằng chịt trên cơ thể, vĩnh viễn giã từ trần gian.

Cách chỗ tôi ngồi chừng mươi bước, những vòng hoa phúng điếu đủ màu phủ kín một phần mộ có lẽ vừa được chôn sáng nay. Kẻ nào đó nằm dưới lòng đất kia, trong bốn vách áo quan còn trắng tinh vải liệm, có lẽ chỉ mới năm ba hôm trước, còn nói, còn cười, còn nhìn thấy kẻ quen người lạ vây quanh, thế mà hôm nay đã vô tri vô giác dưới lòng đất tối. Vài hôm nữa, xác thân kia sẽ sình thối, mũn rữa, và rồi sẽ tan rã, để trả về cho cát bụi. Tôi đốt một điếu thuốc, rít vài hơi, cắm vào chân nhang bên trên tấm bia mộ anh Mai Thảo, nghĩ đến cái vô thường và vô nghĩa của kiếp người, nghĩ đến những sân si, giận dữ, khổ đau, thèm muốn, chiếm hữu... từng hành hạ tôi bao lâu nay, tự nhiên tôi thấy mình thực đáng thương.

Lẽ ra tôi phải hiểu sớm hơn nhiều điều.

Tôi đứng lên, nhìn chân dung anh Mai Thảo lần cuối trước khi rời vị trí, trở lại con đường nhỏ tráng xi măng, ngang qua "mái đình" bát giác, ngang qua nhà quàng, ngang qua parking tối sẫm bóng cây, ngang qua hai cánh cổng sắt cao vọi, ra đường.

Sương mù vẫn đậm đặc.

Mưa bắt đầu lất phất.

KIM THI



DƯƠNG THU HƯƠNG

chốn vắng

Truyện dài

(Kỳ 1)

LTS: *Kể từ số này,* Hợp Lưu *khởi đăng tiểu thuyết* Chốn Vắng, *sáng tác mới nhất của nhà văn Dương Thu Hương, được gửi từ trong nước ra hải ngoại.*

Chiến tranh đã chấm dứt từ lâu, nhưng tác hại của nó trên đời sống cũng như tâm thức người Việt Nam, hẳn vẫn còn sâu, nặng. Qua Chốn Vắng, *độc giả sẽ trực diện với một trong rất nhiều mặt của thảm kịch thời kỳ hậu chiến tranh.*

HỢP LƯU

Tháng Sáu tưới một cơn mưa lạ lùng quá đỗi.

Cùng một lúc, nước xối xả trút xuống và hơi nóng rùng rùng từ các vách đá nắng nung xông lên. Nước lạnh và hơi hóng giao hòa, bốc bụi sương mù mịt. Mùi khét nồng man dại tỏa trong không gian hòa quyện mùi nhựa cây khô, hương các loài hoa héo, mùi nước dãi chim

gọi tình khô kiệt suốt mùa hè, mùi cỏ tím mọc trên các đỉnh núi cheo leo. Tất thảy tan lẫn vào làn nước tưới xuống.

Tạnh mưa, gió đột ngột ngừng thổi, nước cuồn cuộn réo dưới lòng khe, những bờ cây nẫu nà bắt đầu bị nung nóng trở lại. Mặt trời sau các đám mây vọt lên chiếm trọn khoảng xanh lơ cao vời. Dường như sau khoảnh khắc cách biệt, tình yêu mù dại với đất với rừng càng sôi sục, lửa ghen tuông thiêu đốt vạn vật như cơn ái ân cào cấu. Lũ bướm, lẽ ra đã bay đầy các lèn đá, sợ mặt trời trốn biệt trong các xó xỉnh. Cả đàn ong khốn khổ cũng ngừng kiếm mật. Trong tĩnh lặng nồng ngột chỉ những bông hoa chuối nở bung, màu đỏ mê man tan thành lửa, như muốn bốc bay qua không gian oi ngạt lên tít mấy tầng trời.

Lúc ấy, Miên cùng đám đàn bà Xóm Núi đứng trong hang đá. Chị ngỡ mình sốt nhưng sờ trán lạnh tanh. Tim Miên đập bồn chồn. Chị thoáng lo cho đứa con trai:

...Thằng bé ngã vào chum nước chăng?... Hay cái que nhọn nào chọc vào mắt?... Không, không... dì Huyên cẩn mật lắm, rõi theo từng bước chân đứa cháu. Vả chăng, gương mặt thằng bé tươi tắn thế, rủi ro không tới được. Con trai ta có gương mặt ngời ngời chữ phúc, cả quỷ lẫn thần đều chở che...

Chị không còn lo cho đứa con trai nhưng vẫn bồn chồn, khắc khoải. Một bất an nào đang đợi ở cuối đường?...

- Thôi, về nhà... Ngày hôm nay coi như gặp vận rủi.

Miên lên tiếng.

Không ai đáp. Đám đàn bà đứng bá vai nhau nhìn trời. Hôm nay là ngày đầu tiên trong năm, họ rủ nhau lên rừng tìm mật ong. Đầu ngày đã không may mắn. Vừa lên núi, một cô ngã trẹo chân phải dìu vào trại kiểm lâm. Đi hết hai trái núi lại gặp cơn mưa rừng. Giờ này, mặt đất hầm hập như lên cơn sốt. Hơi nóng thoát từ các khe lạch, từ các lối mòn chồng chất lá mục, từ những đám lá dập nẫu những đám hoa nhàu nát bị mưa táp rơi đầy gốc cây... và thảy đều xông lên mùi hương độc địa.

- Chúng ta về đi.

Miên giục. Lần này, một cô trong bọn giơ tay chỉ ra ngoài hang:

- Mày muốn làm mồi cho rắn hả?... Mở to mắt mà nhìn...

Miên lặng thinh. Chẳng cần mở to mắt chị cũng biết lúc này lũ rắn đang trườn qua các lối mòn, quăng thân như ném bóng trên các vòm cây và bất cứ con mồi nào xuất hiện cũng sẽ khiến chúng nổi xung. Tiếng thằn lằn tắc lưỡi vang lên ngay nóc vòm hang. Miên bất giác ngẩng lên: Rất có thể con rắn chửa nào đó vì tức thở sẽ lao xuống

mổ vào trán họ... Một cô to béo cầm cây gậy quất vào đám cây trước cửa hang. Đoạn cô quay lại bảo:

- Mỗi đứa bẻ sẵn một cây gậy đi lỡ rắn đàn xô tới.

Không ai chờ ai mỗi người đều tìm một gậy làm vũ khí. Rồi họ đứng tựa vào nhau nhìn những làn hơi trong suốt rung rinh như sóng, nhìn lũ rắn bóng nhãy trườn qua lối mòn, lắng nghe tiếng chim tức tưởi xa vời vẳng tới. Sự im lặng mê mệt trùm lên họ. Họ vừa mở mắt nhìn rừng cây chờ khoảnh khắc nguy hiểm trôi qua vừa như ngái ngủ chẳng ai nói với ai một lời. Cứ thế, thời gian chảy trôi. Nắng hun dần tầng lá mục bên trên khiến đám cây nẫu nà thoát ra làn hơi ngái, lớp vỏ se lại. Đám cỏ bết bùn ven suối ngỏng lên những mầm lá nhọn giống như lưỡi gươm thanh mảnh yêu kiều. Khóm hoa chuông lúc lắc nhè nhẹ. Gió nổi lên xua làn hơi ma quái tù đọng và thổi những người đàn bà ra khỏi cơn mộng mị. Họ đưa mắt nhìn nhau. Một cô ném cây gậy, kêu to:

- Mất một ngày vô tích sự. Thôi, đừng mơ mòng mật với ong nữa... Về, về thôi...

- Về. Giờ có đi cũng muộn rồi.

Một cô khác tiếp lời, buông tiếng thở dài.

Và cả bọn kéo nhau về Xóm Núi.

Khi họ ra khỏi cửa rừng, trời đã ngả chiều. Mặt trời như mảnh thủy tinh màu hường, có vân li ti như vân cánh hồng tường vi. Hoàng hôn thẫm đỏ. Miên bước theo đám bạn, nỗi khắc khoải quay trở lại càng thêm nặng nề. Chị không hiểu vì sao thấy thi thoảng, hơi thở tắc nghẹn nơi cổ họng, và tim chị co thắt như bị một bàn tay vô hình bóp chặt:

..Vì sao nhỉ?... Phải chăng Hoan gặp bất trắc đã đưa đoàn thuyền quay lại?... Trời không giông bão và chẳng có lý do nào khiến chồng ta gặp hiểm họa, trừ phi có cướp biển... Lâu rồi, chẳng nghe ai nói tới chuyện cướp biển. Bao năm nay bọn cướp biển đã tan biến trong đám vỏ sò mục ải tấp vô bờ... Hoặc là Hoan ốm?... Kể chi người, đá cũng có lúc đổ mồ hôi...

Nhưng cả lý do ấy, Miên cũng không tin nổi. Chị chỉ còn biết bước đi mải miốt, ruột nóng như cào, con tim thấp thỏm phỏng đoán điều bất an nào đã ám ảnh chị suốt ngày hôm nay.

Nhà Miên dựng ngay bên đường vào rú. Hoan dựng ngôi nhà này sau tất cả mọi người vào vào thời khắc đó, nó là rẻo đất hẻo lánh. Nhưng giờ đây đã có hai cặp vợ chồng trẻ nữa vừa dựng nhà mới, thế nên ngôi nhà chị đã thoát khỏi cảnh rìa làng. Nhà cất trên đỉnh đồi, bốn bề vườn cam vườn bưởi vây quanh. Xa hơn nữa dọc theo dải đồi

phía tây là các nương tiêu, nương cà phê, nương nọ nối tiếp nương kia, giữa chúng là các lán nhỏ lợp lá, nơi Hoan đặt máy bơm và cho thợ làm thuê ngồi nghỉ uống trà. Dinh cơ của họ đồ sộ nhất vùng, chẳng ai dám so sánh. Hoan là người mẫn tiệp. Vườn tiêu và cà phê của anh bao giờ cũng trồng loại giống quý nhất đòi hỏi kĩ thuật chăm bón phức tạp và giá bán cao nhất. Các chủ trai trong vùng xô tới học hỏi kĩ thuật của anh. Sau mùa thu hoạch, họ lại lũ lượt kéo tới xin anh cho nhập bọn thuê thuyền chở hàng vào bán tận Đà Nẵng, Sài Gòn. Không mấy kẻ ở Xóm Núi không chịu ơn Hoan. Đám đàn bà biết rõ điều đó. Vì thế, khi tới cổng nhà Miên, thấy người túm tụm từ ngõ đến sân, họ liền kéo nhau vào tuốt luột:

- Có chuyện chi mà đông người thế hả Miên?...

- Tôi cũng đi từ sớm như các chị, làm sao tôi biết được?

- Ờ, tôi rõ thật vô duyên.

- Vào đi, vào đi, khắc rõ chuyện. Có vài phút cũng không dằn lòng chờ nổi...

Cái đám đông lao xao như ong vỡ tổ đó chợt im bặt khi họ tiến vào. Miên thấy tất cả mọi người đều nhìn chị, từ con nít tới bà già, những láng giềng cùng xóm và cả những người thôn khác, ánh mắt của họ thật lạ kì, vừa như tò mò vừa như sợ hãi vừa ẩn chứa sự thăm dò lẫn lời trách móc...

...Chưa bao giờ mọi người nhìn mình với cặp mắt lạ lùng này... Có điều gì đó vừa xảy ra ở đây?...

Trong nhà, vẳng ra tiếng khóc tiếng hờ của một người đàn bà, nghe như quen, cũng như lạ... Cái giọng đó, dường như chị đã từng nghe một thời, cái thời chị đã quên lãng. Những người ngồi hai bên lối dạt ra khi chị đi qua. Khác hẳn lệ thường, không ai chào ai. Ngay đám con nít cũng nín lặng không nhí nháu đùa cợt. Trên sân và trước khuôn cửa vào chi chít những tấm lưng áo đen còn đọng ngấn muối của đám người vừa từ nương rẫy trở về. Những tấm áo đó xen lẫn những tấm lưng trần, những tấm áo xuân-hè bạc màu, sơ-mi trắng và sơ-mi xanh của đám trai mới lớn:

Không lẽ họ triệu tập họp thôn ở đây trong lúc mình vắng nhà?... Nhưng trụ sở thôn đã sửa xong. Họ chỉ đảo ngói, quét vôi tường và thay mấy bộ cửa sổ. Rõ ràng hôm khánh thành chủ tịch xã cắp cặp xuống ăn liên hoan...

Lúc Miên đang băn khoăn với giả định mới, giọng than hờ của người đàn bà nào chợt ré lên như xé tai:

- Ôi em ơi, khốn khổ thân em, lưu lạc góc rừng bãi bể cho tới tận giờ?... Người ta tốt số được hưởng an bình hạnh phúc chỉ có em chịu

phần cơm hẩm cà đen...

Cái thanh âm eo éo như mài sắt đó khoan xoáy vào óc Miên. Chị bước vào nhà. Bóng tối ập vào mắt khiến chị không nhìn rõ ai, ngoại trừ cái khối đen đặc của đám đông lô nhô kẻ đứng người ngồi. Trong đám đông ấy một người đàn ông cất giọng trầm trầm gọi:

- Miên!

Miên không nhận ra ai nhưng chắc chắn đó không phải là Hoan: ...Chồng ta không trở về. Đoàn thuyền chở tiêu đang yên lành vượt biển...

Người đàn ông kia lặp lại:

- Miên!

Lần này, Miên đáp:

- Tôi đây.

Rồi chị quay lại phía người vừa lên tiếng gọi. Mắt đã quen dần với bóng tối, Miên thấy một gương mặt đen đúa, vuông, u buồn, cặp mày chữ Nhất chạy ngang trên đôi mắt sâu, sáng, thứ ánh sáng của lửa đêm thu tàn trên núi.

- Miên!

Anh ta lặp lại lần thứ ba, và lần này tiếng gọi kia như dằn mạnh một thứ đồ vật xuống.

- Dạ, chào anh tới chơi.

Miên đáp lại rồi nhìn quanh quẩn tìm chỗ ngồi. Ngày nay chị đã đứng quá lâu trong hang. Một ông già lưng trần đứng lên nhường chỗ cho chị. Bàn tay khô khẳng của ông đặt lên vai Miên, ấn chị ngồi xuống ghế, đối diện với người đàn ông có cặp mày hình chữ nhất. Người đàn ông ấy nãy giờ vẫn chăm chăm nhìn Miên, gương mặt căng thẳng trong cái nhìn ấy, những đường nét co rúm lại và cặp môi xám run giật từng hồi. Những lần run rẩy trên cặp môi xám của anh ta khiến Miên ngơ ngẩn, chúng gợi nhớ một hình ảnh nào khác trong sương mù mà chị không thể nhìn ra. Chúng gợi một cái tên dưới vực sâu, vực âm u sương giá, chỉ nghe rõ tiếng gió luồn. Cặp mày chữ nhất của người đàn ông kia đột nhiên châu lại trên tinh mũi, những sợi lông mày mọc trên sơn căn dựng ngược như lông nhím đen như sơn nối hai tràng mày thành vệt thẳng. Một tiếng thở dài từ vực sâu kia vọng tới... Một thanh âm bật mí. Một gương mặt mờ ảo trôi... Những giọt mồ hôi rịn lên trán người đàn ông. Cặp môi xám của anh run rẩy mỗi lúc mỗi mau hơn rồi trong tích tắc, chúng tách rời nhau, khuôn miệng hé mở. Miên thấy lạnh chân tay: Khuôn miệng hé mở đó, cặp mắt u buồn với ánh sáng tràn qua hai hai hàng mi hẹp chị từng thấy trong một mùa hè. Mùa hè mỏng manh như tàn lửa. Ngắn ngủi như hồi quang. Bay vèo qua khung

trời...

- Miên!... Tôi đã về đây...

Người đàn ông chợt vươn qua mặt bàn, gạt đổ những chén trà dở rồi cất giong riết róng:

- Miên... Tôi đã về... Tôi đã về...

Miên đưa một bàn tay phía trước như mắt chị không còn nhìn được, tai chị không còn nghe được và giống người mù bẩm sinh chị hướng lòng bàn tay để sờ soạng các âm thanh:

- Anh đã về?... Anh là...

- Tôi đây... Bôn đây.

- Tôi... Anh là Bôn?...

- Tôi là Bôn. Chồng của em.

Ba gian nhà im như mồ. Đám đông nín thở. Người ta chờ câu trả lời của Miên. Miên lặp lại câu nói của người đàn ông như mê sảng:

- Anh là Bôn, chồng của tôi?... chồng tôi?...

- Phải, Bôn đây...

Người đàn ông gằn giọng và thốt nhiên, anh ta gần như rống lên:

- Tôi đây. Bôn đây... Tôi đã quay về...

Miên ngồi im, đờ đẫn...

...Chồng của ta ư?... Hoan đưa đoàn thuyền chở tiêu vào Đà Nẵng, anh ấy hứa khi về sẽ mua cho cu Hạnh chiếc xe đạp ba bánh và mua cho ta mấy mảnh lụa tơ tằm... Cái đêm trước khi đi Hoan bảo: Em thích màu chi đây, lục biếc, tím than hay màu lông gà con mới nở?... Em còn thích gì nữa?... Không, không, em chẳng còn muốn gì hơn, thế đã là quá đủ... Trời trong, biển lặng chỉ tuần sau chồng ta sẽ quay về...

- Miên!

Người đàn ông lại cất tiếng gọi không mệt mỏi. Nhưng Miên không nghe thấy tiếng gọi ấy. Chị đang hồi nhớ một gương mặt khác. Một gương mặt sáng ngời, đôi mày lưỡi kiếm trên vầng trán rộng, sống mũi cao như sống mũi người phương Tây, cặp mắt dịu dàng, làn môi ấm mềm cuốn hút...

- Miên, tôi đã về đây...

Lần này, không còn là tiếng rống gọi mà là lời cầu khẩn. Một thứ âm thanh sẽ sàng, trầm ấm, như tiếng thì thào của những rặng cây thung lũng mùa xuân. Đôi mày chữ nhất rướn lên một chút. Cặp môi xám lại run rẩy:

- Miên, tôi đã trở về...

Miên thu bàn tay lại. Chị đã hiểu. Tiếng nói kia va đập vào lòng tay chị. Người ta vẫn nói lòng bàn tay lưu giữ mãi cảm xúc lâu bền nơi tất thảy những giác quan khác như thính giác loài voi lưu giữ được

những âm thanh từ bảy kiếp trước. Miên đã hiểu người đàn ông ngồi đối diện chị là ai.

- Anh Bôn?...

Chị cất tiếng, thẫn thờ.

- Tôi đây... Tôi đã về.

Anh đáp.

Người chồng của chị mười bốn năm trước. Cái hồn ma chị thờ phụng lâu ngày bất chợt quay về trong hình hài đen đủi, với màu da và cặp môi đầy tử khí. Bôn đã trở về. Không là chàng trai từng là chồng chị trong một mùa hè ngắn ngủi. Cũng không là một hồn ma. Anh ở giữa hai thứ ấy. Miên hiểu rằng chị đã rơi vào khúc kẹt. Chị không biết mình sẽ sống ra sao khi cái hồn ma trên bàn thờ Tổ Quốc ghi công bất chợt khoác quần áo bước xuống ngồi trước mặt chị, uống ừng ực từng chén trà rồi nhìn chị đăm đắm:... Anh ấy đã từng là chồng ta. Nhưng ngót mười năm nay ta đã sống với Hoan và cuộc hôn nhân được trời và người chấp thuận... Bôn nhập ngũ năm năm mới có lệnh báo tử. Hai năm sau ngày nhận giấy báo tử ta mới lấy Hoan. Chúng ta đã có thằng bé Hạnh. Ta không thể từ bỏ Hoan. Anh ấy là hạnh phúc thật sự của ta....

Người đàn bà ngồi lặng trong bóng tối. Bóng tối phủ đầy căn nhà. Một ai lên tiếng:

- Thắp cho cô ấy cái đèn.

Một cánh tay vươn qua mặt chị, với chiếc giá nến đặt trên tủ đựng ly tách:

- Thắp nến cho nhanh... Không thấy đèn đâu cả... Bà Huyên đâu nhỉ?

- Bà ấy ngồi ngoài ngõ. Từ lúc thấy cô Miên về đã đưa thằng bé đi rồi.

- Cho tôi mượn hộp diêm. Bật lửa của tôi hết đá...

Từ bên kia bàn, Bôn lại cất tiếng gọi:

- Miên!...

Bây giờ, không còn là lời cầu khẩn mà là lời van vỉ. Miên thấy anh nhìn chị ngay cả trong bóng tối. Đó là ánh mắt của kẻ sắp chết đuối giữa dòng:

...Bôn đã từ mặt trận trở về. Đời này qua đời khác, có người đàn bà nào dám quay lưng ngoảnh mặt trước một người chồng từ mặt trận trở về?...

Miên biết một hồn ma quay lại cõi đời ba lần khát sống hơn những người bình thường khác. Người từ mặt trận trở về đương nhiên hưởng đặc ân trong lòng cộng đồng và khi họ lên tiếng đòi phần hạnh

phúc các đối thủ khác không thể cạnh tranh. Hồi nhỏ, Miên đã chứng kiến những cuộc vận động thanh nữ kết hôn với thương phế binh sau cuộc chiến tranh chống Pháp. Lúc đó, chị đang còn ở làng quê cũ, cha chị còn sống và mặt trời còn tỏa rạng trong mái nhà của họ. Hàng xóm sát kề nhà Miên là một cặp vợ chồng già chuyên nghề đẽo đá. Họ có cô con gái mười chín tuổi tên Hiền. Hiền là phó bí thư chi đoàn thanh niên nên khi huyện ủy phát động phong trào xung phong kết hôn với thương phế binh để đền ơn đáp nghĩa những người có công với tổ quốc cô giơ tay trước tiên... Chị sắp làm vợ một thương phế binh. Gia đình chị sắp được đền ơn đáp nghĩa tổ quốc...

Hiền bảo cô bé Miên như thế và hứa hôm làm lễ thành hôn sẽ đưa Miên theo...

...Em sẽ tha hồ xem. Nghe nói hội trường huyện treo đèn kết hoa đẹp lắm. Chị em mình sẽ được đi trên thảm nhung đỏ, nhung thật chứ không phải thứ vải láng giả nhung của cô thợ may bên xã Lý Hòa đâu...

Hai chị em cười sung sướng, mơ ngày được bước lên thảm nhung.

Hai tuần sau, đúng ngày được thông báo lên huyện nhận chồng, Hiền đã giữ lời hứa dẫn Miên đi theo. Trong xã cũng có vài thanh nữ khác cùng xung phong một lần với Hiền. Họ ăn cơm từ mờ sương rồi dắt díu nhau đi. Khoảng non hơn bảy giờ sáng tất cả đến huyện. Đúng như Hiền đã nói, huyện đường treo đèn lồng kết hoa đỏ. Hành lang giăng từng dãy cờ đuôi nheo và các giải phướn ngũ sắc. Gió thổi cờ phướn bay phất phới khiến huyện đường giống sân đình hội. Những phụ nữ và thanh nữ tình nguyện kết hôn với thương phế binh được mời lên ngồi hàng ghế danh dự phủ nhung đỏ. Lễ tân mặc quần áo trắng áo dài bưng các khay bánh kẹo và nước trà tới mời từng người. Âm nhạc nổi lên. Sau lễ chào cờ bí thư huyện ủy đọc một bài diễn văn dài dặc. Cô bé Miên lúc đó nắm chặt trong tay những chiếc kẹo bọc giấy bóng xanh đỏ đến nỗi chúng chảy nước ra mà không dám bóc ăn. Chẳng hiểu bài diễn văn kia nói gì, nhưng không khí trang trọng lạ lẫm khiến cô sợ hãi. Miên chờ ông bí thư huyện kết thúc bài diễn văn để bóc kẹo ăn. Nhưng khi ông ta vừa đi xuống bà chủ tịch huyện hội phụ nữ đã bước lên diễn đàn. Bài diễn văn của bà còn dài hơn nữa. Hết bài diễn văn đó, một đoàn thiếu nhi theo tiếng trống tiến vào, mỗi em ôm một bó hoa để tặng những người tình nguyện, họ sắp trở thành vợ mãn đời của các thương phế binh. Tiếng trống đập ầm ầm giữa hai hàng cột kết hoa đỏ, vang lên tận vòm trần như muốn khuấy động không gian và làm nao nức lòng quả cảm. Lúc đó, Hiền đưa tay nắm chặt tay Miên. Cô thấy bàn tay người thanh nữ lạnh toát, run run. Khi

tiếng trống nhỏ dần, người ta chuyển những chiếc cáng phủ chăn hoa sặc sỡ từ phòng phía sau sang sảnh lớn. Các phế binh nằm trên cáng, chìm lút dưới tấm chăn, chỉ nhô lên cái đầu và cặp vai. Mặt anh nào cũng được thoa phấn hồng và môi tô son đỏ. Bà chủ tịch huyện phụ nữ tuyên bố rằng các cán bộ huyện đã nghiên cứu kĩ lý lịch phế binh và những người tình nguyện. Vì thế, việc mai mối sẽ dựa trên các cơ sở chắc chắn và hợp lý tùy lứa tuổi, hoàn cảnh gia đình và tính tình các cá nhân.

Đoạn, bà rút trong chiếc túi dết đeo bên hông bản danh sách, sang sảng đọc... Chị Hiền được gả cho một phế binh hơn chị ba tuổi ở cách hai xã. Anh ấy mồ côi nên chị được quyền đón chồng về nhà mình. Lúc đó, Miên thấy Hiền tái nhợt. Chị đứng túm lại với đám bạn gái. Các chị kia cũng tái nhợt như vậy, người nọ đưa mắt lo láo nhìn người kia. Một bài tay Hiền bấu chặt lấy cánh tay Miên. Cứ như thế cho đến lúc bà chủ tịch huyện hội đọc:

- Đào thị Hiền...

Hiền giật bắn lên, không nói được lời nào. Bà chủ tịch tươi cười tiến đến, dắt tay Hiền tới tận chiếc cán định mệnh:

- Đây... Người của em đây... Tôi hy vọng em sẽ vui lòng đền ơn trả nghĩa người chiến sĩ đã hiến dâng đời mình cho đất nước...

- Dạ... Em vui lòng...

Miên thấy chị lắp bắp đáp lại. Sau đó người ta khiêng cáng lên một chiếc Jep. Hiền dắt Miên theo. Chiếc Jep đưa họ về tận làng. Người phế binh đã tháo khớp hai bên háng và cánh tay trái. Tay phải cụt tới nửa cùi trỏ. Anh giơ chiếc cùi trỏ ấy lên, lúc chạm vào Hiền, lúc chạm vào Miên, thay cho cử chỉ vuốt ve hoặc tỏ bày tình thân thiện. Trên chuyến xe đó, họ mới nói với nhau những lời đầu tiên...

Kỉ niệm tuy xa nhưng chẳng phai mờ. Cho tới ngày cha mất và mấy chị em phải rời làng ra đi Miên thường vẫn sang chơi với Hiền. Người con gái ấy đã chấp nhận cuộc sống lứa đôi theo tinh thần tuẩn đạo:

- Này Miên, hôm nay anh ấy đã ăn được bát cơm. Khi nào anh ấy ăn thêm được lưng cơm nữa là chị yên tâm. Ông lang bên xã Lý Hòa chiều qua sang chơi thăm bệnh bảo chị rằng cái đó còn nguyên. Mai rày chị cũng kiếm được đứa con...

Một lần, Hiền mừng rỡ khoe với Miên như thế. Lúc ấy, Miên còn nhỏ, chị chưa thể hiểu tường tận câu chuyện giường chiếu của Hiền. Sau này, tưởng tượng tới cảnh ấy, Miên vẫn thường rùng mình xa xót cho người hàng xóm... Bây giờ, chị không ngờ một thứ quả đắng tương tự rơi trúng vào mình:

...Dẫu sao, ta cũng còn may mắn hơn Hiền. Bôn đã từng là chồng ta và anh ấy còn nguyên vẹn chân tay...

Miên hình dung lại cặp mắt mịt mờ của cặp vợ chồng người thợ đẽo đá khi nhìn chiếc băng-ca phủ kín chăn được khiêng vào nhà. Và gương mặt Hiền lúc lật tấm chăn lên:

...Dẫu sao ta cũng còn may...

Cây giá nến đã được đặt lên nóc tủ đựng ly tách. Năm ngọn nến chiếu sáng. Ba gian nhà vẫn lặng như nấm mồ. Miên vặn vẹo hai bàn tay, mặt cúi xuống. Hai bàn tay chị cọ xát mãi không ấm lên được. Gió cũng ngưng lặng ngoài vườn. Sự im lặng như chất nước thủy ngân. Không chỉ riêng Miên đám người chung quanh cũng đờ đẫn. Mãi sau, người đàn ông ngồi bên trong Miên mới đứng lên:

- Anh Bôn này...

Sơ-mi trắng, quần màu cỏ úa. Chiếc cặp da đen dựng sau lưng, sát tay ghế. Miên nhận ra ông chủ tịch xã, nhưng gương mặt mờ nhạt bồng bềnh. Ông ta khác hẳn mọi ngày:

- Anh Bôn này, hãy nghỉ ngơi cho lại sức rồi sẽ định đoạt mọi chuyện. Như tôi đã nói, sau khi nhận giấy báo tử hai năm chị Miên mới lấy chồng. Như thế cũng trọn tình trọn nghĩa. Vợ anh không có lỗi.

Một người đàn bà thấp bé đen đủi ngồi trên bỗng vụt đứng lên:

- Vậy ông chủ tịch nói em tôi có lỗi hay sao?...

Miên nhận ra Tá, chính là kẻ than khóc, hờ gọi lên bổng xuống trầm như hát. Chính cái giọng eo éo kia mà chị đã từng biết một lần trong quá vãng và đã lãng quên. Thấp bé hơn Bôn nhưng sắc da nâu, cùng kiểu mày chữ nhất, lúc này Tá đang giương vây xù lông vẻ như sẵn sàng xả thân để bênh vực em trai, kẻ nối dõi dòng họ Vũ. Chủ tịch xã vốn hiền lành nhưng cứng cựa, ông ta đưa mắt liếc nhìn người đàn bà nhem nhuốc kia với cái nhìn của kẻ bề trên, phẩy cánh tay như để những lời nói của chị ta không thể chạm vào tấm áo trắng tinh vừa giặt:

- Chị Miên không có lỗi. Anh Bôn cũng không có lỗi. Kẻ duy nhất có lỗi là chiến tranh.

Nói xong, ông quay lại đám đông:

- Bà con ta đến đây thăm anh Bôn như thế là đủ. Xin mọi người ai về nhà nấy để chủ nhân được nghỉ ngơi, trò chuyện. Về phương diện chính quyền xã sẽ thực thi chính sách với anh Bôn như với mọi quân nhân phục viên khác. Hy vọng bà con sẽ giúp đỡ anh Bôn đúng theo tinh thần: Lá lành đùm lá rách và uống nước nhớ nguồn.

Đám người nghe rõ nhưng chưa quay đi. Họ nấn ná chờ màn cuối. Màn cuối đã diễn ra đúng tinh thần họ chờ đợi, đúng với truyền thống

đã lưu cữu trong trí nhớ trong suy tưởng trong cảm thụ của họ; Chủ tịch xã quay lại phía người vợ, nói với giọng nghiêm trang trịnh trọng vừa xa xôi vừa đầy hàm ý:

- Chính quyền cũng như đảng ủy xã không can thiệp vào chuyện riêng tư của bất cứ công dân nào. Chị và anh Hoan đều là những người lương thiện, chấp hành đúng mọi pháp luật của nhà nước. Nay, do tình cảnh éo le chị phải đứng trước sự lựa chọn. Chỉ có chị mới có quyền quyết định cuộc đời của mình. Chúng tôi hy vọng chị sẽ biết suy xét trước khi đi tới quyết định cuối cùng. Như chị đã thấy, anh Bôn là người trực tiếp góp xương máu, cho cuộc chiến tranh chống Mỹ, giải phóng đất nước. Chúng ta có được cuộc sống thanh bình thịnh vượng, đất nước được độc lập tự chủ là nhờ sự đóng góp của những chiến sĩ như anh Bôn.

Dứt lời, ông xách chiếc cặp da đen, bước ra.

Đám đông lục tục đi theo.

Phút chốc ba gian nhà vắng lặng chỉ còn hai người.

Bôn đăm đăm nhìn Miên. Ánh lửa nến soi ngọn lửa khao khát đang cháy trong mắt anh.

Miên bất giác run sợ khi không còn ai ngồi bên chị. Chị cuối xuống nhưng vẫn nhận biết ngọn lửa dục vọng đang cháy trong mắt anh. Không dám thú nhận nhưng một tiếng thì thầm mách bảo chị rằng anh vẫn chỉ là một hồn ma, hoặc một thứ gì đó tương tự như thế. Một hồn ma biết uống nước trà biết thèm khát đàn bà. Sự ghê sợ luồn lách trong da thịt chị:

- Miên vẫn... vẫn khỏe chứ?...

Bôn ngượng nghịu lên tiếng....

- Vẫn... Dạ, vẫn...

Miên ấp úng đáp.

Hai người lại lặng yên:

- Miên, em có... nhớ tôi?... Người đàn ông run rẩy hỏi.

- Dạ...

Người đàn bà bối rối, vừa không dám nói dối vừa không thể nói thật. Ánh khát thèm long lanh trong hai hố mắt anh càng khiến chị kinh hãi hơn. Vài phút lặng lẽ trôi qua. Rồi, cầm lòng không đậu người đàn ông vươn mình chồm qua mặt bàn vồ lấy gương mặt người đàn bà trước đây mười bốn năm đã là vợ anh:

- Miên... Anh nhớ em... Anh yêu em...

Miên ro rúm lại. Chị không dám thẳng tay đẩy gương mặt Bôn đang chồm tới, đành né sang một bên. Nhưng chị đã ngửi thấy hơi thở nóng hổi của anh phả trên da, hơi thở rừng rực như hơi thở kẻ đang

lên cơn sốt, lạ hoắc và rất nặng mùi. Chị ghê sợ khi nghĩ rằng ngày mai ngày mốt, tuần sau tháng sau năm sau và mãi mãi chị sẽ phải chung sống với anh, người đàn ông đã trở thành bóng ma trong tim chị, người đàn ông có hơi thở không thể nào chịu đựng...

- Không, không...

Miên bật kêu. Chị khóc. Chị úp hai bàn tay lên mặt để những dòng lệ tràn qua các kẽ ngón tay rơi xuống.

Bôn thu mình ngồi, lặng lẽ.

Miên không nhìn anh nhưng chị biết anh sẽ ngồi đó, kiên nhẫn, lì lợm, ngày nọ qua tháng kia dai dẳng hơn tất thảy những dai dẳng của cõi đời. Linh tính bảo chị rằng đối với kẻ đã từng là một hồn ma, cuộc đời dương thế sáng giá hơn trăm lần và họ sẽ chiếm đoạt nó bằng mọi giá. Chị không còn lối thoát. Người đàn ông đen đủi kia sẽ đòi bằng được điều anh ta muốn. Mọi người sẽ đứng về phía anh ta. Dù chủ tịch xã tuyên bố trước đám đông rằng chị có quyền chọn phần đời phía trước của mình nhưng đó chỉ là những lời cho phải phép. Sau những lời lẽ đó, họ bỏ phiếu cho Bôn. Họ thương Bôn. Người lính. Kẻ lưu lạc. Kẻ bị đọa đầy. Kẻ đã hiến tuổi trẻ cho dân tộc, trong một cuộc chiến tranh vô tiền khoáng hậu. Bôn, người thua thiệt. Kẻ đã đánh mất một phần đời giờ quay lại đòi phần đời còn sót...

Họ có lý của họ. Chị biết vậy. Bởi chị cũng thương Bôn. Nhưng vì sao mọi người không nghĩ tới cái lý của chị?... Chị đã yêu Hoan. Cuộc sống của chị, cả tâm hồn lẫn thân xác đều đã gắn bó đã hòa nhập với người đàn ông mới... Chị không còn yêu Bôn nữa. Mối tình le lói thời con gái chưa kịp nở đã tàn lụi đã rữa nát với thời gian. Làm sao một người đàn bà đang sống cuộc sống nơi dương thế có thể còn ôm ấp, và xẻ chia giường chiếu với một thây ma đã rữa nát dưới mồ?...

Miên biết không ai thèm để tâm tới những gì chị nghĩ. Không ai trả lời chị.

Người đàn bà gục mặt xuống, khóc như đứa bé bị đuổi khỏi nhà.

*

Khoảng tám giờ tối dì Huyên sang. Bà nói dáo dác từ giữa sân:

- Sao hai người ngồi im như bụt mọc thế?... Chẳng cơm nước gì à?

Nói rồi bà bước lên bậc tam cấp. Bôn hỏi;

- Dì đi đâu lâu thế?

Bà nói:

- Tôi phải đưa thằng bé đi chơi. Nó quen chơi rong, ngồi nhà không yên.

Nói rồi bà mở cửa gian buồng bên trái, đối diện với phòng ngủ của Miên, nơi bà thường ngủ trưa với cu Hạnh. Vừa đẩy cánh cửa bà vừa lẩm bẩm:

- Quái lại, không biết cây đèn để đâu?...

Lục sục trong đó một lát bà lại quay ra, tay cầm cây đèn pin:

- Phải thắp đèn lên. Cả sân lẫn bếp tối mò. Chút nữa tôi trượt chân ở cổng.

Nói đoạn bà cầm cây đèn pin, xuống bếp. Ánh đèn pin quét qua quét lại loang loáng trên khoảng sân rải rác lá úa. Vườn nhà rộng, đủ loại cây, lá rụng quanh năm. Vài phút sau, hai ngọn đèn được bật sáng. Dì Huyên đặt một ngọn trên bờ tường hoa, và ngọn kia treo nơi cửa bếp. Xong xuôi, bà gọi:

- Này Miên, muốn sao cũng phải nấu cơm, đừng bỏ bữa.

Miên lên tiếng:

- Dạ.

Bà nói tiếp:

- Cu Hạnh ngủ rồi... Hay đêm nay để nó ngủ lại với dì?...

- Không, không được...

Miên bật đứng dậy tức khắc:

- Để cháu sang đón nó.

Dì Huyên nói:

- Không cần... Giờ cháu hãy rửa mặt cho tỉnh, nấu cơm đãi anh Bôn. Chẳng gì, cũng là người đi xa mới về... Khi nào cơm nước xong, dì sẽ cõng thằng bé sang. Tôi cầm cây đèn pin đây rồi. Không sợ ngã.

Bà nói thong thả, khô và gọn như lấy dùi gõ từng nhịp xuống mõ. Nói xong bà quay lưng đi. Ánh đèn ve vẩy theo tay bà ra lối ngõ. Miên đứng dậy, rút chiếc khăn mặt phơi trên sợi dây căng trước hiên, đi ra bể nước. Chị múc nước vào chiếc thau đồng, vục mặt vào thau nước lạnh vừa rửa vừa tiếp tục khóc. Hơi thở chị làm sủi từng tràng bong bóng trong chậu nước. Người đàn bà vục mặt vào thau nước lạnh hồi lâu chờ cơn khóc nguôi cạn mới lau khô mặt quay lên nhà. Tới trước Bôn, chị nói:

- Anh muốn ăn cơm hay ăn cháo?

Giọng chị khô lạnh và bình thản như mười bốn năm qua chỉ là giấc mộng trôi vèo, như chị vẫn thường hỏi anh như vậy vào lúc chiều buông:

- Anh muốn ăn cơm hay đi đường mệt, cần phải ăn cháo?

Bôn ấp úng. Dường như không hiểu Miên nói gì. Dường như cái câu nói thường nhật kia anh đã chờ đợi mười bốn năm qua xẹt tới nhưa tia sét ngang tai khiến anh choáng váng:

- Anh muốn... muốn....

Anh lắp bắp, ngẩng nhìn chị:

- Tùy... tùy Miên, ăn chi cũng được...

Nếu Miên nhìn vào mắt anh lúc ấy, chị sẽ thấy bao âu yếm dâng đầy. Sẽ thấy trong mắt anh không chỉ tình yêu mà còn sự tòng phục không chỉ lời van nài mà còn sự quy lụy không chỉ cơn khát thèm mà còn sự hoảng loạn của nỗi cô đơn trường niên nỗi cô đơn khiến con người trở nên mềm yếu và hèn nhát... Và sau tất thảy những thứ tình cảm pha trộn đó, chị sẽ nhận ra ánh lửa của mùa hè mười bốn năm trước đang tỏa rọi. Thời gian không làm ngọn lửa ấy tàn phai mà thổi bùng lên đám cháy rực rỡ của một trời phượng đỏ.

Nhưng Miên không nhìn anh. Không mảy may dừng ánh mắt lại trên gương mặt trên thân hình thậm chí cả khoảng không gian bao bọc anh. Chị chờ Bôn buông vài tiếng, liền quay đi rất nhanh. Chị xuống bếp lấy gạo vo gạo xoàn xoạt nơi bể nước. Chị nổi lửa đặt nồi cơm. Nồi cơm cạn, chị gạt than đoạn đi tới chuồng gà. Mở cửa chuồng, thò tay khoắng một nhát tóm gọn bất cứ con vật xấu xố nào lọt tầm tay. Gài chốt cửa chuồng gà, trói chân con gà bằng một đoạn dây gai, một chân chặn cả chân lẫn cánh con vật khốn khổ, một tay nắm cổ nó, tay kia vặt lông và sau đó cắt tiết. Con gà chỉ giãy được hai giãy là chết hẳn. Miên lấy phích nước sôi lớn đổ ra chậu làm lông gà. Khi gà làm xong, chị vớt vài củ măng ngâm trong vại ra thái. Tay đưa dao đều đặn, ngọt xớt không sai một ly. Những miếng măng mỏng tăm tắp rơi xuống rổ. Thái xong, chị hất măng vào chiếc xoong nhôm, đổ nước đặt lên bếp luộc. Lửa lại bùng lên, bọt củi sôi xèo xèo, ánh lửa phản chiếu trong đôi mắt thủy tinh của chị. Cặp mắt đông cứng, giá buốt. Chúng nhìn vào cõi nào đó bên ngoài thế giới chị đang tồn tại.

Trên nhà, Bôn ngồi im nhìn vợ. Mọi cử chỉ của chị khiến anh sợ hãi. Tất thảy đều chính xác, dứt khoát, thành thục... Nhưng tất thảy là cử chỉ của cái xác không hồn. Miên vừa đổ nồi măng xuống chiếc rổ tre. Làn hơi bốc lên vây phủ gương mặt chị. Khi hơi nước tan đi, Bôn lại thấy những bắp thịt đông cứng nơi cằm, trên hai gò má Miên. Gương mặt chị như đẽo bằng đá, không mảy may rung động:

...Miên, em đã hoàn toàn quên tôi, em đã quên khoảnh khắc em trở thành cô dâu và tôi trở thành chú rể. Với tôi, nó thiêng liêng biết bao. Tôi đã ghi nó trong trí não tôi suốt mười bốn năm dài. Còn em,

chắc em không muốn nhớ... Lẽ nào em đã quên cái đêm đầu tiên... Đêm ấy, những con bướm trắng lao xuống cây đèn đặt trong góc căn phòng, và sáng hôm sau chính em lấy chổi vun xác chúng lại...

Bôn thấy sợ hãi, thấy chông chênh. Làm sao anh dám hôn lên cặp môi mím chặt kia, hôn lên gương mặt đông cứng như nước đá. Anh rót một chén trà uống cạn, chất nước nóng làm hồi lại các mạch máu tê cứng trong tim anh, đem cho anh chút can đảm: ...Có thể Miên đã quên và cũng có thể Miên chưa quên nhưng không muốn quay lại nhìn quá khứ... Mười bốn năm đâu phải quãng thời gian ngắn ngủi... Miên đã chung sống với một người đàn ông khác và họ đã có đứa con trai. Đàn bà vốn sợ đổi thay. Họ không muốn xáo trộn cuộc sống... Ta phải chờ đợi. Phải học cách chờ đợi. Thời gian sẽ làm tình yêu cũ sống lại... Phải biết chờ. Rồi những mầm cỏ tranh sẽ nảy mầm khi mùa xuân tới, qua mọi lớp than tro... Tiểu đội trưởng bảo ta nhiều lần: Chiến tranh, thằng nào lì đòn thằng ấy thắng. Cuộc đời cũng như trận mạc, thằng nào lì đòn thằng ấy thắng...

Ý nghĩa sau chót khiến anh trở lại bình tĩnh. Anh rót thêm chén trà nữa và lại uống cạn. Ngoài sân, tiếng nước xối ào ào. Miên rửa mớ măng luộc trước khi nấu. Anh thấy chị xốc rổ măng vài lần cho ráo nước rồi mang vào bếp. Lần này, ánh lửa rọi thẳng vào mặt người đàn bà khiến anh nghẹt thở. Niềm lạc quan anh vừa lấy được bỗng tan biến. Gương mặt thạch cao của Miên đã gợi cho anh hình ảnh một bãi mìn: Bãi đất trống trơn, cồn ụ lô nhô, bờ cỏ vụn xen những hàng dây thép gai nghiêng ngả và những hố bom cỏ chưa kịp phủ đầy... Bãi mìn. Vùng đất hoang. Anh có thể nào cư trú?...

...Không, không, không... ta không được để những ý nghĩ u ám tấn công. Có thể đó là di chứng của những cơn trầm uất năm xưa, khi ta sống trong rừng hoang, cũng có thể là di chứng bệnh gan và sốt rét. Khi máu cạn, tim sẽ lạnh theo và tâm hồn trở nên tăm tối. Ta trở về quê hương, vượt qua bao năm tháng chết chóc đói và bệnh... Ta phải tìm lại hạnh phúc đã mất, ta phải tìm nó với bất cứ giá nào...

Bôn nhớ lại lần làm lễ xuất quân. Đám lính cũng như các sĩ quan đều giơ tay tuyên thệ dưới cờ: Quyết thắng. Tiếng hô của họ âm vang rừng già, không còn là tiếng người mà giống lời sấm truyền của một vị thần linh hiển...

Hồi ức về buổi lễ xuất quân khiến Bôn nao nức. Anh thề với chính mình, tựa hồ làm một cái lễ xuất quân đơn lẻ cho riêng anh, chính anh: Anh thề tìm lại những gì đã mất.

Ngoài ngõ có tiếng chân bước. Rồi dì Huyên nói vọng ở đầu sân:

- Nào, cơm nước xong chưa, tôi cõng thằng bé sang đây.

Miên đáp vọng dưới bếp lên:

- Con đang dở tay chặt gà, dì đặt cháu vào giường cho nó ngủ.

Bà già cõng thằng bé trên lưng, cẩn trọng quét ánh đèn pin lên từng bậc tam cấp trước khi bước. Đứa bé vẫn ngủ ngon lành đầu ngoẹo trên vai bà hai tay buông thõng. Ánh nến soi làn da trắng nõn như mỡ đông, như vỏ trứng gà:

...Nó có màu da của Miên, cũng có thể màu da cha nó, cái người đã làm chồng Miên hơn bảy năm nay. Kẻ may mắn ấy hẳn có màu da trắng, chẳng giống như da mình...

Bất giác Bôn giơ cánh tay lên soi dưới nến. Da anh vốn đen. Thời anh trẻ, nó là màu đen ròn ánh hồng màu huyết và sinh lực.

Năm tháng đói khát và những cơn sốt rét đã hút vơi máu trong huyết mạch, pha vào làn da anh sắc chì ảm đạm khiến nó xỉn đi, như mảnh vải thâm cũ ải.

Dì Huyên đã cõng đứa bé vào buồng. Nó ú ớ vài tiếng:

- Mẹ... Mẹ... Mẹ Miên... iên.

Rồi im lặng. Hẳn nó đã ngủ lại. Khoảnh khắc sau, dì Huyên bước ra. Bà hỏi:

- Sao anh còn ngồi đây?... Không đi tắm cho sạch bụi đường?...

- Cháu chờ Miên.

- Chờ làm gì cho rách chuyện?... Người nào việc nấy chứ?... À mà tôi quên mất, phải đun cho anh nồi nước lá tẩy trần. Đó là phép các cụ đã dạy...

Nói đoạn bà tong tả đi xuống bếp:

- Có gì để tôi làm nốt, đun cho anh Bôn nồi nước lá.

- Chỉ còn việc dọn mâm thôi.

- Được... đưa đĩa thịt cho tôi. Thái lá chanh rồi hả, rắc lên đây. Để tôi lấy dĩa muối tiêu đã...

Bóng hai người đàn bà đi đi lại lại trong khuôn cửa bếp. Bếp ở đây còn cao hơn những nóc nhà bình thường. Chắc hẳn đồ vật trong đó sang trọng như những phòng ăn và bếp nấu ở các thành phố anh từng thấy.

Bà già lại cất tiếng hỏi:

- Hai người ăn cơm ở đây chứ?

- Không.

Tiếng Miên đáp tức thì:

- Ăn trên nhà khách. Dì cứ để đấy lát nữa con bưng lên.

- Thôi được.

Dì Huyên đáp và trở lại nhà trên. Bà thay những ngọn nến sắp

tàn, đoạn ngồi xuống ghế, đối diện với Bôn:

- Anh cứ uống trà mãi mà không thấy cồn ruột hay sao?... Thôi, để bụng ăn cơm.

Bôn đang đưa chén trà lên môi vội ngừng tay hạ xuống. Quả thật, anh đã liên tục uống trà từ sáng tới giờ như cái máy. Bối rối trước những lời lẽ thân tình của bà, anh lúng túng hỏi:

- Dì vẫn khỏe chứ ạ?...

- Khỏe, tôi vẫn khỏe...

Bà đáp. Bôn chợt nhớ từ lúc bước vào ngôi nhà này tới giờ anh đã lặp lại lời hỏi thăm lạt lẽo đó bốn lần. Thực ra, giữa những gương mặt ít ỏi sót lại trong trí nhớ của anh, không có bà, mặc dù bà là đại diện nhà gái duy nhất trong lễ cưới của họ. Bà là người gần gũi duy nhất với Miên ở Xóm Núi. Theo quan niệm thông thường, gia đình Bôn tuy nghèo những vẫn là dân gốc sở tại. Miên là người ngụ cư, sau khi bố mẹ chết dì Huyên đã đón mấy chị em cô tới đây. Một lát bối rối, Bôn chợt nhớ dì Huyên có nghề nuôi tằm, anh hỏi:

- Dì vẫn nuôi tằm ạ?...

- Phải, khắp vùng này chỉ còn bà Xuyến thôn Hạ và tôi nuôi tằm kéo tơ. Chẳng bán được cho ai, chúng tôi đem tơ xuống huyện thuê người dệt. Được tấm nào chúng tôi may áo quần tấm nấy, thế cũng sung sướng hơn người.

Đúng như bà nói, bà mặc bộ quần áo thuần tơ nhiên vàng óng, chẳng giống chút nào những sơn dân lam lũ quanh năm mặc quần áo đen ở nơi đây.

...Bà già này đài các thật. Dường như số bà luôn may mắn. Khi ta ăn hỏi Miên, bà đã tỏ ra lạnh nhạt vì gia cảnh của ta bần hàn. Giờ đây, so với bà hẳn ta còn bần hàn hơn nữa... Nhưng cần phải lấy lòng mụ già này, ấy là người có ảnh hưởng rất lớn với Miên.

Dì Huyên đưa mắt nhìn Bôn, cái nhìn bình thản nhưng không che đậy vẻ dò xét:

- Ngày nay đông người quá không tiện hỏi. Vậy anh đã được lệnh phục viên?

- Đúng ạ.

- Sao hồi trước gửi giấy báo tử?... Vẫn cùng một bàn giấy làm ra hay sao?

- Dạ. Cũng vẫn quân đoàn nơi đơn vị cháu trực thuộc. Hồi trước, cháu bị lạc, kẹt mất hơn sáu năm trên đất Lào. Sau giải phóng mới tìm được cách liên lạc với đơn vị cũ...

- Tôi hiểu. Xưa các cụ kể có ông quan đi xứ, lạc vào đảo khỉ lấy khỉ làm vợ, để được hai mặt con mới có thuyền ghé ngang đón

về quê... Vậy anh làm đến chức nào trước khi xuất ngũ?

- Dạ... Cháu kém tiến bộ, chỉ mới tới hàm thượng sĩ thôi.

Ngập ngừng một chút anh nói thêm:

- Cháu bị thiệt hơn sáu năm kẹt ở xứ người... Rồi lại mất hơn một năm đơn vị điều tra mới xác minh được lý lịch...

- A... a...

Bà già cất tiếng kêu bâng quơ, không nói gì thêm nữa. Cũng vừa lúc Miên bưng mâm cơm lên:

- Anh ăn cơm ngay hay chờ tắm?

- Tùy Miên... Tôi thế nào... cũng được...

Dì Huyên bảo:

- Hãy bỏ mâm cơm ở đó. Tắm sạch bụi đường ăn cơm mới ngon.

Miên lặng lẽ quay ra không ngó vào mặt Bôn. Anh cúi gằm mặt xuống nhận biết rõ rệt nỗi nhục xuyên lưỡi dao nhọn qua tim mình. Nhưng anh cắn răng, nuốt nước bọt. Thân thể nồng ấm của người đàn bà đang chuyển động. Chị càng rời xa anh, mùi hương nhục cảm càng theo gió bay lại, đậm đặc hơn, rạo rực hơn. Như chị là một loài công, loài trĩ lạ kì. Những con công con trĩ truyền hơi hám dục tình lên sắc lông rực rỡ. Còn chị, chị truyền dòng điện mê hồn vào không gian vây quanh, biến nó thành một từ trường nhiễm đầy mùi da thịt của chị, hơi thở của chị, cả mùi chua thoang thoảng của mồ hôi đọng sau gáy và trong hai kẽ nách. Miên đã xuống hết bậc tam cấp, ra sân, nhưng những luồng sóng nhục cảm đầy nữ tính trộn mùi thơm của nhành hương nhu gài nơi búi tóc của chị làm không gian đặc sánh ngây ngất:

...Cô ấy không thèm ngó vào mặt ta, dù một lần... Cô ấy đã trở thành người xa lạ, hoàn toàn xa lạ...

Người chồng đau đớn thú nhận, nhưng ngay khoảnh khắc ấy anh cũng hiểu rằng giờ đây anh còn đam mê, thèm muốn và ngưỡng vọng Miên hơn trăm lần cô gái mảnh mai anh đã cưới mười bốn năm về trước:

...Em không thèm nhìn tôi một lần. Sao em ác thế?... Chẳng lẽ tôi đã thay hình đổi dạng tới mức em không còn nhận ra chút bóng dáng nào của người đã từng là chồng em?... Không, dù năm tháng đã qua nhưng tôi vẫn nguyên thân xác cũ, nguyên vẹn chân tay, không vết thương trên mặt, không bị lửa na-pan đốt da, cũng không xém thuốc đạn - thứ vết thương bắt con người mang suốt đời những mảnh da sần sùi, lỗ chỗ hạt đen... Tôi may mắn hơn nhiều đồng đội, còn nguyên dạ dày lẫn gan, lách, chỉ một vết thương phần mềm giờ sẹo đã mờ. Nước da tôi có xấu đi nhưng đâu đến nỗi thành quỷ khiến

em phải sợ hãi?... Vậy vì lý do nào em ngoảnh mặt đi?...

Người chồng cất tiếng hỏi, rồi anh tự đáp lời:

...Cô ấy đã quên ta, trái tim cô ấy đã chứa đầy hình ảnh người đàn ông khác. Còn ta, ta vẫn mang cô ấy đi theo suốt gần ấy năm ròng... Ngu muội. Bất công...

Những lời giải đáp cất lên rất sẽ sàng, yếu ớt, và Bôn làm như không nghe thấy. Đối với anh đó là khung cảnh ghê sợ anh không dám mở to mắt nhìn, là chiếc rương lớn giam giữ nguy hiểm và tai họa anh không dám mở...

Miên vào bếp. Chị bưng một xoong lớn đặt lên bếp. Hẳn đó là nồi nước lá tẩy trần của anh. Nồi đó nước phải nặng hơn trái đạn B40. Cánh tay người đàn bà trắng ngần nhưng rất khỏe. Lúc này Bôn mới nhận ra Miên cao lớn, đẫy đà hơn ngày họ cưới nhau nhiều. Cặp mông tròn đầy, nây nẩy theo bước đi khiến lớp lụa quần sóng sánh. Đôi vú qua thì sinh nở căng đầy dưới tấm áo màu lam. Khoảng da cổ hở ra trắng nõn nà, trắng hơn hết thảy những người đàn bà từng gặp trong các thành phố phương Nam: Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Sài Gòn, Phan Rang, Phan Thiết... Người đàn bà dưới chân giải Trường Sơn, nơi gió Lào táp lửa se xém cỏ cây lẫn da thịt, vậy mà Miên trắng lạ lùng. Nhất là khoảng da cổ Miên thứ màu sắc ngon lành khiến họng anh tắc lại:

...Em đẹp hơn xưa nhiều. Em đã sống qua bao nhiêu giờ phút trong tay người đàn ông đó?... Đã bao nhiêu lần anh ta hôn lên cần cổ trắng ngần kia? Một, hai, ba, bốn, năm trăm hay tới cả nghìn lần?... Hơn bảy năm, hơn hai ngàn năm trăm ngày đêm. Mỗi đêm họ hôn bao nhiêu lần và trong khoảng thời gian ấy họ đã làm tình bao nhiêu lượt?...

Bôn lại nuốt nước bọt. Cơn ghen làm anh xây xẩm mặt mày. Anh tưởng tượng cảnh ái ân giữa Miên với người ấy. Sau đó tự sỉ nhục mình. Rồi sự tò mò đau đớn kia lại cắm phập móng vuốt của nó vào tim anh. Và anh nhổ những chiếc móng sắc nhọn đó ra, ròng ròng máu chảy:

...Sao ta ghen tuông nhỏ nhen nhục nhã?... Ta đã từng chung chạ với những người đàn bà xa lạ dọc đường chiến tranh. Ta cũng đã sống cuộc sống chồng vợ với người đàn bà ở bản kheo trên đất Lào ngót sáu năm trời... Ta không có quyền ghen với Miên... Miên không có lỗi và ta cũng không có lỗi...

Nhưng sau những dàn xếp với bản thân, trái tim anh vẫn bật lên lời than van, ấm ức:

...Nhưng em, người vợ của tôi, sao em nỡ nhạt tình đến thế?

Không lẽ em đã đánh mất hoàn toàn trí nhớ, không lẽ em đã quên cái đêm đầu tiên của chúng ta... Quên ngọn đèn và lũ thiêu thân vờn quanh ánh lửa?...

Tâm hồn anh rên rỉ, bởi với anh, đó là đêm thiêng liêng nhất đời người. Cái đêm lấp đầy anh, đêm ám ảnh anh suốt quãng thời gian xa cách...

...Đêm ấy trăng hạ tuần lên muộn. Hầu như không có trăng. Tối mù. Đám cưới tan, ai xách đèn về nhà nấy. Ông chủ hôn hô hào lũ thiếu niên thu dọn những tấm bạt che, những bình hoa giấy, đoạn dẫn họ về trụ sở thôn ăn cháo. Buổi sớm phường săn ngả được con nai đem cho ông một đùi. Ông có ý dành đãi bọn trai làng đã phụ giúp đám cưới của Bôn và Miên. Khi ông kéo lũ trai đi rồi, người chị ruột của Bôn cũng gọi lũ con vào buồng ngủ. Chị ta tắt đèn. Căn nhà chợt tối om. Lúc đó, Bôn đang ôm chặt Miên, mê mẩn:

- Miên, Miên ơi, Miên ơi...

Anh gọi, thì thào, hứng khởi, vừa gọi vừa xục trên thân thể cô ngửi hít như con lợn rừng.

- Miên, Miên...

Anh tiếp tục gọi dù Miên không đáp, thân thể cô cứng ngắc và hai tay cô bấu chặt vào anh cũng cứng ngắc. Bôn phải gọi lượt thứ ba, và trùm tấm thân nóng rãy của anh lên cô Miên mới bật kêu:

- Đừng... Đừng. Em sợ.

Anh dừng lại:

- Em sợ gì?

- Em sợ... Em không quen ngủ trong bóng bối... Em sợ ma...

- Nhưng em đã là vợ anh... Em không ngủ với dì Huyên mà ngủ với anh. Chẳng có gì đáng sợ...

- Không... Không thể được. Dì Huyên vẫn quen để đèn đêm... Em sợ bóng tối.

Bôn ngẫm nghĩ một giây:

- Thôi được.

Anh mò mẫm tụt xuống giường, mò mẫm quơ đôi dép rồi tìm cây đèn châm. Khi anh quẹt lửa, tiếng người chị từ buồng bên vọng sang:

- Thắp đèn làm cho cho tốn dầu?

- Mặc tôi.

- Đồ dở hơi, đêm động phòng còn khêu lửa...

Bôn không đáp, anh đặt cây đèn vào góc khuất, lại lấy cuốn vở che thêm. Như thế, ánh sáng không thể rọi thẳng vào chiếc gường hợp hôn của họ.

- Nào, đã hết sợ chưa?

Anh thì thào.

- Được rồi.

Miên đáp và thở một hơi dài nhẹ nhõm.

Bôn cúi xuống mở chiếc nút áo đầu tiên nơi cổ Miên. Lúc ấy, cô đang ngoảnh mặt nhìn ngọn đèn nói:

- Ở đây nhiều bướm đêm hơn nhà em... Xem kìa, lũ bướm đã đã xoay kín bóng đèn...

Nhưng Bôn không nghe hết lời Miên nói. Anh đã mở hết hàng cúc áo, anh lột tấm vải vô tích sự ấy đi, và anh quên hết mọi thứ trên đời...

Đêm ấy, ngọn lửa đèn thiêu chết bao nhiêu con bướm trăng dại khờ, Bôn không rõ. Anh đã làm tình thâu đêm tới lúc trời rạng sáng. Khi nhìn rõ vòm lá soan đung đưa trên vòm trời trắng đục, anh bước xuống tắt đèn, rồi sau đó hai người mê mệt ngủ...

...Nếu không có chiến tranh và chúng ta tiếp tục cuộc sống lứa đôi. Tôi và em, vẫn mặn nồng như xưa, hơn xưa... Bây giờ, cần phải có thời gian để khôi phục lại...

Ngày ấy, tình yêu tuổi mười bảy và sức lực của gã trai làm tình mà không đếm nổi lượt làm tình... Dĩ vãng ngắn ngủi xa xôi. Quá xa xôi. Thời đó những cuộc kết hôn của lính trẻ trước ngày ra trận thường vội vã và họ cũng vội vã tận hưởng ái tình với vòng quay của những con thiêu thân quanh lửa... Bôn biết vậy. Nhưng dẫu sao những đêm si cuồng ngắn ngủi đó đã in dấu quá sâu đậm trong tâm hồn anh, chối bỏ tất cả những gì làm thương tổn chúng. Anh đã mang những đêm say đắm ấy suốt bao năm ròng. Anh tin chúng tồn tại mãi mãi... Mãi mãi...

...Ngày xưa, có một vị tướng già trải gần hết cuộc đời ngoài trận mạc. Khi đất nước thanh bình, nhà vua hỏi ông muốn phong tước hầu hay muốn nhận đất đai. Vị tướng già từ chối tước hầu. Vua thắc mắc: Vì sao khanh đổi bổng lộc chốn đình chung lấy thân phận một viên chúa đất?... Ông liền đáp: Thần cần đất bởi đất nuôi người. Thần muốn có ba chục đứa con. Đất bệ hạ ban sẽ được cắt thành ba mươi mảnh, dựng ba mươi ngôi nhà. Sau này, ba mươi đứa con thần sẽ theo gương cha chúng mà làm. Hai trăm năm sau dòng họ của thần sẽ cai quản cả xứ... Vua cười ngất và bảo: Nay râu khanh đã dài tới rốn mà còn ước đẻ ba mươi đứa con trai... Khanh có phép thần nào vậy?... Vị tướng nghiêm trang đáp: Lũ con thần bị nhốt trong bụng cha chúng suốt mấy chục năm qua đang nôn nóng chờ đợi, giờ chỉ cần chọn ngày lành tháng tốt cho chúng qua cửa... Quả nhiên, vị tướng già đã sinh đủ ba mươi đứa con trai mới chịu nhắm

mất giã biệt cõi đời... Câu chuyện này tiểu đội trưởng thường kể... Miên ơi, tôi không phải là tướng, tôi chỉ là một thượng sĩ quèn nhưng vẫn đủ sức cho em ba bốn đứa con trai... Chỉ cần em quay mặt lại...

Miên vẫn đứng trước nồi lá tẩy trần. Nước bắt đầu sôi, hơi phun phì phì nơi mép xoong. Mùi hương nhu, lá sả, cỏ thơm tỏa ngát lừng.

Dì Huyên lên tiếng:

- Kìa, anh chuẩn bị mà đi tắm.

Bôn giật mình, trong lúc anh đắm chìm vào cơn suy tưởng, bà già vẫn ngồi nhâm nhi uống nước và hẳn không ngừng quan sát anh. Không chờ anh đáp, bà nói tiếp:

- Nước thơm rồi, anh đi mà tắm... Tôi về ngủ đây.

- Cháu chào dì.

Bà vung vẩy cây đèn pin, xuống sân. Từ dưới đất, Miên vùng chạy ra:

- Dì, dì ơi... Dì ngủ lại với cháu...

Bà già ngập ngừng một chút rồi lắc đầu:

- Thôi, để dì về.

Và rất nhanh, bóng bà chìm trong đêm tối.

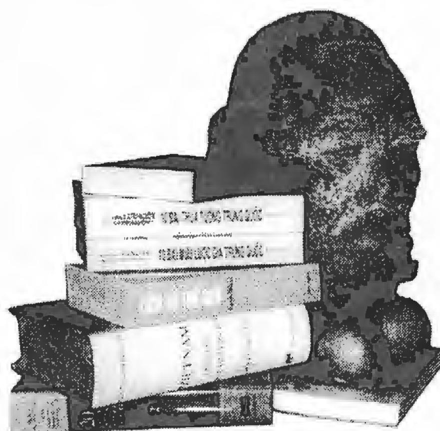
Bôn thầm hớn hở; Giờ chỉ còn Miên với anh trong ngôi nhà này và như thế, mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn. Mùi thơm hăng ngái của nồi nước lá làm không gian như nóng sực lên, tựa mùi tóc đàn bà trộn lẫn mùi giường chiếu gối chăn, mùi những đêm xuân và những cánh hoa ngọc lan héo dần trong túi áo...

- Nước được rồi. Anh đi tắm.

Miên đã bưng nồi nước vào phòng tắm. Chị đặt thêm cây đèn rồi lên nhà trên vào buồng. Bôn nghe tiếng then cài cửa lồng vào con chốt vang lên khô chắc. Một cảm giác nửa hẫng hụt nửa buồn tủi len vào tâm hồn anh. Nhưng anh cúi xuống chiếc ba-lô dưới chân, rút ra bộ quần áo thu đông còn khá mới, cùng chiếc quần đùi phin trắng vừa mua trên sân ga Nha Trang rồi đi xuống phòng tắm.

(xem tiếp kỳ sau)

DƯƠNG THU HƯƠNG



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU
giới thiệu sách mới

Tình hình sách báo hải ngoại trong vài tháng qua tuột dốc thê thảm. Hầu hết các nhà xuất bản đều ngừng in, xoay qua phát hành sách nội địa. Ngay như nhà xuất bản Văn Nghệ, làm sách với mục đích văn hóa hơn thương mại, vẫn chỉ hoạt động gắng gượng. Không có sách hay để in đã đành, mà mãi lực cũng rất giới hạn. Thử tưởng tượng một đầu sách in trung bình nghìn ấn bản, để rồi tiêu thụ ba năm chưa hết... 300 cuốn! (thế mà có một tác giả từng ba hoa trên báo, rằng tập truyện ngắn của ông in 2000 cuốn, ba tháng đã tuyệt bản! Chả hiểu độc giả của vị này thuộc cõi âm hay cõi dương!!!) Tưởng tượng tiếp, các ông giám đốc mỗi ngày đi ra, đi vào, đụng đầu hàng núi sách xếp ngổng ngang, cao ngất trong kho, dưới garage, sau hè, ngoài hiên... để làm mồi cho nắng mưa mối mọt! Ôi chao, nghị lực dẫu bằng sắt, có lẽ cũng phải mềm nhũn trước thực trạng vừa nêu! Tuần trước, chủ nhân một nhà xuất bản nói với chúng tôi, ông dự tính gọi các nhà văn, hỏi ai cần "xài" toàn bộ sách tồn kho của họ, hãy gửi tiền cước, ông sẵn sàng biếu không. "Mang ra sở rác thì đau lòng, đành giải quyết bằng cách ấy, nếu không, chỗ nào mà chứa, và chứa để làm gì!!!"

Do tình hình trên, hai tháng qua, HL không nhận được một đầu sách mới nào, trừ vài ba "tác phẩm", tác giả tự xuất bản, để "dấu ái thương trao hiền nội, tạc ghi 40 năm hương lửa mặn nồng!"

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



với văn hữu và độc giả.

Hợp Lưu số trước (số 57, phát hành đầu tháng 2 , 2001), vì ban trị sự chưa cập nhật kịp thời giá biểu mới của bưu điện, đã rập tem theo giá biểu cũ, đưa đến tình trạng hơn 1/3 số báo bị trả lại. Nhiều số khác, có lẽ không ít, bị nhân viên bưu điện ném vào... hư vô! Những số báo bị trả lại, chúng tôi đã đến bưu điện nhận, nộp phạt và gửi bù ngay. Riêng những số bị "phần thư", chúng tôi không rõ của những ai!

Ban trị sự thành thật xin lỗi những vị nào, cho đến nay, vẫn chưa nhận được Hợp Lưu số 57. Chúng tôi rất mong có được thông tin từ quí vị, để gửi bù.

Hiện nay, bưu điện Hoa Kỳ đã hủy bỏ chế độ gửi sách, báo, văn hóa phẩm bằng hạng mục BOOK RATE và SURFACE. Vì thế, giá cước phí tăng cao đến mức chóng mặt. Một cuốn Hợp Lưu gửi qua Canada, đường bộ, trước đây chỉ **1 đồng 20 cent**, nay, là **2 đồng 70 cent**! (tăng hơn 100%). Trong nội địa Hoa Kỳ, trước kia, nếu gửi hạng mục Book Rate, một tờ báo hay một cuốn sách dày khoảng từ 100 đến 300 trang, vẫn chỉ với giá thống nhất **$1.13 cent**. Nay, bưu điện xem sách báo như mọi loại hàng hóa khác, vì thế **giá tem cước tăng theo trọng lượng của bưu kiện**. Hợp Lưu có số trang dày hơn gấp đôi nhiều tạp chí khác, tất phí tổn tem cước cũng phải tăng gấp đôi! Với tình trạng leo thang

nhảy vọt ấy, rất mong độc giả cảm thông với chúng tôi, vui vẻ chấp thuận một bảng giá mới, khi tái hạn hoặc mua dài hạn.

Riêng các văn hữu và thân hữu không thường xuyên cộng tác với Hợp Lưu, rất mong quí vị nếu không mua dài hạn được, thì chí ít cũng chia xẻ với chúng tôi tiền tem cước, hầu trị sự có đủ điều kiện tiếp tục phục vụ quí vị, như đã, nhiều năm qua. Mỗi số báo vài dollars, với từng cá nhân, không là bao nhiêu, nhưng nếu nhân cho vài trăm, số thành tất không nhỏ (Hợp Lưu có khoảng trên dưới hai trăm thân hữu, văn hữu cư ngụ khắp thế giới, mười một năm qua, Hợp Lưu vẫn là người bạn thủy chung và cần mẫn của quí vị.)

Để có thể duy trì diễn đàn văn học này, một lần nữa, Hợp Lưu rất mong có được sự cảm thông từ độc giả, văn hữu và thân hữu.

Chị **Trần Thị Nguyệt L.** (Na Uy): BTTC có một cái nhìn rất cấp tiến trong quan hệ nam nữ. Tuy nhiên, về mặt văn chương và kỹ thuật, chúng tôi nghĩ chị nên xem lại.

Một điều nữa cần lưu ý: Chỉ nên sử dụng một mặt giấy và viết rõ ràng, dễ đọc. Tốt nhất, nếu có thể, nên viết bằng computer, sau đó chuyển bằng email hay gửi đĩa qua bưu điện.

Anh **Lê Th.** (San Jose): Điều anh "nghe nói" không sai!

Tuy nhiên chúng tôi sẽ cố gắng hết sức để vượt qua. Hy vọng sẽ không "tắt thở" sớm.

Anh **Trần Văn Ngh**. (Úc): Bưu điện đã "dọa" đầu năm tới giá tem cước sẽ tăng thêm lần nữa . Nếu chuyện ấy là sự thực thì có lẽ HL và các tờ báo bạn sẽ "lên tàu" là cái chắc!

Ông **Nguyễn Hoàng Ngh.** (TX): chúng tôi đã gửi bù đến ông ngay sau khi báo bị trả lại. Thế nhưng ông vẫn chưa nhận được thì thực tình chúng tôi không hiểu vì lý do gì! Cách đây 2 hôm, chúng tôi lại gửi lần thứ 3! Rất mong sẽ không như hai lần trước.

Vâng, cuốn sách ấy được xuất bản tại miền Nam VN vào thập niên 60, từng tạo ảnh hưởng mạnh mẽ trong giới sinh viên học sinh thời ấy. Chính chúng tôi cũng từng bị mê hoặc. Tuy nhiên, theo chúng tôi nghĩ, nếu người đọc chưa đủ bản lĩnh, nội lực, thì cuốn sách có thể gây tác dụng tiêu cực, nhưng sự tiêu cực ấy xét cho cùng cũng vô hại thôi, nếu không muốn nói là rất cần thiết cho tuổi trẻ. Nó giúp cuộc sống trở nên thơ mộng hơn.

Hợp Lưu



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92843. USA
Tel: (714) 379-0639 - Email: tchl@aol.com

PHIẾU TẶNG BÁO

Tên người tặng: ______________________________
Địa chỉ: ______________________________

____

Email: ______________ Điện thoại: ______________

tặng [ ] (1,2) năm HỢP LƯU bằng máy bay [ ]; hạng tư [ ] đến

Tên người nhận : ______________________________
Địa chỉ: ______________________________

____

Email: ______________ Điện thoại: ______________

Yêu cầu tòa soạn báo cho tôi biết khi nhận được phiếu tặng báo kèm check (or money order) bằng điện thoại, thư bưu điện, hoặc email.

(Xin xem PHIẾU MUA DÀI HẠN ở mặt sau để biết giá)

PHIẾU GIỚI THIỆU

Yêu cầu tòa soạn gửi đến:

Tên: ______________________________
Địa chỉ: ______________________________

____

Email ______________ điện thoại ______________

HỢP LƯU số mới nhất. Nếu người nhận vừa lòng với nội dung của tạp chí, sẽ đặt mua dài hạn.



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 379-0639. Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years

Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ:

- *Một năm / One year*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$50.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$60.00
- *Hai năm / Two years*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$95.00. Hạng nhất / First class: ☐ US&110.00

Âu châu (Europe), Gia Nã Đại (Canada):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US&60.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$110.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$150.00

Úc, Á châu (Australia & Asia):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$60.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$85.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$110.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$160.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) đề HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HOP LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

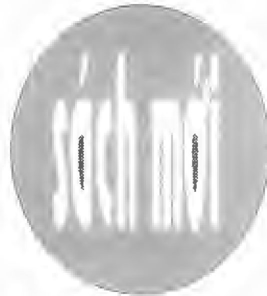
Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.



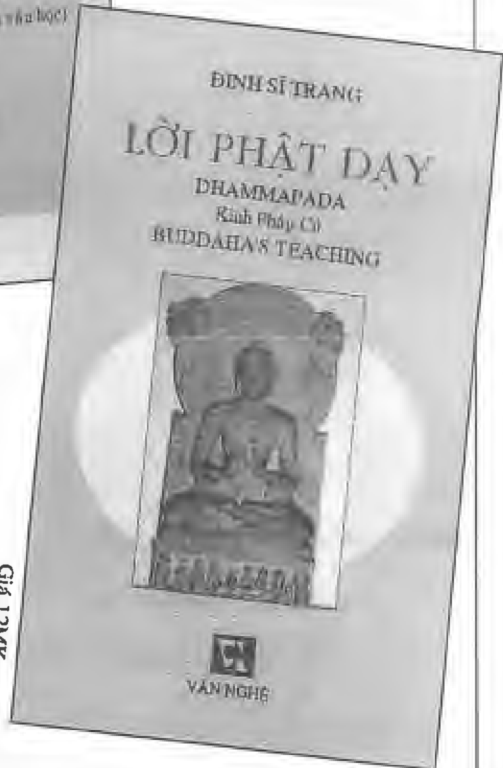
VĂN NGHỆ

P.O.Box 2310 - Westminster, CA 92683. USA
Tel: (714) 527-5761 - (714) 934-8614





Giá 13MK
Ngoài Mỹ 16MK



Giá 12MK
Ngoài Mỹ 15MK